BỘ CÔNG THƯƠNG

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP NAM ĐỊNH

BÁO CÁO

KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP NĂM 2019

NAM ĐỊNH, THÁNG 12 NĂM 2019

MỤC LỤC

CÁC TỪ VIẾT TẮT **1**
PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP **2**
1. Thông tin chung về cơ sở GDNN 2
2. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của cơ sở GDNN 2
3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của cơ sở GDNN 4
4. Nghề đào tạo và quy mô đào tạo của nhà trường 7
5. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính 11
PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ KIỂM ĐỊNH CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP **13**
1. Đặt vấn đề 13
2. Tổng quan chung 14
3. Tự đánh giá 16
3.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá 16
3.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn 27
3.2.1. Tiêu chí 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý ***27***
Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và Sứ mạng của trường cao đẳng được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành và được công bố công khai. 28
Tiêu chuẩn 2: Trường thực hiện phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương hoặc ngành để xác định các ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo phù hợp 31
Tiêu chuẩn 3: Trường ban hành văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường theo quy định. 32
Tiêu chuẩn 4: Hằng năm, các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của trường được rà soát, thực hiện điều chỉnh nếu cần thiết. 33
Tiêu chuẩn 5: Các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường 34
Tiêu chuẩn 6: Hội đồng trường hoặc hội đồng quản trị, các hội đồng tư vấn, các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả 35
Tiêu chuẩn 7: Trường xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định 36
Tiêu chuẩn 8: Trường có bộ phận phụ trách thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo và hằng năm hoàn thành nhiệm vụ được giao. 37
Tiêu chuẩn 9: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong trường phát huy được vai trò lãnh đạo, hoạt động đúng điều lệ và làm theo quy định của Hiến pháp và pháp luật 38
Tiêu chuẩn 10: Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong trường hoạt động theo đúng điều lệ của tổ chức mình và theo quy định của pháp luật, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của trường 39
Tiêu chuẩn 11: Trường có quy định và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường theo quy định nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả

đào tạo. Hằng năm rà soát, cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát. 40
Tiêu chuẩn 12: Trường có văn bản và thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được hưởng thụ; thực hiện chính sách bình đẳng giới theo quy định. 41
3.2.2. Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo ***42***
Tiêu chuẩn 1: Các ngành, nghề đào tạo của trường được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN. Trường ban hành chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo và công bố công khai để người học và xã hội biết. 45
Tiêu chuẩn 2: Trường xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh theo quy định. 45
Tiêu chuẩn 3: Hằng năm, trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan. 46
Tiêu chuẩn 4: Thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học 46
Tiêu chuẩn 5: Trường xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành hoặc nghề, theo từng học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định. 47
Tiêu chuẩn 6: Trường tổ chức thực hiện theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt 48
Tiêu chuẩn 7: Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có. 49
Tiêu chuẩn 8: Phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm. 49
Tiêu chuẩn 9: Trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học 50
Tiêu chuẩn 10: Hằng năm trường có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch. 51
Tiêu chuẩn 11: Hằng năm, trường có báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học; có đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học; kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất nếu cần thiết. 52
Tiêu chuẩn 12: Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng chứng chỉ theo quy định. 53
Tiêu chuẩn 13: Trong quá trình đánh giá kết quả học tập của người học có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và theo quy định đặc thù của ngành nếu có. 53
Tiêu chuẩn 14: Tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm túc khách quan 54
Tiêu chuẩn 15: Hằng năm trường thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng chứng chỉ và kịp thời điều chỉnh nếu cần thiết 56
Tiêu chuẩn 16: Trường có hướng dẫn và tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông theo quy định 56

Tiêu chuẩn 17: Trường có cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả. 57
3.2.3. Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động..... 57
Tiêu chuẩn 1: Có quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định. 59
Tiêu chuẩn 2: Tổ chức thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan; thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định..... 61
Tiêu chuẩn 3: Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác nếu có. 62
Tiêu chuẩn 4: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của trường. 63
Tiêu chuẩn 5: Trường có đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi; số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình mỗi ngành, nghề đào tạo theo quy định; trường đảm bảo tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học theo quy định. 64
Tiêu chuẩn 6: Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo. 66
Tiêu chuẩn 7: Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy. 67
Tiêu chuẩn 8: Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo..... 68
Tiêu chuẩn 9: Nhà giáo được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định và thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có. 70
Tiêu chuẩn 10: Hằng năm, trường thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo. 71
Tiêu chuẩn 11: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của trường đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao. 72
Tiêu chuẩn 12: Đội ngũ cán bộ quản lý của các đơn vị thuộc trường được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định..... 74
Tiêu chuẩn 13: Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao. 75
Tiêu chuẩn 14: Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý..... 76
Tiêu chuẩn 15: Đội ngũ viên chức, người lao động của trường đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao, được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ. 77
3.2.4. Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình..... 78
Tiêu chuẩn 1: Có đầy đủ chương trình đào tạo các chuyên ngành hoặc nghề mà trường đào tạo..... 80
Tiêu chuẩn 2: 100% chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định 81
Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo của Trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình

thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định 82
Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý GDNN, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của nghành nếu có 82
Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động 83
Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo được xây dựng đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ GDNN với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định. 84
Tiêu chuẩn 7: Ít nhất 3 năm 1 lần trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh đối với chương trình đào tạo đã ban hành 85
Tiêu chuẩn 8: Chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo hoặc tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài 85
Tiêu chuẩn 9: Trước khi tổ chức đào tạo liên thông, Trường căn cứ chương trình đào tạo, thực hiện rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học và có quyết định đối với các mô đun, tín chỉ, môn học không phải học để đảm bảo quyền lợi của người học. 87
Tiêu chuẩn 10: Có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của từng chương trình đào tạo 87
Tiêu chuẩn 11: 100% giáo trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức. 88
Tiêu chuẩn 12: Giáo trình đào tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo 89
Tiêu chuẩn 13: Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực 89
Tiêu chuẩn 14: Hằng năm trường thực hiện việc lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có 90
Tiêu chuẩn 15: Khi có sự thay đổi về chương trình đào tạo, trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định 92
3.2.5. Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện 92
Tiêu chuẩn 1: Địa điểm xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở GDNN, khu đất xây dựng cần đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập; giao thông thuận tiện và an toàn; thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước đảm bảo khoảng cách đối với các xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có. 94
Tiêu chuẩn 2: Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm; diện tích đất sử dụng, diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định. 95
Tiêu chuẩn 3: Có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn: Khu học tập và NCKH, khu thực hành, khu rèn luyện thể chất, khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu vực sinh hoạt cho người học và nhà giáo. 96
Tiêu chuẩn 4. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định. 96

Tiêu chuẩn 5. Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa bảo đảm quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo. 97
Tiêu chuẩn 6. Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo. 98
Tiêu chuẩn 7. Phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng theo quy định hiện hành. 99
Tiêu chuẩn 8. Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề do cơ quan quản lý Nhà nước về GDNN ở trung ương quy định. Đối với các chuyên ngành mà cơ quan quản lý nhà nước về GDNN ở trung ương chưa ban hành danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu thì Trường đảm bảo thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo, tương ứng với quy mô đào tạo của chuyên ngành hoặc nghề đó. 100
Tiêu chuẩn 9. Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn về sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường. 101
Tiêu chuẩn 10. Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo, trong đó có quy định về đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo. 101
Tiêu chuẩn 11. Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của trường và nhà sản xuất; Hằng năm đánh giá đề xuất nâng cao hiệu quả sử dụng theo quy định. 102
Tiêu chuẩn 12. Trường có định mức tiêu hao vật tư trong đào tạo và có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư phục vụ đào tạo, tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo; vật tư được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng. 103
Tiêu chuẩn 13. Trường có thư viện bao gồm phòng đọc, phòng lưu trữ bảo đảm theo tiêu chuẩn thiết kế. Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được trường phê duyệt, mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in. 103
Tiêu chuẩn 14. Tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học. 104
Tiêu chuẩn 15. Trường có thư viện điện tử, có phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và người học; có các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường được số hóa và tích hợp vào thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo. 105

3.2.6. Tiêu chí 6: Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế. 105

Tiêu chuẩn 1: Trường có chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia NCKH, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo. 106
Tiêu chuẩn 2: Hằng năm, trường có đề tài NCKH, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên phục vụ thiết thực công tác đào tạo của trường (ít nhất 01 đề tài NCKH, sáng kiến cải tiến đối với trường trung cấp, ít nhất 02 đề tài NCKH, sáng kiến cải tiến đối với trường cao đẳng) 107
Tiêu chuẩn 3: Hằng năm, trường có các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức người lao động đăng trêm các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế. 108
Tiêu chuẩn 4: Các đề tài NCKH, sáng kiến cải tiến của trường được ứng dụng thực tiễn. ... 108

Tiêu chuẩn 5: Có liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động, hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế: các hoạt động hợp tác quốc tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường. 109

3.2.7. Tiêu chí 7: Quản lý tài chính 110

Tiêu chuẩn 1: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo quy định và công bố công khai 111

Tiêu chuẩn 2: Quản lý sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo, tham gia sản xuất kinh doanh dịch vụ đúng theo quy định..... 112

Tiêu chuẩn 3: Trường có các nguồn lực tài chính đảm bảo đủ kinh phí phục vụ các hoạt động của trường 113

Tiêu chuẩn 4: Thực hiện quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đúng quy định..... 114

Tiêu chuẩn 5. Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán, thực hiện kiểm toán theo quy định; xử lý khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện quy định về quản lý và sử dụng tài chính khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền; thực hiện công khai tài chính theo quy định 115

Tiêu chuẩn 6: Hằng năm trường có đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường; có các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường..... 116

3.2.8. Tiêu chí 8: Dịch vụ người học 117

Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định..... 118

Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định..... 120

Tiêu chuẩn 3: Có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập..... 121

Tiêu chuẩn 4: Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân..... 121

Tiêu chuẩn 5: Ký túc xá đảm bảo đủ diện tích nhà ở và các điều kiện tối thiểu (chỗ ở, điện, nước, vệ sinh, các tiện nghi khác) cho sinh hoạt và học tập của người học. 122

Tiêu chuẩn 6: Có dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe; dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn thực phẩm. 123

Tiêu chuẩn 7: Người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ TDTT, tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường. ... 124

Tiêu chuẩn 8: Trường thực hiện việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp. 125

Tiêu chuẩn 9: Hằng năm, trường tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng. 125

3.2.9. Tiêu chí 9: Giám sát, đánh giá chất lượng..... 126

Tiêu chuẩn 1: Hằng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động. 127

Tiêu chuẩn 2: Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 50% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động..... 128

Tiêu chuẩn 3: Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 30% người học đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường..... 128

Tiêu chuẩn 4: Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng theo quy định. 130
Tiêu chuẩn 5: Hằng năm, trường có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài nếu có. 130
Tiêu chuẩn 6: Trường có tỷ lệ 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp. 131
PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP 133
1. Mục tiêu chung: 133
2. Các mục tiêu chủ yếu: 133
PHẦN IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ 135
PHỤ LỤC 136
1. Quyết định thành lập Hội đồng kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp (hoặc Quyết định kiện toàn Hội đồng kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp) ... 136
2. Kế hoạch tự đánh giá của cơ sở GDNN 138
3. Bảng mã minh chứng 142

CÁC TỪ VIẾT TẮT

ANTT:	An ninh trật tự
CĐCNNĐ:	Cao đẳng Công nghiệp Nam Định
CCVC:	Công chức, viên chức
GD&ĐT:	Giáo dục và Đào tạo
GDNN:	Giáo dục nghề nghiệp
GDTX:	Giáo dục thường xuyên
HSSV:	Học sinh, sinh viên
NCKH:	Nghiên cứu khoa học
LĐTBXH:	Lao động Thương binh và Xã hội
TDTT:	Thể dục thể thao
XDCB:	Xây dựng cơ bản

PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

1. Thông tin chung về cơ sở GDNN

Nhằm đáp ứng nhu cầu lao động có trình độ kỹ thuật cao cho các ngành sản xuất công nghiệp, phục vụ công cuộc tái thiết và xây dựng đất nước, năm 1956 theo Quyết định của Bộ Công nghiệp nhẹ, Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định - Bộ Công Thương (tiền thân là trường Trung cấp Kỹ thuật III Nam Định) được thành lập. Trải qua hơn 63 năm phấn đấu, lớn lên cùng đất nước, nhà trường đã không ngừng phát triển đạt được nhiều thành tựu đáng tự hào, là địa chỉ uy tín, tin cậy, đào tạo cung cấp nguồn nhân lực cho tỉnh Nam Định và cả nước.

2. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của cơ sở GDNN

Trường CĐCNNĐ trực thuộc Bộ Công Thương. Trường được thành lập năm 1956 có tên là Trường Kỹ thuật Công nghiệp nhẹ. Từ năm 1956 đến tháng 7/1965 trường có trụ sở tại 353 Trần Hưng Đạo - Thành phố Nam Định. Tháng 7/1965, Trường Kỹ thuật Công nghiệp nhẹ được Bộ Công nghiệp nhẹ tách thành ba trường trong đó có trường Trung học Kỹ thuật công nghiệp nhẹ, do đế quốc Mỹ leo thang đánh phá miền Bắc Trường sơ tán lên Yên Dũng - Hà Bắc nay là tỉnh Bắc Giang. Tháng 9/1967, Trường đổi tên thành Trường Trung học Cơ khí Vật dụng. Tháng 12/1990, Trường lại chuyển về xã Liên Bảo huyện Vụ Bản tỉnh Nam Định. Tháng 6/1997, Trường đổi tên thành Trường Trung học Công nghiệp II. Tháng 3/2005, Trường được Bộ trưởng Bộ GD&ĐT phê duyệt thành lập Trường CĐCNNĐ.

Hiện nay đội ngũ cán bộ, giảng viên, CCVC nhà trường hiện có 175 người, số giảng viên trực tiếp giảng dạy là 141 người trong đó giảng viên có trình độ thạc sỹ là 91 và tiến sỹ 03 đạt tỷ lệ 66,7%, giảng viên có trình độ đại học là 47. Trường phấn đấu đến năm 2020, giảng viên có trình độ thạc sỹ đạt 80%, trình độ tiến sỹ 5%. Nhà trường có một đội ngũ cán bộ quản lý có trình độ và thâm niên công tác, giảng dạy kinh nghiệm.

Đào tạo theo nhu cầu người học, gắn với sự phát triển kinh tế - xã hội, Trường luôn tích cực bám sát thực tiễn sản xuất, đổi mới nội dung chương trình, đa dạng hóa các loại hình đào tạo. Nỗ lực huy động các nguồn lực, đến nay, nhà trường đã có cơ sở vật chất khang trang, các trang thiết bị phục vụ cho công tác đào tạo mới, đồng bộ, hiện đại; 100% cán bộ, giảng viên có trình độ đạt chuẩn, (trong đó 67,3% có học vị Thạc sỹ và Tiến sỹ). Từ một trường trung cấp, sau 63 năm xây dựng và phát triển quy mô đào tạo với 29 ngành/nghề hệ Cao đẳng (trong đó có 02 ngành/nghề trọng điểm Quốc gia, 02 ngành/nghề trọng điểm Asian, 01 ngành/nghề trọng điểm Quốc tế), 24 ngành/nghề hệ Trung cấp và 06 ngành/nghề hệ Sơ cấp. Đẩy mạnh hợp tác liên kết đào tạo với nhiều trường Đại học, Cao đẳng danh tiếng trong nước và nước ngoài (Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc, Đài Loan...); Hợp tác với hàng trăm doanh nghiệp trong nước, tạo môi trường tốt cho HSSV thực tập, tìm kiếm việc làm khi ra trường. Đến nay trường đã đào tạo hơn 70.000 cử nhân Cao đẳng, cán bộ kỹ thuật viên Trung cấp, công nhân kỹ thuật lành nghề, công nhân kỹ thuật bậc cao, ở khắp các doanh nghiệp thuộc Bộ Công thương và các thành phần kinh tế khác trong cả nước.

Những thành tích nổi bật của Nhà trường đã được Đảng và nhà nước xét tặng các phần thưởng cao quý sau:

Huân chương Lao động hạng Ba (1960)

Huân chương Kháng chiến hạng Nhì (1971)

Huân chương Lao động hạng Ba (1984)

Huân chương Lao động hạng Ba (1990)

Huân chương Lao động hạng Nhì (1993)

Huân chương Lao động hạng Nhất (1996)

Huân chương Độc lập hạng Ba (2001)

Huân chương Độc lập hạng Hai (2006)

Huân chương Độc lập hạng Nhất (2011)

Huân chương Lao động hạng Nhất (2016)

Cờ thi đua Bộ Công Thương (Năm học 2017 - 2018)

Danh hiệu tập thể Lao Động Xuất sắc (Năm học 2017 - 2018)

Bằng khen của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Nam Định (2018)

Về phần thưởng cao quý cá nhân:

12 cá nhân được Chủ tịch nước phong tặng nhà giáo ưu tú

01 cá nhân được chủ tịch nước phong tặng nhà giáo nhân dân

07 cá nhân được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba

187 đồng chí cán bộ giảng viên được tặng thưởng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp giáo dục"

179 đồng chí được tặng thưởng Huy chương "Vì sự phát triển Việt Nam"

3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của cơ sở GDNN

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY NHÀ TRƯỜNG

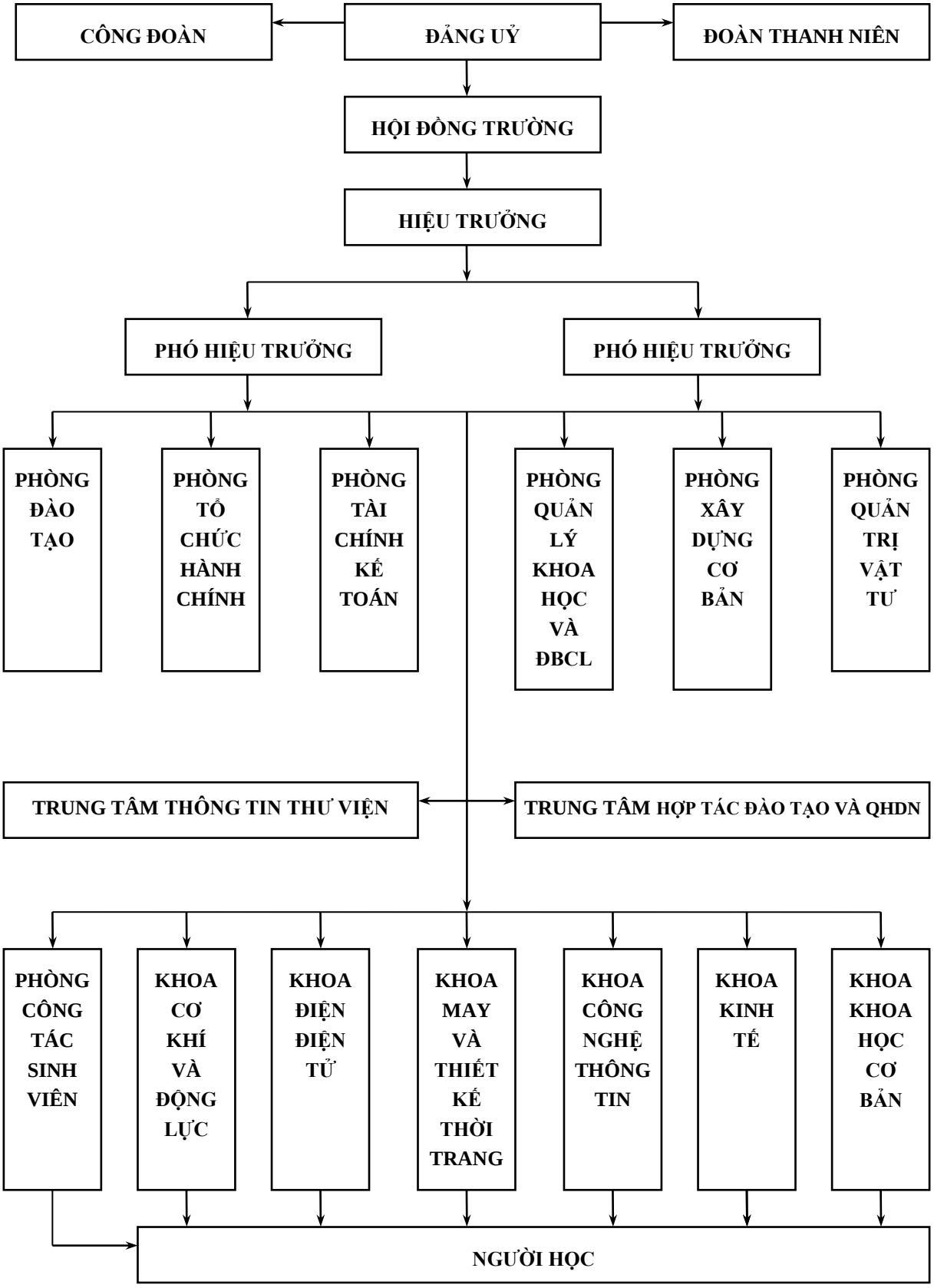

3.1. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của nhà trường

TT	Đơn vị (bộ phận)	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chức vụ	Điện thoại Email
1. Hội đồng trường					
		Dương Tử Bình	Tiến sĩ	Chủ tịch	0917761222 binhdtu@cnd.edu.vn
2. Giám hiệu					
		Nguyễn Duy Phấn	Tiến sĩ	Hiệu trưởng	0983703936 ndphan@cnd.edu.vn
3. Các tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên					
a	Đảng	Dương Tử Bình	Tiến sĩ	Bí thư	0917761222 binhdtu@cnd.edu.vn
b	Công đoàn	Nguyễn Khả Toản	Thạc sĩ	Chủ tịch	095382772 nktoan@cnd.edu.vn
		Nguyễn Thị Thúy Nga	Cử nhân	Phó Chủ tịch	0947138798 nttnga@cnd.edu.vn
c	Đoàn thanh niên	Nguyễn Thị Hồng Minh	Thạc sĩ	Bí thư	0916101439 nthminh@cnd.edu.vn
3. Các phòng					
a	Phòng Đào tạo	Doãn Minh Toàn	Thạc sĩ	Trưởng phòng	0912283487 dmtoan@cnd.edu.vn
		Nguyễn Thị Lan	Thạc sỹ	Phó Trưởng phòng	0915606043 ntlan@cnd.edu.vn
b	Phòng Tổ chức - Hành chính	Bùi Tiến Dũng	Thạc sĩ	Trưởng phòng	0912947006 btdung@cnd.edu.vn
		Nguyễn Khả Toản	Thạc sĩ	Phó Trưởng phòng	0977960158 nktoan@cnd.edu.vn
c	Phòng Tài chính - Kế toán	Nguyễn Thị Thúy Nga	Cử nhân	Kế toán trưởng	0947138798 nttnga@cnd.edu.vn
d	Phòng QLKH&ĐBCL	Hoàng Văn Chính	Thạc sĩ	Trưởng phòng	0912842032 hvchinh@cnd.edu.vn
e	Phòng Xây dựng cơ bản	Nguyễn Quang Vinh	Thạc sĩ	Trưởng phòng	0912139372 nqvinh@cnd.edu.vn
f	Phòng Công tác HSSV	Nguyễn Thị Hồng Minh	Thạc sĩ	Trưởng phòng	0916101439 nthminh@cnd.edu.vn
g	Phòng Quản trị - Vật tư	Lê Sơn Hải	Thạc sĩ	Trưởng phòng	0915767486 lshai@cnd.edu.vn
4. Các khoa, trung tâm					
a	Khoa Cơ khí và Động lực	Chu Hữu Đạt	Thạc sĩ	Trưởng khoa	0983386624 chdat@cnd.edu.vn
		Bùi Huy Tưởng	Thạc sĩ	Phó Trưởng khoa	0912836667 bhtuong@cnd.edu.vn
b	Khoa Điện - Điện tử	Phạm Hồng Phong	Thạc sĩ	Trưởng khoa	0914413438 phphong@cnd.edu.vn
		Phạm Tuấn Diệu	Thạc sĩ	Phó Trưởng khoa	0983660207 ptdieu@cnd.edu.vn

TT	Đơn vị (bộ phận)	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chức vụ	Điện thoại Email
c	Khoa Công nghệ may thời trang	Nguyễn Thị Hồng Châm	Thạc sĩ	Trưởng khoa	0977099167 nthcham@cnd.edu.vn
		Trần Thị Thanh Thủy	Thạc sĩ	Phó Trưởng khoa	0912350816 tttthuy@cnd.edu.vn
d	Khoa Công nghệ thông tin	Trần Thị Thúy	Thạc sĩ	Trưởng khoa	0904307780 ttthuy@cnd.edu.vn
e	Khoa Kinh tế	Nguyễn Thị Thu Hiền	Thạc sĩ	Trưởng khoa	0903974368 ntthien@cnd.edu.vn
f	Khoa Khoa học cơ bản	Nguyễn Thị Vây	Thạc sĩ	Trưởng khoa	01238255963 ntvay@cnd.edu.vn
g		Vũ Cao Hán	Thạc sĩ	Phó Trưởng khoa	0912524228 vchan@cnd.edu.vn
	Trung tâm Hợp tác đào tạo và Quan hệ doanh nghiệp	Phạm Khắc Chiến	Thạc sĩ	Phó Giám đốc TT	0983050776 pkchien@cnd.edu.vn
h	Trung tâm Thông tin - Thư viện	Vũ Văn Minh	Thạc sĩ	Giám đốc trung tâm	03503502525 vvminh@cnd.edu.vn

3.2. Tổng số cán bộ, giáo viên của nhà trường: 175 (Tính đến 30 tháng 11 năm 2019)

- Nam: 88 - Nữ: 87

3.3. Đội ngũ giáo viên: 141

- Nam: 72 - Nữ: 69
- Cơ hữu: 141 - Thỉnh giảng: 0

Giáo viên cơ hữu			
Trình độ đào tạo	**Nam**	**Nữ**	**Tổng số**
Tiến sỹ	03	0	03
Thạc sỹ	48	43	91
Đại học	21	26	47
Giáo viên cơ hữu			
Trình độ đào tạo	**Nam**	**Nữ**	**Tổng số**
Cao đẳng	0	0	0
Trung cấp	0	0	0
Công nhân bậc 5/7 trở lên	0	0	0
Trình độ khác	0	0	0
Tổng số	**72**	**69**	**141**

3.4 Các ngành/nghề đào tạo

Số lượng ngành/nghề đào tạo cao đẳng: 29

Số lượng ngành/nghề đào tạo TCCN: 24

Số lượng ngành/nghề đào tạo sơ cấp: 06

3.5. Các loại hình đào tạo của nhà trường

	Có	Không
Chính quy:	☒	☐
Không chính quy:	☐	☐
Từ xa:	☐	☐
Liên kết đào tạo với nước ngoài:	☐	☐
Liên kết đào tạo trong nước:	☒	☐

Các loại hình đào tạo khác: Không

3.6. Tổng số các khoa, trung tâm đào tạo: 08

3.7. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên (gọi chung là cán bộ) của nhà trường

STT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	**Cán bộ cơ hữu**	88	87	175
I.1	Cán bộ trong biên chế	88	87	175
I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	0	0	0
II	**Các cán bộ khác** Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng)	0	0	0
Tổng số:		**88**	**87**	**175**

3.8. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 40,1 tuổi

3.9. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của nhà trường: 2,1%

3.10. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của nhà trường: 64,5%

4. Nghề đào tạo và quy mô đào tạo của nhà trường

4.1. Danh sách các nghề đào tạo theo từng trình độ

- Từ năm học 2017 nhà trường đã được Tổng cục GDNN Bộ Lao động Thương binh và Xã hội cấp giấy chứng nhận cho phép trường được đào tạo 29 ngành, nghề bậc Cao đẳng, 24 ngành, nghề bậc Trung cấp và 06 ngành, nghề bậc Sơ cấp cụ thể như sau:

- Đào tạo bậc Cao đẳng năm 2017-2019 các ngành, nghề sau:

TT	Tên ngành/nghề
1.	Quản trị kinh doanh
2.	Tài chính - Ngân hàng
3.	Kế toán
4.	Kế toán doanh nghiệp
5.	KT sửa chữa, lắp ráp máy tính
6.	Truyền thông và mạng máy tính
7.	Công nghệ thông tin
8.	Tin học ứng dụng
9.	Lập trình máy tính
10.	Quản trị cơ sở dữ liệu
11.	Quản trị mạng máy tính
12.	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí
13.	Công nghệ Kỹ thuật Nhiệt
14.	Công nghệ chế tạo vỏ tàu thủy
15.	Công nghệ Ô tô *(nghề trọng điểm cấp Quốc gia)*
16.	Công nghệ Kỹ thuật Điện, điện tử
17.	Công nghệ Kỹ thuật Cơ Điện tử
18.	Công nghệ KT điều khiển và tự động hóa
19.	Công nghệ Kỹ thuật Điện tử, truyền thông
20.	Công nghệ kỹ thuật môi trường
21.	Cắt gọt kim loại *(nghề trọng điểm cấp ASIAN)*
22.	Hàn
23.	Nguội sửa chữa máy công cụ
24.	Nguội lắp ráp cơ khí
25.	Điện tử Công nghiệp
26.	Điện công nghiệp *(nghề trọng điểm cấp ASIAN)*
27.	Công nghệ May
28.	May thời trang *(nghề trọng điểm cấp Quốc gia)*
29.	Thiết kế thời trang *(nghề trọng điểm cấp Quốc tế)*

- Đào tạo trình độ Trung cấp năm 2017-2019 những ngành, nghề sau:

TT	Tên ngành/nghề
1.	Kinh doanh thương mại và dịch vụ
2.	Quản lý và bán hàng siêu thị
3.	Kế toán doanh nghiệp
4.	Kế toán hành chính sự nghiệp
5.	KT sửa chữa, lắp ráp máy tính
6.	Tin học văn phòng
7.	Công nghệ Kỹ thuật Nhiệt
8.	Công nghệ chế tạo vỏ tàu thủy
9.	Công nghệ Ô tô
10.	Công nghệ Kỹ thuật Điện, điện tử
11.	Kỹ thuật lắp đặt ống Công nghệ
12.	Cắt gọt kim loại
13.	Hàn
14.	Nguội lắp ráp cơ khí
15.	Sửa chữa thiết bị may
16.	Bảo trì và sửa chữa thiết bị cơ khí
17.	Điện tử công nghiệp và dân dụng
18.	Điện công nghiệp và dân dụng
19.	Điện tử dân dụng
20.	Điện tử Công nghiệp
21.	Điện dân dụng
22.	Điện công nghiệp
23.	Công nghệ may và thời trang
24.	May thời trang

- Đào tạo trình độ Sơ cấp năm 2017-2019 những ngành, nghề sau:

TT	Tên ngành/nghề
1.	Cắt gọt kim loại
2.	Sửa chữa thiết bị may
3.	Điện công nghiệp
4.	Kế toán doanh nghiệp
5.	Thiết kế đồ họa
6.	May công nghiệp

4.2. Tổng số chuyên ngành, nghề đào tạo: 59

4.3. Số lượng cán bộ, giáo viên cơ hữu tham gia NCKH (tính theo số báo cáo khoa học từ cấp trường trở lên trong 3 năm gần nhất)

Số lượng cán bộ, giảng viên nhà trường tham gia NCKH trong 3 năm trở lại đây là 07 thầy, cô cụ thể như sau:

Năm 2017:

02 đề tài cấp cơ sở: 01 đề tài cơ sở, chủ nhiệm đề tài Thạc sỹ Vũ Văn Minh, Phó Giám đốc Trung tâm Thông tin thư viện; 01 đề tài cấp cơ sở, chủ nhiệm đề tài Cử nhân Lê Hữu Toản giảng viên khoa Công nghệ thông tin;

01 đề tài cấp bộ, chủ nhiệm đề tài thạc sỹ Hoàng Thị Tươi giảng viên phòng Đào tạo.

06 bài báo khoa học: 05 bài báo của Thạc sỹ Vũ Huyền Trang, giảng viên khoa Chính trị - Luật; 01 bài báo của Thạc sỹ Bùi Thị Hà, giảng viên khoa Chính trị - Luật

Năm 2018:

03 bài báo khoa học: 02 bài báo của Thạc sỹ Thái Thị Thu Hường, giảng viên khoa Chính trị - Luật; 01 bài báo của Thạc sỹ Trần Thị Thanh Hảo, giảng viên khoa Chính trị - Luật

Năm 2019:

01 sáng kiến cải tiến kỹ thuật thiết bị đào tạo cấp tỉnh của nhóm tác giả Thạc sỹ Phạm Hồng Phong, Trưởng khoa Điện-Điện tử và Thạc sỹ Nguyễn Văn Thi, giảng viên khoa Điện-Điện tử.

4.4. Tổng số học sinh đăng ký thi vào trường, số học sinh trúng tuyển và nhập học trong 3 năm gần đây nhất

Năm học	Bậc học	Số đăng ký xét tuyển	Số trúng tuyển	Số nhập học	Ghi chú
2017	Cao đẳng	107	105	105	
	Trung cấp	688	688	688	
	Sơ cấp nghề	28	28	28	
2018	Cao đẳng	175	175	165	
	Trung cấp	40	40	40	
	Sơ cấp nghề	15	15	15	
2019	Cao đẳng	135	135	135	
	Trung cấp	595	595	595	
	Sơ cấp nghề	142	15	16	

4.5. Số lượng học sinh

Trình độ đào tạo	Năm		
	2017	**2018**	**đến 30/11/2019**
1. Cao đẳng	672	544	392
3. Trung cấp	1742	1544	1526
5. Sơ cấp nghề	142	15	16
Tổng cộng:	**2556**	**2103**	**1934**

5. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính

5.1. Cơ sở vật chất

Tổng diện tích đất theo quy hoạch 183.509m^2, Trường đã thực hiện xong dự án đầu tư xây dựng, mở rộng trường CĐCNNĐ giai đoạn II; dự án đầu tư xây dựng hệ thống đường giao thông (đường vào).

Năm 2018 dự án xây dựng nhà hiệu bộ mới 06 tầng 01 Tum có tổng diện tích sàn xây dựng là 5.525m^2 với tổng kinh phí đầu tư 56 tỷ 209 triệu đồng đang được hoàn thiện dự kiến đưa vào sử dụng năm 2020. Quý IV năm 2018 nhà trường bắt đầu triển khai thi công phần xây lắp dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước, thu gom và xử lý nước thải với tổng kinh phí là 20 tỷ 160 triệu đồng. Cùng với việc đầu tư xây dựng, năm 2018 Trường đã mua sắm trên 8 tỷ đồng trang thiết bị mới, hiện đại, bổ sung máy móc thiết bị, dụng cụ kịp thời đáp ứng công tác giảng dạy, học tập và NCKH.

Diện tích đất:

- Tổng diện tích đất : 183.509 m^2, trong đó:

+ Diện tích xây dựng: 48.058 m^2

+ Diện tích cây xanh, lưu không: 135.451 m^2

TT	Hạng mục, công trình	*Đã xây dựng*	*Đang xây dựng*
1	Khu hiệu bộ	902m^2	5.525m^2
2	Phòng học lý thuyết	7.812m^2	
3	Xưởng/Phòng thực hành	5.333,1m^2	
4	Khu phục vụ	13.097,5m^2	
4.1	*Thư viện*	586,8m^2	
4.2	*Ký túc xá*	2.256m^2	
4.3	*Nhà ăn*	594m^2	
4.4	*Trạm y tế*	153,5m^2	
4.5	*Khu thể thao*	1.200m^2	
5	Khác (liệt kê các hạng mục công trình khác nếu có)	47.1605m^2	

5.2. Thư viện:

Thư viện, trang thiết bị học tập và các cơ sở vật chất khác là những yếu tố rất quan trọng nhằm đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo trong nhà trường. Với bề dày trên 60 năm xây dựng và phát triển, trường CĐCNNĐ luôn quan tâm đầu tư cho hệ thống thư viện, đầu tư trang thiết bị học tập, phòng học lý thuyết, thực hành, thí nghiệm. Các cơ sở vật chất phục vụ cho đời sống vật chất, tinh thần, học tập, NCKH, vui chơi giải trí của cán bộ giảng viên, viên chức và HSSV trong trường từng bước được cải tạo, bổ sung và hoàn thiện hơn.

Thư viện Trường được bố trí thành 03 phòng (01 kho sách, 01 phòng đọc và mượn sách, 01 phòng xử lý tài liệu nhập kho). Tháng 9/2016, nhà trường thành lập Trung tâm Thông tin Thư viện nhằm xây dựng và phát triển thư viện điện tử, quản lý và cung cấp thông tin, hoạt động của nhà trường ra công chúng; phân công 06 cán bộ tốt nghiệp đại học chuyên ngành Thư viện và chuyên ngành Công nghệ thông tin phụ trách quản lý

Thư viện có các quy định về thời gian sử dụng và mở cửa phục vụ, chế độ mượn, trả sách đối với HSSV và cán bộ, giảng viên. Thư viện quy định làm thẻ thư viện riêng và dùng thẻ thư viện để mượn sách, trả sách.

Thư viện trường với diện tích 586,8 m^2 các phòng đọc thoáng mát tổng số 1.205 đầu sách số lượng 20.425 cuốn, 26 đầu báo và tạp chí tạo điều kiện thuận lợi cho CCVC và sinh viên, học sinh khai thác phục vụ cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH.

Nguồn giáo trình, tài liệu trong thư viện thích hợp và được cập nhật hằng năm, đáp ứng được nhu cầu cơ bản của giảng viên và sinh viên.

Số lượng độc giả đến thư viện hằng năm theo thống kê, căn cứ vào chỗ ngồi và diện tích sử dụng thư viện là 25.000 lượt trong đó cán bộ giảng viên là 1.000 lượt; HSSV là 24.000 lượt (trung bình đọc 100 lượt/ngày, mượn 50 lượt/ngày)

Trong những năm qua, nguồn tài liệu của thư viện chủ yếu là do nhà trường cấp kinh phí ngoài ra có một số cuốn do HSSV biếu tặng và giảng viên được cử đi học, nghiên cứu sau đó mang tài liệu về trường đã góp phần tăng cường nguồn giáo trình, tài liệu cho thư viện.

Hằng năm nhà trường dành một lượng kinh phí nhất định đầu tư mua sách, tài liệu bổ sung cho thư viện.

5.3. Tài chính:

Nội dung	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019 (Ước tính)
1. Nguồn thu	34.388.145	41.357.167	30.564.513
NSNN cấp	30.148.220	35.939.526	27.171.000
Thu học phí	4.239.925	3.406.993	2.802.727
ODA	0	0	0
Nguồn khác	0	518.600	590.786
2. Tổng quyết toán	**34.388.145**	**41.357.167**	

PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ KIỂM ĐỊNH CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

1. Đặt vấn đề

1.1. Sự cần thiết của hoạt động tự kiểm định chất lượng dạy nghề

Chất lượng đào tạo là một trong những vấn đề quan trọng quyết định đến sự tồn tại và phát triển của nhà trường. Trong xu thế toàn cầu hóa và yêu cầu cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cao của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước thì việc nâng cao chất lượng đào tạo là khách quan và yêu cầu bức thiết. Trong các năm qua, trường CĐCNNĐ luôn quan tâm đến chất lượng đào tạo. Trường đã và đang áp dụng nhiều biện pháp để đảm bảo chất lượng đào tạo. Chính vì vậy, khi có Thông tư số 42/2011/TT-BLĐTBXH ngày 29 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH ban hành Quy định về quy trình thực hiện kiểm định chất lượng dạy nghề, thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/06/2017 Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng GDNN, thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp và công văn số 453/TCGDNN-KĐCL ngày 25/03/2019 của Tổng Cục trưởng Tổng cục GDNN về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở GDNN đối với trường trung cấp, cao đẳng năm 2019. Trường CĐCNNĐ đã xây dựng kế hoạch rà soát, chỉnh sửa, bổ sung báo cáo tự đánh giá và kiểm định chất lượng năm 2018 nhà trường đã xây dựng gồm 09 tiêu chí, 100 tiêu chuẩn, theo thông tư ban hành và công văn hướng dẫn. Tự đánh giá là một khâu quan trọng trong tổng thể các hoạt động kiểm định chất lượng các trường cao đẳng. Trong quá trình này, Trường CĐCNNĐ căn cứ vào các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng GDNN theo hướng dẫn của Bộ LĐTBXH để tiến hành xem xét, tự đánh giá và báo cáo về thực trạng chất lượng, hiệu quả các hoạt động đào tạo, NCKH, chỉ ra những mặt mạnh và mặt yếu cần khắc phục, cải tiến, từ đó đề ra các biện pháp điều chỉnh các nguồn lực và thực hiện các quá trình nhằm đạt được các mục tiêu đào tạo đã đề ra. Tự đánh giá không chỉ tạo cơ sở cho công tác đánh giá bên ngoài mà còn thể hiện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong toàn bộ các hoạt động đào tạo, NCKH và dịch vụ xã hội theo chức năng nhiệm vụ được giao và phù hợp với sứ mạng và mục tiêu của nhà trường.

Hội đồng tự đánh giá được thành lập theo Quyết định số 595a/QĐ-CĐCNNĐ ngày 02/08/2019 của Hiệu trưởng Trường CĐCNNĐ. Hội đồng gồm có 17 thành viên (có danh sách kèm theo tại phụ lục).

Kế hoạch số 587a/KH-CĐCNNĐ ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng công nghiệp Nam Định về tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định năm 2019 (Phụ lục).

1.2. Vai trò của hoạt động tự kiểm định chất lượng dạy nghề

Kiểm định chất lượng có vai trò hết sức to lớn đối với nhà trường, nó như là một động lực bên trong với sự hỗ trợ, khuyến khích từ bên ngoài giúp cho nhà trường có điều kiện đánh giá lại mình một cách toàn diện, đầy đủ thông qua việc xem xét và xây dựng báo cáo tự đánh giá, nâng cao năng lực của mình để tiến tới xây dựng nhà trường thành một cơ sở dạy nghề có chất lượng cao. Hay nói cách khác, thông qua kiểm định chất lượng, thương hiệu, uy tín của Trường CĐCNNĐ sẽ được xã hội biết đến và thừa nhận.

2. Tổng quan chung

2.1. Căn cứ tự đánh giá

- Về tiêu chí, tiêu chuẩn áp dụng khi triển khai tự kiểm định: thực hiện theo thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 8/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng GDNN.

- Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Công văn 453/TCGDNN-KĐCL ngày 25/03/2019 Tổng Cục trưởng Tổng cục GDNN về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở GDNN đối với trường trung cấp, cao đẳng năm 2019.

2.2. Mục đích tự đánh giá

Đánh giá, xác định mức độ thực hiện mục tiêu, chương trình, nội dung GDNN, cơ sở vật chất, trang thiết bị thực hành, dịch vụ cho người học của nhà trường và các điều kiện học tập của học sinh, giảng dạy của giáo viên so với bộ tiêu chí.

Xác định mức độ đạt được của nhà trường thông qua việc đối chiếu, so sánh với các yêu cầu của bộ tiêu chí (bao gồm các tiêu chuẩn và chỉ số) kiểm định chất lượng đào tạo nghề của nhà trường

Phát hiện các điểm không phù hợp cần cải thiện trong thời gian ngắn, trung, dài hạn và qua đó giúp trường hoạch định Chiến lược phát triển các nguồn lực trong từng giai đoạn, tiến tới xây dựng trường trở thành đơn vị dạy nghề đạt chất lượng cao.

Là bước khởi đầu rất quan trọng cho việc kiểm định chất lượng dạy nghề bắt buộc của cục kiểm định chất lượng GDNN thuộc Tổng cục GDNN trong thời gian tới.

2.3. Yêu cầu tự đánh giá

- Thể hiện sự bình đẳng, khách quan, trung thực và minh bạch trong quá trình tự kiểm định.

- Hợp tác, trao đổi, thảo luận công khai với tất cả các thành viên trong trường.

- Đảm bảo đúng thời gian theo kế hoạch.

2.4. Phương pháp tự đánh giá

- Nghiên cứu bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng áp dụng đối với trường Trung cấp, Cao đẳng theo Thông tư 15 do Bộ trưởng Bộ LĐTBXH ban hành, và các tài liệu, hồ sơ minh chứng kèm theo.

- Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Công văn số 453/TCGDNN-KĐCL ngày 25/03/2019 của Tổng Cục trưởng Tổng cục GDNN về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở GDNN đối với trường trung cấp, cao đẳng năm 2019.

- Thu thập thông tin, phân tích, tổng hợp, thống kê, so sánh, rà soát các hoạt động của trường và chọn lọc những chứng cứ để chứng minh.

- Khảo sát thực tế, thảo luận, lấy ý kiến với các đơn vị, cán bộ quản lý, giáo viên, người học và người sử dụng lao động.

2.5. Các bước tiến hành tự đánh giá

- Xác định mục đích, phạm vi tự kiểm định

- Thành lập Hội đồng kiểm định chất lượng của nhà trường

- Xây dựng kế hoạch tự kiểm định

- Thu thập thông tin và những chứng cứ để minh chứng

- Xử lý phân tích các thông tin và những chứng cứ thu được để minh chứng

- Kiểm định mức độ mà nhà trường đã đạt được theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn

- Điều chỉnh, bổ sung kết quả tự kiểm định

- Công bố công khai kết quả tự kiểm định trong nội bộ trường

3. Tự đánh giá

3.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN
	ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC		***Đạt chuẩn chất lượng***
	Tổng điểm:	***100***	***99***
1	**Tiêu chí 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý**	**12**	**12**
	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và Sứ mạng của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành và được công bố công khai.	1	1
	Tiêu chuẩn 2: Trường thực hiện phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương hoặc ngành để xác định các ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo phù hợp.	1	1
	Tiêu chuẩn 3: Trường ban hành văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 4: Hằng năm, các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của trường được rà soát, thực hiện điều chỉnh nếu cần thiết.	1	1
	Tiêu chuẩn 5: Các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường	1	1
	Tiêu chuẩn 6: Hội đồng trường hoặc, các hội đồng tư vấn, các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả	1	1
	Tiêu chuẩn 7: Trường xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định	1	1
	Tiêu chuẩn 8: Trường có bộ phận phụ trách thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo và hằng năm hoàn thành nhiệm vụ được giao.	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN
	Tiêu chuẩn 9: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong trường phát huy được vai trò lãnh đạo, hoạt động đúng điều lệ và làm theo quy định của Hiến pháp và pháp luật	1	1
	Tiêu chuẩn 10: Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong trường hoạt động theo đúng điều lệ của tổ chức mình và theo quy định của pháp luật, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của trường	1	1
	Tiêu chuẩn 11: Trường có quy định và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường theo quy định nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Hằng năm rà soát, cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát.	1	1
	Tiêu chuẩn 12: Trường có văn bản và thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được hưởng thụ; thực hiện chính sách bình đẳng giới theo quy định.	1	1
2	**Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo**	***17***	***17***
	Tiêu chuẩn 1: Các ngành, nghề đào tạo của trường được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN. Trường ban hành chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo và công bố công khai để người học và xã hội biết.	1	1
	Tiêu chuẩn 2: Trường xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 3: Hằng năm, trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan.	1	1
	Tiêu chuẩn 4: Thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học.	1	1
	Tiêu chuẩn 5: Trường xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành hoặc nghề, theo từng học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 6: Trường tổ chức thực hiện theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt.	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN
	Tiêu chuẩn 7: Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1
	Tiêu chuẩn 8: Phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm.	1	1
	Tiêu chuẩn 9: Trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học.	1	1
	Tiêu chuẩn 10: Hằng năm, trường có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch.	1	1
	Tiêu chuẩn 11: Hằng năm, trường có báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học; có đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học; kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất nếu cần thiết.	1	1
	Tiêu chuẩn 12: Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 13: Trong quá trình đánh giá kết quả học tập của người học có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1
	Tiêu chuẩn 14: Tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan.	1	1
	Tiêu chuẩn 15: Hằng năm, trường thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ và kịp thời điều chỉnh nếu cần thiết.	1	1
	Tiêu chuẩn 16: Trường có hướng dẫn và tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 17: Trường có cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả.	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN
3	**Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động**	***15***	***15***
	Tiêu chuẩn 1: Có quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 2: Tổ chức thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan; thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 3: Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác nếu có.	1	1
	Tiêu chuẩn 4: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của trường.	1	1
	Tiêu chuẩn 5: Trường có đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi; số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình mỗi ngành, nghề đào tạo theo quy định; trường đảm bảo tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 6: Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo.	1	1
	Tiêu chuẩn 7: Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.	1	1
	Tiêu chuẩn 8: Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo.	1	1
	Tiêu chuẩn 9: Nhà giáo được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định và thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN
	Tiêu chuẩn 10: Hằng năm, trường thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo.	1	1
	Tiêu chuẩn 11: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của trường đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao.	1	1
	Tiêu chuẩn 12: Đội ngũ cán bộ quản lý của các đơn vị thuộc trường được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 13: Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao.	1	1
	Tiêu chuẩn 14: Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý.	1	1
	Tiêu chuẩn 15: Đội ngũ viên chức, người lao động của trường đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao, được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ.	1	1
4	**Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình**	***15***	***15***
	Tiêu chuẩn 1: Có đầy đủ chương trình đào tạo các chuyên ngành hoặc nghề mà trường đào tạo.	1	1
	Tiêu chuẩn 2: 100% chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý GDNN, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1
	Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động.	1	1
	Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo được xây dựng bảo đảm việc liên thông giữa các trình độ GDNN với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định.	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN
	Tiêu chuẩn 7: Ít nhất 3 năm 1 lần trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với chương trình đào tạo đã ban hành.	1	1
	Tiêu chuẩn 8: Chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo hoặc tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài.	1	1
	Tiêu chuẩn 9: Trước khi tổ chức đào tạo liên thông, trường căn cứ chương trình đào tạo, thực hiện rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học và có quyết định đối với các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học để đảm bảo quyền lợi của người học.	1	1
	Tiêu chuẩn 10: Có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của từng chương trình đào tạo.	1	1
	Tiêu chuẩn 11: 100% giáo trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức.	1	1
	Tiêu chuẩn 12: Giáo trình đào tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo.	1	1
	Tiêu chuẩn 13: Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	1	1
	Tiêu chuẩn 14: Hằng năm, trường thực hiện việc lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1
	Tiêu chuẩn 15: Khi có sự thay đổi về chương trình đào tạo, trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định.	1	1
5	**Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện**	***15***	***15***
	Tiêu chuẩn 1: Địa điểm xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở GDNN, khu đất xây dựng cần đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập; giao thông thuận tiện và an toàn; thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước, đảm bảo khoảng cách đối với các xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN
	Tiêu chuẩn 2: Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm; diện tích đất sử dụng, diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 3: Có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn: khu học tập và NCKH (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn); khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí nghiệm); khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo.	1	1
	Tiêu chuẩn 4: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt; được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 5: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa bảo đảm quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo.	1	1
	Tiêu chuẩn 6: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo.	1	1
	Tiêu chuẩn 7: Phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng theo quy định hiện hành.	1	1
	Tiêu chuẩn 8: Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề do cơ quan quản lý nhà nước về GDNN ở trung ương quy định. Đối với các chuyên ngành hoặc nghề mà cơ quan quản lý nhà nước về GDNN ở trung ương chưa ban hành danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu thì trường đảm bảo thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo, tương ứng quy mô đào tạo của chuyên ngành hoặc nghề đó.	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN
	Tiêu chuẩn 9: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường.	1	1
	Tiêu chuẩn 10: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo, trong đó có quy định về việc định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo.	1	1
	Tiêu chuẩn 11: Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của trường và nhà sản xuất; hằng năm đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 12: Trường có định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo và có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo; tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo; vật tư được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng.	1	1
	Tiêu chuẩn 13: Trường có thư viện bao gồm phòng đọc, phòng lưu trữ bảo đảm theo tiêu chuẩn thiết kế. Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được trường phê duyệt, mỗi loại giáo trình đảm bảo tối thiểu 05 bản in.	1	1
	Tiêu chuẩn 14: Tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học.	1	1
	Tiêu chuẩn 15: Trường có thư viện điện tử, có phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và người học; các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.	1	1
6	**Tiêu chí 6: Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế**	***5***	***5***
	Tiêu chuẩn 1: Trường có chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia NCKH, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo.	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN
	Tiêu chuẩn 2: Hằng năm, trường có đề tài NCKH, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên phục vụ thiết thực công tác đào tạo của trường (ít nhất 01 đề tài NCKH, sáng kiến cải tiến đối với trường trung cấp, ít nhất 02 đề tài NCKH, sáng kiến cải tiến đối với trường cao đẳng).	1	1
	Tiêu chuẩn 3: Hằng năm, trường có các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế.	1	1
	Tiêu chuẩn 4: Các đề tài NCKH, sáng kiến cải tiến của trường được ứng dụng thực tiễn.	1	1
	Tiêu chuẩn 5: Có liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động, hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế; các hoạt động hợp tác quốc tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường.	1	1
7	**Tiêu chí 7: Quản lý tài chính**	***6***	***6***
	Tiêu chuẩn 1: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo quy định và công bố công khai.	1	1
	Tiêu chuẩn 2: Quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo; tham gia sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đúng theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 3: Trường có các nguồn lực về tài chính đảm bảo đủ kinh phí phục vụ các hoạt động, của trường.	1	1
	Tiêu chuẩn 4: Thực hiện việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đúng quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 5: Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán; thực hiện kiểm toán theo quy định; xử lý, khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng tài chính khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền; thực hiện công khai tài chính theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 6: Hằng năm, trường có đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường; có các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường.	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN
8	**Tiêu chí 8: Dịch vụ người học**	***9***	***9***
	Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 3: Có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập.	1	1
	Tiêu chuẩn 4: Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân.	1	1
	Tiêu chuẩn 5: Ký túc xá đảm bảo đủ diện tích nhà ở và các điều kiện tối thiểu (chỗ ở, điện, nước, vệ sinh, các tiện nghi khác) cho sinh hoạt và học tập của người học.	1	1
	Tiêu chuẩn 6: Có dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe; dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.	1	1
	Tiêu chuẩn 7: Người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, TDTT, tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường.	1	1
	Tiêu chuẩn 8: Trường thực hiện việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.	1	1
	Tiêu chuẩn 9: Hằng năm, trường tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng.	1	1
9	**Tiêu chí 9: Giám sát, đánh giá chất lượng**	***6***	***5***
	Tiêu chuẩn 1: Hằng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	1	1
	Tiêu chuẩn 2: Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 50% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động.	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN
	Tiêu chuẩn 3: Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 30% người học đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường.	1	1
	Tiêu chuẩn 4: Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 5: Hằng năm, trường có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài nếu có.	1	1
	Tiêu chuẩn 6: Trường có tỷ lệ 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp.	1	0

3.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn

3.2.1. Tiêu chí 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý

Đánh giá tổng quát tiêu chí 1:

Mở đầu:

Trường CĐCNNĐ đã xác định mục tiêu của trường là "*Xây dựng thành trường đào tạo trình độ cao, đa ngành, đa lĩnh vực; một trung tâm NCKH và chuyển giao công nghệ hàng đầu của khu vực Nam đồng bằng sông Hồng, với một số lĩnh vực đạt trình độ tiên tiến trong khu vực; một địa chỉ tin cậy, hấp dẫn đối với người học, các nhà đầu tư, giới doanh nghiệp trong và ngoài nước và đủ điều kiện trở thành một trường chất lượng cao*".

* *Những điểm mạnh:* Với sứ mạng được xác định bằng các văn bản "*Là nơi mang lại lợi ích tốt nhất từ các hoạt động đào tạo chất lượng cao về kỹ thuật, công nghệ, quản lý kinh tế đồng thời chuyển giao những kết quả NCKH vào thực tiễn, góp phần phát triển nguồn nhân lực; chuyển dịch cơ cấu kinh tế của địa phương phục vụ cho công cuộc công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước trong bối cảnh hội nhập kinh tế toàn cầu".*

Có thể khẳng định rằng sứ mạng này rõ ràng, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và các nguồn lực của trường, nhằm đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực cho các tỉnh, thành phố khu vực nam đồng bằng Sông Hồng và cả nước. Sứ mạng của trường được cụ thể thành các mục tiêu và hằng năm được rà soát điều chỉnh, bổ sung phù hợp với yêu cầu đòi hỏi của nền công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước.

* *Những tồn tại:* Mục tiêu và nhiệm vụ của trường mới dừng ở việc đáp ứng nhu cầu người học, cung cấp cho thị trường lao động các tỉnh, thành phố nam đồng bằng Sông Hồng và thị trường lao động trong nước nguồn nhân lực qua đào tạo có tay nghề

* *Kế hoạch nâng cao chất lượng:* Nhà trường đã xây dựng báo cáo tự đánh giá theo bộ tiêu chí trường chất lượng cao, trường tiếp cận trình độ đào tạo các nước khu vực ASEAN và các nước phát triển G20 đề nghị tổng cục GDNN bộ LĐTBXH trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Điểm đánh giá tiêu chí 1

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 1	**12**
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1
Tiêu chuẩn 7	1

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chuẩn 8	1
Tiêu chuẩn 9	1
Tiêu chuẩn 10	1
Tiêu chuẩn 11	1
Tiêu chuẩn 12	1

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và Sứ mạng của trường cao đẳng được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành và được công bố công khai.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường CĐCNNĐ là một cơ sở đào tạo và NCKH thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, trường được nâng cấp trên cơ sở Trường Trung học Công nghiệp II theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ký ngày 30 tháng 3 năm 2005 [1.1.01]. Trong Dự án nâng cấp, trường đã có sự rà soát, bổ sung, điều chỉnh về mục tiêu trong giai đoạn phát triển mới: Đào tạo người lao động có kiến thức, có kỹ năng nghề nghiệp, cung cấp nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp, các khu công nghiệp, khu chế xuất và xuất khẩu lao động ở trình độ Cao đẳng, Trung cấp và sơ cấp; có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật, có sức khoẻ, tác phong công nghiệp và năng lực làm việc theo nhóm nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội trong quá trình hội nhập quốc tế và khu vực [1.1.02].

Trường CĐCNNĐ có sứ mạng như đã nêu ở trên [1.1.03]. Sứ mạng này được nêu rõ trong các văn bản chính thức của trường [1.1.04; 1.1.05], cũng như trên website [1.1.06] của trường. Nội dung của tuyên bố sứ mạng này rất rõ ràng và phù hợp với chức năng. Trường có những cơ sở để đưa ra tuyên bố sứ mạng của mình:

Thứ nhất, Trường CĐCNNĐ có bề dày lịch sử với truyền thống 63 năm xây dựng và phát triển, với nguồn nhân lực là đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý nhiều kinh nghiệm [1.1.04].

Thứ hai, trường có thế mạnh trong lĩnh vực đào tạo các chuyên ngành kỹ thuật (Cơ khí; Điện - Điện tử; Công nghệ May; Công nghệ Thông tin; Kinh tế). Hơn 63 năm qua nhà trường đã đào tạo và cung cấp cho đất nước trên 72.000 cán bộ kỹ thuật, công nhân kỹ thuật, được đánh giá là một trong những địa chỉ đáng tin cậy của xã hội. Nhiều hội nghị, hội thảo về hợp tác đào tạo với các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước do trường tổ chức đã khẳng định uy tín về chất lượng đào tạo và NCKH trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ và kinh tế [1.1.07].

Thứ ba, sứ mạng của trường phù hợp với nguồn kinh phí Nhà nước đầu tư cho một trường đào tạo về kỹ thuật trọng điểm với xu hướng quy mô ngày càng tăng, cơ sở vật chất ngày càng được cải thiện với các dự án đầu tư bằng các nguồn vốn Nhà nước cấp, nguồn vốn tự có và nguồn vốn huy động từ các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước [1.1.02].

Sứ mạng của trường phù hợp và gắn kết với các chiến lược của địa phương (tỉnh Nam Định) và cả nước. Điểm mạnh trong tuyên bố sứ mạng của trường là xác định được vai trò của trường trong đào tạo chất lượng cao về các lĩnh vực Kỹ thuật công nghệ và Kinh tế; đồng thời chuyển giao những kết quả NCKH vào thực tiễn. Trường xem trọng và luôn ý thức được nâng cao chất lượng đội ngũ là nhiệm vụ trọng tâm. Ngoài ra, với truyền thống và qua các đơn đặt hàng của rất nhiều tổ chức, doanh nghiệp, địa phương, trường đã khẳng định được uy tín về đào tạo và NCKH của mình. Bên cạnh đó, để đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực trong lĩnh vực kỹ thuật công nghệ và kinh tế có chất lượng cao của địa phương và cả nước, trường đã thực hiện đa dạng hóa các chuyên ngành, nghề đào tạo,việc đa dạng hóa các chuyên ngành, nghề đào tạo đã khẳng định vai trò của trường trong lĩnh vực đào tạo và NCKH phù hợp với chức năng và nhiệm vụ của nhà trường [1.1.08].

Trường luôn xác định chức năng, nhiệm vụ là đào tạo, bồi dưỡng và cung cấp cho xã hội các cán bộ kỹ thuật và các chuyên gia trong lĩnh vực kỹ thuật, có trình độ cao đẳng, nhằm đáp ứng cho quá trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; NCKH và tư vấn lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ, quản lý kinh tế, mở rộng mối quan hệ hợp tác với các trường cao đẳng, đại học, các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước, nhằm từng bước nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH trong nhà trường, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước [1.1.08], đáp ứng nhu cầu thị trường lao động.

Sứ mạng của trường đã được công bố trong nhiều ấn phẩm giới thiệu về trường, trong các Nghị quyết của Đảng ủy và kế hoạch chiến lược phát triển trường; nhờ đó mà CCVC, HSSV hiểu rõ về sứ mạng, nhiệm vụ và mục tiêu giáo dục trong nhà trường.

Trên cơ sở sứ mạng đặt ra Trường đã rà soát, điều chỉnh và xác định, quán triệt bằng các hoạt động trọng tâm trong các năm học [1.1.07]. Trong quy hoạch phát triển sự nghiệp GD&ĐT của nhà trường thời kỳ 2015-2020 [1.1.02], nhà trường xác định những mục tiêu cơ bản sau:

- Ổn định tổ chức bộ máy nhà trường.
- Nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên.
- Mở rộng quy mô đào tạo.
- Nâng cao chất lượng đào tạo.
- Quy hoạch mặt bằng tổng thể và tăng cường cơ sở vật chất.
- Đầu tư tài chính mua sắm trang thiết bị, công nghệ
- Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý.
- Đánh giá và thực hiện công khai mọi hoạt động của nhà trường [1.1.07].
- Kiểm định chất lượng giáo dục [1.1.09].

Mục tiêu của nhà trường đã được cụ thể hóa trong nhiệm vụ các năm học,được phổ biến, triển khai thực hiện trong toàn trường [1.1.02; 1.1.07]. Trên cơ sở mục tiêu của nhà trường, các khoa, phòng, tổ trực thuộc đều xác định và đưa ra các giải pháp

thực hiện mục tiêu của đơn vị mình. Kết quả hoạt động của năm học được Hội đồng thi đua trường thông qua và gửi báo cáo về Bộ Công Thương [1.1.07].

Sứ mạng rõ ràng và phù hợp với chức năng và nguồn lực của mình. Trường đã góp phần rất lớn trong việc đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực của địa phương (tỉnh Nam Định), các tỉnh lân cận và của cả nước, cũng như trong việc thực hiện các kế hoạch chiến lược về GDNN của Đảng và Nhà nước.

Sứ mạng của Trường đã được công bố chính thức trên website trường, tại địa chỉ: *http://cnd.edu.vn/?news=234&title=Su-mang-tam-nhin*

Mặc dù đã có sự điều chỉnh mục tiêu cho phù hợp với từng giai đoạn nhưng nhà trường chưa có được sự khảo sát điều tra trên quy mô khu vực Nam đồng bằng sông Hồng để có được những thông tin phản hồi từ phía các phòng GD&ĐT, Trung tâm GDNN - GDTX, các trường phổ thông, các tổ chức chính trị - xã hội, các bậc phụ huynh học sinh và các doanh nghiệp; nhà trường cũng chưa có sự kiểm tra, đánh giá việc kết quả thực hiện mục tiêu của mình để có sự điều chỉnh mục tiêu một cách toàn diện, kịp thời, phù hợp. Chưa ra quyết định ban hành mục tiêu của trường.

Trường CĐCNNĐ đang trong giai đoạn phát triển và mở rộng, đầu tư bổ sung cơ sở vật chất phục vụ cho đào tạo, vì vậy, nguồn kinh phí đầu tư cho công tác quảng bá về nhà trường hạn hẹp. Trường chưa có những biện pháp mạnh, nhằm công bố sứ mạng của trường trên các phương tiện thông tin đại chúng (truyền thanh, truyền hình, các báo và tạp chí), đến các doanh nghiệp, tổ chức, cơ quan sử dụng nguồn nhân lực của trường; chưa có quyết định ban hành sứ mạng của trường.

Để có mục tiêu phù hợp trong những năm tới, nhà trường đã xây dựng quy hoạch phát triển sự nghiệp GD&ĐT giai đoạn 2016-2020, định hướng những năm tiếp theo [1.1.02].

Trên cơ sở quy hoạch tổng thể, trong nhiệm vụ từng năm học, nhà trường xác định mục tiêu và giải pháp thực hiện mục tiêu của từng năm học.

Khảo sát xây dựng lại mục tiêu phát triển trường nhằm đáp ứng yêu cầu mới. Ra quyết định ban hành mục tiêu của trường.

Hằng năm tăng cường giới thiệu về sứ mạng của trường trên các tài liệu quảng bá chính thức, đồng thời tổ chức lấy ý kiến cán bộ, viên chức và HSSV của trường định hướng phát triển nhà trường nhằm tiếp tục đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của địa phương và cả nước. Ngoài ra, trường đẩy mạnh chiến dịch quảng bá đến với doanh nghiệp, với các tổ chức trong và ngoài nước để cung cấp các dịch vụ tư vấn, nghiên cứu và đào tạo theo nhu cầu thị trường lao động. Trường đã tổ chức việc khảo sát ý kiến của các doanh nghiệp, tổ chức, cơ quan và địa phương nhằm bổ sung và hoàn chỉnh sứ mạng của mình. Bên cạnh đó, tuyên bố sứ mạng của trường sẽ được đưa vào các bảng đặt tại các vị trí trang trọng của các hội trường, thư viện, ký túc xá và các đơn vị phòng khoa trong nhà trường. Ra quyết định ban hành sứ mạng của trường.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2: Trường thực hiện phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương hoặc ngành để xác định các ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo phù hợp

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường thường xuyên phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực thông qua các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng lao động [1.2.01], [1.2.02], [1.2.03], nhằm đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội của khu vực và của ngành. Coi trọng về sự cần thiết của việc điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo để chỉ đạo và tổ chức thực hiện có hiệu quả.

Nội dung điều tra khảo sát tập trung vào chương trình đào tạo của trường từ năm 2017 đến năm 2019; nhu cầu nhân lực các ngành nghề của các doanh nghiệp. Qua kết quả điều tra, những vấn đề trong chương trình đào tạo được đánh giá tốt: Mục tiêu đào tạo phù hợp với điều kiện thực tế của xã hội và các doanh nghiệp sử dụng lao động; các học phần trong chương trình đào tạo đạt được các yêu cầu về chuyên môn sâu, kiến thức rộng. Các ngành nghề đào tạo được xác định quy mô phù hợp với nhu cầu tuyển dụng của các doanh nghiệp và người học.

Bên cạnh đó còn một số hạn chế, tồn tại cần khắc phục là giữa lý thuyết và thực hành trong khóa học chưa cân đối. Do đó trường đã có kế hoạch phát triển chương trình đào tạo để dần đưa chương trình đào tạo đạt chuẩn [1.2.02]. Theo định kỳ nhà trường lấy ý kiến của các nhà tuyển dụng lao động về chương trình đào tạo, xây dựng kỹ năng nghề để nắm bắt, điều chỉnh kịp thời các nội dung đào tạo [1.2.02].

Trường có đủ các điều kiện để đào tạo cho các bậc đào tạo, các ngành đào tạo gồm 29 ngành, nghề bậc cao đẳng; 24 ngành, nghề đào tạo bậc trung cấp. Chương trình đào tạo có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, cấu trúc hợp lý, được xây dựng một cách hệ thống, khoa học, đáp ứng yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ của các chuyên ngành. Đội ngũ cán bộ, giảng viên có đủ trình độ, kỹ năng và chuyên môn để đào tạo các ngành nghề với các trình độ đào tạo theo yêu cầu xã hội.

Chương trình giáo dục được rà soát định kỳ, bổ sung, phát triển, điều chỉnh cho phù hợp với mục tiêu đào tạo, theo nhu cầu của các nhà tuyển dụng lao động và cơ quan quản lý.

Trường đang nghiên cứu chương trình đào tạo nghề của Nhật Bản, Áo ứng dụng vào điều kiện Việt Nam nhằm nâng cao chất lượng đào tạo kỹ năng nghề.

Mặc dù việc đánh giá, phân tích nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực của các doanh nghiệp, địa phương để xây dựng quy mô đào tạo các ngành nghề nhưng số lượng người học chưa đáp ứng năng lực và quy mô đào tạo của trường vì cơ chế chưa hấp dẫn với người lao động tương ứng với ngành nghề đào tạo.

Nhà trường tiếp tục rà soát, bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo, ngành nghề đào tạo cho phù hợp với yêu cầu của sự tiến bộ khoa học kỹ thuật trên cơ sở các ý kiến phản hồi của các nhà tuyển dụng, tham khảo các chương trình đào tạo của các trường dạy nghề trong nước và quốc tế.

Năm học 2019 - 2020, trường có kế hoạch định kỳ tổ chức các đợt khảo sát lấy ý kiến của các giảng viên, sinh viên, các nhà tuyển dụng, cựu sinh viên nhằm kịp thời điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo, ngành nghề đào tạo.

Trong năm 2019 trường tổ chức việc rà soát, điều chỉnh, xây dựng chuẩn đầu ra phù hợp nhu cầu xã hội cho tất cả các ngành, nghề, tiếp tục tổ chức xây dựng giáo trình, bài giảng lưu hành nội bộ cho các học phần, môn học đảm bảo cho 100% học phần, môn học có đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo.

Trường đang tiến hành cải tạo, sửa chữa hệ thống mạng Internet, mạng LAN của trường để có thể đưa các chương trình đào tạo, các bậc đào tạo, các ngành đào tạo lên Website của trường phục vụ cho cập nhật thông tin của các giảng viên và sinh viên.

Vận dụng chương trình đào tạo nghề của Nhật Bản, Áo, Đức vào đào tạo một số nghề cơ khí, điện, điện tự động hóa, thiết kế thời trang.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3: Trường ban hành văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thực hiện Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006, Thông tư 71/TT-BTC ngày 9/8/2006 hướng dẫn thực hiện Nghị định 43/2006/NĐ-CP quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, bộ máy, biên chế tài chính đối với đơn vị công lập và Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập. Trường CĐCNNĐ đã ban hành các văn bản quy định về tổ chức và quản lý nhằm mục đích:

- Tạo quyền chủ động trong công tác quản lý và thu, chi tài chính của đơn vị;

- Tạo quyền chủ động cho cán bộ, giáo viên, viên chức trong Trường hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao;

- Là căn cứ để quản lý, thanh toán các khoản thu, chi trong Trường, thực hiện kiểm soát của các cơ quan quản lý cấp trên, cơ quan tài chính và các cơ quan thanh tra, kiểm toán theo quy định.

- Sử dụng tài sản công đúng mục đích, có hiệu quả.

- Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi tiêu.

- Công bằng trong các đơn vị, khuyến khích tăng thu, tiết kiệm chi, khuyến khích người có năng lực trong toàn trường.

Nhà trường ban hành "Quy chế chi tiêu nội bộ" dựa trên căn cứ các Nghị định, Thông tư của Chính phủ, của các Bộ và căn cứ Nghị quyết Hội nghị cán bộ, viên chức của trường hằng năm [1.3.01]; [1.3.02] ; [1.3.03]; [1.3.04].

Văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường đã được xây dựng dựa trên các căn cứ Nghị định, Thông tư, Quyết định của Chính phủ, các Bộ, Ngành và được thông qua

Hội nghị cán bộ, viên chức của trường hằng năm nên phù hợp với các hoạt động của trường theo từng thời điểm.

Hoạt động tài chính của trường thực hiện nghiêm túc được thể hiện trong các lần kiểm toán, thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý tài chính cấp trên. Tất cả các nguồn tài chính được Nhà trường tổ chức, quản lý một cách hiệu quả. Công tác tham mưu kế hoạch tài chính được thực hiện năng động sáng tạo phù hợp với tình hình thực tế của Trường.

Một số quy định nội bộ liên quan trực tiếp đến quy chế chi tiêu ban hành chưa được kịp thời khi chế độ chính sách của nhà nước có sự thay đổi, điều chỉnh.

Trường đang triển khai các văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị Trường theo tiêu chuẩn ISO 9001-2015 nhằm đem lại hiệu quả cao hơn việc sử dụng các nguồn tài chính. Bám sát quy chế chi tiêu nội bộ, đảm bảo kiểm soát chi đúng quy định.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4: Hằng năm, các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của trường được rà soát, thực hiện điều chỉnh nếu cần thiết.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Công tác quản lý là hoạt động quan trọng nhằm đảm bảo cho nhiệm vụ của trường hoàn thành. Chính vì vậy hằng năm trường luôn luôn rà soát lại cơ cấu tổ chức và việc quản lý để đảm bảo cơ cấu tổ chức được tinh giảm, việc quản lý các tổ chức trong trường được chủ động và không chồng chéo nhằm:

- Tạo quyền chủ động cho cán bộ, giáo viên, viên chức trong Trường hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao;

- Là căn cứ để quản lý, thực hiện kiểm soát của các cơ quan quản lý cấp trên, cơ quan tài chính và các cơ quan thanh tra, kiểm toán theo quy định.

- Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi tiêu.

- Công bằng trong các đơn vị, khuyến khích tăng thu, tiết kiệm chi, khuyến khích người có năng lực trong toàn trường.

Hằng năm công tác tổ chức và quản lý được Đảng uỷ, Giám Hiệu rà soát và điều chỉnh, trình trước hội nghị cán bộ, viên chức nhà trường mà nội dung chính được thể hiện trong quy chế chi tiêu nội bộ hằng năm [1.4.01]; [1.4.02]; [1.4.03].

Việc sát nhập, thành lập mới các đơn vị trong trường được thực hiện nhằm đảm bảo các điều kiện thực tế các nhiệm vụ được giao từng thời điểm [1.4.04]; ...; [1.4.06].

Hằng năm trường đều tổ chức hội nghị cán bộ, công nhân, viên chức toàn trường nhằm bàn bạc về các vấn đề thực tế cần thiết trong công tác tổ chức và quản lý để phù hợp với từng giai đoạn phát triển của trường.

Hằng năm nhà trường tổ chức chỉnh sửa, bổ sung các văn bản cho phù hợp với điều kiện thực tế nhà trường nhưng việc triển khai còn chậm.

Hằng năm nhà trường rà soát vị trí việc làm tại các đơn vị để bố trí sắp xếp cán bộ giảng viên tại các đơn vị cho phù hợp nhằm nâng cao đời sống của cán bộ, công nhân và hoàn thành tốt nhiệm vụ chung toàn trường.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5: Các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường

Mô tả, phân tích, nhận định:

Cơ cấu tổ chức của Trường CĐCNNĐ được thực hiện đúng quy định của Điều lệ trường cao đẳng ban hành kèm theo Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội [1.5.01]. Trường đã sắp xếp bộ máy tổ chức của trường thành 3 cấp:

- Trường (Giám hiệu)
- Phòng/Khoa/Trung tâm
- Tổ môn trực thuộc khoa

Cấp trường điều hành và quản lý toàn bộ các hoạt động của nhà trường. Cấp khoa, phòng và tương đương làm nhiệm vụ tổ chức, triển khai các hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ. Tổ và các tổ chuyên môn phụ trách các công việc chuyên môn và thực hiện các mảng công việc cụ thể được phân công [1.5.02].

Trong quá trình xây dựng và phát triển, cơ cấu tổ chức của trường đã được điều chỉnh phù hợp với chức năng và nhiệm vụ đào tạo. Cơ cấu tổ chức của trường đã được cụ thể hoá trong Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường. Trong đó, việc phân cấp quản lý, trách nhiệm, quyền hạn và nhiệm vụ người đứng đầu, giảng viên, viên chức các đơn vị trong trường đã được quy định cụ thể [1.5.02].

Hiện nay, nhà trường có: Giám hiệu 01 đ/c Hiệu trưởng (02 Phó Hiệu trưởng vừa nghỉ chế độ); 07 phòng chức năng, 06 khoa chuyên môn, 02 Trung tâm [1.5.02]; [1.5.03]; [1.5.04];

Ngoài ra, còn có các tổ chức đoàn thể: Công đoàn, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội cựu chiến binh phối kết hợp với các đơn vị Phòng, Khoa và tổ chuyên môn thực hiện nhiệm vụ chính trị của trường là đào tạo, NCKH và đưa tiến bộ kỹ thuật, công nghệ vào sản xuất.

Cơ cấu tổ chức của trường được thực hiện theo quy định của Điều lệ trường cao đẳng, phù hợp với thực tế và được cụ thể hóa trong quy chế tổ chức và hoạt động của trường, tạo điều kiện cho các đơn vị và cá nhân phát huy quyền hạn, trách nhiệm hoàn thành tốt nhiệm vụ của nhà trường.

Cơ cấu tổ chức của trường đã được điều chỉnh phù hợp với mục tiêu và nhiệm vụ trong từng giai đoạn, để phát huy thế mạnh thực hiện tốt nhiệm vụ hằng năm.

Một số trung tâm trực thuộc trường mặc dù đã được thành lập nhưng vẫn còn đang trong quá trình tiếp tục hoàn thiện do thiếu đội ngũ cán bộ cơ hữu được đào tạo đúng chuyên ngành.

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và điều kiện thực tế, Trường tiếp tục bố trí sắp xếp tổ chức bồi dưỡng cán bộ nâng cao trình độ chuyên môn, lý luận chính trị, khả năng điều hành và quản lý bổ sung cho các đơn vị trong trường.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 6: Hội đồng trường hoặc hội đồng quản trị, các hội đồng tư vấn, các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trong từng giai đoạn, căn cứ vào yêu cầu của nhà trường về quy mô và đặc điểm của các ngành nghề đào tạo, các phòng chức năng, các khoa, các bộ môn trực thuộc trường, các bộ môn trực thuộc khoa đã được thành lập và tổ chức phù hợp.

Từ năm 2005 sau khi trường được nâng cấp lên cao đẳng, số lượng khoa chuyên môn tăng phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ của nhà trường. Thời điểm hiện tại trường có 07 phòng, 06 khoa chuyên môn trực thuộc trường đảm bảo việc đào tạo đủ các chuyên ngành ở các bậc học [1.6.01]. Cơ cấu và nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc trường và các tổ bộ môn đã được quy định rõ ràng trong "Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của trường CĐCNNĐ". Trong đó, các phòng chức năng có nhiệm vụ tổ chức, quản lý và thực hiện các công việc được phân công, đồng thời tham mưu, đề xuất ý kiến về các công việc của nhà trường; quản lý viên chức của đơn vị [1.6.02], [1.6.03]; [1.6.04]; [1.6.05]; [1.6.06]; Đến nay trường đã thành lập thêm 01 trung tâm: Trung tâm Hợp tác đào tạo và Quan hệ doanh nghiệp [1.6.07].

Các khoa và tổ chuyên môn chịu trách nhiệm thực hiện tiến độ giảng dạy, học tập, tham gia xây dựng nội dung chương trình, biên soạn giáo trình, tài liệu giảng dạy liên quan đến chuyên ngành đào tạo, cải tiến phương pháp giảng dạy, tham gia NCKH nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và trình độ của giảng viên [1.6.06], [1.6.08].

Các phòng chức năng, các khoa, đơn vị trực thuộc được tổ chức và thành lập theo đúng Điều lệ trường Cao đẳng. Cơ cấu và nhiệm vụ của các đơn vị được quy định rõ ràng trong "Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của trường CĐCNNĐ".

Hiện tại, các khoa, phòng trong trường chưa làm tốt công tác phối hợp với các tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở sản xuất kinh doanh và đời sống xã hội để nâng cao chất lượng GD&ĐT.

Năng lực quản lý và tham mưu của một số cán bộ quản lý cấp phòng, khoa ở một số lĩnh vực đang còn hạn chế nhất định.

Tiếp tục tổ chức các phòng, khoa, tổ môn phù hợp với yêu cầu cơ cấu, nhiệm vụ theo từng giao đoạn phát triển nhà trường.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 7: Trường xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường đã xây dựng và ban hành quy chế chuẩn đầu ra, thực hiện đúng quy chế đào tạo của Bộ GD&ĐT, Bộ LĐTBXH về kiểm tra, thi, đánh giá kết quả học tập của người học. Trường đã triển khai tổ chức các buổi học tập, phổ biến quán triệt sâu rộng trong toàn thể các cán bộ quản lý, giảng viên, bằng nhiều biện pháp tích cực nhằm giúp cho mọi người hiểu và thực hiện đúng quy chế [1.7.01]. Căn cứ vào quy chế và tình hình thực tế trường đã có các văn bản hướng dẫn cho một số nội dung cụ thể trong quy chế, đồng thời ban hành hệ thống văn bản quy định hướng dẫn, chỉ đạo về công tác ra đề thi, xây dựng các bộ đề thi, coi thi, chấm thi… Nhằm từng bước đổi mới quy trình đồng thời ban hành các quy định, tiêu chí để đánh giá giảng viên, đổi mới phương pháp kiểm tra, thi, đánh giá kết quả học tập của người học, đảm bảo một cách thống nhất, đồng bộ, nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức học tập và đặc thù học phần [1.7.02], [1.7.03].

Trường đã thành lập phòng Quản lý khoa học và Đảm bảo chất lượng chuyên phụ trách công tác đảm bảo chất lượng, tổ chức thi kết thúc học phần, thi tốt nghiệp đúng quy chế, nghiêm túc, chặt chẽ ở tất cả các khâu [1.7.04].

Tổ chức các kỳ thi tuyển sinh theo đúng quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, quy trình tổ chức nghiêm túc, chặt chẽ ở tất cả các khâu [1.7.04].

Các kỳ thi tuyển sinh và tốt nghiệp đều có thanh tra thi. Các kỳ thi học phần có sự giám sát của Giám hiệu, phòng Thanh tra giáo dục và phòng Đào tạo nhà trường. Đặc biệt trường đã thực hiện cuộc vận động "Nói không với tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích trong giáo dục" của Bộ GD&ĐT [1.7.04], [1.7.05].

Phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được đa dạng hóa với tất cả các hình thức: Tự luận, vấn đáp, trắc nghiệm. Lịch thi của các lớp được thông báo trước kỳ thi theo đúng qui chế đào tạo.

Công tác đánh giá kết quả học tập của HSSV trong nhà trường được thực hiện theo các bậc đào tạo và theo quy chế giáo dục, đào tạo của Bộ GD&ĐT, Bộ LĐTBXH. Với hệ Cao đẳng, Trung cấp thực hiện theo các quy chế: Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT của Bộ GD&ĐT, Quyết định số 345/QĐ-CĐCNNĐ của Trường CĐCNNĐ, Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH, Quyết định số 105/QĐ-CĐCNNĐ của trường CĐCNNĐ, Thông tư 22/2014/TT-BGDĐT; Dạy nghề theo quy chế 14 ban hành kèm theo Quyết định số 14/QĐ-BLĐTBXH. Trường đang tiến hành xây dựng hoàn thiện các bộ đề thi cho từng học phần, môn học, module với số lượng đề thi phong phú, chất lượng phù hợp với từng chương trình đào tạo

Công tác đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học được trường coi trọng và triển khai thực hiện theo quy chế. Giám hiệu đã có các chỉ đạo thực hiện các quy chế và các hình thức thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập.

Các kỳ thi được thực hiện nghiêm túc đúng quy chế, khách quan, công bằng và chính xác.

Trường thực hiện đa dạng về phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học đảm bảo phù hợp với các hình thức đào tạo, hình thức học tập và đặc thù học phần; đảm bảo mặt bằng chất lượng giữa các hình thức đào tạo.

Đánh giá được khách quan công tác giảng dạy của giảng viên thông qua phiếu lấy ý kiến của sinh viên.

Công tác thống kê phân tích định lượng các kết quả thi chưa được thực hiện thường xuyên. Hình thức thi trắc nghiệm khách quan chưa áp dụng phổ biến với tất cả các học phần.

Từ năm học 2017-2018 trường thực hiện công tác thống kê phân tích định lượng các kết quả kỳ thi một cách định kỳ để có biện pháp điều chỉnh quy trình, phương pháp và công cụ kiểm tra đánh giá. Tăng cường hình thức thi trắc nghiệm khách quan. Tiếp tục hoàn thiện ngân hàng đề thi.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 8: Trường có bộ phận phụ trách thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo và hằng năm hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường CĐCNNĐ đã thành lập phòng Quản lý khoa học và Đảm bảo chất lượng gồm các đồng chí có năng lực chuyên môn, có kinh nghiệm giúp nhà trường quản lý tốt hoạt động chuyên môn nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

Nhà trường đã ban hành quy định cụ thể sửa đổi, bổ sung về chức năng, nhiệm vụ của phòng Quản lý khoa học & Đảm bảo chất lượng [1.8.01]. Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ phòng xây dựng kế hoạch hoạt động, quy chế hoạt động, theo dõi và đánh giá hoạt động chuyên môn của giảng viên, hằng năm đều kiểm tra dự giờ, đánh giá xếp loại của một số giảng viên qua từng học kỳ, có thông báo kết quả kiểm tra qua các buổi họp toàn thể giảng viên trong nhà trường.

Trên cơ sở chức năng nhiệm vụ liên tục trong 03 năm học đơn vị phòng QLKH&ĐBCL hoàn thành nhiệm vụ được giao trong đó năm học 2017-2018 đơn vị được hội đồng thi đua khen thưởng nhà trường bình xét là tập thể lao động xuất sắc, năm học 2018-2019 đơn vị tập thể lao động tiên tiến.

Nhà trường đã thành lập hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục, bao gồm các đồng chí có năng lực chuyên môn, có kinh nghiệm trong công tác quản lý chỉ đạo và kiểm tra đánh giá [1.8.02].

Năm 2007 nhà trường đã thành lập Phòng Quản lý khoa học & Đảm bảo chất lượng và Hội đồng Tự đánh giá chất lượng, bao gồm các đồng chí có năng lực chuyên môn, nhiệt tình, có tinh thần trách nhiệm cao, có kinh nghiệm trong công tác.

Phòng Quản lý khoa học và Đảm bảo chất lượng trong những năm qua đã kiểm tra, dự giờ, đánh giá, xếp loại kết quả của một số giảng viên qua các học kỳ; tổ chức

thi kết thúc các học phần, thi tốt nghiệp... đảm bảo khách quan giảm thiểu tiêu cực trong thi cử.

Nhà trường đã thành lập hội đồng tự đánh giá, hội đồng tự đánh giá đã tiến hành đánh giá toàn bộ các mặt hoạt động của nhà trường trong từng năm học.

Cán bộ làm công tác đảm bảo chất lượng chưa qua đào tạo về đảm bảo chất lượng và đo lường trong giáo dục.

Hoạt động của bộ phận chuyên trách về đảm bảo chất lượng mới chỉ tập trung kiểm tra việc thực hiện các quy định trong giảng dạy của đội ngũ giảng viên, việc tổ chức thi hết môn, chưa tổ chức kiểm tra các hoạt động khác trong lĩnh vực giáo dục thuộc phạm vi quản lý của trường, chưa thường xuyên tham mưu, đề xuất những biện pháp tối ưu, khoa học nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.

Năm học 2019-2020 hội đồng tự đánh giá sẽ hoàn thành Báo cáo tự đánh giá chất lượng GDNN.

Xây dựng kế hoạch, phương pháp kiểm tra đánh giá đảm bảo tính khách quan và toàn diện.

Bố trí cán bộ đi đào tạo chuyên ngành về đảm bảo chất lượng và đánh giá kiểm định GDNN trong năm 2019

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 9: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong trường phát huy được vai trò lãnh đạo, hoạt động đúng điều lệ và làm theo quy định của Hiến pháp và pháp luật

Mô tả, phân tích, nhận định:

Đảng bộ trường CĐCNNĐ trực thuộc Đảng bộ khối các cơ quan tỉnh Nam Định, có 16 chi bộ, tổng số đảng viên là 117/191 cán bộ, viên chức, mỗi chi bộ đều có các đảng ủy viên hoặc bí thư phụ trách. Các đồng chí luôn phát huy được vai trò lãnh đạo toàn diện các hoạt động công tác đơn vị và các đoàn thể trong nhà trường. Ban chấp hành Đảng uỷ gồm có 09 đồng chí có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực lãnh đạo, có uy tín đối với quần chúng, hầu hết các đồng chí đều giữ chức vụ cao ở các đơn vị phòng, khoa, tổ trực thuộc.

Đảng bộ nhà trường đã thể hiện rõ vai trò lãnh đạo đối với các tổ chức đoàn thể trong nhà trường, có quy chế làm việc và có sự phân công trách nhiệm cho từng đồng chí trong ban chấp hành Đảng bộ [1.9.01].

Đảng bộ nhà trường luôn có sự chỉ đạo sát sao đối với các chi bộ, các chi bộ sinh hoạt định kỳ 1 lần/tháng, hằng năm các chi bộ đánh giá xếp loại đảng viên của chi bộ [1.9.02].

Đảng bộ nhà trường làm tốt công tác bồi dưỡng, phát triển Đảng, đặc biệt công tác phát triển Đảng trong HSSV [1.9.03].

Đảng bộ xây dựng quy chế hoạt động của cấp uỷ theo quy định, luôn được Đảng bộ khối các cơ quan tỉnh Nam Định công nhận là Đảng bộ trong sạch vững mạnh.

Đảng bộ có 111 đảng viên/175 CCVC (chiếm tỷ lệ 63,4%), luôn phát huy được vai trò lãnh đạo và hoạt động theo những quy định của điều lệ, hiến pháp, pháp luật của Đảng và Nhà nước. Là hạt nhân chính trị, là lực lượng nòng cốt, là đơn vị nhiều năm đạt danh hiệu Đảng bộ trong sạch vững mạnh. Nhà trường liên tục đạt danh hiệu trường tiên tiến.

Đảng bộ luôn lãnh đạo nhà trường thực hiện tốt các đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, lãnh đạo tốt việc thực hiệnnhiệm vụ chính trị của nhà trường. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ, đảng viên, quần chúng và HSSV được đảm bảo và nâng cao.

Trong công tác theo dõi và chỉ đạo đối với một số tổ chức đoàn thể như công tác Đoàn thanh niên và tập thể các lớp HSSV chưa thật chặt chẽ và sát sao, hiệu quả chưa cao.

Đảng bộ nhà trường sẽ tiếp tục chỉ đạo toàn diện các mặt hoạt động của nhà trường, tạo ra động lực và phát huy mọi tiềm năng để phát triển nhà trường.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9, tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 10: Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong trường hoạt động theo đúng điều lệ của tổ chức mình và theo quy định của pháp luật, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của trường

Mô tả, phân tích, nhận định:

Các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh của nhà trường hoạt động theo điều lệ, có quy chế cụ thể. Nguyên tắc hoạt động của các tổ chức đoàn thể, hội của trường là tập trung dân chủ, phối hợp giáo dục và động viên đoàn viên, hội viên tham gia thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của nhà trường.

Trong những năm qua, hoạt động của các đoàn thể, hội trong trường góp phần thực hiện tốt mục tiêu, nguyên lý giáo dục, góp phần cùng với chính quyền đào tạo được đội ngũ giảng viên có phẩm chất đạo đức và năng lực chuyên môn tốt, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp phát triển [1.10.1].

Kết quả hoạt động của các tổ chức đoàn thể, hội trong trường hằng năm được đánh giá xếp loại tốt [1.10.2]. Công đoàn trường luôn hoàn thành tốt chức năng của một tổ chức chính trị xã hội, phát huy sức mạnh của toàn thể CCVC. Công đoàn có quy chế phối hợp hoạt động cụ thể với nhà trường. Ban chấp hành Công đoàn trường có kế hoạch làm việc cụ thể. Tổ chức Công đoàn trường luôn hoạt động có hiệu quả góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của nhà trường.

Đoàn TNCS Hồ Chí Minh thường xuyên tổ chức nhiều hoạt động giáo dục HSSV rèn luyện, tu dưỡng phẩm chất đạo đức, thi đua học tập, chấp hành nội quy, quy chế; nhiều hoạt động văn nghệ, thể thao, hội thi phù hợp với tuổi trẻ, thu hút đông đảo Đoàn viên, thanh niên tham gia. Với những thành tích nổi bật, Đoàn trường CĐCNNĐ đã được tỉnh Đoàn, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tặng nhiều bằng khen, giấy khen [1.10.3].

Hội Cựu chiến binh đã có những hình thức hoạt động phù hợp, góp phần hoàn thành nhiệm vụ chính trị của nhà trường.

Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong trường góp phần thực hiện tốt mục tiêu, nguyên lý giáo dục và hoạt động theo quy định của pháp luật.

Một số hoạt động của Công đoàn, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh chưa phong phú, chưa thực sự thu hút các đoàn viên công đoàn, HSSV.

Từ năm học 2017-2018, nhà trường dành kinh phí thỏa đáng hỗ trợ cho các hoạt động của các đoàn thể, đồng thời chỉ đạo các tổ chức đoàn thể, đặc biệt chú ý tới tổ chức công đoàn, xây dựng kế hoạch làm việc cụ thể để nâng cao chất lượng hoạt động, đề xuất và tổ chức các hoạt động phong phú đa dạng nhằm động viên hội viên thực hiện tốt nhiệm vụ được giao và tham gia tích cực các công tác xã hội.

Thành lập Hội HSSV trường CĐCNNĐ nhằm tập hợp đông đảo thanh niên HSSV tham gia các hoạt động phong trào, góp phần xây dựng nhà trường vững mạnh.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10, tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 11: Trường có quy định và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường theo quy định nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Hằng năm rà soát, cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Để nâng cao chất lượng và hiệu quả trong công tác đào tạo, năm 2010 Hiệu trưởng đã ký Quyết định thành lập Ban thanh tra giáo dục, năm 2011 Ban thanh tra giáo dục được đổi tên thành Phòng Thanh tra giáo dục. Ban thanh tra xây dựng kế hoạch thanh tra hằng năm trình Hiệu trưởng phê duyệt thực hiện chức năng thanh tra, kiểm tra định kỳ, thường xuyên và đột suất khi Giám hiệu yêu cầu. Đến tháng 9 năm 2016 để phù hợp với chức năng nhiệm vụ của nhà trường Hiệu trưởng đã ký quyết định sáp nhập phòng thanh tra và phòng QLKH&ĐBCL [1.11.01]

Việc tổ chức giảng dạy, quản lý quá trình học tập của HSSV trong thời gian lên lớp; thanh kiểm tra việc thực hiện lịch trình, tiến độ đào tạo, nội dung giảng dạy của các giảng viên trong trường và các đơn vị liên kết đào tạo. Ngoài ra trong năm học phòng QLKH&ĐBCL xây dựng kế hoạch dự giờ giảng viên phối kết hợp với phòng thanh tra giáo dục, phòng đào tạo kiểm tra nghiệp vụ giảng dạy của giảng viên các khoa [1.11.02], [1.11.03].

Qua kết quả thanh tra, kiểm tra, nhà trường đã thấy được những mặt tồn tại trong quá trình giảng dạy và bàn bạc, đề ra biện pháp khắc phục. Một trong những biện pháp đó là nhà trường đã điều chỉnh từng bước phương pháp dạy học truyền thống bằng phương pháp dạy học tích cực có sự hỗ trợ của các phương tiện kỹ thuật hiện đại .

Để hoạt động giảng dạy nhà trường duy trì nề nếp, nhà trường đã có kế hoạch bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ giáo viên, đồng thời có những cải tiến về phương pháp và công cụ kiểm tra như: việc kiểm tra định kỳ tiến hành đối với toàn bộ cán bộ giáo viên của các khoa, tổ bộ môn. Trong tháng trong quý kiểm tra đột suất một

số cán bộ giáo viên, hoặc ủy quyền cho các trưởng đơn vị kiểm tra, hoặc thực hiện kiểm tra chéo giữa các đơn vị trong trường [1.11.02], [1.11.04].

Lập kế hoạch thanh, kiểm tra đào tạo cụ thể ngay từ đầu năm học và thực hiện đúng tiến độ đã đề ra. Quá trình thực hiện minh bạch, rõ ràng, công khai các vấn đề, cuối tháng phòng thanh tra tổng hợp kết quả thanh kiểm tra trong tháng báo cáo ban Giám hiệu nhà trường để lãnh đạo trường có những chỉ đạo giải quyết những vướng mắc kịp thời tạo niềm tin cho cán bộ, giáo viên và HSSV trong trường

Hoạt động thanh kiểm tra mới chỉ tập trung nhiều cho nâng cao chất lượng đào tạo tại trường. Đối với các cơ sở liên kết đào tạo với nhà trường cần bố trí nhân lực giám sát các hoạt động thường xuyên báo cáo phản ánh thông tin cho lãnh đạo trường để có những chỉ đạo kịp thời

Trong năm học 2020-2021, trường sẽ xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác thanh kiểm tra (thanh tra nhân dân, thanh tra đào tạo) về nghiệp vụ thanh tra do cấp trên tổ chức. Đưa công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát là công việc thường xuyên

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11, tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 12: Trường có văn bản và thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được hưởng thụ; thực hiện chính sách bình đẳng giới theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường CĐCNNĐ trực thuộc Bộ Công thương là môi trường đào tạo ra nguồn nhân lực cho xã hội. Nhà trường luôn luôn xây dựng trường là một môi trường học tập và rèn luyện. Vì vậy các chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được hưởng thụ; chính sách bình đẳng giới luôn luôn được thực hiện theo đúng quy định và chủ trương của Đảng, Nhà nước.

Các chế đội ưu đãi đối với Nhà giáo, với người học là con em Thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, con em dân tộc thiểu số, hộ nghèo đi học và người học các ngành, nghề trọng điểm được nhà trường luôn chú trọng và triển khai một cách kịp thời.

Hằng năm nhà trường đều rà soát, xét nâng bậc lương và phụ cấp thâm niên cho cán bộ giảng viên toàn trường 6 tháng một lần [1.12.01]. Các chế độ phụ cấp nghề nghiệp được thực hiện điều chỉnh đúng đối tượng được hưởng thụ [1.12.02].

Đối với học sinh - sinh viên có kết quả học tập khá, giỏi nhà trường luôn có quyết định khen thưởng động viên kịp thời.

Trường trực thuộc Bộ Công Thương nên các chế độ chính sách về ưu đãi của nhà nước đối với cán bộ, giảng viên và HSSV luôn luôn được triển khai thực hiện ngay sau khi nhà nước ban hành [1.12.03], [1.12.04].

Những văn bản, quy định thực hiện chế độ của trường ban hành đôi khi chưa được cập nhật kịp thời khi chế độ chính sách của nhà nước có sự thay đổi, điều chỉnh.

Trường tiếp tục triển khai, ban hành các văn bản quy định cụ thể phù hợp với tình tình hình thực tế của nhằm đảm bảo đúng chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng theo qui định của nhà nước [1.12.05].

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12, tiêu chí 1: 1 điểm

3.2.2. Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo

Đánh giá tổng quát tiêu chí 2:

Mở đầu:

Trường đã chấp hành đầy đủ, nghiêm túc các thông tư, quy chế, quy định của Bộ GD&ĐT, Bộ LĐTBXH về công tác tuyển sinh, tổ chức các hoạt động đào tạo; kịp thời tiếp thu kinh nghiệm, nghiên cứu, ứng dụng công nghệ thông tin, các xu hướng tích cực, tiến bộ của thế giới và trong nước về công tác đào tạo, gắn hoạt động đào tạo với nhu cầu phát triển xã hội, nhu cầu nhân lực địa phương; từng bước nâng cao vị thế, vai trò của trường với xã hội.

* *Những điểm mạnh*:

- Công tác tuyển sinh của trường được thực hiện theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT; Bộ LĐTBXH, hình thức, chỉ tiêu, đối tượng, kết quả tuyển sinh các năm đều được trường thông báo công khai.

- Công tác xây dựng chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo được thực hiện theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT, Bộ LĐTBXH. Kết quả xây dựng các năm đều được trường thông báo công khai.

- Công tác đa dạng hóa phương thức tổ chức đào tạo, đổi mới phương pháp dạy và học được trường hết sức quan tâm, tổ chức bồi dưỡng về phương pháp và có sự đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học hiện đại, nhiều cán bộ giảng viên của trường đã áp dụng công nghệ thông tin, internet vào giảng dạy trên 50% giáo án điện tử được giảng viên thực hiện khi lên lớp.

- Trường đã thực hiện tổ chức đào tạo theo mục tiêu và nội dung chương trình nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp, xây dựng kế hoạch giảng dạy, tiến độ giảng dạy kịp thời và phù hợp.

- Việc lưu trữ kết quả học tập của người học được trường thực hiện nghiêm túc, chính xác. Kết quả học tập của người học được quản lý, lưu trữ an toàn và đầy đủ.

- Kết quả học tập của sinh viên được công bố công khai trên mạng thông qua phần mềm quản lý đào tạo.

- Kết quả tốt nghiệp của sinh viên, lịch giảng dạy của giảng viên được công bố công khai trên mạng.

- Công tác tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học được nhà trường thực hiện theo đúng kế hoạch, khách quan, chính xác và đảm bảo đúng quy định, việc đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học được trường coi trọng và triển khai thực hiện theo quy chế. Giám hiệu đã có các chỉ đạo thực hiện các quy chế và các hình thức thi, kiểm tra.

- Các kỳ thi được thực hiện nghiêm túc đúng quy chế, khách quan, công bằng và chính xác.

- Đánh giá được khách quan công tác giảng dạy của giảng viên thông qua phiếu lấy ý kiến của sinh viên.

- Hằng năm Trường luôn ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng chứng chỉ theo quy định.

** Những tồn tại:*

- Trong những năm gần đây công tác tuyển sinh của Trường do nhiều nguyên nhân (chủ yếu là nguyên nhân khách quan) mà công tác tuyển sinh chưa đủ hết các ngành nghề mà Bộ cho phép đào tạo.

- Một số ngành nghề đào tạo khó tuyển sinh do người học đăng ký không nhiều.

- Trong phương pháp dạy và học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu của người học đã được quan tâm và tổ chức nhiều hội thảo để nâng cao chất lượng đào tạo theo học chế tín chỉ, xong năng lực tự học tự nghiên cứu của người học vẫn còn nhiều hạn chế.

- Một số giảng viên chưa mạnh dạn, tâm huyết với việc đổi mới nội dung, phương pháp dạy học mới.

- Một số giảng viên còn chưa ứng dụng công nghệ thông tin trong việc giảng dạy, việc sử dụng máy tính còn hạn chế.

- Chưa kiểm soát chặt chẽ được hoạt động học của học sinh, vẫn còn hiện tượng học sinh bỏ học, bỏ thi.

- Việc kiểm tra hoạt động dạy của giảng viên đôi lúc chưa triệt để do còn e dè, nể nang.

- Việc khảo sát lấy ý kiến phản hồi về chất lượng đào tạo từ phía doanh nghiệp sử dụng lao động chưa được tiến hành thường xuyên và có hệ thống.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

- Trường luôn chủ động có các công văn, văn bản đề nghị bộ cấp chỉ tiêu cho các ngành nghề đào tạo ngay từ đầu năm học về công tác tuyển sinh phấn đấu đạt chỉ tiêu được giao.

- Thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng về phương pháp dạy học mới, phương pháp dạy học hiện đại, cử các giảng viên tham gia các lớp bồi dưỡng kỹ năng nghề. Phát huy và nhân rộng những tiết dạy học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và tinh thần hợp tác của người học

- Trường tiếp tục cập nhật các quy chế đào tạo mới của Bộ, đồng thời khảo sát nhu cầu nguồn nhân lực của các doanh nghiệp, mở thêm ngành nghề mới đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động, cán bộ kỹ thuật của các doanh nghiệp

- Trường tiếp tục phối hợp chặc chẽ hơn với các Trung tâm GDTX, phòng chức năng phối hợp cùng các khoa chuyên môn trong Trường để xây dựng kế hoạch, tiến độ

và thời khóa biểu phù hợp, không bị chồng chéo lịch giảng dạy, đồng thời thực hiện tổ chức theo đúng tiến độ đã được phê duyệt.

- Trường tiếp tục khảo sát nhu cầu nguồn nhân lực của các doanh nghiệp, chuyển đổi các ngành nghề đào tạo theo hướng GDNN, đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động, cán bộ kỹ thuật của các doanh nghiệp.

- Đầu tư kinh phí, trang thiết bị hệ thống lưu trữ chuyên dụng để đảm bảo an toàn, chính xác kết quả người học. Đầu tư phần mềm quản lý điểm để việc nhập điểm và quản lý điểm khách quan hơn, chính xác hơn. Đẩy mạnh hình thức tổ chức quản lý theo hướng ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học.

- Tăng cường công tác kiểm tra hoạt động dạy của giảng viên đồng thời đẩy mạnh hình thức thi trắc nghiệm khách quan. Tiếp tục hoàn thiện ngân hàng đề thi.

- Triển khai lấy ý kiến của HSSV và các nhà sử dụng lao động về chất lượng đào tạo của trường để có kế hoạch điều chỉnh hoạt động đào tạo cho phù hợp với yêu cầu của doanh nghiệp và xã hội.

- Khảo sát điều tra định kì về tình hình HSSV sau khi tốt nghiệp để nắm được năng lực chuyên môn của người học và thu nhập của họ sau khi ra trường.

- Thành lập hội cựu sinh viên, xây dựng kế hoạch điều tra, khảo sát nắm bắt tình hình HSSV của trường sau khi đã tốt nghiệp ra trường.

Điểm đánh giá tiêu chí 2

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 2	**17**
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1
Tiêu chuẩn 7	1
Tiêu chuẩn 8	1
Tiêu chuẩn 9	1
Tiêu chuẩn 10	1
Tiêu chuẩn 11	1
Tiêu chuẩn 12	1
Tiêu chuẩn 13	1
Tiêu chuẩn 14	1
Tiêu chuẩn 15	1
Tiêu chuẩn 16	1
Tiêu chuẩn 17	1

Tiêu chuẩn 1: Các ngành, nghề đào tạo của trường được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN. Trường ban hành chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo và công bố công khai để người học và xã hội biết.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hằng năm Trường luôn thực hiện nghiêm túc các công văn xin chỉ tiêu đào tạo từ Bộ giáo dục & Đào tạo, Bộ LĐTBXH. Các ngành nghề đào tạo hằng năm của Trường luôn thực hiện theo đúng thông báo chỉ tiêu được giao và chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN [2.1.01].

Trong năm 2017, căn cứ các công văn chỉ đạo của Bộ LĐTBXH, Trường xây dựng các thủ tục xin chuyển đổi các ngành nghề đào tạo theo hướng GDNN và đã được Bộ LĐTBXH cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN [2.1.01].

Hằng năm Trường luôn thực hiện các thủ tục để ban hành chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo, đồng thời công bố công khai trên website của Trường [2.1.02]; [2.1.03].

Công tác xây dựng chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo được thực hiện theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT, Bộ LĐTBXH. Kết quả xây dựng các năm đều được trường thông báo công khai.

Trong những năm gần đây công tác tuyển sinh của Trường do nhiều nguyên nhân (chủ yếu là nguyên nhân khách quan) mà công tác tuyển sinh chưa rải đều hết các ngành nghề mà Bộ cho phép đào tạo.

Trường luôn chủ động có các công văn, văn bản đề nghị bộ cấp chỉ tiêu cho các ngành nghề đào tạo ngay từ đầu năm học về công tác tuyển sinh phấn đấu đạt chỉ tiêu được giao.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2: Trường xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hằng năm căn cứ vào quy chế tuyển sinh do Bộ ban hành, Trường xây dựng kế hoạch tuyển sinh, phương án xét tuyển đối với các bậc đào tạo theo đúng quy định [2.2.01].

Các quy định về tuyển sinh, thông tin tuyển sinh và phương án xét tuyển được trường thông báo công khai tại trường, báo cáo các cơ quan quản lý trường như Bộ Công Thương, Bộ LĐTBXH, Sở LĐTBXH, Sở GD&ĐT tỉnh Nam Định và đăng công khai trên website của Trường [website: www.cnd.edu.vn].

Áp dụng nhiều hình thức tuyển sinh mới như đăng ký trực tuyến, mạng xã hội Facebook,....

Một số trang web về tuyển sinh của Trường còn chưa thực sự thu hút được học sinh người học, do đó hằng năm lượng học sinh đăng ký xét tuyển trực tuyến không nhiều.

Trường thường xuyên cập nhật những ứng dụng công nghệ thông tin mới trong công tác xây dựng phương án xét tuyển cũng nhưng quảng bá thông tin tuyển sinh và giới thiệu về Trường theo đúng quy định.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3: Hằng năm, trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Công tác tuyển sinh của trường hằng năm được đảm bảo thực hiện nghiêm túc, khách quan theo đúng quy chế tuyển sinh của Bộ LĐTBXH. Hằng năm, trường đã xác định chỉ tiêu tuyển sinh [2.3.01], xây dựng kế hoạch tuyển sinh, thông báo tuyển sinh, thành lập Hội đồng tuyển sinh để triển khai công tác tuyển sinh đúng quy trình và quy định [2.3.02]; [2.3.03]; [2.3.04]. Hình thức xét tuyển, đối tượng tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh mỗi bậc đào tạo được công bố trên cuốn *"Những điều cần biết về tuyển sinh"*, trên các thông tin quảng cáo về tuyển sinh của trường cũng như trên đài phát thanh, truyền hình, các tờ quảng cáo.

Kết quả xét tuyển, phương án xét tuyển và danh sách thí sinh trúng tuyển được trường thông báo công khai tại trường, báo cáo các cơ quan quản lý trường như Bộ Công Thương, Bộ LĐTBXH, sở LĐTBXH, sở GD&ĐT tỉnh Nam Định [2.3.05], [2.3.06].

Công tác tuyển sinh của trường được đảm bảo thực hiện công bằng, khách quan, theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT; Bộ LĐTBXH. Trong những năm qua, trường không để xảy ra hiện tượng sai phạm nào trong công tác tuyển sinh.

Công tác tuyển sinh của trường được thực hiện theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT; Bộ LĐTBXH. Hình thức, chỉ tiêu, đối tượng, kết quả tuyển sinh các năm đều được trường thông báo công khai.

Từ năm 2016 trở lại đây công tác tuyển sinh hệ Cao đẳng chính quy của trường sụt giảm do nhiều nguyên nhân (chủ yếu là nguyên nhân khách quan) mà công tác tuyển sinh chưa đạt được theo chỉ tiêu được giao.

Một số ngành nghề đào tạo khó tuyển sinh do người học đăng ký không nhiều.

Trường luôn chủ động xây dựng kế hoạch ngay từ đầu năm học về công tác tuyển sinh phấn đấu đạt chỉ tiêu được giao.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4: Thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học

Mô tả, phân tích, nhận định:

Những năm gần đây ngoài việc tổ chức đào tạo tại trường, tại các doanh nghiệp, nhà trường còn liên kết đào tạo tại các trung tâm Giáo dục nghề nghiệp, Giáo dục

Thường xuyên cho đối tượng các em vừa học văn hóa THPT và học nghề tại các tỉnh như: Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Quảng Trị...

Thực hiện đa dạng hóa phương thức tổ chức đào tạo, đổi mới phương pháp dạy và học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu đã được Đảng ủy, ban Giám hiệu quán triệt, chỉ đạo cán bộ, giảng viên và học sinh-sinh viên hưởng ứng và thực hiện nghiêm túc. Hằng năm Giám hiệu chỉ đạo hội giảng, hội học tìm ra các phương pháp dạy học tích cực từ cấp khoa, cấp trường. Trường cũng đã cử các giảng viên tham gia các lớp bồi dưỡng tập huấn để nâng cao kỹ năng nghề, tiếp cận phương pháp dạy học mới trong dạy học phục vụ nhiệm vụ đào tạo [2.4.01]. Trường cũng đã xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá giờ dạy của giảng viên, lấy ý kiến của sinh viên về chất lượng giảng dạy của giảng viên [2.4.02], [2.4.03].

Công tác đa dạng hóa phương thức tổ chức đào tạo, đổi mới phương pháp dạy và học được trường hết sức quan tâm, tổ chức bồi dưỡng về phương pháp và có sự đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học hiện đại, nhiều cán bộ giảng viên của trường đã áp dụng công nghệ thông tin, internet vào giảng dạy trên 50% giáo án điện tử được giảng viên thực hiện khi lên lớp.

Trong phương pháp dạy và học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu của người học đã được quan tâm và tổ chức nhiều hội thảo để nâng cao chất lượng đào tạo theo học chế tín chỉ, xong năng lực tự học, tự nghiên cứu của người học vẫn còn nhiều hạn chế.

Một số giảng viên chưa mạnh dạn, tâm huyết với việc đổi mới nội dung, phương pháp dạy học mới.

Thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng về phương pháp dạy học mới, phương pháp dạy học hiện đại, cử các giảng viên tham gia các lớp bồi dưỡng kỹ năng nghề. Phát huy và nhân rộng những tiết dạy học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và tinh thần hợp tác của người học.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5: Trường xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành hoặc nghề, theo từng học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường đã tổ chức đào tạo theo đúng mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo của từng mã ngành cụ thể. Để triển khai thực hiện tốt việc đào tạo theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo, hằng năm trường đều tiến hành xây dựng tiến độ giảng dạy, kế hoạch giảng dạy, thời khóa biểu và nhiệm vụ năm học, khóa học [2.5.01]; [2.5.02].

Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng học phần, mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy theo quy chế đào tạo [2.5.03].

Trường đã thực hiện tổ chức đào tạo theo mục tiêu và nội dung chương trình nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp, xây dựng kế hoạch giảng dạy, tiến độ giảng dạy kịp thời và phù hợp.

Trên địa bàn khu vực trường đào tạo một số ngành nghề có nhu cầu nhưng số lượng nhỏ nên trường chưa thể đáp ứng đầy đủ được tất cả các nghề theo nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp trên khu vực trường đóng.

Trường tiếp tục cập nhật các quy chế đào tạo mới của Bộ, đồng thời khảo sát nhu cầu nguồn nhân lực của các doanh nghiệp, mở thêm ngành nghề mới đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động, cán bộ kỹ thuật của các doanh nghiệp

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 6: Trường tổ chức thực hiện theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường đã tổ chức các quy trình đào tạo, thực hiện nhiệm vụ năm học, thực hiện giảng dạy theo đúng kế hoạch đào tạo, tiến độ giảng dạy [2.6.01], [2.6.02].

Hằng năm căn cứ và tiến độ giảng dạy, kế hoạch giảng dạy trường đều tiến hành xây dựng thời khóa biểu và nhiệm vụ năm học, khóa học [2.6.03].

Trường đã thực hiện tổ chức đào tạo theo mục tiêu và nội dung chương trình nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp, xây dựng kế hoạch giảng dạy, tiến độ giảng dạy kịp thời và thực hiện theo đúng kế hoạch đã được phê duyệt.

Trong những năm gần đây, tình hình tuyển sinh có nhiều khó khăn, Trường phải phối hợp với các Trung tâm GDNN - GDTX để tổ chức tuyển sinh và đào tạo trung cấp (đối tượng tốt nghiệp THCS). Do đặc thù giảng dạy ở các đơn vị khác nhau nên việc bố trí lịch giảng dạy, xây dựng kế hoạch đào tạo không chủ động

Trường tiếp tục phối hợp chặc chẽ hơn với các Trung tâm GDNN - GDTX, phòng chức năng phối hợp cùng các Khoa chuyên môn trong Trường để xây dựng kế hoạch, tiến độ và thời khóa biểu phù hợp, không bị chồng chéo lịch giảng dạy, đồng thời thực hiện tổ chức theo đúng tiến độ đã được phê duyệt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 7: Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường đã tổ chức các hoạt động đào tạo theo đúng mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo của từng mã ngành cụ thể đã được phê duyệt [2.7.01]; [2.7.02]; [2.7.03]. Để triển khai thực hiện tốt việc đào tạo theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo, hằng năm trường đều tiến hành xây dựng tiến độ giảng dạy, kế hoạch giảng dạy, thời khóa biểu và nhiệm vụ năm học, khóa học [2.7.04].

Nội dung chương trình đào tạo của Trường luôn đáp ứng được nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp, được các doanh nghiệp đánh giá cao đồng thời chủ động hợp đồng với Trường về đào tạo tuyển dụng lao động và bố trí việc làm cho sinh viên của Trường [2.7.05], [2.7.06].

Trường đã thực hiện tổ chức đào tạo theo mục tiêu và nội dung chương trình nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp, xây dựng kế hoạch giảng dạy, tiến độ giảng dạy kịp thời và phù hợp.

Trên địa bàn khu vực trường đào tạo một số ngành nghề có nhu cầu nhưng số lượng nhỏ nên trường chưa thể đáp ứng đầy đủ được tất cả các nghề theo nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp trên khu vực trường đóng.

Trường tiếp tục khảo sát nhu cầu nguồn nhân lực của các doanh nghiệp, chuyển đổi các ngành nghề đào tạo theo hướng GDNN, đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động, cán bộ kỹ thuật của các doanh nghiệp.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 8: Phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thực hiện đa dạng hóa phương thức tổ chức đào tạo, đổi mới phương pháp dạy và học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn đã được Đảng ủy, ban Giám hiệu quán triệt, chỉ đạo cán bộ, giảng viên và học sinh-sinh viên hưởng ứng và thực hiện nghiêm túc. Hằng năm Giám hiệu chỉ đạo hội giảng, hội học tìm ra các phương pháp dạy học tích cực từ cấp khoa, cấp trường nhằm phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm phù hợp với yêu cầu của các doanh nghiệp [2.8.01];

Trường cũng đã xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá giờ dạy của giảng viên, lấy ý kiến của sinh viên về chất lượng giảng dạy của giảng viên [2.8.02]; [2.8.03].

Công tác đổi mới phương pháp dạy và học được trường hết sức quan tâm, tổ chức bồi dưỡng về phương pháp và có sự đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học hiện đại, phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm. Phần lớn cán bộ giảng viên của trường đã áp dụng công nghệ thông tin, internet vào giảng dạy.

Trong phương pháp dạy và học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu của người học đã được quan tâm và tổ chức nhiều hội thảo để nâng cao chất lượng đào tạo theo học chế tín chỉ, xong năng lực tự học tự nghiên cứu của người học vẫn còn nhiều hạn chế.

Thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng về phương pháp dạy học mới, phương pháp dạy học hiện đại, cử các giảng viên tham gia các lớp bồi dưỡng kỹ năng nghề. Phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9, tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 9: Trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học

Mô tả, phân tích, nhận định:

Từ năm 2013, Trường đã đẩy mạnh công tác thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học. Phần lớn các giáo viên khi lên lớp đều sử dụng giáo án điện tử. Hệ thống quản lý việc dạy và học, quản lý điểm, khung chương trình đào tạo, lịch giảng dạy của giảng viên cũng được lưu trữ trên phần mềm quản lý đào tạo và được ghi chép đầy đủ trong sổ lên lớp [2.9.01]; [2.9.02]; [2.9.03].

Đặc biệt trường đã triển khai hệ thống thông tin quản lý tới toàn thể giáo viên, mỗi cán bộ giảng viên đều có hòm thư riêng của Trường để nhà trường thông báo và triển khai các nội dung trong công tác quản lý đào tạo.

Bên cạnh đó, Trường đã triển khai hệ thống quản lý hành chính điện tử; hệ thống họp, hội thảo, đồng thời, quản lý học sinh, quản lý giáo viên, quản lý thi, xếp thời khóa biểu, sổ quản lý điện tử; tích hợp với trang thông tin điện tử của nhà trường trên môi trường mạng [2.9.04].

Việc lưu trữ kết quả học tập của người học được trường thực hiện nghiêm túc, chính xác. Kết quả học tập của người học được quản lý, lưu trữ an toàn và đầy đủ.

Kết quả học tập của sinh viên được công bố công khai trên mạng thông qua phần mềm quản lý đào tạo.

Kết quả tốt nghiệp của sinh viên, lịch giảng dạy của giảng viên được công bố công khai trên mạng.

Trường chưa có tủ chuyên dụng để quản lý các bài thi học phần ở các khoa, khả năng phòng chống cháy nổ cho việc lưu trữ kết quả học tập của người học chưa cao, sử dụng và quản lý phần mềm đào tạo còn hạn chế nhất định.

Một số giảng viên còn chưa ứng dụng công nghệ thông tin trong việc giảng dạy, việc sử dụng máy tính còn hạn chế.

Hiện nay trường đã được trang bị hệ thống lưu trữ chuyên dụng để đảm bảo an toàn, chính xác kết quả người học. Có phần mềm quản lý điểm để việc nhập điểm và quản lý điểm khách quan hơn, chính xác hơn. Đẩy mạnh hình thức tổ chức quản lý theo hướng ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9 tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 10: Hằng năm trường có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường luôn thực hiện đúng quy chế đào tạo của Bộ GD&ĐT; Bộ LĐTBXH về kiểm tra, thi, đánh giá kết quả học tập của người học. Trường đã triển khai tổ chức các buổi học tập, phổ biến quán triệt sâu rộng trong toàn thể các cán bộ quản lý, giảng viên, bằng nhiều biện pháp tích cực nhằm giúp cho mọi người hiểu và thực hiện đúng theo kế hoạch giảng dạy [2.10.01]. Căn cứ vào quy chế và tình hình thực tế trường đã có các văn bản hướng dẫn cho một số nội dung cụ thể trong quy chế, đồng thời ban hành và xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá giờ dạy của giảng viên, lấy ý kiến của sinh viên về chất lượng giảng dạy của giảng viên [2.10.02]; [2.10.03].

Trường đã thành lập phòng Quản lý khoa học và Đảm bảo chất lượng chuyên phụ trách công tác đảm bảo chất lượng, tổ chức và xây dựng các kế hoạch kiểm tra hoạt động giảng dạy của giảng viên trên lớp, quản lý chặt chẽ ở tất cả các khâu [2.10.04].

Công tác đánh giá kết quả học tập của HSSV trong nhà trường được thực hiện theo các bậc đào tạo và theo quy chế giáo dục, đào tạo của Bộ GD&ĐT; Bộ LĐTBXH. Với hệ Cao đẳng chuyên nghiệp thực hiện theo quy chế 43 ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDDT của Bộ GD&ĐT và quy chế 345 ban hành kèm theo Quyết định số 345/QĐ-CĐCNNĐ của Trường CĐCNNĐ; Trung cấp chuyên nghiệp theo thông tư 22/2014/TT-BGDĐT; Dạy nghề theo quy chế 14 ban hành kèm theo Quyết định số 14/QĐ-BLĐTBXH. Từ năm 2017 áp dụng các quy chế mới của Bộ Lao động Thương binh & Xã hội.

Công tác tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học được nhà trường thực hiện theo đúng kế hoạch, khách quan, chính xác và đảm bảo đúng quy định, việc đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học được trường coi trọng và triển khai thực hiện theo quy chế. Giám hiệu đã có các chỉ đạo thực hiện các quy chế và các hình thức thi, kiểm tra.

Các kỳ thi được thực hiện nghiêm túc đúng quy chế, khách quan, công bằng và chính xác.

Đánh giá được khách quan công tác giảng dạy của giảng viên thông qua phiếu lấy ý kiến của sinh viên.

Chưa kiểm soát chặt chẽ được hoạt động học của học sinh, vẫn còn hiện tượng học sinh bỏ học, bỏ thi.

Việc kiểm tra hoạt động dạy của giảng viên đôi lúc chưa triệt để do còn e dè, nể nang.

Tăng cường công tác kiểm tra hoạt động dạy của giảng viên đồng thời đẩy mạnh hình thức thi trắc nghiệm khách quan. Tiếp tục hoàn thiện ngân hàng đề thi.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10, tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 11: Hằng năm, trường có báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học; có đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học; kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất nếu cần thiết.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hằng năm, trường có báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học [2.11.01], đồng thời Trường luôn thực hiện đúng quy chế đào tạo của Bộ GD&ĐT; Bộ LĐTBXH. về kiểm tra, thi, đánh giá kết quả học tập của người học. Căn cứ vào quy chế và tình hình thực tế trường đã có các văn bản hướng dẫn cho một số nội dung cụ thể trong quy chế, đồng thời ban hành và xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá giờ dạy của giảng viên, lấy ý kiến của sinh viên về chất lượng giảng dạy của giảng viên [2.11.02]; [2.11.03].

Trường đã thành lập phòng Quản lý khoa học và Đảm bảo chất lượng chuyên phụ trách công tác đảm bảo chất lượng, tổ chức và xây dựng các kế hoạch kiểm tra hoạt động giảng dạy của giảng viên trên lớp, quản lý chặt chẽ ở tất cả các khâu [2.11.04].

Trường đã đẩy mạnh công tác thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học. Phần lớn các giáo viên khi lên lớp đều sử dụng giáo án điện tử. Hệ thống quản lý việc dạy và học, quản lý điểm, khung chương trình đào tạo, lịch giảng dạy của giảng viên cũng được lưu trữ trên phần mềm quản lý đào tạo và được ghi chép đầy đủ trong sổ lên lớp và bảng điểm các học phần/môn học/mô đun [2.11.05]; [2.11.06]. Bên cạnh đó có đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học; kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo hướng GDNN.

Công tác tổ chức kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học được thực hiện thường niên, có quy mô và quy định cụ thể, đồng thời có đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học; kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo hướng GDNN. Từ năm 2017, thực hiện sự chỉ đạo của Bộ LĐTBXH Trường đã hoàn thiện các thủ tục chuyển đổi chương trình đào tạo theo hướng GDNN đã được Bộ phê duyệt.

Đánh giá được khách quan công tác giảng dạy của giảng viên thông qua phiếu lấy ý kiến của sinh viên.

Chưa kiểm soát chặt chẽ được hoạt động học của học sinh, vẫn còn hiện tượng học sinh bỏ học, bỏ thi.

Việc kiểm tra hoạt động dạy của giảng viên đôi lúc chưa triệt để do còn e dè, nể nang.

Tăng cường công tác kiểm tra hoạt động dạy của giảng viên đồng thời đẩy mạnh hình thức thi trắc nghiệm khách quan. Tiếp tục hoàn thiện ngân hàng đề thi.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11, tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 12: Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng chứng chỉ theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hằng năm, trường Ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện [2.5.03], đồng thời Trường luôn thực hiện đúng quy chế đào tạo của Bộ GD&ĐT; Bộ LĐTBXH. về kiểm tra, thi, đánh giá kết quả học tập của người học. Căn cứ kế hoạch đào tạo vào quy chế đào tạo, Trường đã có quyết định thành lập Hội đồng thi tốt nghiệp, Hội đồng xét tốt nghiệp, xây dựng các quyết định đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp, quyết định công nhận tốt nghiệp [2.12.01]; [2.12.02]; [2.12.03]; [2.12.04];

Trường đã đẩy mạnh công tác thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học. Phần lớn các giáo viên khi lên lớp đều sử dụng giáo án điện tử. Hệ thống quản lý việc dạy và học, quản lý điểm, khung chương trình đào tạo, lịch giảng dạy của giảng viên cũng được lưu trữ trên phần mềm quản lý đào tạo và được ghi chép đầy đủ trong sổ lên lớp [2.12.05]; [2.12.06]; [2.12.07].

Hằng năm số liệu thống kê về người tốt nghiệp, văn bằng tốt nghiệp được nhà trường thông báo công khai và thực hiện theo quy định của Bộ GD&ĐT; Bộ LĐTBXH. [2.12.08]; [2.12.09]; .

Hằng năm Trường luôn ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng chứng chỉ theo quy định [2.12.10].

Thường xuyên cập nhật các quy định mới của Bộ GD&ĐT, Bộ LĐTBXH về về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng chứng chỉ

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12, tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 13: Trong quá trình đánh giá kết quả học tập của người học có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hằng năm, Trường luôn thực hiện đúng quy chế đào tạo của Bộ GD&ĐT; Bộ LĐTBXH. về kiểm tra, thi, đánh giá kết quả học tập của người học. Căn cứ kế hoạch đào tạo vào quy chế đào tạo, Trường đã có quyết định thành lập Hội đồng thi tốt nghiệp, Hội đồng xét tốt nghiệp, xây dựng các quyết định đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp, quyết định công nhận tốt nghiệp [2.13.01]; [2.13.02]; [2.13.03]; [2.13.04];

Trường đã có kế hoạch thực hiện việc đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau khi ra trường cụ thể: Cuối khóa đưa người học đi thực tập tại các doanh nghiệp và được bố trí vào các dây chuyền sản xuất thông qua đó đánh giá chất lượng đào tạo và khả năng thích ứng của họ với thực tiễn sản xuất đồng thời đi khảo sát nhiều doanh nghiệp trong khu vực về HSSV của trường sau khi tốt nghiệp ra trường có đáp ứng được các công việc và yêu cầu của doanh nghiệp không để điều chỉnh nội dung chương trình đào tạo cho phù hợp. Qua khảo sát về cơ bản HSSV của trường sau khi tốt nghiệp ra đáp ứng được phần lớn các yêu cầu của nhà tuyển dụng. Trên cơ sở đó mà trường có kế hoạch điều chỉnh chương trình đào tạo cho phù hợp với yêu cầu các doanh nghiệp [2.13.05].

Trường cũng đã từng bước xây dựng các phiếu hỏi phỏng vấn sinh viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của trường, xây dựng các phiếu góp ý của các doanh nghiệp sử dụng lao động [2.13.06]; [2.13.07].

Trường đã có kế hoạch điều chỉnh hoạt động đào tạo như doanh nghiệp tham gia phản biện, đánh giá chương trình đào tạo, tham gia đánh giá kết quả học tập và quá trình thực tập của học sinh - sinh viên nhà trường. Các hoạt động đào tạo của trường được triển khai với mục tiêu nhằm đáp ứng các yêu cầu nguồn nhân lực của ngành và các thành phần kinh tế.

Việc khảo sát lấy ý kiến phản hồi về chất lượng đào tạo từ phía doanh nghiệp sử dụng lao động chưa được tiến hành thường xuyên và có hệ thống.

Từ năm học 2017-2018 trường triển khai lấy ý kiến của HSSV và các nhà sử dụng lao động về chất lượng đào tạo của trường để có kế hoạch điều chỉnh hoạt động đào tạo cho phù hợp với yêu cầu của doanh nghiệp và xã hội.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 13, tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 14: Tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm túc khách quan

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện theo đúng quy chế đào tạo [2.14.01], đồng thời Trường luôn thực hiện đúng quy chế đào tạo của Bộ GD&ĐT; Bộ LĐTBXH về kiểm tra, thi, đánh giá kết quả học tập của người học. Căn cứ kế hoạch đào tạo vào quy chế đào tạo, Trường đã có quyết định thành lập Hội đồng thi tốt nghiệp, Hội đồng xét tốt nghiệp, xây dựng các quyết định đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp, quyết định công nhận tốt nghiệp [2.14.02]; [2.14.03]; [2.14.04]; [2.14.05];

Trường đã thành lập phòng Quản lý khoa học và Đảm bảo chất lượng chuyên phụ trách công tác đảm bảo chất lượng, tổ chức thi kết thúc học phần, thi tốt nghiệp đúng quy chế, nghiêm túc, chặt chẽ ở tất cả các khâu.

Cộng tác tuyển sinh theo đúng quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, Bộ LĐTBXH, quy trình tổ chức nghiêm túc, chặt chẽ ở tất cả các khâu.

Các kỳ tuyển sinh và tốt nghiệp đều có thanh tra, kiểm tra tuyển sinh đầu vào và thi tốt nghiệp . Các kỳ thi học phần có sự giám sát của Giám hiệu, bộ phận Thanh tra giáo dục và phòng Đào tạo nhà trường. Đặc biệt trường đã thực hiện cuộc vận động "Nói không với tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích trong giáo dục" của Bộ GD&ĐT

Phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được đa dạng hóa với tất cả các hình thức: Tự luận, vấn đáp, trắc nghiệm. Lịch thi của các lớp được thông báo trước kỳ thi theo đúng qui chế đào tạo.

Công tác đánh giá kết quả học tập của HSSV trong nhà trường được thực hiện theo các bậc đào tạo và theo quy chế giáo dục, đào tạo của Bộ GD&ĐT, Bộ LĐTBXH. Với hệ Cao đẳng chuyên nghiệp thực hiện theo quy chế 43 ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDDT của Bộ GD&ĐT và quy chế 345 ban hành kèm theo Quyết định số 345/QĐ-CĐCNNĐ của Trường CĐCNNĐ; Trung cấp chuyên nghiệp theo thông tư 22/2014/TT-BGDĐT; Dạy nghề theo quy chế 14 ban hành kèm theo Quyết định số 14/QĐ-BLĐTBXH. Trường đang tiến hành xây dựng hoàn thiện các bộ đề thi cho từng học phần, môn học, module với số lượng đề thi phong phú, chất lượng phù hợp với từng chương trình đào tạo.

Hệ thống quản lý việc dạy và học, quản lý điểm, khung chương trình đào tạo, lịch giảng dạy của giảng viên cũng được lưu trữ trên phần mềm quản lý đào tạo và được ghi chép đầy đủ trong sổ lên lớp [2.14.06]; [2.14.07];

Nhà trường đã thực hiện việc chấm thi theo đúng quy chế và thông báo công khai kết quả học tập và rèn luyện cho HSSV trên Website của trường. HSSV tốt nghiệp được công khai kết quả học tập và rèn luyện toàn khóa học [2.14.05].

Quá trình cấp phát bằng được lưu trữ và thực hiện theo đúng thời gian quy định của Bộ GD&ĐT, Bộ LĐTBXH [2.14.08]; [2.14.09] [2.14.10]

Công tác đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học được trường coi trọng và triển khai thực hiện theo quy chế. Giám hiệu đã có các chỉ đạo thực hiện các quy chế và các hình thức thi, kiểm tra.

Các kỳ thi được thực hiện nghiêm túc đúng quy chế, khách quan, công bằng và chính xác.

Trường thực hiện đa dạng về phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học đảm bảo phù hợp với các hình thức đào tạo, hình thức học tập và đặc thù học phần; đảm bảo mặt bằng chất lượng giữa các hình thức đào tạo.

Văn bằng tốt nghiệp và chứng chỉ học tập được cấp theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT, Bộ LĐTBXH.

Công tác thống kê phân tích định lượng các kết quả thi chưa được thực hiện thường xuyên. Hình thức thi trắc nghiệm khách quan chưa áp dụng phổ biến với tất cả các học phần.

Từ năm học 2017-2018 trường thực hiện công tác thống kê phân tích định lượng các kết quả kỳ thi một cách định kỳ để có biện pháp điều chỉnh quy trình, phương pháp và

công cụ kiểm tra đánh giá. Tăng cường hình thức thi trắc nghiệm khách quan. Tiếp tục hoàn thiện ngân hàng đề thi.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 14, tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 15: Hằng năm trường thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng chứng chỉ và kịp thời điều chỉnh nếu cần thiết

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hằng năm trường thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng chứng chỉ theo đúng quy chế đào tạo [2.15.01]; [2.15.02], đồng thời có kế hoạch kịp thời điều chỉnh, cập nhật các quy chế và thông tư mới trong đào tạo [2.15.03]; [2.15.04].

Trường phân công một viên chức chuyên trách đảm nhiệm việc cấp phát văn bằng tốt nghiệp, chứng chỉ học tập theo quy định và được luân phiên theo quy định. Công tác thanh kiểm tra việc cấp phát văn bằng, chứng chỉ thường xuyên được duy trì.

Kết quả học tập, văn bằng tốt nghiệp và chứng chỉ của người học đã được công bố trên trang Website của trường tuy nhiên hệ thống mạng của trường còn hạn chế vì đang trong quá trình nâng cấp và cải tiến.

Hàng năm thường xuyên xây dựng kế hoacfhj rà soát đầu tư kinh phí, trang thiết bị hệ thống lưu trữ chuyên dụng để đảm bảo an toàn, chính xác kết quả người học. Đầu tư phần mềm quản lý điểm để việc nhập điểm và quản lý điểm khách quan hơn, chính xác hơn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 15, tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 16: Trường có hướng dẫn và tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông theo quy định

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường đã tổ chức đào tạo liên thông theo đúng mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo của từng mã ngành cụ thể [2.16.01]. Để triển khai thực hiện tốt việc đào tạo liên thông theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo, hằng năm trường đều tiến hành xây dựng Quy chế tuyển sinh, thông báo tuyển sinh [2.16.02]; [2.16.03]; thực hiện các thủ tục tuyển sinh và thành lập lớp [2.16.04]; [2.16.05]; [2.16.06]

Hình thức tổ chức đào tạo thực hiện theo đúng quy định cả Trường và theo đúng quy chế đào tạo của Bộ ban hành [2.16.07];

Trường đã thực hiện tổ chức đào tạo theo mục tiêu và nội dung chương trình nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp, xây dựng kế hoạch giảng dạy, tiến độ giảng dạy, đào tạo liên thông kịp thời và phù hợp.

Trên địa bàn khu vực trường đào tạo một số ngành nghề có nhu cầu nhưng số lượng nhỏ nên trường chưa thể đáp ứng đầy đủ được tất cả các nghề theo nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp trên khu vực trường đóng.

Số lượng tuyển sinh liên thông những năm gần đây không nhiều và thường không đảm bảo chỉ tiêu đặt ra.

Trường tiếp tục cập nhật, tìm hiểu, khảo sát nhu cầu nguồn nhân lực của các doanh nghiệp, mở rộng quy mô tuyển sinh liên thông, mở thêm ngành nghề mới đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động, cán bộ kỹ thuật của các doanh nghiệp

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 16, tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 17: Trường có cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường có đầy đủ dữ liệu về hoạt động đào tạo của trường: Số liệu về công tác tuyển sinh các năm [2.17.01]; nội dung chương trình giáo dục và chương trình chi tiết [2.17.02]; [2.17.03]; [2.17.04]; kế hoạch đào tạo, tiến độ giảng dạy [2.17.05]; [2.17.06]; Quy chế đào tạo [2.17.07]; danh sách HSSV tốt nghiệp hằng năm, hệ thống hồ sơ lưu giữ, cấp phát văn bằng tốt nghiệp, chứng chỉ học tập [2.17.08]; [2.17.09];

Tư liệu tổng hợp HSSV tốt nghiệp được lưu trữ, quản lý theo các quy định hiện hành [2.17.10];

Nhà trường cũng có đầy đủ dữ liệu về cơ sở vật chất phục vụ đào tạo, đảm bảo tốt cho các hoạt động giảng dạy của giảng viên và hoạt động học của học sinh – sinh viên [2.17.11];

Trường có đầy đủ dữ liệu về hoạt động đào tạo và số lượng học sinh - sinh viên tốt nghiệp ra trường. Các dữ liệu trên được quản lý chặt chẽ, an toàn.

Nhà trường chưa triển khai được việc khảo sát tình hình việc làm và thu nhập của HSSV khi ra trường một cách đầy đủ và hệ thống.

Từ năm học 2017-2018 trường có kế hoạch khảo sát điều tra định kì về tình hình HSSV sau khi tốt nghiệp để nắm được năng lực chuyên môn của người học và thu nhập của họ sau khi ra trường.

Thành lập hội cựu sinh viên, xây dựng kế hoạch điều tra, khảo sát nắm bắt tình hình HSSV của trường sau khi đã tốt nghiệp ra trường.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 17, tiêu chí 2: 1 điểm

3.2.3. Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động

<u>Đánh giá tổng quát tiêu chí 3:</u>

Mở đầu:

Đội ngũ Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động phát triển khá đồng bộ với sự phát triển quy mô đào tạo, đáp ứng yêu cầu thực hiện sứ mạng, mục tiêu của trường. Tính đến 30/11/2018, Trường có 191 CCVC trong đó 156GV/35 chuyên viên và nhân viên phục vụ. Đội ngũ này được tuyển dụng, quy hoạch, bổ nhiệm theo những tiêu chí rõ ràng, minh bạch, tuân theo quy định của Bộ LĐTBXH, Bộ Công Thương, trường CĐCNNĐ. Đội ngũ cán bộ viên chức có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực quản lý và chuyên môn phù hợp, được tạo điều kiện bồi dưỡng để

nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ trong nước và ngoài nước, được đánh giá định kỳ và hoàn thành nhiệm vụ được giao. Bằng chính sách tuyển dụng công khai, khách quan và chế độ thi đua khen thưởng, Trường có đủ Giảng viên đảm bảo trình độ chuẩn để thực hiện hoạt động đào tạo, NCKH và đạt tỷ lệ trung bình 19 HSSV/GV theo Quy định của Bộ LĐTBXH - Tổng cục GDNN. Đội ngũ nhà giáo trường phát triển cân đối, được phân công giảng dạy đúng chuyên ngành, có trình độ ngoại ngữ và tin học đáp ứng yêu cầu. Các quyền dân chủ tại trường được đảm bảo tốt.

** Những điểm mạnh*:

Trường thực hiện nghiêm túc các văn bản hướng dẫn, nghị định, quy định của chính phủ về công tác tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, CBVC, GV theo từng năm và từng giai đoạn rõ ràng cụ thể, có nội dung chiến lược phát triển cán bộ trong chiến lược chung của trường.

Trường có quy hoạch bổ nhiệm CBQL đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ phù hợp với điều kiện cụ thể của trường.

Trường có đội ngũ giảng viên cơ hữu đạt chuẩn theo quy định, các giảng viên được phân công giảng dạy đúng chuyên ngành đào tạo. Giảng viên được bồi dưỡng ngoại ngữ và tin học có đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đào tạo và NCKH.

Nhiều năm qua, Nhà trường đã xây dựng rõ Quy chế, quy định trong trường học, từ đó đã tạo điều kiện cho mọi cán bộ, giảng viên thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định, không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của nhà trường.

Trường có đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn và năng lực quản lý, số lượng giảng viên có trình độ Tiến sĩ và Thạc sĩ chiếm tỷ lệ cao đáp ứng nhu cầu đào tạo của Trường. Đây cũng là một lợi thế cho thế hệ giảng viên trẻ học hỏi kinh nghiệm và kiến thức chuyên môn để hoàn thiện mình hơn trong công tác giảng dạy. Bên cạnh đó, Trường đã chú ý đến việc bồi dưỡng và nâng cao nghiệp vụ cho đội ngũ chuyên viên, kỹ thuật, Nhân viên; có nhiều phòng, trung tâm 100% nhân viên đạt chuẩn về trình độ nghiệp vụ.

** Những tồn tại*:

Việc luân chuyển cán bộ, giáo viên mấy năm gần đây tuy đã được thực hiện thường xuyên nhưng vẫn còn chưa thực sự phù hợp với tình hình hiện tại nhà trường.

Số lượng Giảng viên có trình độ Tiến sĩ tăng chậm một số Giảng viên trình độ tin học còn hạn chế đặc biệt là kỹ năng thực hành, ứng dụng.

Hiện nay vẫn còn một số cán bộ, giảng viên do điều kiện nhà xa, con nhỏ nên việc chấp hành giờ giấc làm việc còn chưa tốt.

Việc cử giảng viên đi đào tạo bồi dưỡng ở nước ngoài còn ít và nguồn kinh phí còn hạn hẹp. Một số giảng viên đi học tại nước ngoài không thường xuyên báo cáo tình hình học tập gây khó khăn cho việc tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo bồi dưỡng.

Nhiều giảng viên chưa đạt chuẩn theo Qui định của Bộ LĐTBXH (Thông tư 07...)

** Kế hoạch nâng cao chất lượng*:

Trong thời gian tới Nhà trường xây dựng quy hoạch đào tạo giảng viên có trình độ cao theo hướng giỏi lý thuyết, giỏi thực hành. Hoàn thiện chính sách khuyến học, khuyến tài nhằm khuyến khích cán bộ giảng viên chủ động, tích cực tự học tập nâng cao trình độ đáp ứng hội nhập khu vực và quốc tế trong đào tạo nghề.

Trường tiếp tục chỉ đạo các Khoa, Bộ môn xây dựng kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ kế cận, tuyển dụng giảng viên phù hợp với yêu cầu của ngành và chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu xã hội. Cử một số giảng viên đi học chuyển đổi một số ngành nghề cho phù hợp với yêu cầu của xã hội.

Nhà trường đã và đang tiếp tục hoàn thiện đề án vị trí việc làm và quy chế hoạt động của cơ quan để nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của trường.

Điểm đánh giá tiêu chí 3

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 3	**12**
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1
Tiêu chuẩn 7	1
Tiêu chuẩn 8	1
Tiêu chuẩn 9	1
Tiêu chuẩn 10	1
Tiêu chuẩn 11	1
Tiêu chuẩn 12	1
Tiêu chuẩn 13	1
Tiêu chuẩn 14	1
Tiêu chuẩn 15	1

Tiêu chuẩn 1: Có quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường xác định việc xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ CBVC là nhiệm vụ hàng đầu để thực hiện thành công chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2017-2021

và tầm nhìn đến năm 2025. Theo đó, Trường có kế hoạch tuyển dụng, sử dụng, bồi dưỡng nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động. Kế hoạch quy hoạch bổ nhiệm CBQL, kế hoạch đánh giá, phân loại công chức viên chức hằng năm đều căn cứ và thực hiện các quy định [3.1.01] như:

- Luật Cán bộ, công chức năm 2008; Luật Viên chức năm 2010, Nghị định số 29/2012/NĐ-CP của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Thông tư 15/2012/TT-BNV hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng lao động làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức; Ngày 31/8/2015, Bộ Nội Vụ ban hành Thông tư 04/2015/TT-BNV sửa đổi Thông tư 15/2012/TT-BNV hướng dẫn tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức.

- Tiêu chuẩn công chức lãnh đạo, viên chức quản lý đưa vào quy hoạch trong trường Cao đẳng được quy định tại Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành Điều lệ trường cao đẳng và Quyết định số 5086/QĐ-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Quy định về tiêu chuẩn và quy trình công tác cán bộ Bộ Công Thương;

- Thông tư số 06/2017/TTBLĐTBXH Quy định về tuyển dụng, sử dụng, bồi dưỡng đối với nhà giáo giáo dục nghề nghiệp.

- Công văn số 102-CV/BCS ngày 29/08/2016 của Ban Cán Sự Đảng Bộ Công Thương về việc triển khai rà soát quy hoạch cán bộ giai đoạn 2016-2021 và xây dựng quy hoạch cán bộ giai đoạn 2020-2025 của Bộ Công Thương.

- Nghị định 56/2015/NĐ-CP, ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về đánh giá phân loại cán bộ, CCVC; Nghị định số 88/2017/NĐ-CP của Chính phủ : Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về đánh giá và phân loại cán bộ, CCVC.

Ngoài ra Trường có quy trình, tiêu chí tuyển dụng rõ ràng, được thông tin đến từng đơn vị trong trường bằng văn bản và được công khai trên website Trường. Các tiêu chí tuyển dụng được quy định cụ thể trong các thông báo tuyển dụng và tương ứng cho từng ngạch viên chức. Công tác thi tuyển viên chức, xét chuyển ngạch, nâng ngạch được thực hiện nghiêm túc và đúng quy định của Bộ Nội vụ [3.1.02].

Công tác quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ quản lý đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ và phù hợp với điều kiện cụ thể của Trường, được dựa trên cơ sở Điều lệ Trường Cao đẳng, các quy định của Chính phủ. Định kỳ 5 năm một lần, Trường lập danh sách quy hoạch cán bộ cho từng vị trí quản lý các cấp và tổ chức lấy phiếu tín nhiệm toàn trường [3.1.03].

Hằng năm, Trường căn cứ Công văn, Nghị định hướng dẫn của Bộ Công Thương và xây dựng kế hoạch phân loại đánh giá, công chức viên chức hướng dẫn đến từng cá nhân, từng đơn vị thực hiện [3.1.04].

Trường thực hiện nghiêm chỉnh các văn bản hướng dẫn, nghị định, quy định của chính phủ về công tác tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, CBVC, GV theo từng năm và từng giai đoạn rõ ràng cụ thể, có nội dung chiến lược phát triển cán bộ trong chiến lược chung của trường.

Việc thực hiện quy định về đào tạo, bồi dưỡng GV mấy năm gần đây được thực hiện nhưng số lượng không nhiều chưa tương xứng với vị thế trường cao đẳng.

Nhà trường giao cho phòng Tổ chức Hành chính đôn đốc các đơn vị thống kê năng lực đội ngũ (*bao gồm ngoại ngữ, tin học*), xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng đồng thời xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ cụ thể từng năm và kế hoạch dài hạn bao gồm việc: thu hút, tuyển dụng sàng lọc, đào tạo bồi dưỡng …

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2: Tổ chức thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan; thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trước yêu cầu về hội nhập để phát triển, dựa theo kế hoạch chung của Trường, công tác tuyển dụng, sử dụng, bồi dưỡng CBVC, GV luôn được nhà trường xác định là khâu quan trọng, thể hiện trong kế hoạch thực hiện nhiệm vụ các năm học [3.2.01].

Hằng năm Trường đều xây dựng kế hoạch tuyển dụng viên chức. Vì vậy đội ngũ giảng viên, cán bộ, viên chức của trường, luôn được duy trì về số lượng, phát triển tốt về chất lượng, đáp ứng được yêu cầu về chuyên môn nghiệp vụ.

Từ năm 2017 đến nay, Trường đã bồi dưỡng trong nước và ngoài nước về chuyên môn thạc sĩ, tiến sĩ 10 người, bồi dưỡng chuyên môn ngắn hạn 239 lượt người. Quy hoạch được 10 CBQL và bổ nhiệm vào các chức vụ 5 vị trí [3.2.02].

Nội dung		**Tổng cộng**	**Năm 2017**	**Năm 2018**	**Năm 2019**
Kết quả đào tạo bồi dưỡng	ThS	07	05	2	0
	TS	3	1	0	2
Bồi dưỡng chuyên môn ngắn hạn		239	159	50	30

Trường có kế hoạch, các chế độ đãi ngộ học tập, chính sách đào tạo, bồi dưỡng đội GV và nhân viên ở từng đơn vị phòng/khoa/trung tâm phù hợp với chuyên môn và đáp ứng được nhu cầu về chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị [3.2.03]. Các khoản hỗ trợ này đều được thể hiện rõ trong bảng phân phối thu chi tài chính hằng năm của Trường .

Công tác quy hoạch, bổ nhiệm CBQL các cấp khoa/bộ môn trực thuộc Trường, các phòng/trung tâm, được triển khai tương ứng theo nhiệm kỳ BGH. Để làm tốt công

tác này Trường có quy trình và kế hoạch cụ thể từ Đảng ủy, BGH, sau đó thông báo đến đơn vị để biết để thực hiện [3.2.04]. Công tác tuyển dụng, sử dụng, bồi dưỡng, quy hoạch phát triển đội ngũ cũng như bổ nhiệm CBQL dựa trên điều lệ trường Cao đẳng, các quy định của chính phủ, căn cứ chức năng, nhiệm vụ phân cấp của Bộ Công Thương, phù hợp mục tiêu, chức năng nhiệm vụ và điều kiện thực tế của Trường.

Quy trình, tiêu chí tuyển dụng, quy hoạch, bổ nhiệm rõ ràng, minh bạch, được thông báo công khai cho từng cá nhân đơn vị trong trường, được giám sát thực hiện công khai, dân chủ và báo cáo với cấp trên [3.2.05].

Hằng năm. Trường đều có các bảng tổng kết định kỳ nhằm đánh giá, xem xét lại kế hoạch phát triển và bồi dưỡng đội ngũ CBVC, GV thông qua kết quả đánh giá và xếp loại CCVC cuối năm 2017 và 2018 của Trường [3.2.06]

Trường có chủ trương, kế hoạch và tạo điều kiện để giảng viên, CCVC được đi đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ cụ thể, thiết thực phù hợp với điều kiện thực tế.

Trường có quy hoạch bổ nhiệm CBQL đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ và phù hợp với điều kiện cụ thể của Trường; có quy trình, tiêu chí tuyển dụng, quy hoạch, bổ nhiệm rõ ràng, minh bạch. Trường có nội dung đánh giá công tác CBVC trong báo cáo thường niên.

Do điều kiện về kinh phí chế độ khuyến khích các cán bộ, giảng viên tham gia học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ, đặc biệt là nghiên cứu sinh cũng chưa thỏa đáng.

Đội ngũ cán bộ trẻ của Trường có học vị cao chưa nhiều nên cần nhiều thời gian đào tạo, bồi dưỡng.

Năm tới Nhà trường xây dựng quy hoạch đào tạo giảng viên có trình độ cao theo hướng giỏi lý thuyết giỏi thực hành, đạt chuẩn kỹ năng nghề quốc gia. Hoàn thiện chính sách khuyến học, khuyến tài nhằm khuyến khích cán bộ giảng viên chủ động, tích cực tự học tập nâng cao trình độ đáp ứng hội nhập khu vực và quốc tế trong đào tạo nghề.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3: Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác nếu có.

Mô tả, phân tích, nhận định:

100% Giảng viên đều đạt chuẩn theo quy định của Luật Giáo dục [3.3.01], Luật GDNN [3.3.02] Trường thực hiện theo thông tư số 08/2017/TTBLĐTBXH, thông tư số 30/2009/TT-BGDDT và đúng quy định của Điều lệ trường cao đẳng [3.3.03] và Quy hoạch mạng lưới các trường đại học và cao đẳng 2006 - 2020 [3.3.04] trong đó có 03 tiến sỹ, 102 thạc sĩ, 12 nghiên cứu sinh; 01 viên chức đang theo học cao cấp lý luận chính trị và 09 viên chức đang theo theo học chương trình thạc sĩ [3.3.05]. Giảng viên của trường được phân công giảng dạy theo đúng chuyên môn đào tạo, đảm bảo trình độ theo quy định [3.3.06].

Ngoài việc tự học, tự bồi dưỡng hằng năm của từng giảng viên. Trường đã mở các lớp bồi dưỡng ngoại ngữ, tin học, bồi dưỡng kỹ năng tay nghề cho giảng viên nhằm đáp ứng nhiệm vụ đào tạo và NCKH [3.3.07]. Trường có kế hoạch sắp xếp, bố trí giảng viên đi học, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ. Đội ngũ giảng viên của trường có năng lực chuyên môn nghiệp vụ tốt, hằng năm nhiều giảng viên đạt giảng viên giỏi cấp trường, cấp tỉnh và cấp bộ. Nhiều cán bộ giảng viên có khả năng sử dụng máy tính để thiết kế bài giảng và phục vụ cho công việc.

Trường có đội ngũ giảng viên cơ bản đạt chuẩn theo quy định, các giảng viên được phân công giảng dạy đúng chuyên ngành đào tạo. Giảng viên hằng năm được bồi dưỡng toàn diện về chuyên môn, nghiệp vụ, trình độ ngoại ngữ và tin học có đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đào tạo và NCKH.

Số lượng giảng viên có trình độ thấp, một số giảng viên trình độ tin học còn hạn chế đặc biệt là kỹ năng thực hành, ứng dụng.

Từ năm học tới trường tiếp tục tổ chức các lớp bồi dưỡng nâng cao tay nghề, trình độ ngoại ngữ, tin học và động viên khuyến khích giảng viên tham gia học tập, nghiên cứu coi đây là nhiệm vụ bắt buộc đối với mỗi giảng viên. Có kế hoạch tuyển dụng những giảng viên trẻ đầy đủ phẩm chất, năng lực, trình độ chuyên môn cũng như trình độ tin học, ngoại ngữ để đáp ứng yêu cầu về nhiệm vụ đào tạo và NCKH.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên Nhà trường luôn chấp hành nghiêm chỉnh chủ trương, Nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; thực hiện tốt các Thông tư quy định chế độ việc làm của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp của Bộ LĐTBXH và điều lệ Trường Cao đẳng [3.4.01] và Quy chế tổ chức hoạt động của Trường [3.4.04]; [3.4.05]; [3.4.06].

Căn cứ vào Quy chế tổ chức hoạt động và Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị trong trường [3.4.02]; [3.4.03], nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của trường. Nhà trường cũng đã xây dựng đề án vị trí việc làm nhằm xác định công việc cụ thể của từng cá nhân, đơn vị, xác định số người làm việc cần thiết để có sự phân công trách nhiệm, quyền hạn cân đối giữa các đơn vị, cá nhân. Chức năng, nhiệm vụ của từng cá nhân còn được thể hiện rõ thông qua báo cáo công việc hàng tháng và được phòng Tổ chức Hành chính tổng hợp, báo cáo trong các cuộc họp giao ban. Hàng tháng hội đồng thi đua trường đều có đánh giá bình xét xếp loại lao động của CCVC nhà trường. [3.4.12]

Tháng 12/2018 nhà trường đã có sự thay đổi về cơ cấu tổ chức với việc sáp nhập, chia tách, thành lập mới một số đơn vị trong trường. Bên cạnh đó việc các trường cao đẳng được chuyển về thuộc sự quản lý nhà nước về giáo dục sang Bộ LĐTBXH cũng làm thay đổi nhiệm vụ, quyền hạn của giảng viên nhà trường được thể hiện trong quy định chế độ làm việc đối với Nhà giáo. [3.4.08]; [3.4.09]

Giảng viên, cán bộ quản lý trong quá trình thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình luôn chịu sự giám sát của các cấp quản lý về chất lượng, nội dung và phương pháp. Hằng năm, công tác thi đua-khen thưởng và phân loại, đánh giá cán bộ, viên chức [3.4.10] được quan tâm, đây là yếu tố rất quan trọng để động viên, thúc đẩy cán bộ, giảng viên thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của mình trong Nhà trường.

Đội ngũ cán bộ, giảng viên được bố trí giảng dạy, công tác theo chuyên môn và trình độ được đào tạo nhằm phát huy năng lực cá nhân, đảm bảo chất lượng và hiệu quả.

Mọi cán bộ, giảng viên trong Trường đều được hưởng mọi quyền lợi về vật chất, tinh thần theo các chính sách quy định; được hưởng các chế độ nghỉ lễ, tết, hè, nghỉ sinh,… theo quy định của Nhà nước và của Trường [3.4.04]; [3.4.05]; [3.4.06]; [3.4.07]; [3.4.09]

Nhiều năm qua, Nhà trường đã xây dựng rõ Quy chế, quy định trong trường học, từ đó đã tạo điều kiện cho mọi cán bộ, giảng viên thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định, không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của nhà trường.

Hiện nay vẫn còn một số cán bộ, giảng viên do điều kiện, nhà xa, con nhỏ nên việc chấp hành giờ giấc làm việc còn chưa tốt.

Trong thời gian tới nhà trường tiếp tục hoàn thiện đề án vị trí việc làm và quy chế hoạt động của cơ quan để nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của trường.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5: Trường có đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi; số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình mỗi ngành, nghề đào tạo theo quy định; trường đảm bảo tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường đã xây dựng cơ cấu đội ngũ giảng viên, giáo viên theo Nghị định 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ, Thông tư số 08/2017 TTBLĐTBXH, Thông tư số 07/2017/TTBLĐTBXH và phù hợp điều kiện thực tế của Nhà trường. Năm 2018 chỉ tiêu biên chế của trường được Bộ Công Thương phê duyệt là 191 người trong đó công chức là 03 người, viên chức và người lao động là 188 người.

Tính đến ngày 30 tháng 11 năm 2019, trường có 175 cán bộ, CCVC. Trong đó công chức là 02 người (01 Hiệu trưởng, 01 Chủ tịch HĐ trường), biên chế viên chức là

175 người, 88 nam, 87 nữ; giám hiệu và bộ phận quản lý, nghiệp vụ là 59 người chiếm 33,7%; các khoa, trung tâm đào tạo là 116 người chiếm 66,3%.

Về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ : 03 tiến sĩ, đạt 1,7%; 8 NCS, đạt 4,6%; 96 thạc sỹ, đạt 54,9%; 70 đại học, đạt 40%; khác 6, đạt 3,4%; 100% giảng viên có chứng chỉ sư phạm. [3.5.02]

* Trình độ lý luận chính trị (không tính giảng viên khoa chính trị - luật):

- Cao cấp lý luận chính trị 05 cán bộ, chiếm 2,9%;

- Trung cấp chính trị hoặc tương đương 52 cán bộ, giảng viên, chiếm 29,7%.

* Cơ cấu độ tuổi: tuổi dưới 30 tuổi là 1 người chiếm 0,6%; từ 30 tuổi đến 50 tuổi là 156 người chiếm 89,1%; trên 50 tuổi là 17 người chiếm 9,7%. Tuổi bình quân toàn trường là 40,5.

Trường có đủ số lượng giảng viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ để thực hiện chương trình đào tạo ở hầu hết các chuyên ngành [3.5.01]. Tỉ lệ qui đổi sinh viên chính qui trên giảng viên cơ hữu là 13,7 sinh viên/1 giảng viên. Đội ngũ giảng viên ở các bộ môn có cơ cấu tương đối hợp lí về trình độ và độ tuổi, có đủ năng lực thực hiện nhiệm vụ chuyên môn theo đúng qui định [3.5.03]; [3.5.04]; [3.5.05]. Các giảng viên không chỉ thực hiện tốt công tác đào tạo mà còn tham gia hiệu quả các hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ.

Đội ngũ giảng viên của Trường vừa đông số lượng vừa tinh về chất lượng và có khả năng đảm bảo thực hiện hoàn thành tốt khối lượng chương trình đào tạo của các khoá ở các ngành đào tạo của Trường [3.5.06]; [3.5.07]; [3.5.08]. Có cơ cấu tương đối hợp lý cả về giới tính, thâm niên, tuổi đời, trình độ chuyên môn theo ngành, chuyên ngành. Đội ngũ giảng viên đang được trẻ hoá, có sự kế thừa là nguồn lực quan trọng để thực hiện tốt chương trình đào tạo và NCKH trong những năm qua và trong thời gian tới.

Trường có đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn và năng lực quản lý, số lượng giảng viên có trình độ là Tiến sĩ và Thạc sĩ chiếm tỷ lệ cao đáp ứng nhu cầu đào tạo của Trường. Đây cũng là một lợi thế cho thế hệ giảng viên trẻ học hỏi kinh nghiệm và kiến thức chuyên môn để hoàn thiện mình hơn trong công tác giảng dạy.

Trong những năm gần đây, do nhu cầu của xã hội và nhu cầu của người học, số lượng HSSV đăng ký học khoa Công nghệ May thời trang & khoa Điện, Điện tử tăng lên trong khi ngành Kinh tế và Cơ khí lại giảm. Từ đó tạo ra sự mất cân đối trong đội ngũ giảng viên, khoa nhiều giờ, khoa ít giờ.

Trường tiếp tục chỉ đạo các Khoa, Bộ môn xây dựng kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ kế cận, tuyển dụng giảng viên phù hợp với yêu cầu của nghề đào tạo theo yêu cầu xã hội. Cử một số giảng viên đi học chuyển đổi một số ngành nghề cho phù hợp với yêu cầu của xã hội.

Thực hiện hiệu quả công tác đào tạo bồi dưỡng theo "Chiến lược phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên" đến năm 2025.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 6: Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trong công tác đào tạo, lãnh đạo nhà trường đặc biệt quan tâm chỉ đạo nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và lấy chất lượng đào tạo là định hướng chiến lược để xây dựng thương hiệu và tạo ra được uy tín bền vững của nhà trường trong ngành, trong khu vực và xã hội. Để thực hiện được mục tiêu đó, Nhà trường đã có nhiều chủ trương và giải pháp tích cực như: chuẩn hóa nội dung chương trình, giáo trình đào tạo của tất cả các ngành, nghề và các bậc đào tạo; nâng cao chất lượng hoạt động chuyên môn, học thuật của giảng viên, tập trung vào những vấn đề cơ bản, cốt lõi trong đào tạo theo học chế tín chỉ.

Vào đầu từng học kỳ trường đã xây dựng kế hoạch, tiến độ đào tạo cụ thể cho từng ngành/ nghề, từng học kỳ, từng lớp. Phân công giảng viên giảng dạy, bố trí cố vấn học tập, giáo viên chủ nhiệm, hướng dẫn sinh viên đăng ký tín chỉ, theo dõi thời khóa biểu, kết quả học tập trên phần mềm quản lý đào tạo [3.6.01]; [3.6.02]; [3.6.03]. Với sự trợ giúp của phần mềm quản lý đào tạo đã đưa công tác giảng dạy của giảng viên, học tập của sinh viên, quản lý điểm từng bước đi vào nề nếp, đảm bảo tính khoa học, tính chính xác và nâng cao chất lượng và hiệu quả quản lý đào tạo theo học chế tín chỉ.

Tìm hiểu nhu cầu sử dụng lao động và xu thế phát triển của các ngành công nghiệp để đổi mới nội dung chương trình, tiếp tục đa dạng hóa các hình thức, loại hình đào tạo.

Tất cả giảng viên tham gia giảng dạy tại trường luôn nghiêm túc thực hiện giờ lên lớp theo qui định, thực hiện đúng với thời khóa biểu do. Phòng Đào tạo kết hợp với các khoa lên kế hoạch, đảm bảo đúng tiến độ giảng dạy đã đề ra. Đảm bảo các tiết giảng đạt chất lượng như soạn giáo án, giáo trình, bài giảng… theo các biểu mẫu qui định. Giảng viên giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo.

Trường có đầy đủ chương trình đào tạo cho các ngành mà trường đang giảng dạy, các chương trình đều được xây dựng điều chỉnh và dựa trên cơ sở chương trình khung của Bộ LĐTBXH và nhu cầu xã hội. Hằng năm nhà trường luôn tổ chức rà soát lại mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo của từng ngành nghề, chủ trương đào tạo theo nhu cầu xã hội theo hướng mục tiêu đào tạo phải sát với mục tiêu thực tiễn sản xuất và dễ tìm kiếm việc làm cho người học, lược bỏ những nội dung không phù hợp, lạc hậu về công nghệ, bổ sung kiến thức mới, công nghệ mới, sắp xếp lại quy trình đào tạo cho phù hợp với quá trình nhận thức của học sinh. Trên cơ sở các chương trình đào tạo cụ thể do nhà trường xây dựng các giảng viên giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo

Từ năm 2017, trường do Bộ LĐTBXH quản lý nhà nước về công tác GDNN. Nên các quy định về tuyển sinh, hình thức đào tạo, chương trình đào tạo có nhiều sự

thay đổi. Đến nay trường đã hoàn thiện việc chuyển đổi hình thức đào tạo, chương trình đào tạo theo hướng GDNN.

Trường tiếp tục chỉ đạo các Khoa, Bộ môn hằng năm cập nhật, điều chỉnh chương trình đào tạo cho phù hợp với nhu cầu của xã hội, nhu cầu của doanh nghiệp, sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật, đáp ứng mục tiêu đào tạo của nhà trường. Trong thời gian tới, nhà trường tiếp tục tổ chức lấy ý kiến của người học, người sử dụng lao động để xem xét tính phù hợp của các chương trình, phương thức đào tạo.

Thường xuyên kiểm tra hoạt động GDNN của giảng viên, qua thanh tra, kiểm tra đánh giá [3.6.04] đã giúp cho đội ngũ giảng viên ý thức được trách nhiệm thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ của mình và qua đó đã đề ra và thực hiện tốt các giải pháp cải tiến, nâng cao hiệu quả đào tạo.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 7: Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường đã có những chính sách, quy định cụ thể, có tác dụng tích cực để hỗ trợ Nhà giáo tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ, thể hiện bằng văn bản cụ thể và công bố rộng rãi trong toàn trường, cụ thể như sau:

Quy định các mức kinh phí hỗ trợ dành cho Nhà giáo tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy [3.7.01]. Tổ chức hoặc cử cán bộ quản lý tham gia các lớp/khóa bồi dưỡng nâng cao trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy để Nhà giáo có cơ hội giao lưu, học tập, nâng cao trình độ chuyên môn [3.7.02].

Trường thông báo bằng văn bản, công khai và phổ biến rộng rãi cũng như tạo điều kiện để Nhà giáo tham gia các lớp tập huấn ngắn hạn về quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ… cũng như dài hạn; tổ chức lớp bồi dưỡng văn bằng 2 tiếng Anh [3.7.03], "Nghiệp vụ quản lý GDNN", tham gia các lớp thi kỹ năng nghề quốc gia nhằm giúp nhà giáo nâng cao phương pháp giảng dạy, kỹ năng nghề nghiệp. Trường và các đơn vị trong Trường chủ trì tổ chức hội thảo chuyên đề có sự tham dự của các chuyên gia, tiến sĩ đầu ngành qua đó giúp Giảng viên có cơ hội trao đổi học thuật, nâng cao trình độ chuyên môn.

Đối với nhu cầu học tập, nghiên cứu sinh của cán bộ quản lý và Giảng viên, Trường thường xuyên giới thiệu các suất học bổng trong và ngoài nước hay các gói tài trợ học thuật của các tổ chức giáo dục và các Trường Đại học nước ngoài có hợp tác với Trường [3.7.04]. Từ năm 2017 đến nay, tổng số cán bộ quản lý và giảng viên được cử đi học ở nước ngoài 11 giảng viên [3.07.05].

Hằng năm, Trường dành nguồn kinh phí lớn cho hoạt động NCKH, tạo điều kiện cho cán bộ, GV nghiên cứu và thực hiện các công trình NCKH các cấp [3.7.06],

Trường có chính sách khen thưởng đối với các Nhà giáo hoàn thành tốt nhiệm vụ nghiên cứu [3.7.07].

Bên cạnh đó, Trường cũng ban hành "Quy định làm việc đối với Nhà giáo", để các giảng viên chủ động xây dựng kế hoạch giảng dạy, NCKH, nâng cao trình độ chuyên môn [3.7.08].

Ngoài ra Trường cũng luôn chú trọng tạo điều kiện và hỗ trợ cụ thể như cung cấp thông tin, hỗ trợ kinh phí để Nhà giáo được tham gia các hoạt động nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đổi mới phương pháp giảng dạy trong nước và ngoài nước, tạo cơ hội để nhà giáo hội nhập và cọ sát với môi trường quốc tế.

Trường có nhiều chính sách, biện pháp, nhiều đối tác quan hệ quốc tế về đào tạo NCKH, tạo điều kiện thuận lợi cho Nhà giáo có cơ hội tham gia hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong và ngoài nước; khuyến khích hỗ trợ nhà giáo tranh thủ các nguồn học bổng.

Nguồn kinh phí hỗ trợ cho Nhà giáo tham gia hội nghị, hội thảo còn gặp nhiều khó khăn nên đôi khi các nhà giáo không thể tham dự được một số hội nghị, hội thảo cần kinh phí lớn.

Từ nay đến năm 2025, trường sẽ đẩy mạnh hơn nữa việc kiểm tra, rà soát lại các cơ chế, các văn bản quy định, đẩy mạnh xây dựng quy trình cử giảng viên đi học tập nghiên cứu ở trong cũng như ngoài nước.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 8: Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Công tác đào tạo bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo được xác định là nhiệm vụ thường xuyên, có ý nghĩa quan trọng quyết định chất lượng đào tạo của nhà trường. Nhận thức được vấn đề quan trọng đó, trong những năm học qua nhà trường đã có kế hoạch phát triển đội ngũ cán bộ quản lý đào tạo và từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên cả về trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ và ngoại ngữ tin học. Nhà trường luôn tạo điều kiện cho đội ngũ giảng viên học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ như học cao học, học các lớp đào tạo kỹ năng nghề…Các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, phương pháp giảng dạy, lớp quản lý hành chính nhà nước, bồi dưỡng về lí luận chính trị. Nhà trường thường xuyên thực hiện công tác đánh giá, phân loại giáo viên, cán bộ quản lý hằng năm trên cơ sở kết quả dự giờ, giám sát đánh giá hoạt động giảng dạy do Ban Giám hiệu, phòng Đào tạo & phòng Quản lý khoa học & Đảm bảo chất lượng thực hiện

Thống kê kết quả dự giờ giáo viên trong năm học kết hợp với kết quả Hội thi giáo viên dạy nghề giỏi cấp cơ sở, cấp tỉnh và toàn quốc, kết quả lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động của giảng viên để làm cơ sở đánh giá, phân loại giáo viên, đánh giá thi đua cuối năm [3.4.10].

Trên cơ sở các nội dung đánh giá này, phòng Đào tạo phối hợp phòng Tổ chức Hành chính đề xuất các khóa học bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, tin học, kỹ năng quản lý nhằm nâng cao chất lượng đào tạo thể hiện trong kế hoạch nhiệm vụ năm học hằng năm [3.8.01]; [3.8.05]

Bên cạnh đó nhà trường còn cử giáo viên, cán bộ quản lý tham gia các khóa tập huấn bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, phương pháp sư phạm do Bộ Công Thương tổ chức ở trong và ngoài nước [3.8.10]. Từ năm 2015 - 2017, nhà trường đã cử nhiều giảng viên đi học tập nâng cao trình độ tại Nga & Trung Quốc. Nhà trường có chính sách khuyến khích hỗ trợ giáo viên tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu phát triển của trường trong giai đoạn mới [3.8.02]; [3.4.09]. Ngoài việc hỗ trợ một phần kinh phí học tập, nhà trường còn tạo điều kiện về thời gian để giáo viên, cán bộ công nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập nâng cao trình độ của mình. Sau mỗi khóa học của giáo viên và cán bộ quản lý, căn cứ vào kết quả học tập và năng lực thực tế, nhà trường đã tổ chức đánh giá sau đào tạo một cách khoa học và hiệu quả [3.8.07]. Ngoài ra kế hoạch dài hạn bồi dưỡng nâng cao trình độ cho giáo viên, cán bộ quản lý thể hiện rõ trong kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức viên chức giai đoạn 2017 - 2021 [3.8.05] & đăng ký nhu cầu đào tạo bồi dưỡng năm 2018 và giai đoạn 2018-2020 [3.8.08].

Công tác đào tạo bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho nhà giáo được triển khai thực hiện theo đúng kế hoạch đã được phê duyệt [3.8.12]. Thông qua các khóa bồi dưỡng các giảng viên đã trang bị cập nhật thêm kỹ năng, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tích lũy thêm kinh nghiệm quý báu.

Hằng năm, nhà trường lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ giảng viên về nghiệp vụ chuyên môn, ngoại ngữ, tin học [3.8.01]; [3.8.03]; [3.8.06]. Vào đầu năm học các phòng, khoa, tổ bộ môn, giảng viên đều được phổ biến về kế hoạch đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ, đăng ký tham gia học tập thông qua hội nghị cán bộ công chức, các cuộc họp giao ban…Trên cơ sở đó giảng viên các khoa tự đăng ký chuyên ngành đào tạo, hình thức đào tạo bồi dưỡng chuyên môn, nâng cao trình độ với phòng Tổ chức Hành chính [3.8.09]

Nhà trường còn liên kết với Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội mở lớp đào tạo văn bằng hai tiếng Anh vào thứ bảy, chủ nhật hàng tuần để tạo điều kiện cho tất cả giảng viên của trường được tham gia học tập và có chế độ hỗ trợ cho các giảng viên theo học lớp học này và ngày 04/11/2018 các học viên đã được nhận bằng tốt nghiệp văn bằng 2 tiếng Anh.

Nhà trường luôn chú trọng đến việc bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ cho GV. Có chính sách khuyến khích, có kế hoạch bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý của trường.

Giáo viên trường tham gia tốt phong trào thi đua dạy tốt như hội giảng GV giỏi cấp trường, cấp tỉnh và toàn quốc nhằm học tập, đúc rút kinh nghiệm để nâng cao chất lượng giảng dạy.

Nhiều giảng viên hạn chế trình độ chưa chủ động tự học tập nâng cao trình độ.

Nhu cầu được học tập nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn ngày càng cao nhưng do kinh phí hạn hẹp, trường chưa có điều kiện để cử nhiều viên chức tham gia các lớp đào tạo bồi dưỡng do các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước tổ chức.

Hằng năm nhà trường tiếp tục lập kế hoạch tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, nâng cao chất lượng GV.

Tổ chức thường xuyên cho GV đi thâm nhập thực tế để rút kinh nghiệm nghề nghiệp và cập nhật công nghệ mới đáp ứng yêu cầu đào tạo nghề.

Bồi dưỡng năng lực cho giảng viên đạt chuẩn hội nhập quốc tế. Trong đó tập trung vào các nội dung: bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, phương pháp giảng dạy, NCKH tiên tiến nhằm nâng cao hiệu quả chất lượng của việc dạy học và NCKH.

Tập trung phát triển, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ trẻ, tạo ra một tập thể đội ngũ giảng viên có học vị cao đồng đều.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 9: Nhà giáo được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định và thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Để nâng cao trình độ chuyên môn của các nhà giáo, ngoài việc cử nhà giáo đi học tập nâng cao trình độ nhà trường còn tạo điều kiện cho nhà giáo được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định. Trong năm 2017, nhà trường đã cử 03 giảng viên đi bồi dưỡng nâng cao tay nghề tại các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Nam Định trong thời gian 03 tháng [3.9.03]. Trong khoảng thời gian này, các giảng viên đã được thực tập tại các phân xưởng, phòng kỹ thuật, tổ Cơ điện của các công ty. Qua trải nghiệm thực tế từ doanh nghiệp, nhiều giảng viên đã có những bứt phá trong chương trình, xóa bỏ lối mòn trong đào tạo. Những trải nghiệm khi đi thực tập ở các công ty đã tạo điều kiện cho các giảng viên tiếp cận công nghệ mới để sau này truyền đạt cho sinh viên với một giáo trình được cập nhật từ thực tế để khi ra trường sinh viên không bỡ ngỡ. Thông qua việc bồi dưỡng, thực tập tại các doanh nghiệp, giảng viên sẽ nắm bắt được nhu cầu của doanh nghiệp để đề xuất điều chỉnh chương trình đào tạo, đào tạo theo hướng mà doanh nghiệp và xã hội cần.

Trong quá trình đưa học sinh đi thực tập tại các doanh nghiệp, các giáo viên ngoài việc kiểm tra quá trình thực tập của học sinh còn có điều kiện tham quan thực tế và tiếp cận công nghệ mới, bổ sung kiến thức và kinh nghiệm nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu giảng dạy [3.9.01]; [3.9.02].

Thông qua nhận xét đánh giá của các doanh nghiệp nơi các giáo viên đi bồi dưỡng, thực tập [3.9.04]; [3.9.05]; [3.9.06]; [3.9.07] nhà trường có kết quả đánh giá mức độ hoàn thành công việc của giảng viên, điều chỉnh hoạt động dạy và học, các dịch vụ phục vụ người học ngày một tốt hơn.

Nhà trường có mối quan hệ rất tốt với các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh và các tỉnh lân cận. Nhà trường có phương thức tổ chức đào tạo linh hoạt phù hợp với điều kiện vừa sản xuất vừa học tập, phù hợp với yêu cầu kỹ thuật, công nghệ của đơn vị doanh nghiệp.

Thông qua mối quan hệ các doanh nghiệp, hội cựu học sinh trường, các trung tâm giới thiệu việc làm, người sử dụng lao động, là điều kiện thuận lợi thực hiện đa dạng hóa các phương thức đào tạo nghề đáp ứng nhu cầu người học, người sử dụng lao động.

Đội ngũ giảng viên nhà trường được cử đi bồi dưỡng, thực tập tại các doanh nghiệp rất nhiệt tình, chăm chỉ chịu khó học hỏi để cập nhật kiến thức, công nghệ và phương pháp tổ chức quản lý sản xuất.

Việc cử giảng viên đi bồi dưỡng, thực tập tại các doanh nghiệp thâm nhập thực tế chủ yếu thông qua các đợt thực tập của HSSV chưa tổ chức thường xuyên.

Trong những năm tới, nhà trường sẽ thường xuyên cử nhiều giảng viên đi bồi dưỡng thực tập tại các doanh nghiệp để bồi dưỡng cho nhà giáo đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp. Xác định việc cử giảng viên đi bồi dưỡng thực tập tại các doanh nghiệp là nhiệm vụ thường xuyên giúp giảng viên cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất và rèn luyện kỹ năng trong thực tiễn, sản xuất - kinh doanh, dịch vụ. Kết quả bồi dưỡng được sử dụng để đánh giá nhà giáo trong việc thực hiện nhiệm vụ hằng năm hoặc được sử dụng làm điều kiện xét nâng hạng, thi nâng hạng viên chức; xét công nhận đạt chuẩn và các chế độ, chính sách khác có liên quan.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9, tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 10: Hằng năm, trường thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Việc tổng kết đánh giá hiệu quả công tác đào tạo bồi dưỡng là bước đi vô cùng quan trọng trong chuỗi quá trình đào tạo. Việc tổng kết đánh giá sẽ xác định nội dung đào tạo bồi dưỡng được có đạt mục tiêu đề ra không, nội dung chương trình có phù hợp, học viên áp dụng được gì sau đào tạo bồi dưỡng. Việc tổng kết đánh giá đào tạo bồi dưỡng cũng nhằm phát hiện những lỗ hổng, sự bất hợp lý của quá trình đào tạo để từ đó nâng cao chất lượng đào tạo bồi dưỡng.

Công tác đào tạo bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho nhà giáo được nhà trường triển khai thực hiện theo đúng kế hoạch đã được phê duyệt. Sau mỗi khóa học của giáo viên và cán bộ quản lý, căn cứ vào kết quả học tập và năng lực thực tế, nhà trường đã thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo [3.10.01]; [3.10.03].

Nội dung đào tạo bồi dưỡng ngày càng thiết thực và hiệu quả đã chú trọng phát triển các năng lực nền tảng như: dạy học phân hóa, tích hợp; phát triển chương trình đào tạo; đánh giá năng lực HSSV, năng lực ngoại ngữ, tin học và các năng lực tổ chức

các hoạt động học tập của học sinh để giải quyết những vấn đề của đời sống thực tế; thực hiện bài tập, thí nghiệm với các phương pháp dạy học nhằm phát huy sự sáng tạo của HSSV hay các sinh hoạt tập thể, hỗ trợ học sinh sinh viên hoạt động NCKH, tổ chức các hoạt động trải nghiệm thực tế tại các cơ quan doanh nghiệp. Thông qua công tác đào tạo bồi dưỡng đã góp phần nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực công tác, chất lượng và hiệu quả giảng dạy của viên chức. Qua đó hoàn thiện và chuẩn hóa đội ngũ giảng viên theo kế hoạch phát triển nguồn nhân lực đến năm 2017 và định hướng 2020.

Qua việc tổng kết đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo, nhà trường sẽ đánh giá được sự vận dụng kiến thức đã học vào thực tế công tác để giải quyết những vấn đề đặt ra trong thực hiện nhiệm vụ của giảng viên. Từ đó nhà trường sẽ xây dựng những kế hoạch đào tạo bồi dưỡng những mặt còn hạn chế của giảng viên trong thời gian tiếp theo [3.10.02]

Lãnh đạo nhà trường luôn quan tâm và tạo điều kiện cho đội ngũ giảng viên thường xuyên học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ về mọi mặt, thường xuyên có sự tổng kết đánh giá hiệu quả công tác đào tạo bồi dưỡng. Đa số các giảng viên đều thể hiện ý chí tự nâng cao trình độ, trau dồi kiến thức của bản thân.

Việc cử giảng viên đi đào tạo bồi dưỡng ở nước ngoài còn ít và nguồn kinh phí còn hạn hẹp. Một số giảng viên đi học tại nước ngoài không thường xuyên báo cáo tình hình học tập gây khó khăn cho việc tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo bồi dưỡng.

Hằng năm nhà trường rà soát, điều chỉnh các chính sách khuyến khích giảng viên học tập nâng cao trình độ, đặc biệt là ngoại ngữ để đáp ứng nhu cầu phát triển của nhà trường, tiến tới đào tạo hợp tác quốc tế. Việc cử giảng viên đi học tập nâng cao trình độ phải bám sát từ yêu cầu thực tiễn và nhu cầu sử dụng của giảng viên. Nhà trường tiếp tục thường xuyên tổng kết đánh giá hiệu quả của công tác đào tạo bồi dưỡng đối với giảng viên, lấy kết quả đào tạo bồi dưỡng để đánh giá nhà giáo trong việc thực hiện nhiệm vụ hằng năm hoặc được sử dụng làm điều kiện xét nâng hạng, thi nâng hạng viên chức; xét công nhận đạt chuẩn và các chế độ, chính sách khác có liên quan.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10, tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 11: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của trường đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Giám hiệu của nhà trường 03 đồng chí, trong đó có 03 tiến sĩ [3.5.03]; [3.5.04]; [3.5.05]. Thành viên Ban Giám hiệu là những giảng viên có uy tín, có năng lực, phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, độ tuổi trung bình 54, tất cả đều có kinh nghiệm quản lý giáo dục trên 20 năm. Ban Giám hiệu đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn theo quy định theo Điều lệ trường Cao đẳng về phẩm chất chính trị, đạo đức, có uy tín kinh nghiệm giảng dạy quản lý và trình độ trên cơ sở đó điều hành hoạt động đào tạo của nhà trường luôn bám sát mục tiêu, nhiệm vụ. Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng được bổ nhiệm đúng quy trình bổ

nhiệm cán bộ theo các văn bản pháp luật hiện hành và được cơ quan có thẩm quyền ra quyết định [3.11.04]; [3.11.05]; [3.11.06]; [3.11.07].

Nhà trường xây dựng và ban hành "Cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của trường CĐCNNĐ". Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Hiệu trưởng và các Phó hiệu trưởng đã được phân định cụ thể, rõ ràng [3.4.02]; [3.4.03]. Sự phân công rõ ràng về quyền hạn và trách nhiệm đã tạo điều kiện cho các thành viên Giám hiệu phát huy năng lực và tính chủ động, sáng tạo trên từng lĩnh vực công tác được giao; nâng cao hiệu quả công tác quản lý và điều hành các hoạt động của nhà trường.

Trong những năm qua, Giám hiệu nhà trường đã thực hiện đầy đủ quyền hạn và trách nhiệm theo quy định. Hằng năm, Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng đều hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [3.4.10] và đạt lao động tiên tiến, chiến sĩ thi đua cấp Cơ sở, cấp Bộ [3.11.08]; [3.11.15]; [3.11.16]. Năm 2016, đồng chí Dương Tử Bình -Hiệu trưởng nhà trường đã được Chủ tịch nước tặng Huân chương Lao động hạng Ba [3.11.09]

Dưới sự điều hành của Giám hiệu, các hoạt động trong nhà trường luôn được thực hiện đúng kế hoạch và đạt hiệu quả cao. Trường đã thực hiện tốt công tác giáo dục chính trị - tư tưởng cho CCVC và HSSV, triển khai thực hiện tốt quy chế chuyên môn, công tác NCKH; thực hiện chủ trương phát triển trường.

Trường liên tục đạt danh hiệu trường tiên tiến, nhiều khoa, phòng đạt tập thể lao động xuất sắc [3.11.10]; [3.11.12]; [3.11.13]; [3.11.14]. Năm 2016, trường được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động Hạng Nhất [3.11.11].

Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng có phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, có uy tín, có trình độ, có năng lực chuyên môn, năng lực quản lý vững vàng, đáp ứng được các tiêu chuẩn theo quy định.

Việc phân công nhiệm vụ rõ ràng trong lãnh đạo nhà trường đã tạo điều kiện thuận lợi cho Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng thực hiện đầy đủ quyền hạn và trách nhiệm theo quy định. Công tác bổ nhiệm lại chức danh Phó Hiệu trưởng đã được tiến hành đúng quy trình về việc đề bạt, bổ nhiệm được quy định tại điều lệ trường cao đẳng và các văn bản quy định, hướng dẫn của Bộ nội vụ.

Ban Giám hiệu nhà trường cần sâu sát hơn với mọi hoạt động của nhà trường, tìm hiểu tâm tư nguyện vọng của cán bộ, giảng viên nhà trường để gắn kết mọi người trong trường tạo thành một tập thể đoàn kết, trên dưới đồng lòng, quyết tâm thực hiện mục tiêu giáo dục của nhà trường. Cần có những chiến lược phát triển nhà trường phù hợp với tình hình thực tiễn hiện nay.

Giám hiệu nhà trường tiếp tục phát huy vai trò gương mẫu, tinh thần trách nhiệm trong công tác lãnh đạo, quản lý nhà trường. Có kế hoạch tổ chức, sắp xếp công việc tỉ mỉ và khoa học hơn nhằm đáp ứng cao nhất công tác giáo dục của nhà trường, tiếp tục bồi dưỡng, nâng cao trình độ, năng lực quản lý để có thể hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Cần có những chiến lược phát triển nhà trường phù hợp với sự biến đổi và phát triển của khoa học và công nghệ hiện tại và tương lai. Tháng 7 năm 2018, hai Phó Hiệu trưởng nhà trường đến tuổi nghỉ theo chế độ, tháng 10 năm 2018 đã bổ nhiệm

thêm một Phó Hiệu trưởng nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển nhà trường trong tương lai. Trong những năm tới cần có sự lựa chọn, đào tạo bồi dưỡng những cán bộ kế cận xứng đáng nhằm kiện toàn bộ máy quản lý của nhà trường.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11, tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 12: Đội ngũ cán bộ quản lý của các đơn vị thuộc trường được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường thực hiện theo các quy định của pháp luật về cán bộ, CCVC cụ thể:

Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008, khoản 2 Điều 51: Thời hạn bổ nhiệm công chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý là 05 năm; khi hết thời hạn, cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền phải xem xét bổ nhiệm lại hoặc không xem xét bổ nhiệm.

Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức. Điều 41 bổ nhiệm lại công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý…

Quyết định số 27/2003/QĐ-TTg ngày 19/2/2003 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ, công chức lãnh đạo…

Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ trưởng Bộ LĐTB&XH quy định về Điều lệ Trường Cao đẳng.

Quyết định số 5086/QĐ-BCT ngày 28/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tiêu chuẩn và quy trình công tác cán bộ Bộ Công Thương…

Quy trình bổ nhiệm như sau: Lãnh đạo đơn vị và Trưởng phòng Tổ chức Hành chính đề xuất nhân sự → họp Đảng ủy Trường để xin ý kiến thông qua → ra quyết định bổ nhiệm [3.12.01]. Tùy tình hình thực tiễn công tác bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý được thực hiện và cập nhật theo nhiệm kỳ 5 năm. Năm 2016 bổ nhiệm 01 vị trí Giám đốc Trung tâm, tái bổ nhiệm 04 CBQL gồm Trưởng/Phó phòng chức năng, miễn nhiệm 02 vị trí, thành lập 02 đơn vị mới trên cở sở tách từ Phòng Quản trị Vật tư thành Phòng Xây dựng cơ bản và Phòng Quản trị Vật tư; Trung thông tin thư viện ghép từ Tổ thư viện và Tổ quản trị mạng với đội ngũ cán bộ quản lý được bổ nhiệm mới. Năm 2017 bổ nhiệm 02 vị trí gồm Phó Giám đốc trung tâm, Tổ trưởng bộ môn, bổ nhiệm lại 01 vị trí trưởng khoa, miễn nhiệm 2 tổ bộ môn [3.12.02]. Năm 2018 bổ nhiệm 01 Phó Hiệu trưởng [3.12.03], bổ nhiệm 05 vị trí trưởng phòng/ khoa, 02 vị trí phó phòng/khoa [3.12.04]. Năm 2019 bổ nhiệm 01 vị trí phó phòng/khoa.

Trường có kế hoạch bổ nhiệm CBQL đáp ứng mục tiêu, chức năng nhiệm vụ và phù hợp với điều kiện của Trường; Quy trình giới thiệu và bổ nhiệm, rõ ràng, minh bạch.

Một số vị trí bổ nhiệm lại vẫn chưa thực hiện được

Từ năm 2017, Trường giao cho phòng Tổ chức Hành chính lập kế hoạch phát triển nhân sự quy hoạch bổ nhiệm, miễn nhiệm đáp ứng mục tiêu, chức năng nhiệm vụ và phù hợp với điều kiện cụ thể của trường.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12, tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 13: Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường có quy định tiêu chuẩn cụ thể, rõ ràng cho từng vị trí quản lý, trong đó đặc biệt chú ý đến phẩm chất đạo đức và năng lực quản lý [3.13.01]. Hằng năm, Trường đều phối hợp với các tổ chức đoàn thể chính trị trong trường phát động và tổng kết công tác thi đua, yêu nước, học tập "Nói và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" [3.13.02]. 100% CBQL không vi phạm phẩm chất đạo đức và những điều đảng viên không được làm.

Năm 2017, triển khai Nghị định 41/2012/NĐ - CP và Thông tư số 14/2012/TT-BNV về xác định vị trí việc làm của CCVC, Trường yêu cầu các đơn vị mô tả công việc và xác định yêu cầu nhân lực cho từng chức danh công việc [3.13.03]. Trên cơ sở đó, trường tập hợp và lập kế hoạch nhân sự cho các đơn vị theo từng năm, chú trọng lực lượng CCVC làm công tác quản lý. Nhiều cán bộ quản lý đã được tập thể nhất trí đề nghị lãnh đạo các cấp khen thưởng do năng lực quản lý và những thành tích đã đạt được sau mỗi năm học (hầu hết các cán bộ quản lý đều được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ) [3.13.04].

Cán bộ quản lý có học vị tiến sĩ, thạc sĩ là chủ yếu, ngoại trừ một số cán bộ quản lý ở đơn vị sắp nghỉ chế độ [3.13.05]. Hầu hết cán bộ quản lý trong độ tuổi ở các phòng chức năng, các trung tâm và các khoa Trường được cử đi học các lớp bồi dưỡng, tập huấn phát triển năng lực lãnh đạo, quản lý trong và ngoài nước hoặc được bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn hỗ trợ cho công tác quản lý [3.13.06].

Hằng năm, nhà trường yêu cầu CCVC Trường tự đánh giá (*theo mẫu*) và có nhận xét của thủ trưởng đơn vị quản lý. Đối với những cán bộ làm công tác quản lý (Khoa, Trung tâm, Phòng) ngoài tự đánh giá công tác bản thân phải tự đánh giá công tác quản lý được Nhà trường phân công và bản tự đánh giá này có nhận xét của thủ trưởng cấp trên với các mức độ cụ thể: không hoàn thành nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; ngoài ra, việc xét thi đua khen thưởng cán bộ quản lý còn có biên bản ghi nhận số lượng biểu quyết đồng ý của toàn thể cán bộ giảng viên, nhân viên ở từng đơn vị [3.13.07].

Đội ngũ cán bộ quản lý nắm vững nghiệp vụ chuyên môn, có năng lực quản lý và phẩm chất đạo đức tốt, hoàn thành nhiệm vụ được giao, được cán bộ giảng viên, nhân viên đánh giá tốt về năng lực quản lý.

Các cán bộ quản lý phòng, khoa, trung tâm được sắp xếp để tham gia các lớp bồi dưỡng năng lực quản lý chuyên môn và nghiệp vị theo quy định.

Chưa tổ chức tốt cho tất cả cán bộ quản lý ở khoa, phòng, trung tâm tham gia các lớp bồi dưỡng công tác quản lý.

Từ năm 2017, Ban giám hiệu trường và phòng Tổ chức Hành chính tiếp tục chuẩn hóa nguồn nhân lực cán bộ quản lý, rà soát công tác quy hoạch, tiếp tục sắp xếp

bồi dưỡng cán bộ quản lý về các kiến thức, kĩ năng quản lý, lý luận chính trị các cấp, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 13, tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 14: Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý các cấp trong nhà trường có vị trí, vai trò hết sức quan trọng, quyết định đến hoạt động của Nhà trường. Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường đặc biệt quan tâm, chủ động xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng, bố trí, sắp xếp, tạo nguồn xây dựng và phát triển về số lượng, chất lượng, đảm bảo cho đội ngũ này luôn vững vàng về tư tưởng chính trị, trong sáng về đạo đức, lối sống, có trình độ tri thức toàn diện, chuyên sâu, yêu nghề, tâm huyết với công việc, có phong cách, tác phong sư phạm mẫu mực. Do vậy, Nhà trường đã xây dựng được đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cơ bản đủ về số lượng, chất lượng ngày càng cao, có sự trưởng thành cả về trình độ lý luận và kinh nghiệm thực tiễn, cơ cấu hợp lý và từng bước được chuẩn hóa [3.14.01].

Trước những khó khăn, thách thức, đặc biệt là trước những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới và trong nước, đội ngũ cán bộ luôn kiên định, nhất quán, nói và làm theo nghị quyết, giữ đúng nguyên tắc trong phát ngôn.

Hiện tại, Nhà trường có 23 cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý trong đó có 15 nam, 8 nữ. Công chức là 02 đồng chí (01 Hiệu trưởng, 01 Chủ tịch Hội đồng), Trưởng phòng, khoa, trung tâm: 14 đồng chí; Phó trưởng phòng, khoa, trung tâm: 8 đồng chí. Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ : 02 tiến sĩ, đạt 8,7%; 20 thạc sỹ, đạt 87%; 01 đại học, đạt 4,3%; Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp lý luận chính trị: 5 cán bộ, chiếm 21,7%; Trung cấp chính trị hoặc tương đương: 18 cán bộ, chiếm 78,3%. Hằng năm, Trường thường xuyên quan tâm cử cán bộ quản lý đi học các lớp bồi dưỡng, tập huấn phát triển năng lực lãnh đạo, quản lý trong và ngoài nước hoặc bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ hỗ trợ cho công tác quản lý như bồi dưỡng quản lý cơ sở GDNN, kỹ năng quản lý lãnh đạo công tác tự chủ trong đơn vị sự nghiệp [3.14.02].

Hằng năm, trường sẽ giao cho Phòng Tổ chức Hành chính lập kế hoạch triển khai đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, chuyên môn đến từng phòng, khoa, trung tâm.

Một số cán bộ quản lý cấp khoa, phòng, trung tâm tham gia học tập nâng cao chuyên môn chưa nhiều, cán bộ quản lý có trình độ Tiến sĩ còn ít.

Trong thời gian tới Nhà trường tập trung phát triển, nâng cao chất lượng đỗi ngũ cho cán bộ trẻ: cụ thể là xây dựng chương trình phát hiện nguồn cán bộ trẻ có năng lực, có triển vọng để cử đi học, tạo ra một tập thể đội ngũ cán bộ viên chức Trường có học vị cao đồng đều.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 14, tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 15: Đội ngũ viên chức, người lao động của trường đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao, được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường có đội ngũ chuyên viên hành chính, nghiệp vụ, kỹ thuật và phục vụ tính đến tháng 11/2018 là 40 viên chức, chiếm 20% tổng số cán bộ viên chức và giảng viên toàn trường [3.15.1]. Lực lượng này về cơ bản đáp ứng được các hoạt động nghiệp vụ hành chính, phục vụ hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động khác của Trường. Trừ bộ phận nhỏ lao động phổ thông, kỹ thuật viên, nhân viên của Trường hiện nay đều đáp ứng về trình độ và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, phần lớn đã trải qua kỳ kiểm tra, phỏng vấn đáp ứng các yêu cầu năng lực, chứng chỉ nghiệp vụ theo quy định.

Đội ngũ viên chức ngày càng được trẻ hoá, trình độ chuyên môn ngày càng được nâng cao; Những năm gần đây trường đã có kế hoạch tuyển những viên chức trẻ, có năng lực, được đào tạo cơ bản để thay thế những viên chức nghỉ chế độ [3.15.2].

Để nâng cao trình độ đội ngũ nhân viên và kỹ thuật viên, Trường đã thường xuyên tạo điều kiện để bồi dưỡng nghiệp vụ về kỹ năng giao tiếp, quản lý hành chính, văn thư lưu trữ, bảo vệ, phòng cháy chữa cháy, ngoại ngữ … nhằm phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo và NCKH. Ngoài ra trong 3 năm qua (2015-2017), Trường đã cử 05 lượt người đi học bồi dưỡng nâng cao trình độ và 20 lượt người đi học các nghiệp vụ khác như tập huấn phòng cháy chữa cháy, bảo vệ, đấu thầu [3.15.3]. Hằng năm, mọi nhân viên đều được lãnh đạo đơn vị đánh giá, xét thi đua khen thưởng [3.15.4]. Ngoài ra, hàng tháng phòng Tổ chức Hành chính của nhà trường đều có báo cáo tổng kết xếp loại lao động đối với nhân viên các đơn vị.

Về cơ bản, Trường đã chú ý đến việc bồi dưỡng và nâng cao nghiệp vụ cho đội ngũ chuyên viên, kỹ thuật, nhân viên; có nhiều phòng, trung tâm 100% nhân viên đạt chuẩn về trình độ nghiệp vụ.

Một vài đơn vị thiếu nhân sự chuyên trách có năng lực chuyên môn nghiệp vụ, ảnh hưởng đến hoạt động của đơn vị. Kỹ năng phục vụ, giao tiếp của một số ít nhân viên còn chưa đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập của Trường.

Từ năm tới, Trường giao cho Phòng Tổ chức Hành chính phối hợp với các đơn vị xây dựng và thực hiện triệt để kế hoạch phát triển, bồi dưỡng đội ngũ hỗ trợ tại các đơn vị nhằm tăng cường tính chuyên nghiệp và kỹ năng giao tiếp thông qua việc tạo điều kiện, hỗ trợ tham gia các lớp tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ để nâng cao chất lượng phục vụ CCVC, người học của Trường. Đồng thời, BGH và trưởng các đơn vị rà soát, xem xét lại phân công sắp xếp vị trí cho các nhân viên theo đúng năng lực và khả năng chuyên môn, khuyến khích cho các nhân viên tham gia các lớp ngoại ngữ, tin học, văn thư…

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 15, tiêu chí 3: 1 điểm

3.2.4. Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình

Đánh giá tổng quát tiêu chí 4:

Mở đầu:

Chương trình đào tạo là văn bản pháp lý của các đơn vị đào tạo, đó là một nội dung cơ bản trong mục tiêu đào tạo ra đội ngũ cán bộ kỹ thuật, kỹ thuật viên sau khi tốt nghiệp ra trường đáp ứng được với nhu cầu thị trường lao động mà xã hội yêu cầu. Vì vậy chương trình đào tạo luôn được lãnh đạo trường quan tâm chỉ đạo các đơn vị chức năng xây dựng ngay từ khi trường xin mở ngành đào tạo. Chương trình đào tạo được xây dựng trên cơ sở chương trình khung của Bộ GD&ĐT, chương trình khung của Tổng cục dạy nghề. Tất cả các chương trình giáo dục đều có mục tiêu rõ ràng, cụ thể đáp ứng được các yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ phù hợp với ngành, nghề đào tạo. Hằng năm trên cơ sở chương trình khung đã ban hành kết hợp với việc khảo sát thực tế tại các doanh nghiệp, xí nghiệp trường tiến hành chỉnh sửa nội dung chương trình đào tạo cho khóa tiếp theo nhằm đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với sự tiến bộ của khoa học, công nghệ.

** Những điểm mạnh:*

- Trường có đủ chương trình đào tạo và kế hoạch đào tạo chi tiết được xây dựng trên cơ sở chương trình khung của Bộ GD&ĐT, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
- Chương trình đào tạo của trường được xây dựng với sự tham gia của toàn thể giảng viên, cán bộ quản lý, giám hiệu và lãnh đạo các phòng, khoa, trung tâm của trường đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và nâng cao chất lượng đào tạo. Trên cơ sở đó mà trường có kế hoạch điều chỉnh chương trình đào tạo cho phù hợp với yêu cầu các doanh nghiệp

- Trường có đủ chương trình đào tạo cho các bậc đào tạo, các ngành đào tạo. Chương trình đào tạo có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, cấu trúc hợp lý, được xây dựng một cách hệ thống, khoa học, đáp ứng yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ của các chuyên ngành.

- Trường đã xây dựng được các chương trình giáo dục và kế hoạch đào tạo liên thông từ trình độ Trung cấp lên trình độ Cao đẳng của các ngành khác nhau. Trường đã có kinh nghiệm đào tạo liên thông và đã tạo được nguồn nhân lực đáp ứng cho các ngành công nghiệp địa phương và trong khu vực.

- Chương trình đào tạo của trường được đánh giá theo định kỳ làm cơ sở cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo. Từ năm học 2010 - 2011 Trường đã triển khai đào tạo bậc cao đẳng theo học chế tín chỉ. Từ năm 2017 Trường thực hiện xây dựng và chuyển đổi chương trình đào tạo theo hướng GDNN.

- Trường có đủ các chủng loại sách, phong phú về số lượng đáp ứng cơ bản yêu cầu phục vụ công tác giảng dạy và học tập, NCKH của cán bộ giảng viên và sinh viên, đáp ứng mục tiêu đào tạo.

- Trường có mạng Internet trang bị cho tất cả các phòng khoa, các phòng học tin học nên cán bộ giảng viên có thể truy cập tìm kiếm, khai thác các thông tin, tài liệu trên internet phục vụ cho công việc giảng dạy và học tập nâng cao trình độ.

- Công tác đổi mới phương pháp dạy và học được trường hết sức quan tâm, tổ chức bồi dưỡng về phương pháp và có sự đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học hiện đại, phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm. Phần lớn cán bộ giảng viên của trường đã áp dụng công nghệ thông tin, internet vào giảng dạy.

** Những tồn tại*

- Chương trình đào tạo trước năm 2017 còn nặng về lý thuyết chưa thực sự phù hợp với thực tiễn.

- Việc lấy ý kiến của các nhà tuyển dụng, sử dụng lao động về chương trình đào tạo đã được Trường thực hiện nhưng chưa thường xuyên và liên tục.

- Một số học phần trong chương trình đào tạo còn chưa linh hoạt, mềm dẻo, nặng về lý thuyết, phần thực hành nghề chưa đủ để người học hình thành kỹ năng kỹ xảo nghề nghiệp.

- Chưa xây dựng được tất cả bài giảng lưu hành nội bộ cho từng học phần, môn học.

- Trong phương pháp dạy và học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu của người học đã được quan tâm và tổ chức nhiều hội thảo để nâng cao chất lượng đào tạo theo học chế tín chỉ, xong năng lực tự học tự nghiên cứu của người học vẫn còn nhiều hạn chế.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng*

- Trường triển khai lấy ý kiến của các HSSV đã tốt nghiệp và một số nhà doanh nghiệp sử dụng lao động góp ý về chương trình đào tạo để kịp thời bổ sung điều chỉnh đáp ứng các yêu cầu của nhà tuyển dụng lao động.

- Năm 2017 trường triển khai chỉnh sửa tất cả các chương trình các hệ đào tạo, các ngành, nghề đang đào tạo trong toàn trường và thực hiện chuyển đổi chương trình đào tạo theo hướng GDNN.

- Năm học 2017 - 2018, trường có kế hoạch định kỳ tổ chức các đợt khảo sát lấy ý kiến của các giảng viên, sinh viên, các nhà tuyển dụng, cựu sinh viên nhằm kịp thời điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo.

- Trong năm 2018, 2019 trường tiếp tục tổ chức xây dựng giáo trình, bài giảng lưu hành nội bộ cho các học phần, môn học đảm bảo cho 100% học phần, môn học có đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo.

- Trường đang tiến hành cải tạo, sửa chữa hệ thống mạng Internet, mạng LAN của trường để có thể đưa các chương trình đào tạo, các bậc đào tạo, các ngành đào tạo lên Website của trường phục vụ cho cập nhật thông tin của các giảng viên và sinh viên.

- Vận dụng chương trình đào tạo nghề của Nhật Bản, Áo, Đức vào đào tạo một số nghề cơ khí, điện, điện tự động hóa, thiết kế thời trang.

- Nhà trường tiếp tục rà soát, bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo, điều chỉnh lại các mã học phần cho phù hợp với yêu cầu của sự tiến bộ khoa học kỹ thuật trên cơ sở các ý kiến phản hồi của các nhà tuyển dụng, tham khảo các chương trình đào tạo của các trường Cao đẳng, Đại học trong nước và quốc tế.

- Trường có kế hoạch định kỳ tổ chức các đợt khảo sát lấy ý kiến của các giảng viên, sinh viên, các nhà tuyển dụng, cựu sinh viên nhằm kịp thời điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo.

Điểm đánh giá tiêu chí 4

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 4	**15**
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1
Tiêu chuẩn 7	1
Tiêu chuẩn 8	1
Tiêu chuẩn 9	1
Tiêu chuẩn 10	1
Tiêu chuẩn 11	1
Tiêu chuẩn 12	1
Tiêu chuẩn 13	1
Tiêu chuẩn 14	1
Tiêu chuẩn 15	1

Tiêu chuẩn 1: Có đầy đủ chương trình đào tạo các chuyên ngành hoặc nghề mà trường đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo của trường được xây dựng trên cơ sở Luật giáo dục ĐH và luật DGNN, chương trình khung và các quy định do Bộ GD&ĐT, Bộ LĐTBXH ban hành.

Trên cơ sở chương trình khung đào tạo kèm theo quyết định số 32/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 18/06/2007 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành bộ chương trình khung giáo dục Đại học khối ngành Công nghệ trình độ Đại học và Cao đẳng; quyết định số 64/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 01/11/2007 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành

bộ chương trình khung giáo dục Đại học khối ngành Công nghệ trình độ Cao đẳng trường đã ban hành chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo chi tiết cho các chuyên ngành cụ thể [4.1.01]. Từ đó đến nay chương trình giáo dục hằng năm đều được rà soát điều chỉnh bổ sung cho phù hợp với yêu cầu phát triển nguồn nhân lực cho các ngành, nghề đào tạo [4.1.02]; [4.1.03]; [4.1.04].

Trường có đủ chương trình đào tạo và kế hoạch đào tạo chi tiết được xây dựng trên cơ sở chương trình khung của Bộ GD&ĐT, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Chương trình đào tạo trước năm 2017 còn nặng về lý thuyết chưa thực sự phù hợp với thực tiễn.

Trường triển khai lấy ý kiến của các HSSV đã tốt nghiệp và một số nhà doanh nghiệp sử dụng lao động góp ý về chương trình đào tạo để kịp thời bổ sung điều chỉnh đáp ứng các yêu cầu của nhà tuyển dụng lao động.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2: 100% chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định

Mô tả, phân tích, nhận định:

100% chương trình đào tạo của trường được xây dựng trên cơ sở Luật giáo dục, chương trình khung và các quy định do Bộ GD&ĐT, Bộ LĐTBXH ban hành.

Chương trình đào tạo của trường được xây dựng với sự tham gia của toàn thể giảng viên, cán bộ quản lý, giám hiệu và lãnh đạo các phòng, khoa, trung tâm. Trong quá trình xây dựng chương trình đào tạo cho từng ngành cụ thể, trường đặc biệt chú trọng đến việc xây dựng chương trình chi tiết từ các tổ môn và các khoa [4.2.01].

Qua khảo sát về cơ bản HSSV của trường sau khi tốt nghiệp ra trường đáp ứng được phần lớn các yêu cầu của nhà tuyển dụng. Trên cơ sở đó mà trường có kế hoạch điều chỉnh chương trình đào tạo cho phù hợp với yêu cầu các doanh nghiệp [4.2.02].

Chương trình đào tạo của trường được xây dựng với sự tham gia của toàn thể giảng viên, cán bộ quản lý, giám hiệu và lãnh đạo các phòng, khoa, trung tâm của trường đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và nâng cao chất lượng đào tạo. Trên cơ sở đó mà trường có kế hoạch điều chỉnh chương trình đào tạo cho phù hợp với yêu cầu các doanh nghiệp

Trường chưa thường xuyên lấy ý kiến của các nhà tuyển dụng, sử dụng lao động về chương trình đào tạo.

Trường triển khai lấy ý kiến của các HSSV đã tốt nghiệp và một số nhà doanh nghiệp sử dụng lao động góp ý về chương trình đào tạo để kịp thời bổ sung điều chỉnh đáp ứng các yêu cầu của nhà tuyển dụng lao động.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo của Trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định

Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp. Hiện tại, trường đang đào tạo 30 ngành Cao đẳng, 30 ngành Trung cấp và chương trình chi tiết của từng ngành, nghề đào tạo, từng khoá học của trường [4.3.01]; [4.3.02]; [4.3.03].

Biên bản các Hội đồng nghiệm thu, đánh giá các chương trình đào tạo và chương trình chi tiết của các học phần, môn học đang đào tạo tại trường [4.3.04].

Phạm vi và cấu trúc chương trình hợp lý, đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động, được sự đánh giá cao của các nhà doanh nghiệp sử dụng lao động [4.3.05]; [4.3.06].

Chương trình đào tạo được thực hiện đúng các khối lượng kiến thức theo yêu cầu đào tạo cán bộ kỹ thuật có trình độ Cao đẳng, trình độ trung theo chương trình khung của Bộ GD&ĐT; đào tạo nghề theo chương trình khung của Bộ LĐTBXH có đầy đủ mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể cho các học phần của ngành học, đáp ứng yêu cầu của các doanh nghiệp sử dụng lao động.

Trường chưa tổ chức thường xuyên, liên tục việc lấy ý kiến phản hồi từ người học và người tuyển dụng về Chương trình đào tạo của trường.

Năm 2017, 2018 trường triển khai chỉnh sửa tất cả các chương trình các hệ đào tạo, các ngành, nghề đang đào tạo trong toàn trường và thực hiện chuyển đổi chương trình đào tạo theo hướng GDNN

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý GDNN, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của nghành nếu có

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hầu hết các chương trình đào tạo của trường được xây dựng trên cơ sở Luật giáo dục, chương trình khung và các quy định do Bộ GD&ĐT, Bộ LĐTBXH ban hành.

Chương trình đào tạo của trường được xây dựng với sự tham gia của toàn thể giảng viên, cán bộ quản lý, giám hiệu và lãnh đạo các phòng, khoa, trung tâm. Trong quá trình xây dựng chương trình đào tạo cho từng ngành cụ thể, trường đặc biệt chú trọng đến việc xây dựng chương trình chi tiết từ các tổ môn và các khoa [4.4.01]; [4.4.02]; [4.4.03]; [4.4.04].

Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động [4.4.05].

Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý GDNN, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động. Trên cơ sở đó mà trường có kế hoạch điều chỉnh chương trình đào tạo cho phù hợp với yêu cầu các doanh nghiệp

Việc lấy ý kiến của các nhà tuyển dụng, sử dụng lao động về chương trình đào tạo đã được Trường thực hiện nhưng chưa thường xuyên và liên tục.

Trường triển khai lấy ý kiến của các HSSV đã tốt nghiệp và một số nhà doanh nghiệp sử dụng lao động góp ý về chương trình đào tạo để kịp thời bổ sung điều chỉnh đáp ứng các yêu cầu của nhà tuyển dụng lao động.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động

Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo của nhà trường được định kỳ bổ sung, điều chỉnh dựa trên cơ sở tham khảo các chương trình tiên tiến, các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng lao động [4.5.01], [4.5.02], nhằm đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội của khu vực và của ngành. Coi trọng về sự cần thiết của việc điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo để chỉ đạo và tổ chức thực hiện có hiệu quả.

Nội dung điều tra khảo sát tập trung vào chương trình đào tạo của trường từ năm 2017 đến năm 2019. Qua kết quả điều tra, những vấn đề trong chương trình đào tạo được đánh giá tốt: Mục tiêu đào tạo phù hợp với điều kiện thực tế của xã hội và các doanh nghiệp sử dụng lao động; các học phần trong chương trình đào tạo đạt được các yêu cầu về chuyên môn sâu, kiến thức rộng.

Bên cạnh đó còn một số hạn chế, tồn tại cần khắc phục là giữa lý thuyết và thực hành trong khóa học chưa cân đối. Do đó trường đã có kế hoạch phát triển chương trình đào tạo để dần đưa chương trình đào tạo đạt chuẩn [4.5.03]; [4.5.04]; [4.5.05]. Theo định kỳ nhà trường lấy ý kiến của các nhà tuyển dụng lao động về chương trình đào tạo, xây dựng kỹ năng nghề để nắm bắt, điều chỉnh kịp thời các nội dung đào tạo [4.5.06].

Trường có đủ chương trình đào tạo cho các bậc đào tạo, các ngành đào tạo. Chương trình đào tạo có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, cấu trúc hợp lý, được xây dựng một cách hệ thống, khoa học, đáp ứng yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ của các chuyên ngành.

Trường đã xây dựng được bộ chương trình chi tiết cho từng học phần, môn học, module của các ngành, các bậc đào tạo. Các học phần, môn học, module trong chương trình giáo dục có đủ giáo trình, tài liệu tham khảo đáp ứng mục tiêu của nhà trường.

Chương trình giáo dục được rà soát định kỳ, bổ sung, phát triển, điều chỉnh cho phù hợp với mục tiêu đào tạo, theo nhu cầu của các nhà tuyển dụng lao động và cơ quan quản lý.

Trường đang nghiên cứu chương trình đào tạo nghề của Nhật Bản, Áo ứng dụng vào điều kiện Việt Nam nhằm nâng cao chất lượng đào tạo kỹ năng nghề.

Một số học phần trong chương trình đào tạo còn chưa linh hoạt, mềm dẻo, nặng về lý thuyết, phần thực hành nghề chưa đủ để người học hình thành kỹ năng kỹ xảo nghề nghiệp.

Chưa xây dựng được tất cả bài giảng lưu hành nội bộ cho từng học phần, môn học.

Nhà trường tiếp tục rà soát, bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo, điều chỉnh lại các mã học phần cho phù hợp với yêu cầu của sự tiến bộ khoa học kỹ thuật trên cơ sở các ý kiến phản hồi của các nhà tuyển dụng, tham khảo các chương trình đào tạo của các trường Cao đẳng, Đại học trong nước và quốc tế.

Năm học 2018 - 2019, trường có kế hoạch định kỳ tổ chức các đợt khảo sát lấy ý kiến của các giảng viên, sinh viên, các nhà tuyển dụng, cựu sinh viên nhằm kịp thời điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo.

Trong năm 2017, 2018 trường tiếp tục tổ chức xây dựng giáo trình, bài giảng lưu hành nội bộ cho các học phần, môn học đảm bảo cho 100% học phần, môn học có đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo.

Trường đang tiến hành cải tạo, sửa chữa hệ thống mạng Internet, mạng LAN của trường để có thể đưa các chương trình đào tạo, các bậc đào tạo, các ngành đào tạo lên Website của trường phục vụ cho cập nhật thông tin của các giảng viên và sinh viên.

Vận dụng chương trình đào tạo nghề của Nhật Bản, Áo, Đức vào đào tạo một số nghề cơ khí, điện, điện tự động hóa, thiết kế thời trang.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo được xây dựng đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ GDNN với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Các chương trình đào tạo của trường được xây dựng theo hướng liên thông. Từ năm 2016 đến nay trường đã xây dựng và triển khai đào tạo một số ngành liên thông từ Trung cấp lên Cao đẳng các ngành Kế toán, Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử, Điện công nghiệp, Công nghệ kỹ thuật Cơ khí, Công nghệ thông tin, Công nghệ May - Thời trang, theo phương thức chính quy và vừa làm vừa học trên cơ sở quy định đào tạo liên thông của Bộ GD&ĐT theo hệ thống đào tạo tín chỉ [4.6.01]; [4.6.02]; [4.6.03]; [4.6.04].

Chương trình đào tạo liên thông của trường được thiết kế theo hướng đảm bảo tính khoa học, logic giữa các trình độ đào tạo, giúp người học tiếp thu kiến thức một cách hệ thống. Đặc biệt trong năm 2017, 2018 trường đã xây dựng kế hoạch chuyển đổi chương trình đào tạo theo hướng GDNN [4.6.05].

Nhà trường đã công bố các chương trình đào tạo ngay từ đầu khóa học và khi tuyển sinh để người học lựa chọn ngành nghề học tập.

Trường đã xây dựng được các chương trình giáo dục và kế hoạch đào tạo liên thông từ trình độ Trung cấp lên trình độ Cao đẳng của các ngành khác nhau. Trường

đã có kinh nghiệm đào tạo liên thông và đã tạo được nguồn nhân lực đáp ứng cho các ngành công nghiệp địa phương và trong khu vực.

Các chương trình đào tạo một số ngành mới mở vẫn đang triển khai xây dựng chương trình đào tạo liên thông.

Năm học 2018-2019 trường biên soạn và hoàn thiện chương trình giáo dục liên thông các ngành May thời trang, Điện công nghiệp, Kế toán doanh nghiệp.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 7: Ít nhất 3 năm 1 lần trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh đối với chương trình đào tạo đã ban hành

Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo của Trường được định kỳ đánh giá và thực hiện cải tiến chất lượng dựa trên kết quả đánh giá [4.7.01]; [4.7.02]; [4.7.03];. Sau mỗi học kỳ, trường tổ chức thu thập ý kiến phản hồi từ các tổ chuyên môn, khoa về chương trình đào tạo. Các tổ chuyên môn, khoa căn cứ vào thực tế giảng dạy, định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo, trong đó gồm 2 nội dung chính là kế hoạch đào tạo và chương trình chi tiết học phần. Những vấn đề bất cập, chưa phù hợp đã được các giảng viên và các đơn vị có ý kiến bổ sung, điều chỉnh kịp thời nhằm từng bước hoàn thiện chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu thực tiễn đặt ra. Thông qua hội đồng nghiệm thu các chương trình chỉnh sửa của trường và các chương trình đã chỉnh sửa được đưa vào sử dụng [4.7.04].

Chương trình đào tạo của trường được đánh giá theo định kỳ làm cơ sở cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo. Từ năm học 2010 - 2011 Trường đã triển khai đào tạo bậc cao đẳng theo học chế tín chỉ. Từ năm 2017, Trường thực hiện xây dựng và chuyển đổi chương trình đào tạo theo hướng GDNN.

Việc cải tiến chương trình đào tạo dựa trên kết quả đánh giá còn chưa kịp thời. Đặc biệt do phải bám sát chương trình đào tạo khung của Bộ nên chưa phù hợp với thực tiễn tại doanh nghiệp.

Hằng năm trường có kế hoạch cụ thể trong việc cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá. Tiếp tục hoàn thiện hồ sơ chuyển đổi chương trình đào tạo theo hướng GDNN, mở các mã ngành mới, điều chỉnh và thay đổi các mã ngành cho phù hợp.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 8: Chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo hoặc tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài

Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo của nhà trường được định kỳ bổ sung, điều chỉnh dựa trên cơ sở tham khảo các chương trình tiên tiến, các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng lao động [4.8.01], nhằm đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội của khu vực và của ngành. Coi trọng về sự cần thiết của việc điều chỉnh, bổ

sung chương trình đào tạo để chỉ đạo và tổ chức thực hiện biên soạn, chỉnh sửa chương trình [4.8.02]; [4.8.03]; [4.8.04].

Qua kết quả điều tra, những vấn đề trong chương trình đào tạo được đánh giá tốt: Mục tiêu đào tạo phù hợp với điều kiện thực tế của xã hội và các doanh nghiệp sử dụng lao động; các học phần trong chương trình đào tạo đạt được các yêu cầu về chuyên môn sâu, kiến thức rộng.

Bên cạnh đó trường đã có kế hoạch phát triển chương trình đào tạo để dần đưa chương trình đào tạo đạt chuẩn. Theo định kỳ nhà trường lấy ý kiến của các nhà tuyển dụng lao động về chương trình đào tạo, xây dựng kỹ năng nghề để nắm bắt, điều chỉnh kịp thời các nội dung đào tạo [4.8.05]; [4.8.06]; [4.8.07];

Trường có đủ chương trình đào tạo cho các bậc đào tạo, các ngành đào tạo. Chương trình đào tạo có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, cấu trúc hợp lý, được xây dựng một cách hệ thống, khoa học, đáp ứng yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ của các chuyên ngành.

Trường đã xây dựng được bộ chương trình chi tiết cho từng học phần, môn học, module của các ngành, các bậc đào tạo. Các học phần, môn học, module trong chương trình giáo dục có đủ giáo trình, tài liệu tham khảo đáp ứng mục tiêu của nhà trường.

Chương trình giáo dục được rà soát định kỳ, bổ sung, phát triển, điều chỉnh cho phù hợp với mục tiêu đào tạo, theo nhu cầu của các nhà tuyển dụng lao động và cơ quan quản lý.

Trường đang nghiên cứu chương trình đào tạo nghề của Nhật Bản, Áo, Đức ứng dụng vào điều kiện Việt Nam nhằm nâng cao chất lượng đào tạo kỹ năng nghề.

Một số học phần trong chương trình đào tạo còn chưa linh hoạt, mềm dẻo, nặng về lý thuyết, phần thực hành nghề chưa đủ để người học hình thành kỹ năng kỹ xảo nghề nghiệp.

Chưa xây dựng được tất cả bài giảng lưu hành nội bộ cho từng học phần, môn học.

Nhà trường tiếp tục rà soát, bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo, điều chỉnh lại các mã học phần cho phù hợp với yêu cầu của sự tiến bộ khoa học kỹ thuật trên cơ sở các ý kiến phản hồi của các nhà tuyển dụng, tham khảo các chương trình đào tạo của các trường Cao đẳng, Đại học trong nước và quốc tế.

Trường có kế hoạch định kỳ tổ chức các đợt khảo sát lấy ý kiến của các giảng viên, sinh viên, các nhà tuyển dụng, cựu sinh viên nhằm kịp thời điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo.

Trong năm 2017, 2018 trường tổ chức xây dựng giáo trình, bài giảng lưu hành nội bộ cho các học phần, môn học đảm bảo cho 100% học phần, môn học có đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo.

Trường đang tiến hành cải tạo, sửa chữa hệ thống mạng Internet, mạng LAN của trường để có thể đưa các chương trình đào tạo, các bậc đào tạo, các ngành đào tạo lên Website của trường phục vụ cho cập nhật thông tin của các giảng viên và sinh viên.

Vận dụng chương trình đào tạo nghề của Nhật Bản, Áo, Đức vào đào tạo một số nghề cơ khí, điện, điện tự động hóa, thiết kế thời trang.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 9: Trước khi tổ chức đào tạo liên thông, Trường căn cứ chương trình đào tạo, thực hiện rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học và có quyết định đối với các mô đun, tín chỉ, môn học không phải học để đảm bảo quyền lợi của người học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trước khi tổ chức đào tạo liên thông, Trường căn cứ chương trình đào tạo, thực hiện rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học và có quyết định ban hành chương trình đối với các mô đun, tín chỉ, môn học phải học để đảm bảo quyền lợi của người học. Các chương trình đào tạo liên thông của trường được xây dựng và triển khai đào tạo một số ngành liên thông từ Trung cấp lên Cao đẳng các ngành Kế toán, Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử, Điện công nghiệp, Công nghệ kỹ thuật Cơ khí, Công nghệ thông tin, Công nghệ May - Thời trang, theo phương thức chính quy trên cơ sở quy định đào tạo liên thông của Bộ GD&ĐT theo hệ thống đào tạo tín chỉ [4.9.01]; [4.9.02]; [4.9.03].

Căn cứ vào chương trình đào tạo liên thông, Trường tổ chức đào tạo liên thông theo đúng chương trình được thiết kế theo hướng đảm bảo tính khoa học, logic giữa các trình độ đào tạo, giúp người học tiếp thu kiến thức một cách hệ thống đảm bảo theo đúng quy chế đào tạo [4.9.04].

Trường đã xây dựng được các chương trình giáo dục và kế hoạch đào tạo liên thông từ trình độ Trung cấp lên trình độ Cao đẳng của các ngành khác nhau. Trường đã có kinh nghiệm đào tạo liên thông và đã tạo được nguồn nhân lực đáp ứng cho các ngành công nghiệp địa phương và trong khu vực.

Các chương trình đào tạo một số ngành mới mở chưa xây dựng chương trình đào tạo liên thông.

Năm học 2018-2019 trường biên soạn và hoàn thiện chương trình giáo dục liên thông các ngành May thời trang, Điện công nghiệp, Kế toán doanh nghiệp, Công nghệ thông tin.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9, tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 10: Có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của từng chương trình đào tạo

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hằng năm, sau khi có chương trình khung cho từng năm học, Trường tiến hành xây dựng các giáo trình cho các mô đun, môn học theo đúng chương trình đào tạo [4.10.01]; [4.10.02].

Trong nhiều năm qua trường đã chú trọng đến việc mua sắm trang thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập, đặc biệt là việc mua sắm giáo trình, học liệu, tài liệu tham khảo nhằm đáp ứng mục tiêu đào tạo và học tập các học phần, môn học, module.

Thư viện của trường đảm bảo đủ các chủng loại giáo trình và tài liệu tham khảo

phục vụ công tác đào tạo các chuyên ngành đào tạo trong trường, phục vụ công tác NCKH của cán bộ giảng viên và sinh viên. Số đầu sách hằng năm tăng lên nhằm đáp ứng nhu cầu dạy - học, nghiên cứu của cán bộ giảng viên và sinh viên, học sinh.

Trường có đủ các chủng loại sách, phong phú về số lượng đáp ứng cơ bản yêu cầu phục vụ công tác giảng dạy và học tập, NCKH của cán bộ giảng viên và sinh viên, đáp ứng mục tiêu đào tạo.

Trường có mạng Internet trang bị cho tất cả các phòng khoa, các phòng học tin học nên cán bộ giảng viên có thể truy cập tìm kiếm, khai thác các thông tin, tài liệu trên internet phục vụ cho công việc giảng dạy và học tập nâng cao trình độ.

Số giáo trình các học phần, module, tài liệu tham khảo của một số ngành mới còn hạn chế.

Năm 2018 trường tăng cường đầu tư mua sắm bổ sung thêm sách đặc biệt là cho các ngành mới, tăng cường đầu tư vào biên soạn đề cương bài giảng, dùng chung cho toàn trường, bổ sung sách cho công tác học tập và NCKH của cán bộ, giảng viên và HSSV đáp ứng mục tiêu các học phần, môn học.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10, tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 11: 100% giáo trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hằng năm, sau khi có chương trình tổng quát cho từng năm học, Trường tiến hành xây dựng các giáo trình cho các mô đun, môn học theo đúng chương trình đào tạo. 100% giáo trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức [4.11.01]; [4.11.02].

Trong nhiều năm qua trường đã chú trọng đến việc mua sắm trang thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập, đặc biệt là việc mua sắm giáo trình, học liệu, tài liệu tham khảo nhằm đáp ứng mục tiêu đào tạo và học tập các học phần, môn học, module.

Thư viện của trường đảm bảo đủ các chủng loại giáo trình và tài liệu tham khảo phục vụ công tác đào tạo các chuyên ngành đào tạo trong trường, phục vụ công tác NCKH của cán bộ giảng viên và sinh viên. Số đầu sách hằng năm tăng lên nhằm đáp ứng nhu cầu dạy - học, nghiên cứu của cán bộ giảng viên và sinh viên, học sinh.

Trường có đủ các chủng loại sách, phong phú về số lượng đáp ứng cơ bản yêu cầu phục vụ công tác giảng dạy và học tập, NCKH của cán bộ giảng viên và sinh viên, đáp ứng mục tiêu đào tạo.

Trường có mạng Internet trang bị cho tất cả các phòng khoa, các phòng học tin học nên cán bộ giảng viên có thể truy cập tìm kiếm, khai thác các thông tin, tài liệu trên internet phục vụ cho công việc giảng dạy và học tập nâng cao trình độ.

Số giáo trình các học phần, module, tài liệu tham khảo của một số ngành mới còn hạn chế.

Năm 2018 trường tăng cường đầu tư mua sắm bổ sung thêm sách đặc biệt là cho các ngành mới, tăng cường đầu tư vào biên soạn đề cương bài giảng, dùng chung cho

toàn trường, bổ sung sách cho công tác học tập và NCKH của cán bộ, giảng viên và HSSV đáp ứng mục tiêu các học phần, môn học.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11, tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 12: Giáo trình đào tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Giáo trình, tài liệu tham khảo, các đề cương bài giảng, bài giảng có ý nghĩa quan trọng trong công tác đảm bảo chất lượng đào tạo. Chính vì vậy trong nhiều năm qua trường đã chú trọng đến việc mua sắm trang thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập, đặc biệt là việc biên soạn giáo trình mới và mua sắm giáo trình, học liệu, tài liệu tham khảo nhằm đáp ứng mục tiêu đào tạo và học tập các học phần, môn học, module [4.12.01]; [4.12.02].

Giáo trình đào tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo . Thư viện của trường đảm bảo đủ các chủng loại giáo trình và tài liệu tham khảo phục vụ công tác đào tạo các chuyên ngành đào tạo trong trường, phục vụ công tác NCKH của cán bộ giảng viên và sinh viên. Số đầu sách hằng năm tăng lên nhằm đáp ứng nhu cầu dạy - học, nghiên cứu của cán bộ giảng viên và sinh viên, học sinh.

Số đầu sách đến năm 2019 là 1.305 đầu sách. Cùng với việc xây dựng chương trình đào tạo các ngành học, trường còn tập trung chỉ đạo giảng viên biên soạn giáo trình lưu hành nội bộ, các bài giảng, các tài liệu đã được các khoa, tổ chuyên môn duyệt và đưa vào sử dụng, lưu hành nội bộ trong khoa, trong trường.

Trường có đủ các chủng loại sách, phong phú về số lượng đáp ứng cơ bản yêu cầu phục vụ công tác giảng dạy và học tập, NCKH của cán bộ giảng viên và sinh viên, đáp ứng mục tiêu đào tạo.

Trường có mạng Internet trang bị cho tất cả các phòng khoa, các phòng học tin học nên cán bộ giảng viên có thể truy cập tìm kiếm, khai thác các thông tin, tài liệu trên internet phục vụ cho công việc giảng dạy và học tập nâng cao trình độ.

Số bài giảng các học phần, module, tài liệu tham khảo của một số ngành mới còn hạn chế.

Năm 2018 trường tăng cường đầu tư mua sắm, biên soạn và bổ sung thêm sách đặc biệt là cho các ngành mới, tăng cường đầu tư vào biên soạn đề cương bài giảng, dùng chung cho toàn trường, bổ sung sách cho công tác học tập và NCKH của cán bộ, giảng viên và HSSV đáp ứng mục tiêu các học phần, môn học.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12, tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 13: Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hằng năm, sau khi có chương trình khung cho từng năm học, Trường tiến hành xây dựng các giáo trình cho các mô đun, môn học theo đúng chương trình đào tạo

[4.13.01]; [4.13.02].

Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực. Thực hiện đa dạng hóa phương thức tổ chức đào tạo, đổi mới phương pháp dạy và học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn đã được Đảng ủy, ban Giám hiệu quán triệt, chỉ đạo cán bộ, giảng viên và học sinh-sinh viên hưởng ứng và thực hiện nghiêm túc. Hằng năm Giám hiệu chỉ đạo hội giảng, hội học tìm ra các phương pháp dạy học tích cực từ cấp khoa, cấp trường nhằm phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm phù hợp với yêu của các doanh nghiệp [4.13.03];

Trường cũng đã xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá giờ dạy của giảng viên, lấy ý kiến của sinh viên về chất lượng giảng dạy của giảng viên [4.13.04]; [4.13.05].

Công tác đổi mới phương pháp dạy và học được trường hết sức quan tâm, tổ chức bồi dưỡng về phương pháp và có sự đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học hiện đại, phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm. Phần lớn cán bộ giảng viên của trường đã áp dụng công nghệ thông tin, internet vào giảng dạy.

Trong phương pháp dạy và học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu của người học đã được quan tâm và tổ chức nhiều hội thảo để nâng cao chất lượng đào tạo theo học chế tín chỉ, xong năng lực tự học tự nghiên cứu của người học vẫn còn nhiều hạn chế.

Thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng về phương pháp dạy học mới, phương pháp dạy học hiện đại, cử các giảng viên tham gia các lớp bồi dưỡng kỹ năng nghề. Phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 13, tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 14: Hằng năm trường thực hiện việc lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có

Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo của nhà trường được định kỳ bổ sung, điều chỉnh dựa trên cơ sở tham khảo các chương trình tiên tiến, Hằng năm trường thực hiện việc lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo để tiến hành điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo để chỉ đạo và tổ chức thực hiện biên soạn, chỉnh sửa chương trình [4.14.01]; [4.14.02]; [4.14.03]; [4.14.04].

Qua kết quả điều tra, những vấn đề trong chương trình đào tạo được đánh giá tốt: Mục tiêu đào tạo phù hợp với điều kiện thực tế của xã hội và các doanh nghiệp sử

dụng lao động; các học phần trong chương trình đào tạo đạt được các yêu cầu về chuyên môn sâu, kiến thức rộng.

Bên cạnh đó trường đã có kế hoạch biên soạn và chỉnh sửa giáo trình đào tạo để dần đưa chương trình đào tạo đạt chuẩn. Theo định kỳ nhà trường lấy ý kiến của các nhà tuyển dụng lao động về chương trình đào tạo, xây dựng kỹ năng nghề để nắm bắt, điều chỉnh kịp thời các nội dung đào tạo [4.14.05].

Trường đã xây dựng được bộ giáo trình cho từng học phần, môn học, module của các ngành, các bậc đào tạo. Các học phần, môn học, module trong chương trình giáo dục có đủ giáo trình, tài liệu tham khảo đáp ứng mục tiêu của nhà trường.

Chương trình giáo dục được rà soát định kỳ, bổ sung, phát triển, điều chỉnh cho phù hợp với mục tiêu đào tạo, theo nhu cầu của các nhà tuyển dụng lao động và cơ quan quản lý.

Trường đang nghiên cứu chương trình đào tạo nghề của Nhật Bản, Áo ứng dụng vào điều kiện Việt Nam nhằm nâng cao chất lượng đào tạo kỹ năng nghề.

Một số học phần trong chương trình đào tạo còn chưa linh hoạt, mềm dẻo, nặng về lý thuyết, phần thực hành nghề chưa đủ để người học hình thành kỹ năng kỹ xảo nghề nghiệp.

Chưa xây dựng được tất cả bài giảng lưu hành nội bộ cho từng học phần, môn học.

Nhà trường tiếp tục rà soát, bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo, điều chỉnh lại các mã học phần cho phù hợp với yêu cầu của sự tiến bộ khoa học kỹ thuật trên cơ sở các ý kiến phản hồi của các nhà tuyển dụng, tham khảo các chương trình đào tạo của các trường Cao đẳng, Đại học trong nước và quốc tế.

Trường có kế hoạch định kỳ tổ chức các đợt khảo sát lấy ý kiến của các giảng viên, sinh viên, các nhà tuyển dụng, cựu sinh viên nhằm kịp thời điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo.

Trong năm 2017, 2018 trường tiếp tục tổ chức xây dựng giáo trình, bài giảng lưu hành nội bộ cho các học phần, môn học đảm bảo cho 100% học phần, môn học có đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo.

Trường đang tiến hành cải tạo, sửa chữa hệ thống mạng Internet, mạng LAN của trường để có thể đưa các chương trình đào tạo, các bậc đào tạo, các ngành đào tạo lên Website của trường phục vụ cho cập nhật thông tin của các giảng viên và sinh viên.

Vận dụng chương trình đào tạo nghề của Nhật Bản, Áo, Đức vào đào tạo một số nghề cơ khí, điện, điện tự động hóa, thiết kế thời trang.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 14, tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 15: Khi có sự thay đổi về chương trình đào tạo, trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hằng năm, khi có sự thay đổi về chương trình đào tạo, trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định. Chương trình đào tạo của Trường được định kỳ đánh giá và thực hiện cải tiến chất lượng dựa trên kết quả đánh giá [4.15.01]; [4.15.02]; [4.15.03];. Sau mỗi học kỳ, trường tổ chức thu thập ý kiến phản hồi từ các tổ chuyên môn, khoa về chương trình đào tạo. Các tổ chuyên môn, khoa căn cứ vào thực tế giảng dạy, định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo, trong đó gồm 2 nội dung chính là kế hoạch đào tạo và chương trình chi tiết học phần. Những vấn đề bất cập, chưa phù hợp đã được các giảng viên và các đơn vị có ý kiến bổ sung, điều chỉnh kịp thời nhằm từng bước hoàn thiện chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu thực tiễn đặt ra. Thông qua hội đồng nghiệm thu các chương trình chỉnh sửa của trường và các chương trình đã chỉnh sửa được đưa vào sử dụng [4.15.04].

Chương trình đào tạo của trường được đánh giá theo định kỳ làm cơ sở cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo. Từ năm học 2010 - 2011 Trường đã triển khai đào tạo bậc cao đẳng theo học chế tín chỉ. Từ năm 2017 Trường thực hiện xây dựng và chuyển đổi chương trình đào tạo theo hướng GDNN.

Việc cải tiến chương trình đào tạo dựa trên kết quả đánh giá còn chưa kịp thời. Đặc biệt do phải bám sát chương trình đào tạo khung của Bộ nên chưa phù hợp với thực tiễn tại doanh nghiệp.

Hằng năm trường có kế hoạch cụ thể trong việc cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá. Tiếp tục hoàn thiện hồ sơ chuyển đổi chương trình đào tạo theo hướng GDNN, mở các mã ngành mới, điều chỉnh và thay đổi các mã ngành cho phù hợp.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 15, tiêu chí 4: 1 điểm

3.2.5. Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện

Đánh giá tổng quan tiêu chí 5:

Mở đầu:

Các cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện phục vụ cho đời sống vật chất, tinh thần, học tập, NCKH, vui chơi giải trí của cán bộ giảng viên, viên chức và HSSV trong trường, từng bước được đầu tư xây dựng, cải tạo, bổ sung và hoàn thiện hơn.

Thư viện, trang thiết bị đào tạo và các cơ sở vật chất khác là những yếu tố rất quan trọng nhằm đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo trong nhà trường. Với bề dày hơn 60 năm đào tạo và phát triển, trường CĐCNNĐ luôn quan tâm đầu tư cho hệ thống thư viện, đầu tư trang thiết bị học tập, phòng học lý thuyết, thực hành, thí nghiệm.

** Những điểm mạnh:*

Cùng với sự nỗ lực cố gắng của nhà trường trong việc đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học, đặc biệt là sự quan tâm đầu tư của Bộ Công Thương, Bộ LĐTBXH trong những năm gần đây cơ sở vật chất của nhà trường được đầu tư xây mới và cải tạo nhiều. Trang thiết bị bị đào tạo cũng như Thư viện điện tử được đầu tư và cập nhật liên tục tạo điều kiện tốt nhất cho hoạt động giảng dạy và hoạt động chung của toàn trường.

** Những tồn tại:*

Mặc dù vấn đề cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện được nhà trường ưu tiên hàng đầu nhưng vì kinh phí đầu tư không lớn nên rất cần sự quan tâm, ủng hộ của các cơ quan chức năng, đặc biệt là Bộ Công Thương, Bộ LĐTBXH để trong thời gian tới nhà trường hoàn thành dự án Quy hoạch tổng thể phát triển Trường giai đoạn (2005-2020).

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Theo kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020 đã được Bộ Công Thương phê duyệt, những năm tiếp theo cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động giảng dạy cũng như hoạt động chung cho toàn trường sẽ ngày càng hoàn thiện. Các công trình kiến trúc tiếp tục được đầu tư xây dựng mới bên cạnh việc cải tạo, nâng cấp các công trình đã sử dụng, cùng việc nâng cao số lượng và chất lượng các đầu sách của Thư viện truyền thống và Thư viện điện tử giúp người học tìm tài liệu học tập, nghiên cứu nhanh nhất, tốt nhất, tất cả đều nhằm nâng cao chất lượng giáo dục.

Điểm đánh giá tiêu chí 5

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 5	**15**
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1
Tiêu chuẩn 7	1
Tiêu chuẩn 8	1
Tiêu chuẩn 9	1
Tiêu chuẩn 10	1
Tiêu chuẩn 11	1
Tiêu chuẩn 12	1
Tiêu chuẩn 13	1
Tiêu chuẩn 14	1
Tiêu chuẩn 15	1

Tiêu chuẩn 1: Địa điểm xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở GDNN, khu đất xây dựng cần đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập; giao thông thuận tiện và an toàn; thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước đảm bảo khoảng cách đối với các xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường CĐCNNĐ được thành lập theo Quyết định số 1339/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 30 tháng 3 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT trên cơ sở trường Trung học công nghiệp II [5.01.01], trường trực thuộc Bộ Công Thương chịu sự quản lý nhà nước về giáo dục của Bộ GD&ĐT với nhiệm vụ đào tạo và bồi dưỡng cán bộ có trình độ cao đẳng và các trình độ thấp hơn trong lĩnh vực: cơ khí chế tạo máy, kỹ thuật điện, kỹ thuật điện – điện tử, công nghệ thông tin, công nghệ may và kế toán. Trường được xây dựng trên địa bàn xã Liên Bảo, địa chỉ Km 6, Xã Liên Bảo, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định với tổng diện tích quy hoạch là 183.509$m^{2,}$ phù hợp với quy hoạch chung của tỉnh Nam Định cũng như mạng lưới các cơ sở GDNN trên địa bàn tỉnh [5.01.02]. Phía Đông là Quốc lộ 10, rất thuận tiện trong việc lưu thông, đi lại của cán bộ, giảng viên và sinh viên. Phía Bắc giáp khu dân cư và trường Cao đẳng Cao đẳng Công nghiệp Dệt may Nam Định, phía Nam giáp khu đất trồng lúa của xã Liên Bảo rất yên tĩnh cho việc dạy và học. Phía Tây giáp sông Tiên Hương, Chi nhánh điện lực lực huyện Vụ Bản và khu dân cư [5.01.03] thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước. Trong trường có Trạm biến áp 400KVA và tuyến cáp ngầm xuất tuyến hạ thế 0,4KV thuộc Dự án đầu tư xây dựng, mở rộng trường CĐCNNĐ - Giai đoạn II đã được đưa vào sử dụng rất thuận tiện cho việc cung cấp điện phục vụ cho toàn trường. Hiện tại Trường cách xa Cụm công nghiệp An Xá nên vấn đề ô nhiễm từ Khu công nghiệp là không có cả về nguồn nước và không khí.

Trường có diện tích rộng, vị trí thoáng mát, quy hoạch các tòa nhà hợp lý đã được phê duyệt, hệ thống thoát nước tốt, hệ thống đường giao thông nội bộ thuận tiện cho việc đi lại giữa các khu nhà trong khuôn viên trường: Năm 2017, Dự án đầu tư xây dựng đường giao thông (đường vào) trường CĐCNNĐ hoàn thành và đưa vào sử dụng góp phần làm cho giao thông trong khu vực trường thuận tiện hơn. Bên cạnh đó, Trường đang thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Nhà Hiệu bộ mới và Dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước, thu gom và xử lý nước thải, dự kiến cả hai dự án hoàn thành vào năm 2020.

Hiện tại cơ sở vật chất của Trường đã đáp ứng phần lớn nhu cầu về giáo dục, đào tạo.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2: Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm; diện tích đất sử dụng, diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Dự án Quy hoạch tổng thể phát triển trường được Bộ Công Thương phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh tại các Quyết định số 2165/QĐ-BCT ngày 14/12/2007 và Quyết định số 5913/QĐ-BCT ngày 11/11/2011 [5.02.01]. Trường CĐCNNĐ được UBND tỉnh Nam Định giao đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng mở rộng trường tại xã Liên Bảo, xã Thành Lợi, huyện Vụ Bản theo các Quyết định số 2466/2005/QĐ-UBND ngày 02/08/2005, Quyết định số 1097/QĐ-UBND ngày 01/06/2009 và Quyết định số 702/QĐ-UBND ngày 31/3/2016 [5.02.02]. Với diện tích đất hiện tại cùng với sự xây dựng và phát triển có quy hoạch cụ thể đã được Bộ Công thương phê duyệt, khuôn viên nhà trường ngày càng khang trang, sạch đẹp, giao thông nội bộ trong trường rộng rãi, thuận tiện phù hợp với cảnh quan và môi trường sư phạm [5.02.03].

Năm 2015, Trường được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nam Định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường theo quyết định số 698/QĐ-STNMT ngày 07/4/2015, trong đó có nội dung tăng cường trồng cây xanh trong khuôn viên nhà trường [5.02.04].

Trong những năm gần đây, với nỗ lực của nhà trường cùng sự hỗ trợ rất lớn và tạo điều kiện thuận lợi của Bộ Công Thương, Trường đã xây dựng được nhiều công trình kiên cố có chất lượng: Nhà học lý thuyết 5 tầng, nhà thể chất, nhà xưởng thực hành cơ khí và nhà xưởng thực hành may (2 tầng); Công trình Cổng, nhà thường trực (mới); Tuyến cáp ngầm 35 KV; Trạm biến áp treo 400 KVA; Hệ thống hạ tầng đường giao thông từ QL10 vào trường, tường rào... đã cơ bản đáp ứng yêu cầu về cơ sở vật chất phục vụ công tác đào tạo của trường.

Tuy nhiên, với điều kiện về cơ sở vật chất của trường còn khiêm tốn, đặc biệt là điều kiện làm việc của cán bộ giảng viên, hiện đang làm việc tại Khu nhà hiệu bộ (3 tầng) được xây dựng từ năm 1990. Khu nhà đã quá tải, không còn đủ điều kiện cho gần 180 cán bộ giảng viên hiện đang có nhu cầu làm việc. Nhiều khoa có số cán bộ, giảng viên từ 20 đến 30 người phải làm việc tại các phòng chật hẹp, các khu nhà đã xuống cấp phải dỡ bỏ theo quy hoạch hoặc sử dụng phòng học làm phòng làm việc (Trung tâm thông tin thư viện; Trung tâm Hợp tác đào tạo và quan hệ doanh nghiệp, Bộ phận y tế, Phòng quản trị vật tư; Khoa Cơ khí và Động lực; Khoa Điện - Điện tử ....) đã ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả công việc.

Đồng thời, với khối lượng xây dựng hạ tầng trên tổng diện tích: 183.509 m^2 theo quy hoạch thì còn một số các hạng mục công trình không kịp đầu tư như: Thư viện 7 tầng, các khu Ký túc xá, Câu lạc bộ sinh viên, Khu thể thao (bể bơi, sân bóng đá, sân cầu lông, ten nít... Diện tích cây xanh chưa đáp ứng theo tỷ lệ quy định.

Trong kế hoạch đầu tư trung hạn (2016-2020), Trường thực hiện các dự án xây dựng các công trình sau:

+ Đã xây dựng và đưa vào sử dụng hệ thống đường giao thông (đường vào) trường (2015-2017): Đường giao thông cấp IV bề mặt đường apphan bê tông nhựa, dài trên 2.000m với tổng vốn đầu tư 30 tỷ đồng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

+ Đang xây dựng nhà Hiệu bộ mới cao 6 tầng 1 tum, diện tích sàn: 5.525m^2 với tổng mức đầu tư 56,209 tỷ đồng.

+ Đang xây dựng hệ thống cấp nước, thu gom và xử lý nước thải (2018-2020) với tổng vốn đầu tư 20,160 tỷ đồng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3: Có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn: Khu học tập và NCKH, khu thực hành, khu rèn luyện thể chất, khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu vực sinh hoạt cho người học và nhà giáo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường có tổng diện tích đất 18,3ha [5.03.01] đã được quy hoạch cụ thể từng khu vực phục vụ nhu cầu đào tạo và các hoạt động trong nhà trường (các khối công trình được bố trí độc lập không ảnh hưởng nhau) như: khu hiệu bộ, khu phòng học lý thuyết, các xưởng thực hành, khu vệ sinh, nhà giữ xe, ký túc xá, hội trường, sân chơi, sân TDTT. Giữa các khối công trình có hệ thống cầu nối và hệ thống đường giao thông nên rất thuận tiện cho việc đi lại và vận chuyển thiết bị khi cần.

Nhà trường đang được đầu tư xây dựng trên khuôn viên được quy hoạch hợp lý có đầy đủ các khối công trình thuận tiện cho hoạt động của nhà trường. Hệ thống đường nội bộ được rải thảm bê tông nhựa đảm bảo việc phòng cháy chữa cháy, vận chuyển thiết bị đến nhà xưởng an toàn, đường dẫn từ nhà làm việc tới phòng học lý thuyết, hội trường, thư viện, xưởng thực hành.

Hiện tại trường có đủ diện tích lớp học, có các phòng thí nghiệm cần thiết, trang thiết bị phù hợp yêu cầu của từng chuyên ngành đào tạo và NCKH của giáo viên- sinh viên.

- Số lượng phòng học thực hành, thí nghiệm đáp ứng cho các ngành học tương đối đầy đủ, tuy nhiên về cơ sở vật chất như máy móc thiết bị phục vụ cho công tác đào tạo đáp ứng với trình độ đào tạo hiện nay còn thiếu đặc biệt là thiết bị mới và tiến tiến (Nhiều thiết bị đã hết thời gian sử dụng nhưng vẫn tận dụng để đưa vào học tập).

Hằng năm Trường trích nguồn kinh phí mua sắm thường xuyên để trang bị bổ sung máy móc, thiết bị mới kịp thời đáp ứng công tác giảng dạy, học tập và NCKH.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường đã hoàn thiện hệ thống đường giao thông nội bộ, hệ thống cấp, thoát nước [5.04.01] và được tính toán khoa học, hợp lý kết hợp giữa hạng mục hiện có và

thi công mới theo tiêu chuẩn xây dựng đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ và sinh hoạt phát triển theo từng giai đoạn cụ thể của Trường, đủ đáp ứng yêu cầu làm việc và các hoạt động dạy nghề, thực nghiệm, thực hành. Trong đó khu nhà làm việc, dãy phòng học lý thuyết, hội trường, ký túc xá, căng tin, thư viện, nhà khách được xây dựng theo tiêu chuẩn nhà cấp 2. Các nhà xưởng thực hành, và nhà xe xây dựng theo tiêu chuẩn nhà cấp 3. Có trạm biến áp 400KVA, tuyến cáp ngầm xuất tuyến hạ thế 0,4KV và mới xây dựng tuyến cáp ngầm 35KV [5.04.02], đáp ứng công suất tiêu thụ điện cho các hoạt động, có thiết kế lắp đặt đầy đủ hệ thống điện chiếu sáng và vận hành thiết bị.

Các công trình đều thiết kế có hệ thống thông gió, phòng cháy chữa cháy. Trong đó công tác phòng cháy chữa cháy nhà trường được công an phòng cháy chữa cháy tập diễn và kiểm định đúng theo tiêu chuẩn [5.04.03].

Hệ thống cấp nước được cung cấp bởi Công ty TNHH một thành viên nước sạch Nam Định [5.04.04] đảm bảo sinh hoạt theo nguồn nước máy theo tiêu chuẩn. Nước tưới cây xanh trong khuôn viên đất lấy theo nguồn nước sông Chanh đảm bảo môi trường xanh – sạch – đẹp.

Hệ thống thoát nước từ các công trình được thiết kế đảm bảo, không gây ô nhiễm môi trường, độc hại và ngập úng, có đường cống thoát nước dẫn đến các cửa xả được phân bố hợp lý [5.04.05].

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của nhà trường đảm bảo được các hoạt động dạy nghề, thực hành, thực nghiệm trong nhà trường. Có đầy đủ các hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, đường nội bộ, các xưởng đều có hệ thống thông gió, hệ thống phòng cháy chữa cháy được các cơ quan chức năng hằng năm kiểm tra đánh giá đảm bảo tốt các điều kiện kỹ thuật.

Địa điểm trường nằm trong khu vực thông thoáng xung quanh là cánh đồng, hệ thống cửa nhà xưởng, phòng học được lắp đặt khung nhôm kính nên vào mùa mưa bão hệ thống mái che, cửa phòng học, nhà xưởng thường bị ảnh hưởng mưa hắt.

Tiếp tục gia cố hệ thống mái che nhà xưởng, phòng học. Hoàn thiện và xây dựng thêm hạ tầng kỹ thuật để đảm bảo đáp ứng yêu cầu làm việc và các hoạt động khác cho sự phát triển lâu dài của nhà trường.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5. Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa bảo đảm quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường có hệ thống phòng học lý thuyết, hội trường, phòng thí nghiệm, phòng học chuyên môn hóa, phòng học tích hợp, xưởng thực hành đáp ứng được hoạt động đào tạo của trường, ngoài ra hằng năm nhà trường ký hợp đồng phối hợp đào tạo thực hành thực tế tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất. So với lưu lượng học sinh hiện

nay gần 2.000 học sinh sinh viên thì hệ thống các phòng học, xưởng thực hành và các phòng chuyên môn hóa đáp ứng được các hoạt động đào tạo của trường:

- Khu giảng đường với 48 phòng học lý thuyết với tổng diện tích: 7.370m^2/1.647 học sinh [5.05.01], 01 phòng học ngoại ngữ. Các phòng học đã được trang bị hệ thống phòng cháy chữa cháy, loa đài, thiết bị nghe đọc, màn chiếu và máy chiếu, quạt mát và hệ thống chiếu sáng... [5.05.02].

- Khu xưởng gồm 59 phòng học thực hành và 01 phòng thí nghiệm độ cứng vật liệu cơ khí với tổng diện tích 5.046,1m^2, trong đó 01 phòng thí nghiệm; 21 phòng thực hành cơ khí có diện tích; 17 phòng học thực hành về Điện - Điện tử; 10 phòng học thực hành May [5.05.03] và 08 phòng thực hành máy tính (đã thanh lý 02 phòng).

- Khu rèn luyện thể chất: bao gồm Có 01 sân vận động ngoài trời với tổng diện tích 4.500m^2 [5.05.04] và 01 Nhà giáo dục thể chất với diện tích 1200m^2 [5.05.05].

- Khu nhà Hiệu bộ 3 tầng với mặt bằng xây dựng là 902m^2 làm văn phòng làm việc của các phòng chức năng [5.05.06].

- Ngoài ra Trường còn có khu KTX cho học sinh sinh viên với tổng diện tích xây dựng 2.256m^2; Thư viện 586,8m^2… và các hạng mục phụ trợ và sinh hoạt dành riêng cho người học và nhà giáo như phòng chờ giảng, hành lang... [5.05.07].

Nhà trường có hệ thống phòng học lý thuyết, hội trường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa… đáp ứng được hoạt động đào tạo của trường.

Các công trình bảo đảm quy chuẩn xây dựng và các yêu cầu về ngăn cách giữa khu lý thuyết và thực hành, vệ sinh, kiến trúc, chiếu sáng, thông gió, quy hoạch nội bộ thuận tiện cho vận chuyển, lắp đặt, vận hành thiết bị. Các công trình được thực hiện đúng công năng và được bảo dưỡng thường xuyên đảm bảo hoạt động bình thường.

Văn phòng, trụ sở làm việc của Trường đã xây dựng lâu năm, một số đã bắt đầu xuống cấp. Đa số các phòng, khoa có số lượng nhân viên và giáo viên đông, diện tích phòng làm việc hẹp, trang thiết bị còn thiếu (bàn làm việc, máy tính, điều hoà nhiệt độ). Do Nhà Hiệu bộ có diện tích hạn hẹp nên một số Văn phòng các Khoa, Trung tâm phải bố trí tại các khu nhà khác gần các khu giảng đường, không gian ồn ào ảnh hưởng trực tiếp đến điều kiện làm việc và nghiên cứu của giáo viên.

Hiện nay với dự án đầu tư xây dựng nhà Hiệu bộ (mới) đang triển khai thì số phòng làm việc sẽ đáp ứng được nhu cầu làm việc của cán bộ giáo viên. Trong những năm tới, Trường sẽ tiếp tục đầu tư về trang thiết bị, máy móc hiện đại để bắt kịp với sự phát triển của khoa học công nghệ.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 6. Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường có Quy định về Quản lý phòng thí nghiệm xưởng thực hành và Quy chế quản lý tài sản công [05.06.01] trên cơ sở các văn bản pháp luật của Nhà nước, trong

đó đã xây dựng các quy trình bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị phục vụ cho công tác đào tạo theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001-2015.

Ngoài ra còn có các quy định, quy trình về sử dụng cho từng loại máy công cụ, thiết bị của từng ngành, từng xưởng thực hành [5.06.02].

Trường CĐCNNĐ đã có trên 63 năm xây dựng và phát triển gắn liền với đào tạo các ngành kỹ thuật, với quá trình học tập và sản xuất đã có rất nhiều kinh nghiệm quản lý, sử dụng và bảo trì, bảo dưỡng các loại máy công cụ và thiết bị kỹ thuật, nên việc xây dựng các quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo cũng có rất nhiều thuận lợi.

Với sự phát triển của Khoa học kỹ thuật hiện nay, các sản phẩm về công nghệ đặc biệt là máy móc, trang thiết bị ngày một tiên tiến nên Trường chưa cập nhật hết được trình độ và công nghệ hiện nay.

Trên cơ sở phát triển của khoa học công nghệ, hiện nay Trường đã cử những cán bộ, giảng viên đi tu nghiệp tại các nước có nền kinh tế phát triển để cập nhật, học hỏi kinh nghiệm đáp ứng nhu cầu đào tạo hiện nay.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 7. Phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng theo quy định hiện hành.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Tại các phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa đều có nội quy sử dụng cho từng công năng chuyên môn và cho từng loại máy móc, thiết bị [5.07.01].

Ngoài các nội quy quy định trên, Trường còn xây dựng các quy trình sử dụng, vận hành cụ thể tại các xưởng thực hành [5.07.02]

Hiện Nhà trường đã và đang thực hiện hoàn thành Dự án phát triển tổng thể Trường CĐCNNĐ đến năm 2020. Cơ sở vật chất: Phòng học, giảng đường, xưởng thực hành, đáp ứng đầy đủ và được sử dụng theo quy định hiện hành; các phòng thí nghiệm, phòng học chuyên môn hóa cũng đang được đầu tư để đáp ứng các chương trình giảng dạy GDNN, phù hợp với xu thế phát triển chung của xã hội và nhu cầu người học.

Một số các phòng học thực hành và trang thiết bị được trang bị thời kỳ trước đã bắt đầu hư hỏng, xuống cấp và đã được thanh lý. Trường vẫn đang tận dụng khai thác sử dụng làm mô hình học cụ, chưa đáp ứng tốt được nhu cầu xã hội hiện nay.

Từng bước Trường tiếp tục đầu tư theo quy hoạch cho các phòng học tiêu chuẩn: mua sắm, nâng cấp sửa chữa nhà xưởng , máy móc, trang thiết bị đáp ứng với sự phát triển của xã hội.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 8. Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề do cơ quan quản lý Nhà nước về GDNN ở trung ương quy định. Đối với các chuyên ngành mà cơ quan quản lý nhà nước về GDNN ở trung ương chưa ban hành danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu thì Trường đảm bảo thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo, tương ứng với quy mô đào tạo của chuyên ngành hoặc nghề đó.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường hiện đang có 05 khoa chuyên môn, bao gồm 29 ngành/nghề đào tạo trình độ Cao đẳng, 24 ngành/nghề trung cấp và 06 ngành/nghề sơ cấp [5.08.01], quy mô đào tạo trên 5.000 học sinh sinh viên.

Trang thiết bị đào tạo theo số liệu kiểm kê đến 31/12/2018 [5.08.02] đáp ứng đủ danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành và nghề.

Khoa Kinh tế đào tạo 04 chuyên ngành/nghề, bao gồm: Quản trị kinh doanh, Tài chính – Ngân hàng, Kế toán; Kế toán doanh nghiệp với số tiền đầu tư cho trang thiết bị là 228.700.000 đồng.

Khoa Công nghệ thông tin đào tạo 07 chuyên ngành như: Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính; Truyền thông và mạng máy tính; Công nghệ thông tin; Tin học ứng dụng; Lập trình máy tính; Quản trị cơ sở dữ liệu; Quản trị mạng máy tính được đầu tư trang thiết bị với số tiền: 2.119.444.500 đồng.

Khoa Cơ khí và Động lực đào tạo 10 chuyên ngành như: Công nghệ kỹ thuật cơ khí; Công nghệ kỹ thuật ô tô; Công nghệ ô tô; Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử; Công nghệ kỹ thuật môi trường; Cắt gọt kim loại; Hàn; Nguội sửa chữa máy công cụ; Nguội lắp ráp cơ khí. Đây là một trong những Khoa chuyên ngành mũi nhọn nên đã được đầu tư trang thiết bị với số tiền 14.440.288.200 đồng.

Khoa Điện – Điện tử đào tạo 05 chuyên ngành: Công nghệ kỹ thuật Điện Điện tử; Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông; Công nghệ kỹ thuật nhiệt; Điện tử Công nghiệp; Điện Công nghiệp được đầu tư mua sắm trang thiết bị: 7.485.049.150 đồng.

Khoa Công nghệ may, thời trang đào tạo 03 chuyên ngành: Công nghệ may; May thời trang; Thiết kế thời trang được đầu tư trang thiết bị: 2.646.996.000 đồng.

Trong những năm gần đây, được sự quan tâm của Bộ Công Thương, ngoài các dự án đầu tư về XDCB trường còn được đầu tư mua sắm máy móc, trang thiết bị hằng năm trên dưới 5.000.000.000 đồng/năm.

Trước những thách thức của thời kỳ hội nhập và xu hướng phát triển của xã hội thì với số lượng, chủng loại thiết bị máy móc sản xuất hiện đại của nhà trường hiện nay còn quá ít so với nhu cầu các ngành nghề đào tạo của nhà trường trong thời gian tới.

Hằng năm nhà trường lập kế hoạch đầu tư, bổ sung trang thiết bị với công nghệ sản xuất hiện đại cho các ngành nghề đào tạo của trường từ các nguồn vốn ngân sách đầu tư của Nhà nước và nguồn tích lũy của trường để đáp ứng yêu cầu về số lượng và chất lượng theo chuẩn của Tổng cục Dạy nghề quy định.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 9. Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn về sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Các nhà xưởng thực hành bảo đảm các yêu cầu về kỹ thuật công nghiệp, thẩm mỹ khoa học và sư phạm, có hệ thống thông gió, hệ thống ánh sáng đầy đủ; an toàn và vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường trong quá trình lắp đặt, vận hành, bảo dưỡng trang thiết bị, dụng cụ trong xưởng thực hành.

Trang thiết bị, dụng cụ trong xưởng thực hành được bố trí vị trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành cho cả lớp, cả nhóm hoặc cho từng cá nhân.

Nhà trường có 03 nhân viên làm vệ sinh môi trường hàng ngày [5.09.01], mỗi xưởng đều có dụng cụ, trang bị để làm vệ sinh sau mỗi buổi học thực hành.

Với các điều kiện của các xưởng thực hành, môi trường thoáng mát, nhà xưởng riêng biệt đảm bảo các tiêu chuẩn của trường cao đẳng đào tạo nghề.

Trang thiết bị, máy móc, dụng cụ dạy học đảm bảo chất lượng, hiện đại, tiên tiến đáp ứng các tiêu chuẩn của xưởng thực hành.

Hiện Trường còn một xưởng thực hành về cơ khí được xây dựng những năm 90 đang cần phải sửa chữa, nâng cấp.

Trường đã có kế hoạch đưa vào sửa chữa lớn xưởng cơ khí, đảm bảo đáp ứng về nhu cầu sử dụng cũng như an toàn vệ sinh công nghiệp.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9, tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 10. Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo, trong đó có quy định về đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường có quy định về quản lý, sử dụng phòng Thí nghiệm, xưởng thực hành, trong đó có quy định rõ trách nhiệm của người quản lý về việc quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo [5.10.01]. Ngoài ra các đơn vị có cán bộ chuyên trách theo dõi, quản lý kịp thời báo cáo tình trạng của máy móc, thiết bị.

Hằng năm tiến hành kiểm kê toàn trường từ đó đánh giá lại giá trị cũng như hiện trạng tài sản, trang thiết bị đề xuất phương án xử lý.

Máy móc, trang thiết bị được sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên (đảm bảo tiêu chuẩn ISO 9001-2015) chính vì thế luôn sẵn sàng đưa vào phục vụ sản xuất cũng như học tập.

Do nhu cầu của xã hội ngày càng cao, một số máy móc, thiết bị đã quá cũ, khi phát hiện hư hỏng khó tìm được phụ tùng thay thế vì không còn được sản xuất.

Luôn hoàn thiện và cập nhật các quy trình, công nghệ mới để bổ sung, điều chỉnh vào các quy định cho phù hợp với thực tế nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng và nâng cao tuổi thọ của máy móc thiết bị mới được trang bị.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10, tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 11. Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của trường và nhà sản xuất; Hằng năm đánh giá đề xuất nâng cao hiệu quả sử dụng theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hằng năm ngoài việc mua sắm tài sản, trang thiết bị đào tạo theo nguồn kinh phí Nhà nước cấp, trường còn trích từ nguồn thu hợp pháp của đơn vị để trang bị thêm. Tất cả các tài sản, trang thiết bị đều được mua bán, được thực hiện đúng quy trình mua sắm theo quy định hiện hành.

Khi giao nhận tài sản, trang thiết bị cho các đơn vị sử dụng phải có quyết định và theo dõi bằng hệ thống sổ sách tại Phòng Quản trị vật tư và sổ theo dõi tài sản tại nơi sử dụng, hằng năm có kiểm kê đánh giá lại tài sản, trang thiết bị tại các đơn vị.

Trong quá trình sử dụng phải tuân thủ đúng quy trình công nghệ đã được chuyển giao, bảo hành bảo dưỡng theo định kỳ của từng loại máy móc thiết bị.

Với hệ thống sổ sách rõ ràng thì việc theo dõi để duy tu bảo dưỡng và sửa chữa kịp thời làm tăng tuổi thọ của máy móc thiết bị, tăng hiệu quả của học tập cũng như năng lực sản xuất.

Việc theo dõi thông qua hệ thống sổ sách trên đã duy trì được những máy móc, thiết bị được sản xuất từ những năm 70 đến nay vẫn còn đưa vào phục vụ sản xuất và học tập.

Tuy nhiên, với điều kiện về cơ sở vật chất của Trường còn quá khiêm tốn, đặc biệt là có những máy móc, thiết bị đào tạo được sản xuất từ những năm 70 đến nay đã quá lạc hậu, các linh kiện, phụ tùng muốn thay thế không còn được sản xuất vì vậy hằng năm vẫn phải đưa vào danh mục thanh lý.

Trường sẽ từng bước trang bị thêm những máy móc, trang thiết bị hiện đại để đáp ứng nhu cầu NCKH và học tập phù hợp với tình hình hiện nay.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11, tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 12. Trường có định mức tiêu hao vật tư trong đào tạo và có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư phục vụ đào tạo, tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo; vật tư được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hằng năm Trường xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, trong đó xây dựng các định mức về cấp phát xăng dầu, về tổ chức mua sắm, cấp phát vật tư đáp ứng kịp thời tiến độ cũng như kế hoạch phục vụ đào tạo [5.12.01].

Nhà trường có đủ kho bảo quản, lưu giữ vật tư, thiết bị và có nhân viên phụ trách việc bảo quản và lưu giữ kho. Kho lưu giữ vật tư của nhà trường được bố trí tại khu vực trung tâm, đảm bảo các điều kiện như tránh mưa, nắng, có đầy đủ ánh sáng, chống ẩm mốc và được sắp xếp gọn gàng, ngăn lắp, khoa học thuận tiện cho việc nhập, xuất.

Hằng năm nhà trường thực hiện kế hoạch tổng kiểm kê tài sản, trang thiết bị [5.12.02], đánh giá mức độ % còn sử dụng, phân loại, thanh lý những thiết bị cũ, hư hỏng, lạc hậu không còn phù hợp cho công tác đào tạo của nhà trường [5.12.03].

Quyết toán vật tư hàng tháng nhằm hạn chế lãng phí và kiểm soát vật tư tồn kho hoặc chưa sử dụng hết theo định mức để có biện pháp điều chỉnh, đáp ứng nhu cầu học tập và sản xuất.

Hiện nay, để đáp ứng nhu cầu của xã hội, trường phải liên kết đào tạo tại các cơ sở ở các tỉnh xa trường nên việc cấp phát và theo dõi vật tư học thực hành gặp rất nhiều khó khăn.

Trường tiếp tục xây dựng kế hoạch, phương án và mô đun các môn học sao cho hợp lý và thuận tiện nhất.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12, tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 13. Trường có thư viện bao gồm phòng đọc, phòng lưu trữ bảo đảm theo tiêu chuẩn thiết kế. Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được trường phê duyệt, mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Từ khi thành lập trường, nhà trường đã quan tâm đến thư viện, phòng đọc, sách, giáo trình phục vụ giáo viên, giảng viên và các em học sinh sinh viên nghiên cứu, học tập.

Năm 2001, Nhà trường đầu tư xây dựng thư viện mới với phòng đọc rộng rãi thoáng mát. Các cabin đọc được bố trí khoa học với 90 chỗ ngồi, diện tích thư viện là 586,8m^2 [5.13.01]. Trong 3 năm trở lại đây (2015, 2016, 2017) do nhu cầu mượn tài liệu và lưu lượng học sinh ít, nên việc đầu tư sách mới còn hạn chế [5.13.02]. Hiện tại, thư viện đang lưu thông 1.355 đầu sách số lượng 21.934 cuốn, 26 đầu báo và tạp chí tạo điều kiện thuận lợi cho CCVC và sinh viên, học sinh khai thác phục vụ cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH [5.13.03]. Ngoài ra, thư viện liên hệ và cung cấp các tài liệu hỗ trợ giảng viên lên lớp như sổ lên lớp, sổ giáo án theo mẫu [5.13.04].

Lưu lượng đọc giả đến thư viện mượn tài liệu giảm hơn so với năm trước. Căn cứ vào lưu lượng HSSV, giảng viên đến thư viện đạt 2500 lượt/năm.

Thư viện nằm trong khu vực trường nên thuận lợi cho việc mượn trả sách của giảng viên, sinh viên.

Cán bộ quản lý chuyên trách đúng chuyên ngành nên Thư viện trường được quản lý gọn gàng đảm bảo dễ thấy, dễ lấy, có sổ sách ghi chép việc mượn và trả tài liệu đầy đủ, rõ ràng.

Phòng đọc diện tích rộng, thoáng mát.

Tuy nhiên, Kinh phí nhà trường đầu tư hằng năm cho việc bổ sung tài liệu còn ít.

Số tài liệu, sách, giáo trình được cập nhật hằng năm theo chuyên ngành đào tạo còn hạn chế, Phòng lưu trữ tài liệu chật hẹp.

Phương hướng: hằng năm chủ động xây dựng kế hoạch bổ sung tài liệu (đặc biệt đối với tài liệu, sách giáo trình chuyên ngành) đồng thời Nhà trường sẽ tăng mức đầu tư kinh phí cho việc mua bổ sung tài liệu, giáo trình.

Khuyến khích cán bộ giảng viên biên soạn giáo trình, bài giảng, sử dụng thư viện điện tử.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 13, tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 14. Tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thư viện mở cửa làm việc theo giờ hành chính quy định của nhà trường.

Hình thức tổ chức tài liệu, phục vụ bạn đọc theo hình thức kho đóng. Tuy nhiên mục lục tài liệu đã được số hóa, giúp người đọc có thể tìm kiếm tài liệu trên phần mềm quản lý sách thư viện [5.14.01]

Thư viện có các quy định [5.14.02] về thời gian sử dụng tài liệu, chế độ mượn, trả sách đối với HSSV và cán bộ, giảng viên. Thư viện quy định về mượn trả sách, tài liệu bằng sổ theo dõi mượn trả và dần chuyển sang quản lý dữ liệu mượn trả trên hệ thống thư viện điện tử.

Đội ngũ quản lý và phục vụ thư viện được đào tạo trình độ đại học trở lên, tổ chức tài liệu khoa học, dễ tìm.

Đã số hóa được mục lục tài liệu nhằm phục vụ tra cứu trên mạng qua phần mềm.

Hình thức phục vụ của thư viện dạng kho đóng, gây khó khăn cho đọc giả trong việc tìm kiếm và tra cứu tài liệu.

Danh mục tài liệu điện tử chưa nhiều.

Có kế hoạch thường xuyên số hóa mục lục tài liệu, bổ sung đầu sách vào hệ thống tra cứu.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 14, tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 15. Trường có thư viện điện tử, có phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và người học; có các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường được số hóa và tích hợp vào thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Ngày 08/9/2016 trường thành lập Trung tâm Thông tin Thư viện nhằm xây dựng và phát triển thư viện điện tử, quản lý và cung cấp thông tin, hoạt động của nhà trường ra công chúng [5.15.01]

Hiện tại, Trung tâm Thông tin Thư viện đang hoàn thiện hệ thống thư viện điện tử, đã và đang số hóa mục lục tài liệu trong thư viện theo cấu trúc Marc21 phù hợp với tìm kiếm liên thư viện. Thường xuyên tìm kiếm tài liệu mở để đưa vào thư viện điện tử nhằm phục vụ cho các ngành đào tạo trong trường [5.15.02]

Nhà trường lắp đặt và phát triển các điểm phát wifi phủ khắp các khu vực trong trường, đây là điểm thuận lợi cho việc tìm kiếm tài liệu thư viện theo mục lục điện tử.

Đội ngũ cán bộ thư viện có khả năng đáp ứng được yêu cầu mới về thư viện và thư viện điện tử. Hiện tại cán bộ thư viện có 06 người trong đó có 02 cán bộ có trình độ thạc sĩ công nghệ thông tin, 01 cán bộ có trình độ đại học công nghệ thông tin và 03 cán bộ có trình độ đại học về quản lý thông tin thư viện.

Cán bộ chuyên trách thường xuyên tìm kiếm tài liệu mở thuộc các chuyên ngành, cập nhật kịp thời yêu cầu đào tạo của nhà trường, phù hợp với xu hướng phát triển của xã hội, xây dựng thư viện điện tử

Chưa có phòng máy hỗ trợ người đọc đến thư viện để tìm kiếm và đọc tài liệu điện tử.

Thẻ thư viện kết hợp với thẻ sinh viên nên chưa có giải pháp quản lý đọc giả trên hệ thống thư viện điện tử.

Chưa có các thiết bị nhằm hỗ trợ số hóa tài liệu như mã vạch, quản lý và in thẻ, máy quét công nghiệp, máy sao CD.

Xây dựng kế hoạch phát triển thư viện nhà trường theo hướng hiện đại: có phòng đọc điện tử, thiết bị số hóa nội dung tài liệu, quản lý mượn trả qua thẻ thư viện theo mã vạch.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 15, tiêu chí 5: 1 điểm

3.2.6. Tiêu chí 6: Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế.

Đánh giá tổng quát tiêu chí 6:

Mở đầu:

Hoạt động khoa học công nghệ của Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định đã được Đảng ủy, lãnh đạo trường xác định đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong giáo dục, đào tạo phát triển nhà trường.

* *Những điểm mạnh:*

Trường đã dành nhiều kinh phí, xây dựng các chế độ chính sách khuyến khích công chức viên chức nhà trường tham gia NCKH công nghệ. Nó không chỉ là nhiệm

vụ đối với CCVC mà đã thực sự trở thành phong trào sâu rộng trong toàn trường kết quả hoạt động khoa học công nghệ đã đem lại nhiều lợi ích cho nhà trường trong công tác GD&ĐT hiện nay. Số lượng đề tài hằng năm tăng lên phạm vi không chỉ bó hẹp ở cơ sở mà mở rộng thêm với các đề tài cấp Tỉnh, Bộ. Công tác nghiên cứu khoa học và công nghệ đã trở thành một hoạt động chuyên môn, thường xuyên, có nề nếp trong nhà trường dưới sự chỉ đạo của Giám hiệu với bộ máy giúp việc là Hội đồng Khoa học và Đào tạo nhà trường, phòng Quản lý khoa học và Đảm bảo chất lượng.

** Những tồn tại:*

Trong những năm qua, hoạt động NCKH của nhà trường đạt hiệu quả còn thấp, số lượng công trình NCKH qua hằng năm so với vị thế của Nhà trường chưa tương xứng. Số giáo viên tham gia NCKH hằng năm chỉ tập trung vào một số người thường tích cực tham gia. Để đánh giá đúng nguyên nhân, từ đó khắc phục trong thời gian tới.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Cần chú trọng hơn nữa hoạt động NCKH, xác định đây là một nhiệm vụ rất quan trọng đối với vị thế của một trường Cao đẳng để từ đó thực hiện những biện pháp vừa bắt buộc, vừa khuyến khích giáo viên NCKH/ sáng kiến cải tiến. Cần tăng cường tuyên truyền, phổ biến các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về hoạt động Khoa học công nghệ, các quyết định của Bộ LĐTBXH- Tổng cục GDNN về hoạt động NCKH cũng như các qui định, qui chế khác liên quan đến hoạt động NCKH của nhà trường.

Điểm đánh giá tiêu chí 6

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 6	**5**
Tiêu chuẩn 1	**1**
Tiêu chuẩn 2	**1**
Tiêu chuẩn 3	**1**
Tiêu chuẩn 4	**1**
Tiêu chuẩn 5	**1**

Tiêu chuẩn 1: Trường có chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia NCKH, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hằng năm trường xây dựng kế hoạch hoạt động khoa học công nghệ và được lãnh đạo trường phê duyệt đầu tư nguồn kinh phí thích đáng tổ chức các đoàn cán bộ đi khảo sát nghiên cứu thực tế tại các cơ sở kinh tế, nhà máy, doanh nghiệp nhằm đáp ứng tốt cho việc NCKH công nghệ đảm bảo tính phù hợp với hiện tại và sự phát triển cho những năm tiếp theo [6.1.01, 6.1.02].

Đổi mới đồng bộ cơ chế quản lý khoa học công nghệ ở các công đoạn: hình thành nhiệm vụ, giao nhiệm vụ, quản lý thực hiện và nghiệm thu, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN phù hợp với yêu cầu, định hướng của Bộ Lao Động Thương Binh Xã Hội, Bộ Công Thương và đặc thù của hoạt động KHCN, bám sát nhu cầu của thị trường; nâng cao trách nhiệm của tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu trong việc chuyển giao, áp dụng kết quả nghiên cứu vào thực tế [6.1.03].

Hàng năm các đề tài, dự án đều hoàn thành đúng thời gian quy định và đều được Hội đồng khoa học các cấp đánh giá, nghiệm thu. Nhiều đề tài được đánh giá và xếp loại xuất sắc. Với những đề tài được nghiệm thu có kết quả tốt nhà trường đều có chế độ chính sách khuyến khích tập thể, cá nhân đã tham gia nghiên cứu đồng thời đưa kết quả nghiên cứu ứng dụng vào quá trình đào tạo của trường.

Trong những năm gần đây trường đã cử nhiều cán bộ tham gia các đoàn học tập NCKH công nghệ ở nước ngoài đồng thời nhà trường cũng nhận được nhiều sự quan tâm của các trường đại học Namseol University; Kyungmin College; Yeonsung University; SungKyul University; Shinhan University; Sangji University và BeakSeok từ Hàn Quốc. Trường Đại học Công nghệ Quốc Gia Đài Bắc; Đại học Quốc lập Giáo Dục Đài Bắc đến thăm, làm việc với nhà trường ký kết các văn bản ghi nhớ.

Nhà trường có phòng chức năng QLKH&ĐBCL tổ chức thực hiện, theo dõi, quản lý các hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ, do đó việc nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của nhà trường luôn thuận lợi và đạt được kết quả tốt. Những năm qua phong trào NCKH công nghệ tại các đơn vị trong trường đã có nhiều khởi sắc số lượng đề tài và nguồn kinh phí hằng năm đều tăng.

Việc triển khai kế hoạch hoạt động khoa học chưa thực sự thu hút được đại bộ phận các tập thể, cá nhân và người học tham gia nghiên cứu khoa học. Chưa lôi cuốn được người học tham gia nghiên cứu các đề tài khoa học vì thế đến nay chưa có đề tài nghiên cứu khoa học nào của người học tham gia. Chưa có nhiều đề tài khoa học công nghệ ứng dụng vào sản xuất, quản lý.

Để đáp ứng yêu cầu là trường Cao đẳng, nhà trường cần quan tâm hơn nữa đến việc nghiên cứu khoa học ở các cấp, nhất là ở cấp cơ sở. Cần khuyến khích học sinh, sinh viên tham gia vào nghiên cứu các đề tài khoa học cấp trường, cấp bộ... Nhà trường cần thành lập quỹ hỗ trợ nghiên cứu khoa học cho các tập thể, cá nhân có những đề tài được phê duyệt và thường xuyên phát động những cuộc thi, hội thảo trong HSSV về công tác nghiên cứu khoa học và công nghệ.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 6: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2: Hằng năm, trường có đề tài NCKH, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên phục vụ thiết thực công tác đào tạo của trường (ít nhất 01 đề tài NCKH, sáng kiến cải tiến đối với trường trung cấp, ít nhất 02 đề tài NCKH, sáng kiến cải tiến đối với trường cao đẳng)

Mô tả, phân tích, nhận định:

Sau khi được nâng cấp trở thành trường cao đẳng công tác NCKH đã được nhà trường quan tâm đầu tư thích đáng. Từ năm 2009 đến nay, nhà trường đã thực hiện thành công 21 đề tài NCKH trong đó có 06 đề tài cấp bộ 15 đề tài cấp cơ sở. Kết quả nghiên cứu các đề tài trên đều được nhà trường triển khai ứng dụng vào công tác GD&ĐT của trường.

Công tác NCKH đã được cán bộ viên chức nhà trường quan tâm, kinh phí được đầu tư thích đáng, nhiều đề tài đã được ứng dụng vào thực tiễn góp phần năng cao chất lượng GD&ĐT của nhà trường, tăng thêm trang thiết bị phục vụ đào tạo giảm được kinh phí đầu tư mua sắm. Đặc biệt, năm 2019, của Khoa Điện – Điện tử, Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định tham gia hội thi Thiết bị Đào tạo tự làm toàn quốc lần

thứ VI và đạt giải khuyến khích và được Tổng Cục Trưởng Tổng cục GDNN và Giám Đốc Sở Lao động thương binh và Xã hội Tỉnh Nam Định tặng Giấy khen [6.2.01].

Tuy nhiên, một số đề tài vẫn còn mang nặng tính lý thuyết chưa có tính ứng dụng thực tiễn. Chưa tạo được phong trào lôi cuốn HSSV tham NCKH.

Trong những năm học tới, Hội đồng Khoa học và Đào tạo nhà trường sẽ chỉ đạo xuống các khoa đặc biệt là tới từng cán bộ giảng viên, HSSV tham gia vào công tác NCKH, ưu tiên cho các đề tài có tính ứng dụng cao vào công tác đào tạo, quản lý của nhà trường và các đề tài có tính ứng dụng cao vào sản xuất.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 6: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3: Hằng năm, trường có các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức người lao động đăng trêm các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Từ năm 2017 đến năm 2019 trường đã có các bài báo của những giảng viên có uy tín và kinh nghiệm được đăng trên các Tạp chí như tạp chí Quốc tế, tạp chí Khoa học Giáo dục và các tạp chí khác [6.3.01]. Tham gia viết bài đăng trên các tạp chí đã giúp cho giáo viên, giảng viên nhà trường mở rộng mối quan hệ trong các lĩnh vực GD&ĐT cũng như NCKH, đã thúc đẩy chất lượng đào tạo của trường được nâng lên người học có những kiến thức bổ ích sát với thực tế và tiến bộ khoa học kỹ thuật đổi mới nội dung chương trình đào tạo cũng như phương thức dạy và học theo tích cực lấy người học làm trung tâm.

Hằng năm cán bộ giảng viên trong trường đã biên soạn và hiệu chỉnh giáo trình, bài giảng, đề cương phục vụ cho công tác giảng dạy trong toàn trường [6.3.02].

Số lượng bài viết trên các tạp chí khoa học chưa tương xứng với tiềm năng của trường. Chất lượng công tác biên soạn giáo trình, chương trình học phần, môn học còn hạn chế. Sáng kiến, cải tiến, kinh nghiệm còn hạn chế.

Hằng năm, trường có kế hoạch khuyến khích, động viên và tạo điều kiện cho giảng viên viết bài cho các tạp chí, khuyến khích các giảng viên trẻ tham gia NCKH, đăng ký chương trình tự học (ngoại ngữ, tin học...) và đã tạo điều kiện cho một số giảng viên trẻ đi học tập nâng cao đạt học vị thạc sỹ, tiến sỹ ở nước Nga, Trung Quốc. Qua đó có nhiều thêm những bài báo, ấn phẩm được đăng trên các báo và tạp chí ở nước ngoài.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 6: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4: Các đề tài NCKH, sáng kiến cải tiến của trường được ứng dụng thực tiễn.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hằng năm căn cứ vào kế hoạch triển khai hoạt động khoa học và công nghệ của Bộ Công Thương và phương hướng nhiệm vụ cụ thể của nhà trường trong từng năm học nhà trường hướng dẫn tập thể, cá nhân đăng ký tham gia nghiên cứu các đề tài khoa học và chuyển giao công nghệ. Việc NCKH, ứng dụng và chuyển giao công nghệ được nhà trường, các cá nhân, tập thể tham gia thực hiện theo đúng hệ thống văn bản quy định và hướng dẫn của các cấp quản lý. Các đề tài, dự án NCKH khi xét duyệt, nghiệm thu đều dựa trên các tiêu chuẩn cụ thể của các cấp xét duyệt. Nghiệm thu các đề tài tuân theo quy trình, thủ tục khi xét duyệt và có biên bản cụ thể [6.4.01, 6.4.02, 6.4.03, 6.4.04].

Trường hiện có 141 giảng viên cơ hữu được đào tạo từ các bộ môn khác nhau [6.4.05]. Trong những năm qua đội ngũ giảng viên của trường đã đáp ứng được yêu cầu thực hiện chương trình đào tạo và NCKH [6.4.06]. Các đề tài NCKH của trường đã tập trung giải quyết được nhiều vấn đề lớn, thiết thực và hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường, của địa phương, xã hội.

Nhà trường có phòng QLKH & ĐBCL với chức năng theo dõi, quản lý và thực hiện nghiêm chỉnh các quy trình của việc nghiên cứu khoa học và công nghệ do đó việc nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của nhà trường luôn thuận lợi và đạt được kết quả tốt. Những năm qua phong trào NCKH công nghệ tại các đơn vị trong trường đã có nhiều khởi sắc, đặc biệt, năm 2017-2019 đã có những đề tài cấp Bộ và cấp trường đã ứng dụng vào thực tế của nhà trường:

Đề tài cấp trường: Giáo dục đạo đức sinh viên trường CĐNĐ Nam định theo tấm gương đạo đức HCM trong giai đoạn mới; Nghiên cứu, xây dựng phần mềm quản lý các khoản thu của sinh viên tại trường CĐCN Nam Định; Xây dựng phầm mềm quản lý nhân sự tại trường CĐCN Nam Định;.....

Đề tài cấp Bộ: Nghiên cứu thiết kế chế tạo mẫu nhanh theo công nghệ SDM phục vụ đào tạo; Nghiên cứu và chế tạo bộ thí nghiệm đo lường điều khiển nhiệt độ đa kênh giao tiếp với máy tính trong mô hình điều khiển không khí trung tâm có ống gió phục vụ đào tạo: Nghiên cứu xây dựng mô hình sản xuất sạch hơn ứng dụng cho khu thực hành, thí nghiệm của trường ....

Việc triển khai kế hoạch hoạt động NCKH chưa thực sự thu hút được đại bộ phận các tập thể, cá nhân và người học tham gia nghiên cứu khoa học. Nhà trường chưa có hình thức khuyến khích người học tham gia nghiên cứu các đề tài khoa học vì thế đến nay chưa có đề tài nghiên cứu khoa học nào của người học tham gia. Chưa có nhiều đề tài khoa học công nghệ ứng dụng ngay vào sản xuất tại trường.

Để đáp ứng yêu cầu là trường Cao đẳng chất lượng cao nhà trường cần quan tâm hơn nữa đến việc nghiên cứu khoa học ở các cấp nhất là ở cấp cơ sở. Cần khuyến khích học sinh, sinh viên tham gia vào nghiên cứu các đề tài khoa học cấp trường, cấp bộ... Nhà trường cần thành lập quỹ hỗ trợ nghiên cứu khoa học cho các tập thể, cá nhân có những đề tài được phê duyệt và thường xuyên phát động những cuộc thi hoặc hội thảo về kinh nghiệm nghiên cứu khoa học...

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 6: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5: Có liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động, hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế: các hoạt động hợp tác quốc tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường tạo điều kiện, cử các giảng viên tham gia các lớp tập huấn về đổi mới chương trình, đổi mới phương pháp dạy học, NCKH và chủ động tổ chức các hoạt động kết hợp NCKH với đào tạo thông qua hội thảo khoa học về đổi mới phương pháp dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy [6.5.01]. Vào đầu năm học, trường có chủ chương khuyến khích các đề tài NCKH phục vụ trực tiếp cho công tác giảng dạy, các đề tài liên quan đến đổi mới phương pháp dạy học [6.4.02].

Thông qua các hoạt động hợp tác quốc tế, trường đã cử các cán bộ, giảng viên có năng lực đi thăm quan, học tập, học hỏi kinh nghiệm tại một số nước Đức, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Philippin [6.5.03, 6.5.04], để tạo cơ hội cho cán bộ, giảng viên của trường được tham gia học tập tiếp cận với khoa học công nghệ tiên tiến, nhằm nâng cao trình độ chuyên môn và khả năng tự nghiên cứu. Thông qua hợp tác quốc tế, trường đã có được các đợt đưa HSSV đi lao động hợp tác tại các nước nói trên, đồng thời cũng phần nào quảng cáo được hình ảnh, ấn tượng của nhà trường với các đối tác nước ngoài.

Các đề tài khoa học đã tập chung chủ yếu vào nội dung giáo dục, GDNN, do đó việc NCKH đã phát huy được tính sáng tạo, thu lượm được nhiều kinh nghiệm thông qua thực tế.

Công tác NCKH kết hợp với đào tạo của nhà trường đang trong giai đoạn đầu nghiên cứu (từ khi trường được nâng cấp thành trường Cao đẳng năm 2005) nên còn thiếu kinh nghiệm. Công tác hợp tác quốc tế còn quá ít và không thường xuyên. Việc hợp tác quốc tế trong lĩnh vực đào tạo với các trường nước ngoài mới chỉ dừng ở mức độ hội thảo ghi nhớ và cử cán bộ giáo viên sang học tập nghiên cứu.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 6: 1 điểm

3.2.7. Tiêu chí 7: Quản lý tài chính

Đánh giá tổng quát tiêu chí 7:

Tài chính là một yếu tố không thể thiếu cho sự tồn tại và phát triển của toàn xã hội nói chung và của từng cơ quan đoàn thể nói riêng trong đó có trường CĐCNNĐ. Trong những năm qua, được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Đảng ủy, Giám hiệu nhà trường, công tác tài chính đã đảm bảo kinh phí cho các hoạt động chung của trường diễn ra một cách ổn định trong điều kiện nhà trường có nhiều khó khăn.

Hằng năm, kế hoạch tài chính được xây dựng một cách khoa học, có hệ thống, phù hợp với tình hình thực tế, đáp ứng được nhiệm vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học, có một phần tích luỹ để tái đầu tư phát triển cơ sở vật chất và góp phần ổn định thu nhập đối với CCVC. Công tác quản lý tài chính công khai, minh bạch, thực hành tiết kiệm chống lãng phí và khai thác có hiệu quả các nguồn thu tại trường.

Trường có nguồn tài chính ổn định đáp ứng các hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động hợp pháp khác đồng thời sử dụng hiệu quả các nguồn kinh phí. Các nguồn thu được phản ảnh một cách đầy đủ, rõ ràng, minh bạch theo đúng quy định của Nhà nước.

Hoạt động tài chính của trường thực hiện đúng quy định hiện hành của Nhà nước về chế độ kế toán hiện hành và Quy chế chi tiêu nội bộ. Hàng năm, Quy chế chi tiêu nội bộ được rà soát, điều chỉnh phù hợp với chế độ kế toán và tình hình thực tiễn của nhà trường nhằm mục đích đảm bảo mọi hoạt động của trường ổn định và phát triển. Qua kết luận các lần thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý cấp trên và Kiểm toán Nhà nước, trường không vi phạm các quy định về tài chính và đảm bảo sử dụng kinh phí có hiệu quả đúng mục đích. Hàng năm trường thực hiện công khai tài chính đồng thời thành lập tổ tự kiểm tra tài chính để kiểm tra hoạt động thu chi một cách độc lập

****** *Những điểm mạnh:*

- Trường đã có quy định về công tác quản lý tài chính, tài sản của trường được thực hiện đầy đủ đúng quy định về chế độ công tác tài chính,

- Không ngừng khai thác các hoạt động dịch vụ tạo nguồn thu để đảm bảo đủ kinh phí phục vụ các hoạt động chung của trường. Có biện pháp tổ chức, quản lý, sử dụng tài chính một cách khoa học có hiệu quả.

- Thực hiện tốt công tác tự kiểm tra tài chính và công khai tài chính minh bạch theo quy định của nhà nước. Công tác tham mưu kế hoạch tài chính được thực hiện năng động sáng tạo phù hợp với tình hình thực tế của Trường

- Được cấp trên đánh giá công tác quản lý sử dụng tài chính, tài sản có hiệu qua, có khoa học, không vi phạm pháp luật trong công tác thẩm tra số liệu quyết toán hàng năm

** Những tồn tại:*

- Do nguồn kinh phí của trường còn hạn hẹp nên việc xây dựng các quy định, chế độ chính sách thấp hơn so với chế độ quy định của nhà nước, đồng thời việc cặp nhật chế độ nhà nước đôi khi chưa được kịp thời vào quy chế chi tiêu nội bộ cũng như công tác áp dụng quy trình hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2008 chưa được áp dụng triệt để.

- Tình hình tuyển sinh hiện nay gặp khó khăn dẫn đến các nguồn thu tài chính hạn chế.

- Công tác kiểm tra, kiểm soát chưa được thường xuyên, ráo riết

** Kế hoạch nâng cao chất lượng*

Tích cựu tuyên truyền yêu cầu CCVC áp dụng triệt để các quy định trọng hệ thống quản lý 9001: 2015 để hoạt động tài chính được khoa học.

Nâng cao việc thực hiện công tác quản lý tài chính ngày càng được chuẩn hóa và đồng bộ, nhằm đem lại hiệu quả cao hơn việc sử dụng các nguồn tài chính. Bám sát quy chế chi tiêu nội bộ, đảm bảo công tác kiểm tra, kiểm soát chi tiêu đúng quy định.

Điểm đánh giá tiêu chí 7

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 7	**6**
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1

Tiêu chuẩn 1: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo quy định và công bố công khai

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ Nghị định, Thông tư hướng dẫn Trường đã xây dựng và ban hành quy chế chi tiêu nội bộ là hành lang pháp lý để thực thực hiện công tác quản lý tài chính theo quy định về chế độ đối với các đơn vị sự nghiệp có thu.

- Đơn vị đã xây dựng quy trình tạm ứng, thanh toán và thanh toán tạm ứng đáp ứng nhu cầu tạm ứng và thanh toán của các đơn vị cá nhân khi có nhu cầu [7.1.01];

- Theo văn bản hướng dẫn của các cơ quan quản lý Nhà nước đối với các đơn vị sự nghiệp có thu, nhà trường đã có kế hoạch xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ. Quy chế chi tiêu nội bộ dựa trên các chế độ chính sách, các văn bản hướng dẫn nguồn kinh phí ngân sách Nhà nước cấp và các nguồn thu hợp pháp của nhà trường cho phép thực hiện được các khoản chi đáp ứng các hoạt động của nhà trường, đồng thời đảm bảo đúng chế độ chính sách của Nhà nước.

Hằng năm, nhà trường đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ tạo quy định cụ thể đối với các hoạt động tài chính của trường được thống nhất và khoa học; Quy chế chi tiêu nội bộ được rà soát và bổ sung kịp thời đảm bảo đáp ứng những thay đổi trong việc thực thi chế độ chính sách của nhà nước đối với CCVC, HSSV. Từ năm 2017 đến nay, quy chế chi tiêu nội bộ đã được hoàn thiện, sát với tình hình thực tế nhằm đảm bảo công tác tự chủ về tài chính của nhà trường [7.1.02].

Công tác quản lý tài chính đã được trường quan tâm đầu tư cả về con người và cơ sở vật chất ngày càng được chuẩn hóa. Đội ngũ cán bộ làm công tác tài chính đều đạt trình độ chuyên môn nghiệp vụ đảm bảo nắm vững và thực hiện quản lý tài chính theo đúng quy định [7.1.03].

Công tác quản lý tài chính của trường được thực hiện tin học hóa, trường đang sử dụng phần mềm để quản lý tài chính theo chế độ kế toán hành chính sự nghiệp do công ty Cổ phần Misa cung cấp và được cập nhật các mẫu biểu phù hợp với chế độ quy định.

Hằng năm công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động tài chính của trường được cơ quan quản lý cấp trên đánh giá công tác quản lý tài chính, tài sản của trường đã thực hiện theo đúng quy định, minh bạch, công khai từ khâu xây dựng kế hoạch đến công tác thực hiện hoạt động thu – chi tài chính. Tất cả đã được thể hiện qua báo cáo thanh quyết toán, công tác tự kiểm tra số liệu quyết toán việc thực hiện kế hoạch tài chính hàng năm. Từ năm 2014 đến nay Nhà trường không vi phạm các quy định về quản lý tài chính [7.1.04, 7.1.05].

Trường đã thực hiện tốt công tác xây dựng chi tiết các nội dung thu, chi được quy định rõ trong quy chế chi tiêu nội bộ, nên việc tổ chức thực hiện và quản lý các hoạt động tài chính của trường được thực hiện nghiêm túc đúng quy định và có hiệu quả. Công tác tham mưu kế hoạch tài chính được thực hiện năng động sáng tạo phù hợp với tình hình thực tế của Trường. Căn cứ vào các văn bản hướng dẫn nâng cao công tác nghiên cứu và xây dựng các quy định ngày càng chi tiết và chặt chẽ hơn.

Những quy định nội bộ liên quan trực tiếp đến quy chế chi tiêu ban hành chưa được kịp thời khi chế độ chính sách của nhà nước có sự thay đổi, điều chỉnh. Đẩy mạnh công tác quản lý tài chính ngày càng chuẩn hóa và đồng bộ từ khâu kế hoạch - dự toán - Thực hiện - Báo cáo, nhằm đem lại hiệu quả cao hơn việc sử dụng các nguồn tài chính.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 7: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2: Quản lý sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo, tham gia sản xuất kinh doanh dịch vụ đúng theo quy định

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ Nghị định, Thông tư hướng dẫn Trường đã xây dựng các quy định, quy chế chi tiêu nội bộ bao gồm: các hoạt động từ nguồn thu ngân sách nhà nước cấp, nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp, nguồn thu từ các hoat động dịch vụ là cơ sở để quản lý tổ chức sử dụng, quản lý toàn bộ các nguồn kinh phí nói chung và nguồn kinh

phí từ hoạt động dịch vụ đào tạo, tham gia sản xuất kinh doanh dịch vụ nói riêng theo đúng quy định [7.2.01; 7.2.02].

Công tác cập nhật, theo dõi hoạt động dịch vụ đào tạo và tham gia sản xuất kinh doanh dịch vụ được thể hiện qua báo cáo quyết toán, công tác tự kiểm tra số liệu quyết toán và biên bản thẩm tra số liệu quyết toán hàng năm của cơ quan quản lý cấp trên được cập nhật theo dõi và hạch toán, nghĩa vụ nộp thuế, được thực hiện theo chế độ quy định, chấp hành đúng nghĩa vụ đối việc thu nộp thuế TNCN và thuế TNDN, đồng thời nộp báo cáo theo quy định [7.2.03; 7.2.04].

Hoạt động tài chính của trường thực hiện đúng theo quy định, các nguồn tài chính của nhà trường được tổ chức, quản lý một cách hiệu quả. Trường luôn tạo điều kiện và khuyến khích các đơn vị, cá nhân trong trường tìm đối tác thúc đẩy các hoạt động dịch vụ hợp pháp mang lại nguồn thu và đạt hiệu quả kinh tế cho trường.

Nguồn thu từ hoạt động dich vụ còn hạn hẹp, hiệu quả kinh tế mang lại chưa được cao. Các đơn vị chưa phát huy được tính năng động sử dụng và khai thác các trang thiết bị hiện có của trường.

Nâng cao công tác hoạt động dịch vụ kết hợp với đào tạo tận dụng và khai thác các nguồn lực hiện có từ máy móc thiết bị đến nguồn nhân lực sẵn có của trường.

Bám sát quy chế chi tiêu nội bộ, đảm bảo kiểm soát nguồn thu – chi tài chính đúng quy định, đẩy mạnh công tác quản lý tài chính đối các hoạt động dịch vụ một cách đồng bộ nhằm đem lại hiệu quả kinh tế cao.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 7: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3: Trường có các nguồn lực tài chính đảm bảo đủ kinh phí phục vụ các hoạt động của trường

Mô tả, phân tích, nhận định

Trường CĐCNNĐ là đơn vị sự nghiệp có thu trực thuộc Bộ Công Thương. Hàng năm, nhà trường hoạt động dựa trên các nguồn thu hợp pháp sau:

- Ngân sách Nhà nước cấp.
- Nguồn thu từ NCKH.
- Nguồn thu từ các nhiệm vụ khácđược giao.
- Kinh phí thu sự nghiệp (học phí, lệ phí, sự nghiệp khác)
- Nguồn thu từ hoạt động các hoạt động dịch vụ
- Các nguồn thu hợp pháp khác

Hằng năm Căn cứ vào Luật, Nghị định, Quyết định, Thông tư hướng dẫn của cơ quản quản lý nhà nước cấp trên và quy chế chi tiêu nội bộ nhà trường, công tác kế hoạch tài chính được xây dựng chi tiết, khoa học trên cơ sở các nguồn thu sự nghiệp, dự kiến nguồn thu do ngân sách cấp từ đó kiểm soát nội dung chi sát thực tế với nhu cầu của trường không gây ra thất thoát lãng phí và tiết kiệm tối đa cụ thể đối với chi hoạt động thường xuyên, mua sắm, sửa chữa tài sản cố định, xây dựng cơ bản đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động chung khác của trường. Đồng thời ưu tiên cho những hoạt động và mua sắm, sửa chữa mang tính cấp bách và thiết thực với hoạt động chung [7.3.01].

Căn cứ vào Quyết định giao dự toán ngân sách nhà nước cấp, nguồn thu của đơn vị và quy chế chi tiêu nội bộ, xét nhu cầu chi của từng hoạt động phục vụ cho công tác hoạt động chuyên môn, trường lập dự toán phân bổ cho từng nội dung chi một cách hợp lý, tiết kiệm và thực hiện theo đúng chế độ kế toán tài chính hiện hành. Hằng năm,

hoạt động tài chính đã đảm bảo đủ nguồn kinh phí đáp ứng hoạt động chuyên môn của nhà trường theo kế hoạch đã đề ra [7.3.02].

Công tác hoạt động quản lý tài chính, tài sản, công tác báo cáo, nộp thanh quyết toán của trường hàng năm được thực hiện đúng quy định. Kết quả qua thẩm tra, xét duyệt quyết toán được cơ quan chủ quản đánh giá công tác hoạt động quản lý tài chính, tài sản của trường đã thực hiện theo đúng quy định pháp luật hiện hành [7.3.03].

Với khả năng khai thác hợp lý khoa học nguồn tài chính, nhà trường đã thực hiện nghiêm túc kế hoạch tài chính đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động chung của trường, đặc biệt chú trọng đảm bảo nguồn kinh phí chi cho con người, ưu tiên đầu tư những trang thiết bị cần thiết, đó là yếu tố then chốt nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

Trong chi tiêu, trường đã thực hiện tiết kiệm để trích lập vào các quỹ trong đó chú trọng phần lớn vào quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp nhằm phát triển nguồn lực con người và tái đầu tư cơ sở vật chất đảm bảo nhu cầu phát triển lâu dài của trường. Vì vậy, trình độ cán bộ, giảng viên của nhà trường không ngừng được nâng cao đáp ứng yêu cầu đào tạo. Cơ sở vật chất của nhà trường hàng năm cũng được bổ sung, đảm bảo trong công tác thực hiện dự án phát triển mở rộng trường giai đoạn 2005-2020 đáp ứng công tác giảng dạy và học tập trong điều kiện của trường.

Hằng năm, căn cứ nhiệm vụ chính trị và nhu cầu thực tế của trường, trường đã xây dựng dự toán, phân bổ nguồn kinh phí chi tiết cho từng nội dung kinh tế , nên đã chủ động trong việc bố trí nguồn kinh phí đáp ứng các hoạt động chuyên môn đúng mục tiêu, sử dụng có hiệu quả và không gây lãng phí nguồn tài chính.

Do nguồn kinh phí ngân sách cấp ổn định nên các khoản chi cho công tác NCKH, đầu tư trang thiết bị và các hoạt động khác còn rất hạn chế. Nguồn kinh phí chủ yếu đáp ứng cho thanh toán cá nhân (lương và các khoản có tính chất lương) và phục vụ công tác chuyên môn, còn lại chi các nội dung khác vẫn mang tính chất dàn trải. Trong những năm gần đây, trường tập trung nguồn kinh phí (quỹ hoạt động phát triển sự nghiệp) cùng với nguồn vốn đầu tư XDCB ưu tiên trong công tác đầu tư xây dựng cơ sở vật chất.

Do tình hình tuyển sinh trong những năm qua có nhiều khó khăn đã ảnh hưởng trực tiếp đến các nguồn thu tài chính trong trường trong khi các chế độ chính sách và giá cả thị trường ngày một tăng lên.

Tiếp tục mở rộng quy mô đào tạo một cách hợp lý, tăng cường các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng để tăng cường nguồn thu một cách hợp pháp đáp ứng nhu cầu phát triển nhà trường. Lập kế hoạch, dự án trình Bộ Công Thương cấp kinh phí xây dựng cơ sở vật chất đủ đáp ứng nhu cầu mở rộng quy mô của nhà trường trong tương lai.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 7: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4: Thực hiện quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đúng quy định

Mô tả, phân tích, nhận định:

Để thực hiện quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đúng quy định, trường đã nghiên cứu các Nghị định, Thông tư hướng dẫn và tình hình thực tế của trường, Trường đã xây dựng các quy định, quy chế chi tiêu nội bộ cho các nội dung kinh tế phục vụ cho các hoạt động thu – chi đáp ứng cho các hoạt động phục vụ công tác đào tạo [7.4.01; 7.4.02].

Ngoài ra để thúc đẩy việc quản lý sử dụng thanh quyết toán đúng quy định đơn vị cũng dã xây dựng quy trình quản lý tài chính theo ISO 9001:2015 gồm 4 quy trình để quá trình thanh quyết toán khoa học và đúng quy định [7.4.03].

Hoạt động tài chính của trường thực hiện nghiêm túc được thể hiện trong các lần kiểm toán, thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý tài chính cấp trên. Tất cả các nguồn tài chính được Nhà trường tổ chức, quản lý một cách hiệu quả. Công tác tham mưu kế hoạch tài chính được thực hiện năng động sáng tạo phù hợp với tình hình thực tế của Trường.

Những quy định nội bộ liên quan trực tiếp đến quy chế chi tiêu ban hành chưa được kịp thời khi chế độ chính sách của nhà nước có sự thay đổi, điều chỉnh.

Trường đang triển khai thực hiện công tác quản lý tài chính ngày càng chuẩn hóa, đồng bộ trong các khâu nhằm đem lại hiệu quả cao hơn việc sử dụng các nguồn tài chính. Bám sát quy chế chi tiêu nội bộ, đảm bảo kiểm soát chi đúng quy định.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 7: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5. Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán, thực hiện kiểm toán theo quy định; xử lý khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện quy định về quản lý và sử dụng tài chính khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền; thực hiện công khai tài chính theo quy định

Mô tả, phân tích, nhận định

Quy trình xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ của trường được thực hiện theo đúng hướng dẫn đảm bảo dân chủ, công khai: Phòng Tài chính kế toán, phòng Tổ chức hành chính, phòng Đào tạo tham mưu cho Hiệu trưởng dự thảo quy chế; Các phòng, ban, khoa, trung tâm có trách nhiệm góp ý bản dự thảo quy chế, sau đó tổng hợp và hoàn chỉnh dự thảo trình Hiệu trưởng ra Quyết định ban hành quy chế, thông báo cho toàn thể cán bộ, công chức viên chức biết để thống nhất thực hiện [7.5.01; 7.5.02].

Hằng năm, trường đều có kế hoạch và giải pháp cụ thể để thực hiện công tác quản lý và được thực hiện qua các bước như sau:

- Lập kế hoạch ngân sách được triển khai đồng bộ từ các đơn vị khoa, trung tâm và các phòng ban chức năng trong trường.

- Phòng Tài chính kế toán tổng hợp và cân đối kinh phí chung cho mọi hoạt động từ nguồn thu hợp pháp cho đến quá trình phân bổ các nguồn thu đó.

- Kế hoạch ngân sách được thảo luận tại cuộc họp giao ban và được công khai bằng văn bản cho tất cả các đơn vị sau khi lãnh đạo đã phê duyệt và cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê chuẩn ra Quyết định giao dự toán ngân sách nhà nước. Hiệu trưởng đã thông báo các nguồn thu của trường và kế hoạch phân bổ ngân sách cho từng nội dung kinh tế. Sử dụng nguồn tài chính được thực hiện theo đúng kế hoạch, hàng tháng, hàng quý công khai số liệu tới toàn thể cán bộ, giảng viên tại các kỳ họp cơ quan, họp giao ban;

- Các khoản chi ngân sách của trường đều thực hiện theo đúng quy định chế độ tài chính kế toán và chuẩn mực kế toán hiện hành. Tất cả các khoản thu - chi đều đúng nội dung kinh tế và đúng pháp luật, được diễn giải minh bạch dễ hiểu và phù hợp chế độ hiện hành. Các khoản tiền lương, tiền thưởng, tiền học bổng và các khoản chi khác liên quan đến CCVC và HSSV đều đảm bảo chi đúng, chi đủ, chi kịp thời, không xảy ra vướng mắc;

Công tác tài chính hằng năm đều có báo cáo công khai bằng văn bản và được giải trình trong hội nghị công chức viên chức, tại bảng thông tin trước cửa phòng tài chính kế toán của trường để toàn thể CCVC biết và kiểm tra, đồng thời trường thành lập tổ tự kiểm tra tài chính để kiểm tra hoạt động thu - chi ngân sách một cách độc lập [7.5.03].

Từ năm 2017 đến nay, trường thực hiện công tác quản lý tài chính, tài sản đúng quy định được đánh giá trong các đợt thẩm tra số liệu quyết toán của các cơ quan quản lý cấp trên, Trường không vi phạm các quy định về tài chính và đảm bảo sử dụng kinh phí theo đúng quy định và có hiệu quả [7.5.04] .

Nguyên tắc công khai, minh bạch tất cả khoản thu - chi luôn được trường coi trọng và thực hiện thường xuyên, nghiêm túc. Hằng năm trường thực hiện công khai tài chính tại bảng thông tin trước cửa phòng tài chính kế toán để tất cả CCVC biết và kiểm tra đồng thời thành lập tổ tự kiểm tra tài chính để kiểm tra hoạt động thu chi ngân sách một cách độc lập [7.5.05].

Cán bộ làm công tác tài chính luôn thực hiện tốt công việc được giao,không xảy ra sai sót, nhầm lẫn luôn có ý thức học hỏi, cải tiến công việc để nâng cao hiệu quả. Trong những năm qua, trường không có đơn thư khiếu nại, tố cáo về công tác tài chính.

Hiện nay, quá trình thu học phí, ngân sách hỗ trợ tiền miễn giảm học phí đối HSSV được thực hiện thu trực tiếp tại phòng và được theo dõi trên excel, trực tiếp thu học phí theo mẫu biên lai quy định. Tỷ lệ số HSSV nộp học phí qua tài khoản ngân hàng còn rất thấp;

Phát huy công tác tin học vào quản lý tài chính một cách hiệu quả, đồng bộ. Ngoài việc thực hiện công khai tài chính trên bảng tin của phòng tài chính kế toán sẽ thực hiện công khai trên trang website. Phối hợp cùng giáo viên khoa CNTT hoàn thiện phần mềm theo dõi và thu nộp học phí đối HSSV, khuyến khích HSSV nộp học phí qua tài khoản ngân hàng.

Tổ tự kiểm tra tài chính cần phát huy hơn nữa tinh thần trách nhiệm trong quá trình tự kiểm tra các hoạt động tài chính hàng quý để phát hiện kịp thời và bổ sung những phần chưa phù hợp.

Duy trì việc thanh toán cá nhân được thực hiện chi trả qua tài khoản cá nhân (thẻ ATM) theo chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 7: 1 điểm

Tiêu chuẩn 6: Hằng năm trường có đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường; có các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường

Mô tả, phân tích, nhận định

Hằng năm, nhà trường đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ tạo hành lang pháp lý để các hoạt động tài chính của trường được thống nhất và khoa học; Quy chế chi tiêu nội bộ được rà soát và bổ sung kịp thời đảm bảo đáp ứng những thay đổi trong việc thực thi chế độ chính sách của nhà nước đối với CCVC, HSSV. Các nguồn lực tài chính đảm bảo đủ kinh phí phục vụ hoạt động của trường và được sử dụng có tiết kiệm và hiệu quả. Các nguồn kinh phí được phân bổ phục vụ hoạt động của trường thường xuyên được tự kiểm tra tài chính thông qua tổ tự kiểm tra tài chính và thực hiện công khai theo quy định hiện hành.

Hằng năm nhà trường có tổ chức Hội nghị Cán bộ viên chức để đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường và các hoạt động đào tạo, các hoạt động khác của trường nhằm tìm ra những mặt còn hạn chế trong công tác quản lý sử dụng tài chính, đào tạo từ đó có phương hướng khai thác các nguồn lực năm sau được hiệu quả hơn.[7.6.01]. Hội nghị Cán bộ viên chức hàng năm được tổ chức công khai với sự tham gia của tất cả Cán bộ viên chức trong đơn vị và lãnh đạo, cán bộ của công đoàn

viên chức về dự và chỉ đạo hội nghị với đầy đủ các nội dung mọi hoạt động phục vụ công tác đào tạo của trường.

Trước khi hội nghĩ diễn ra các bác cáo về đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính và các hoạt động khác được triển khai tại các đơn vị để thảo luận đóng góp ý kiến và có phương hướng nâng cao hiệu quả sử dụng tài chính nói chung và hoạt động khác nói riêng.

Hằng năm, Trường tổ chức Hội nghị Cán bộ viên chức nhằm được sự đóng góp ý kiến của toàn thể cán bộ viên chức để có biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn tài chính và phương hướng đẩy mạnh các hoạt động khác trong trường.

Hằng năm các ý kiến đóng góp để hoàn thiện các quy định, quy chế chi tiêu nội bộ đôi khi còn chung chung hoặc không có tính khả thi so với tình hình thực tế của trường. Cần tiết kiệm hơn nữa trong việc sử dụng nguồn kinh phí. CCVC cần được sự quan tâm hưởng ứng hơn nữa trong công tác công khai các số liệu tài chính trong năm. Đồng thời tăng cường công tác kiểm tra kiểm soát các hoạt động mang lại hiệu quảvà chất lượng của công việc cũng nguồn kinh phí thực hiện.

Nắm vững các chế độ chính sách và tình hình thực tế của trường để nâng cao trách nhiệm trong công tác đóng góp xây dựng các quy định và quy chế.

Lập hệ thống phân tích hiệu quả sử dụng nguồn tài chính theo từng nguồn thu để có phương hướng điều chỉnh để đem lại hiệu quả sử dụng cao hơn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 7: 1 điểm

3.2.8. Tiêu chí 8: Dịch vụ người học

Đánh giá tổng quát tiêu chí 8:

Mở đầu:

Trong những năm qua Trường CĐCNNĐ luôn xác định người học là yếu tố quan trọng, là trung tâm của mọi hoạt động trong công tác đào tạo. Nhà trường đã xây dựng một môi trường học tập và rèn luyện, ở đó người học được quan tâm và thực hiện các điều kiện đảm bảo hoàn thành tốt các nhiệm vụ học tập, rèn luyện. Cụ thể người học luôn được hướng dẫn đầy đủ về mục tiêu, chương trình đào tạo và các yêu cầu kiểm tra đánh giá, quy định trong quy chế đào tạo; người học được đảm bảo các chế độ chính sách và chăm sóc sức khỏe định kì theo quy định của y tế học đường, được tham gia đầy đủ các hoạt động văn hóa, văn nghệ, luyện tập TDTT và đảm bảo an toàn trong trường học; người học được tu dưỡng và rèn luyện phẩm chất, đạo đức, lối sống và tinh thần trách nhiệm.

* *Những điểm mạnh:* Nhà trường luôn có sự phối hợp đồng bộ giữa các đoàn thể, các phòng, khoa, trung tâm và các ban, ngành trong và ngoài trường để hoàn thành tốt mục tiêu đào tạo toàn diện, đáp ứng công cuộc đổi mới của sự nghiệp giáo dục của đất nước.

Nhiều năm qua, nhà trường luôn có sự đổi mới về nội dung và phương pháp đào tạo, đa dạng hóa các loại hình đào tạo mở thêm nhiều ngành, nghề nhằm đáp ứng với nhu cầu của người học và yêu cầu của nền sản xuất xã hội. Trong đào tạo luôn coi trọng chất lượng và hiệu quả, HSSV ra trường phần lớn có việc làm ổn định và được các đơn vị sử dụng lao động đánh giá cao về chất lượng đào tạo của nhà trường.

** Những tồn tại:*

Việc điều tra tình hình việc làm của HSSV sau khi tốt nghiệp đã có trong kế hoạch nhưng chưa được thực hiện thường xuyên.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Hiện nay nhà trường đã thành lập Trung tâm Hợp tác Đào tạo và Quan hệ Doanh nghiệp sẽ tạo sự gắn kết giữa Nhà trường với doanh nghiệp đáp ứng kịp thời nhu cầu nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp trên toàn quốc; trên cơ sở đó trường sẽ nắm bắt kịp thời số lượng HSSV ra trường có việc làm ổn định từ đó có điều chỉnh công tác tuyển sinh đào tạo các ngành nghề phù hợp hơn.

Điểm đánh giá tiêu chí 8

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 8	**9**
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1
Tiêu chuẩn 7	1
Tiêu chuẩn 8	1
Tiêu chuẩn 9	1

Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo của trường CĐCNNĐ được xây dựng trên cơ sở chương trình khung do Bộ LĐTBXH ban hành, phù hợp với mục tiêu giáo dục và chức năng, nhiệm vụ của nhà trường, đồng thời gắn với nhu cầu học tập của người học và nhu cầu nguồn nhân lực của thị trường lao động. Trường luôn quan tâm và đổi mới nội dung chương trình đào tạo cho phù hợp với thực tiễn, đáp ứng với mục tiêu đào tạo của nhà trường. Định kỳ rà soát và bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo, nhằm lược bỏ những nội dung không còn phù hợp và cập nhật những tiến bộ của khoa học và công nghệ, mục tiêu của nhà trường được xác định một cách rõ ràng, đúng với quy định tại Luật giáo dục; được hoàn thiện trên cơ sở các ý kiến đóng góp và trí tuệ của tập thể viên chức và người lao động, được phổ biến rộng rãi trong toàn trường. Mục tiêu của Nhà trường phù hợp với bối cảnh và nguồn lực của trường trong từng giai đoạn phát triển cụ thể, gắn kết chặt chẽ với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của các địa

phương và của toàn xã hội. Sứ mạng được đăng tải trên Website trường và giới thiệu trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm thu hút sự quan tâm của toàn xã hội, trong đó có các nhà tuyển dụng. Đào tạo nghề trình độ cao đẳng và trình độ trung cấp theo chương trình khung của Bộ LĐTBXH có đầy đủ mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể cho các học phần của ngành học, đáp ứng yêu cầu của các doanh nghiệp sử dụng lao động. Thông qua website của trường người học nắm được mục tiêu, chương trình đào tạo của ngành, điều kiện dự thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập từng học kỳ, năm học. Người học thuộc diện chế độ chính sách luôn luôn được đảm bảo đúng chế độ. Nhà trường tạo điều kiện thuận lợi cho người học trong mọi hoạt động về văn hóa, văn nghệ và TDTT.

Người học được tiếp cận đầy đủ thông tin về đường lối, chính sách của Đảng và nhà nước. Qua việc thực hiện quy chế rèn luyện trong sinh viên, các phong trào thực hiện nếp sống văn minh trong môi trường giáo dục được thực hiện dưới nhiều hình thức, người học có ý thức hơn trong sinh hoạt và học tập. Đa số HSSV trong trường đã có ý thức rèn luyện đạo đức, lối sống lành mạnh, tự giác tham gia các phong trào do nhà trường và các tổ chức đoàn thể phát động. Nhà trường luôn quan tâm, chú trọng và thực hiện tốt công tác giáo dục và rèn luyện cho sinh viên về đạo đức, lối sống, tính tập thể và tinh thần trách nhiệm.

Trường CĐCNNĐ đào tạo nhiều ngành, nghề, nhiều bậc học khác nhau. Việc định hướng nghề nghiệp cho HSSV nắm rõ được mục tiêu, chương trình đào tạo của các ngành, nghề, bậc học và những thông tin về nhà trường là rất cần thiết. Điều đó được thể hiện qua "Tuần sinh hoạt giáo dục Công dân -HSSV" ngay từ những ngày đầu vào nhập học và đầu các năm học. Tất cả người học đều được phòng Công tác HSSV, phòng Đào tạo và các đơn vị chức năng phổ biến các nội dung liên quan tới chương trình giáo dục, đào tạo hiện hành của Bộ LĐTBXH [8.1.01]. Đồng thời hướng dẫn người học cách tra cứu các thông tin trên Website của trường: Cnd.edu.vn để người học có thể tìm hiểu thêm. Trên website này có rất nhiều thông tin người học cần biết như: Kế hoạch đào tạo các khóa học, quy chế đào tạo, quản lý HSSV, kế hoạch thời gian học tập, thời điểm thi học phần, thi tốt nghiệp, thời khóa biểu … Lịch thi học phần và danh sách HSSV thi đều được niêm yết công khai tại bảng tin của Trường, văn phòng các khoa, trung tâm và trong các buổi sinh hoạt đầu kỳ, hàng tháng của các lớp [8.1.02]; [8.1.03].

Ngoài việc tổ chức sinh hoạt "Tuần giáo dục Công dân - HSSV" nhà trường còn nhiều hình thức khác như: Trong thông báo nội dung sinh hoạt hàng tháng của nhà trường đã lồng ghép những nội dung cập nhật mới về những vấn đề liên quan đến người học cho đội ngũ cố vấn học tập, để họ giúp cho người học nắm bắt được rõ ràng và kịp thời [8.1.04].

Những quy định cụ thể từng học phần (số đơn vị học trình, số tiết và nội dung chương trình, yêu cầu tài liệu…) và yêu cầu kiểm tra đánh giá sẽ được giảng viên bộ môn trực tiếp phổ biến cho người học khi bắt đầu thực hiện học phần đó.

Nhà trường có kế hoạch từ công tác xây dựng văn bản hướng dẫn thực hiện, xây dựng các quy định, nội quy liên quan tới đào tạo và với nhiều hình thức tổ chức phổ biến hướng dẫn, tuyên truyền như: Trên Website, hệ thống truyền thanh của Ký túc xá, trong các buổi sinh hoạt đầu năm, đầu kỳ và các tháng của từng lớp để người học có điều kiện nắm vững mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo và các yêu cầu kiểm tra đánh giá, điều kiện dự thi trong từng học kỳ, năm học. Từ đó người học có kế hoạch tốt cho quá trình phấn đấu tu dưỡng học tập của bản thân.

Thông qua những hoạt động trên người học hiểu rõ mục tiêu đào tạo để định hướng cho việc học tập, nghiên cứu phấn đấu đạt kết quả cao trong học tập và rèn luyện.

Do ý thức phấn đấu của HSSV chưa đồng đều, nên việc hướng dẫn chương trình giáo dục, kiểm tra đánh giá và các quy định trong quy chế đào tạo chưa có sự chuyển biến toàn diện trong tất cả HSSV của nhà trường.

Từ nhiều năm qua và hiện nay nhà trường đưa các văn bản quy định về chương trình, kế hoạch đào tạo cụ thể của trường trên Website: Cnd.edu.vn ; tạo điều kiện cho người học cập nhật thông tin, khai thác các văn bản quy chế thi, tra cứu tài liệu phục vụ công tác học tập và giảng dạy. Đồng thời nhà trường thiết lập và vận hành thư viện điện tử, phủ sóng Wifi khu vực Ký túc xá, giảng đường và các khu vực vui chơi giải trí giúp sinh viên tự học.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 8: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định

Mô tả, phân tích, nhận định:

Đầu mỗi năm học, Nhà trường tổ chức tuần sinh hoạt chính trị đầu năm và phổ biến quy định của Nhà nước và của Nhà trường về chế độ chính sách cho HSSV [8.2.01]. Bên cạnh đó, để các đơn vị trong trường thực hiện đúng quy định, mỗi học kỳ Phòng Công tác HSSV nhắc nhở các đơn vị thực hiện bằng thư điện tử [8.2.02]. Trên website của Công tác HSSV thường xuyên đăng tải và cập nhật những thông tin, thông báo về chế độ chính sách, miễn giảm học phí, học bổng [8.2.03]. Hằng năm, phòng Công tác HSSV thông báo đến các đơn vị về chính sách miễn giảm học phí [8.2.04], thực hiện xét trợ cấp cho HSSV có hoàn cảnh khó khăn, đặc biệt khó khăn [8.2.05], thực hiện xét cấp học bổng khuyến khích học tập [8.2.06].

Cuối mỗi năm học, Phòng Công tác HSSV báo cáo cụ thể kết quả các mảng công việc về đảm bảo chế độ chính sách cho người học trong báo cáo cáo tổng kết hoạt động của phòng, đánh giá những mặt mạnh, mặt hạn chế trong công tác đảm bảo các chế độ chính sách cho HSSV.

- HSSV được đảm bảo đầy đủ các quyền lợi, chế độ chính sách kịp thời, chính xác.

- Do ngân sách nhà trường còn eo hẹp nên vẫn còn phải chờ ngân sách nhà nước cấp bù mới chi trả chế độ, chính sách cho HSSV.

Nhà trường tiếp tục duy trì các chế độ, chính sách theo qui định hiện hành.

Phổ biến kịp thời các chế độ, chính sách tới người học.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 8: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3: Có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường luôn quan tâm việc thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với HSSV có kết quả cao trong học tập và rèn luyện. Sau mỗi học kỳ trên cơ sở kết quả học tập, rèn luyện của HSSV phòng đào tạo tổng hợp trình hội đồng Trường xét duyệt đề nghị Hiệu trưởng phê duyệt [8.3.01], [8.3.02]. Việc xét khen thưởng luôn đảm bảo đúng đối tượng tạo động lực thúc đẩy phong trào thi đua học học tốt rèn luyện tốt vì ngày mai lập nghiệp. Đây là nguồn khích lệ lớn đến HSSV của trường, tạo động lực thúc đẩy phong trào thi đua học tốt trong HSSV.

Nhà trường luôn duy trì việc phát động phong trào thi đua trong học tập, rèn luyện vào đầu năm học đến tất cả HSSV. Các tập thể lớp đăng ký phấn đấu theo các tiêu chí đề ra, cuối học kỳ có tổng kết bình xét đề nghị cá nhân tiên tiến xuất sắc. Trường thực hiện xét cấp học bổng khuyến khích cho HSSV kịp thời đúng quy định ngoài ra còn có nguồn tài trợ của các doanh nghiệp trao cho những HSSV nghèo vượt khó vươn lên học tập tốt. Sự phối kết hợp giữa các phòng, khoa và đội ngũ Cố vấn học tập, giáo viên chủ nhiệm luôn tạo điều kiện tốt nhất cho người học trong quá trình học tập tại trường.

Ý thức tự giác tu dưỡng phấn đấu của một số HSSV chưa liên tục do đó kết quả còn hạn chế về số lượng. Kế hoạch triển khai phong trào đến các khoa đầy đủ chi tiết nhưng nhân rộng đến từng lớp và cá nhân còn chậm chưa đồng bộ.

Tăng cường việc kiểm tra nề nếp học tập và chấp hành nội quy, quy chế của HSSV. Kịp thời uốn nắn biểu hiện thiếu cố gắng và tư tưởng trung bình trong phấn đấu. Nghiên cứu bổ sung các chuyên đề bồi dưỡng kỹ năng mềm cho HSSV để thích ứng với nhu cầu sử dụng của doanh nghiệp tạo mối liên hệ tốt giữa nhà trường với doanh nghiệp.

Bổ sung các chính sách khen thưởng và khen kịp thời trong học tập, rèn luyện của người học.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 8: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4: Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường CĐCNNĐ đào tạo nhiều ngành, nghề, nhiều bậc học khác nhau. Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính tôn giáo, nguồn gốc xuất thân. Điều đó được thể hiện qua "Tuần sinh hoạt giáo dục công dân HSSV" ngay từ những ngày đầu vào nhập học và đầu các năm học. Tất cả người học đều được phòng Công tác HSSV, phòng Đào tạo và các đơn vị chức năng phổ biến các nội dung liên quan tới chương trình giáo dục, đào tạo hiện hành của Bộ LĐTBXH [8.4.01].

Đồng thời hướng dẫn người học cách tra cứu các thông tin trên Website của trường: cnd@.edu.vn để người học có thể tìm hiểu thêm. Trên website này có rất nhiều thông tin người học cần biết như: Kế hoạch đào tạo các khóa học, quy chế đào tạo, quản lý HSSV, kế hoạch thời gian học tập, thời điểm thi học phần, thi tốt nghiệp, thời khóa biểu … Ngoài việc tổ chức sinh hoạt "Tuần giáo dục công dân HSSV" nhà trường còn nhiều hình thức khác như: trong thông báo nội dung sinh hoạt hàng tháng của nhà trường đã lồng ghép những nội dung cập nhật mới về những vấn đề liên quan đến người học cho đội ngũ cố vấn học tập, giáo viên chủ nhiệm để họ giúp cho người học nắm bắt được rõ ràng và kịp thời [8.4.02].

Ngoài ra những quy định cụ thể từng môn học (số đơn vị học trình, số tiết và nội dung chương trình, yêu cầu tài liệu…) và yêu cầu kiểm tra đánh giá sẽ được giáo viên bộ môn trực tiếp phổ biến cho người học khi bắt đầu thực hiện học phần của môn học đó [8.4.03].

Nhà trường có kế hoạch từ công tác xây dựng văn bản hướng dẫn thực hiện, xây dựng các quy định, nội quy liên quan tới đào tạo và với nhiều hình thức tổ chức phổ biến hướng dẫn, tuyên truyền như: trên Website, hệ thống truyền thanh của ký túc xá, trong các buổi sinh hoạt đầu năm, đầu kỳ và các tháng của từng lớp để tất cả người học có điều kiện nắm vững mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo và các yêu cầu kiểm tra đánh giá, điều kiện dự thi trong từng học kỳ, năm học. Từ đó tất cả mọi người học có kế hoạch tốt cho quá trình phấn đấu tu dưỡng học tập của bản thân.

Thông qua những hoạt động trên người học hiểu rõ mục tiêu đào tạo để định hướng cho việc học tập, nghiên cứu phấn đấu đạt kết quả cao trong học tập và rèn luyện.

Do ý thức phấn đấu của HSSV chưa đồng đều, nên việc hướng dẫn chương trình giáo dục, kiểm tra đánh giá và các quy định trong quy chế đào tạo chưa có sự chuyển biến toàn diện trong tất cả HSSV của nhà trường.

Xây dựng văn hóa nhà trường người học được quan hệ bình đẳng, tôn trọng không phân biệt chủng tộc, tôn giáo nguồn gốc. Tất cả 54 dân tộc, tôn giáo đều là anh em.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 8: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5: Ký túc xá đảm bảo đủ diện tích nhà ở và các điều kiện tối thiểu (chỗ ở, điện, nước, vệ sinh, các tiện nghi khác) cho sinh hoạt và học tập của người học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Ký túc xá của Nhà trường là hoạt động an sinh giáo dục do đó Nhà trường luôn quan tâm đến KTX, hằng năm nhà trường thường xuyên nâng cấp, sửa chữa các công trình tại ký túc xá HSSV. Với tổng số phòng ở là 58 phòng có thể bố trí được chỗ ở cho 580 HSSV. Các phòng ở đều được bố trí công trình phụ khép kín với diện tích mỗi

phòng là 24m^2, tổng diện tích khuôn viên ký túc xá là 2.156m^2 có hệ thống điện, nước và tiện nghi đầy đủ.

Nhà trường đã thành lập tổ quản lý ký túc xá gồm 05 cán bộ viên chức làm việc tại ký túc xá. Có cán bộ quản lý KTX thường trực 24/24h để làm công tác quản lý học sinh sinh viên ở ký túc xá, công tác ANTT tại ký túc xá được bảo đảm, điện nước được cung cung cấp đầy đủ. Khu vực ký túc xá đã thuê một nhân công chuyên làm công tác vệ sinh môi trường do đó vệ sinh môi trường luôn được đảm bảo sạch đẹp.

Ngay từ những ngày đầu HSSV đến nhập học nhà trường đã giới thiệu về ký túc xá và phổ biến về Nội quy KTX [8.5.01], [8.5.02].

Người học đã được giải quyết kịp thời về nhu cầu chỗ ở. Công tác ANTT tại ký túc xá được đảm bảo giúp người học yên tâm học tập tại trường.

Công tác sửa chữa cơ sở hạ tầng, thay thế thiết bị có lúc chưa kịp thời.

Xây dựng, triển khai các kế hoạch mua sắm trang thiết bị và duy tu sửa chữa thường xuyên cơ sở hạ tầng của ký túc xá.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 8: 1 điểm

Tiêu chuẩn 6: Có dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe; dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn thực phẩm.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường thường xuyên quan tâm đến công tác chăm lo sức khỏe cho người học và cán bộ viên chức trong trường. Y tế nhà trường với 01 phòng làm việc và 02 giường bệnh cùng một bác sỹ đủ điều kiện chăm sóc sức khỏe ban đầu cho HSSV trong toàn trường. Nhà trường thường xuyên tổ chức các hoạt động phòng dịch, bệnh cho người học như khám sức khỏe đầu khóa học [8.6.01], phun thuốc muỗi định kỳ [8.6.02] HSSV tham gia bảo hiểm y tế dưới sự tư vấn của bác sỹ y tế nhà trường.

Bên cạnh các hoạt động chăm lo khám chữa bệnh cho người học, nhà trường cũng hết sức quan tâm đến nhu cầu ăn, uống của người học. Nhà trường đã xây dựng nhà ăn sinh viên trong khuôn viên trường với diện tích 600m^2 để đáp ứng nhu cầu ăn, uống của người học và đảm bảo an toàn thực phẩm.

Người học đã được giải quyết chế độ chính sách kịp thời và đúng chế độ của Nhà nước. Công tác chăm sóc sức khỏe được đảm bảo theo đúng quy định của y tế học đường. Hoạt động ăn uống của người học được đáp ứng nhu cầu của người học nhằm nâng cao sức khỏe của người học góp phần hoàn thành tốt nhiệm vụ đào tạo của trường.

Nhà ăn sinh viên của trường có nhưng yếu tố thu hút người đến ăn chưa cao.

Xây dựng, triển khai các kế hoạch phòng trừ dịch bệnh, nâng cao chất lượng phục vụ ăn uống tại nhà ăn sinh viên.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 8: 1 điểm

Tiêu chuẩn 7: Người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ TDTT, tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Sinh hoạt văn hóa văn nghệ, TDTT là một trong những điểm mạnh của HSSV nhà trường. Hằng năm trong những ngày lễ lớn, ngày hội của trường đội văn nghệ, đội thể thao đã đóng góp không nhỏ vào hoạt động chung của nhà trường. Như ngày thành lập Đoàn 26/3, ngày sinh nhật Bác 19/5, ngày nhà Giáo Việt Nam 20/11, ngày Khai giảng. Nhà trường đã tổ chức cho HSSV giao lưu văn hóa, tham gia hội diễn văn nghệ, thể thao [8.7.01]. Hoạt động TDTT của trường phát triển mạnh nhờ được sự quan tâm của lãnh đạo trường và các ban ngành, nhà trường đã xây dựng nhà Giáo dục thể chất với diện tích 1.200 m^2. Tổ chức các bộ môn: bóng chuyền, bóng đá, cầu lông và thường xuyên tổ chức giao lưu, thi đấu thể thao nhân dịp các ngày lễ lớn và khai giảng. Đây là một sân chơi, thi đấu giao hữu đối với các lớp, khoa trong trường và các trường bạn thu hút được sự tham gia, cổ vũ đông đảo nhất của người học. Nhà trường đã tổ chức các đội đi thi đấu thể thao với các cụm trường của Nam Định, cụm trường Nam đồng bằng bắc bộ, các trường của Bộ Công Thương [8.7.02], [8.7.03].

Công tác an ninh trường học được quan tâm thường xuyên. Nhà trường thành lập tổ bảo vệ gồm 13 đồng chí hằng năm được Công an tỉnh Nam Định mở lớp tập huấn nghiệp vụ thường xuyên. Thành lập đội thanh niên xung kích để bảo đảm an toàn cho HSSV trong trường [8.7.04]. Bên cạnh đó nhà trường còn phối hợp với Công an tỉnh Nam Định, Công an huyện Vụ Bản, Công an 04 xã lân cận trường xã Liên Bảo, Thành Lợi. Tân Thành, Đại An, phối hợp để giải quyết và nắm bắt tình hình an ninh chính trị trường học [8.7.05]. Nhà trường đã thành lập trung đội tự vệ của cơ quan thường trực luôn luôn sẵn sàng trong mọi tình huống xảy ra [8.7.06]. Nhà trường luôn luôn quan tâm về cơ sở vật chất và đảm bảo an ninh trong ký túc xá để người học yên tâm học tập.

Người học đã được giải quyết chế độ chính sách kịp thời và đúng chế độ của Nhà nước. Hoạt động văn nghệ thể thao góp phần quan trọng trong việc nâng cao sức khỏe, ý thức xã hội và cá nhân người học. Công tác an toàn trong trường học được đảm bảo nhằm hoàn thành tốt nhiệm vụ đào tạo của trường.

Trang thiết bị cho hoạt động TDTT còn hạn chế.

Xây dựng, triển khai các kế hoạch hoạt động văn thể thao trong năm học, bổ sung quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng với nhà trường bổ sung trang bị thêm cho nhà Giáo dục thể chất, ký túc xá.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 8: 1 điểm

Tiêu chuẩn 8: Trường thực hiện việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường CĐCNNĐ thường xuyên tổ chức các hoạt động hỗ trợ hiệu quả nhằm tăng tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo.

Trước đây, Nhà trường có bộ phận chuyên trách tư vấn, việc làm của HSSV tốt nghiệp thuộc Phòng Đào tạo. Đến tháng 8/2017, Nhà trường đã tách bộ phận này ra và thành lập Trung tâm Hợp tác đào tạo và Quan hệ doanh nghiệp [8.8.01]. Thông qua Trung tâm này, Nhà trường đã huy động được nguồn lực hỗ trợ từ các DN cho hoạt động đào tạo, đồng thời là cầu nối tổ chức các ngày hội giới thiệu việc làm cho HSSV tốt nghiệp, ngày hội tuyển dụng SV và hỗ trợ nơi thực tập cho SV năm cuối. Trường tổ chức Hội chợ việc làm định kỳ 1 lần/năm, ngoài ra Trường còn phối hợp với các DN tổ chức giao lưu, phỏng vấn tuyển dụng khi DN có nhu cầu, mỗi năm có khoảng 5 đến 10 DN tổ chức phỏng vấn tuyển dụng riêng lẻ [8.8.02]. Nhà trường cũng giữ mối liên hệ thường xuyên với các DN, các công ty tuyển dụng nhân sự để thông báo về tiến độ tốt nghiệp của HSSV cũng như nhận các thông báo tuyển dụng hằng năm từ công ty [8.8.03].

Bên cạnh đó, các Khoa trong trường cũng tổ chức các hoạt động ngoại khóa, giao lưu với các DN [8.8.04], để HSSV có thể học tập được môi trường làm việc của ngành nghề mà mình đang học, nâng cao khả năng thích nghi với môi trường làm việc, đáp ứng được yêu cầu của DN và thị trường lao động. Nhà trường còn tổ chức các lớp kỹ năng mềm tư vấn cho người học một số kỹ năng tìm việc như làm hồ sơ, viết đơn xin việc, xử lý tình huống phỏng vấn, giao tiếp với người tuyển dụng [8.8.05].

Việc thành lập Trung tâm Hợp tác đào tạo và Quan hệ doanh nghiệp là điều kiện thuận lợi giúp Nhà trường có điều kiện trao đổi, làm việc với các DN có nhu cầu tuyển dụng.

Chưa tổ chức thu thập, đánh giá kết quả HSSV tốt nghiệp có việc làm định kỳ và thường xuyên.

Chưa tổ chức các chương trình giao lưu kết nối giữa DN, cựu HSSV, những người thành đạt, các chuyên gia nhân sự tới trường để chia sẻ kiến thức thực tế với HSSV.

Trong năm học 2019-2020 và các năm tiếp theo, Nhà trường tăng cường tổ chức các chương trình giao lưu kết nối giữa DN, cựu HSSV, những người thành đạt, các chuyên gia nhân sự tới trường để chia sẻ kiến thức thực tế với HSSV.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 8: 1 điểm

Tiêu chuẩn 9: Hằng năm, trường tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Để HSSV yên tâm trong việc học tập và tìm kiếm việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo sau khi tốt nghiệp nhà trường thường xuyên cung cấp các thông tin về

nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm cho HSSV thông qua việc niêm yết các thông tin tuyển dụng của các doanh nghiệp xin tuyển dụng, đưa các thông tin nhu cầu lao động của doanh nghiệp về các khoa chuyên ngành để các khoa cùng thông tin đến HSSV [8.9.01].

Hằng năm nhà trường đều tham gia hội chợ việc làm do Sở Lao động - Thương binh Xã hội tỉnh Nam Định tổ chức tại các huyện, thành phố [8.9.02], tổ chức cho HSSV tham gia sàn giao dịch việc làm do Trung tâm giới thiệu việc làm tổ chức [8.9.03].

Ngoài ra nhà trường còn kết hợp với các doanh nghiệp, trung tâm giới thiệu việc làm tổ chức các buổi gặp mặt với HSSV chuẩn bị ra trường để tạo điều kiện để HSSV tiếp xúc với các nhà tuyển dụng [8.9.04].

Nhà trường đảm bảo việc cung cấp, cập nhật thông tin việc làm, thị trường lao động, giới thiệu việc làm cho người học và thường xuyên tham gia các hội chợ việc làm, tổ chức cho HSSV tham gia sàn giao dịch việc làm

Chưa có cán bộ chuyên trách để phát triển hoạt động tư vấn hướng nghiệp kết nối giữa HSSV và các doanh nghiệp, hiện nay các công việc này đều là cán bộ kiêm nhiệm.

Hiện nay nhà trường đã thành lập Trung tâm Hợp tác đào tạo và Quan hệ doanh nghiệp để tăng cường mối quan hệ giữa nhà trường với doanh nghiệp trong việc nắm bắt nhu cầu ngành nghề, giải quyết việc làm cho HSSV sau tốt nghiệp.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9, tiêu chí 8: 1 điểm

3.2.9. Tiêu chí 9: Giám sát, đánh giá chất lượng

Đánh giá tổng quát tiêu chí 9:

Mở đầu:

Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định luôn coi trọng việc đánh giá và giám sát chất lượng giáo dục nhằm nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng tốt nguồn nhân lực cho xã hội. Trong những năm qua việc đánh giá giám sát chất lượng được thực hiện với nhiều hình thức như thu thập lấy ý kiến của cán bộ, giáo viên, giảng viên, người học và doanh nghiệp... với những công cụ, phương pháp khác nhau đảm bảo tính khách quan, chính xác khi giám sát, đánh giá

***** *Những điểm mạnh:*

Thông qua các hoạt động khảo sát, thu thập ý kiến, nhà trường sẽ có kế hoạch cụ thể cũng như các biện pháp thực hiện việc cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả giám sát và tự đánh giá.

** Những tồn tại:*

Việc giám sát và đánh giá diễn ra không thường xuyên và liên tục. Quá trình giám sát và đánh giá chất lượng còn gặp một số khó khăn như: số lượng sinh viên mỗi lớp ít không đảm bảo tính chính xác khi giám sát đánh giá mặt khác trong quá trình

đào tạo phối kết hợp với các doanh nghiệp do tính chất đào tạo kết hợp với sản xuất làm cho thời gian và tiến độ bị ảnh hưởng đôi khi không thực hiện được.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Nhà trường lập ra các kế hoạch chiến lược lâu dài cũng như đưa ra các phương án tuyển sinh, hình thức đào tạo nhằm thu hút người học đến với nhà trường. Đổi mới phương pháp, phối kết hợp chặt chẽ với các đơn vị có liên kết đào tạo với nhà trường để công tác giám sát, đánh giá được thuận lợi, chính xác.

Điểm đánh giá tiêu chí 9

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 9	**5**
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	0

Tiêu chuẩn 1: Hằng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường đã tiến hành lấy ý kiến đánh giá nhận xét của các doanh nghiệp có liên kết đào tạo và tiếp nhận sử dụng lao động là HSSV của trường thông qua hình thức giao lưu hội thảo nhằm đánh giá chất lượng về mức độ đáp ứng trong công việc của người học sau khi tốt nghiệp ra trường [9.1.01], [9.1.02], [9.1.03], [9.1.04].

Qua kết quả lấy ý kiến, kết quả đánh giá của đơn vị sử dụng lao động đều hài lòng về chất lượng đào tạo của người học sau khi tốt nghiệp đáp ứng tốt với công việc. Trong đó khoảng 90% đơn vị hài lòng về khả năng vận dụng kiến thức chung trong công việc; 90% đơn vị đánh giá cao về khả năng lập kế hoạch hoạt động chuyên môn, khả năng làm việc độc lập, có trách nhiệm trong chuyên môn và có tinh thần cầu tiến, tác phong làm việc nhanh nhẹn cũng như ý thức trong công việc..

Tuy nhiên, trong kết quả đánh giá cũng chỉ ra những mặt chưa được và đã có những góp ý mang tính xây dựng giúp cho nhà trường có những điều chỉnh thích hợp trong tương lai như đánh giá chưa cao về khả năng làm việc theo nhóm, khả năng nhạy bén với môi trường làm việc thay đổi…[9.1.04], [9.1.05].

Những tồn tại trên là cơ sở để nhà trường có những kế hoạch điều chỉnh trong giảng dạy trong đó tăng cường các hoạt động thực hành theo nhóm, có những điều chỉnh phù hợp trong quá trình sinh viên thực tập giúp các em sẽ có những thích ứng với mọi môi trường làm việc trong tương lai. Đưa ra các buổi tham quan tại các cơ sở liên quan đến các ngành nghề của HSSV trong tương lai giúp các em có những định

hướng cho bước phát triển sau này của mình. Áp dụng công nghệ để xây dựng hệ thống kết nối cung và cầu đào tạo trong toàn hệ thống. T*ăng cường gắn kết đào tạo với doanh nghiệp,* doanh nghiệp là chủ thể của GDNN, được tham gia tất cả các công đoạn trong quá trình đào tạo. Thí điểm thành lập hội đồng ngành trong một số lĩnh vực đào tạo của trường cùng với sự tham gia của cơ quan quản lý Nhà nước về GDNN, các bộ, ngành, các doanh nghiệp…

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 9: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2: Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 50% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động.

Mô tả, phân tích, nhận định:

100% CCVC các đơn vị phòng khoa được tham khảo cho ý kiến đánh giá về các lĩnh vực liên quan đến chính dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động. Nhìn chung đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng chuẩn trình độ đào tạo [9.2.01], [9.2.02], [9.2.03]. Hằng năm, việc phân loại, đánh giá viên chức, công chức luôn được nhà trường chú trọng thực hiện [9.2.04].

Thông qua đánh giá, phân loại nhà trường có những điều chỉnh cán bộ, viên chức để phù hợp với năng lực, trình độ của từng cá nhân trong trường. Chủ động trong việc phân công công việc, có những đánh giá mang tính khách quan đối với từng cá nhân. Công tác đánh giá phân loại nhà giáo đã có nhiều đổi mới, bước đầu phát huy tính tích cực, tạo động lực và khuyến khích nhà giáo phấn đấu vươn lên.

Tuy nhiên, hạn chế trong công tác này là nhận thức và trách nhiệm của một bộ phận nhà giáo còn né tránh, nể nang nên việc đánh giá chưa thật chính xác, khách quan, chưa phản ánh đúng thực chất về đội ngũ.

Nhà trường có kế hoạch nâng cao chất lượng cán bộ, giảng viên, công nhân viên trong trường [9.2.05], [9.2.06], [9.2.07]. Khuyến khích cán bộ, CCVC trong trường học các lớp đào tạo bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ [9.2.08], [9.2.09], [9.2.10], [9.2.11].

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 9: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3: Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 30% người học đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Đổi mới GDNN theo hướng gắn với thị trường lao động và yêu cầu của xã hội, chuyển mạnh đào tạo gắn kết với việc làm và tạo việc làm bền vững, xuất khẩu lao động và an sinh xã hội. Tạo điều kiện thu hút mọi nguồn lực của xã hội để đổi mới và

nâng cao chất lượng GDNN, trong đó Nhà nước giữ vai trò chủ đạo; tăng cường khả năng tự chủ của các cơ sở GDNN công lập.

Mục tiêu tổng quát nhà trường đặt ra là phải đổi mới và nâng cao chất lượng GDNN; người học ra trường phải đáp ứng yêu cầu thị trường lao động, có việc làm và thu nhập tốt hơn; người đáp ứng yêu cầu và có nguyện vọng học cần được theo học các chương trình liên thông; không để tình trạng đào tạo ra không có việc làm, thất nghiệp, lãng phí nguồn lực xã hội…

Lấy ý kiến người học tại trường CĐCNNĐ được chuẩn bị một cách chu đáo và được triển khai theo một lộ trình khoa học trên một tinh thần dân chủ nhưng vẫn đảm bảo truyền thống tôn sư trọng đạo. Việc lấy ý kiến sinh viên được tiến hành theo mỗi học kỳ đối với các học phần đã kết thúc. Hoạt động lấy ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên đã trở thành hoạt động thường niên đối với Nhà trường trong công tác đảm bảo chất lượng trong những năm trở lại đây. Thông qua Phần mềm và phát phiếu khảo sát giúp sinh viên tìm và đánh giá các học phần đã được học trong năm học này được dễ dàng [9.3.01].

Do số lượng sinh viên nhập học vào trường trong mấy năm trở lại đây giảm khiến cho số lượng sinh viên của một số lớp quá ít số lớp giảm vì vậy nhiều giảng viên không nhận được những suy nghĩ đóng góp của các em sinh viên trong hoạt động đánh giá của từng học kỳ. Hằng năm, trong học kỳ II, sinh viên của khóa cuối đi thực tập nên số lượng sinh viên đánh giá thấp hơn so với học kỳ I. Mặc dù phòng QLKH&ĐBCL đã tiến hành thông báo Kế hoạch từ trước cũng như tại các buổi thi đã nhắc nhở các em sinh viên tuy nhiên do tâm lý chuẩn bị thực tập để ra trường khiến các em sinh viên đã coi nhẹ việc đánh giá [9.3.02].

Đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo để đáp ứng nhu cầu học tập của người học; có sự liên kết với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong việc thực hiện đào tạo và hỗ trợ tìm việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp. Cần có sự phối hợp tốt với các đơn vị, rút ra được kinh nghiệm trong quá trình tổ chức thực hiện để có thể thực hiện tốt hơn hoạt động lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên trong những năm học tiếp theo. Đoàn Thanh niên trường, các khoa/ trung tâm cần phổ biến cho giảng viên, HSSV của khoa hiểu rõ hơn nữa mục đích, yêu cầu, nội dung của công tác lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên cũng như kiểm tra, đôn đốc cố vấn học tập, giáo viên chủ nhiệm trong việc sinh hoạt lớp và triển khai nội dung lấy ý kiến thăm dò của HSSV trong những năm học tiếp theo. Các giáo viên cố vấn cần thường xuyên nhắc nhở tới các lớp do mình phụ trách để các em sinh viên chủ động, có trách nhiệm trong việc khảo sát các môn học mà mình đã được học qua đó có những đánh giá khách quan về hoạt động giảng dạy của giảng viên. Nhà trường cần đưa ra một số quy định khác khuyến khích sinh viên hăng hái, nhiệt tình tham gia khảo sát đánh giá giảng viên giảng dạy.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 9: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4: Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Tự đánh giá chất lượng giáo dục là quá trình các trường tự khẳng định mình về vai trò và vị trí đối với xã hội, trách nhiệm đối với người học từ đó có kế hoạch, chiến lược phát và phương hướng phấn đấu trong tương lai. Đây chính là mục đích của Bộ LĐTBXH khi ban hành bộ tiêu chí đánh giá chất lượng GDNN, dựa vào các tiêu chuẩn cụ thể để lãnh đạo biết được thực trạng và đưa ra được các giải pháp.

Trong công cuộc GD&ĐT, nhà trường luôn lấy học sinh làm trung tâm và luôn bám sát mục tiêu đào tạo. Nhà trường luôn nghiên cứu, thăm dò và mạnh dạn mở thêm các ngành đào tạo cho phù hợp với nhu cầu phát triển của xã hội và đáp ứng nhu cầu của người học [9.4.01], [9.4.02], [9.4.03].

Giúp nhà trường tự rà soát, xem xét đánh giá thực trạng của mình, lập và triển khai các kế hoạch hành động cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo, từ đó điều chỉnh mục tiêu cho công tác tự đánh giá trường.

Là điều kiện cần thiết để nhà trường đăng ký đánh giá ngoài và công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng với một tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục.

Thể hiện tính tự chủ và tính tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong toàn bộ hoạt động đào tạo, NCKH, dịch vụ xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu của nhà trường [9.4.04].

Việc tự đánh giá chất lượng giáo dục và kiểm định chất lượng vẫn còn những tồ tại chưa được kiểm đếm rà soát chính xác như việc khảo sát thực tế đối với người học sau khi ra trường tìm kiếm việc làm còn gặp nhiều khó khăn vì thiếu thông tin địa chỉ cụ thể để thực hiện.

Báo cáo Tự đánh giá của Trường tập trung vào thực hiện những việc sau: Mô tả, làm rõ thực trạng của trường; phân tích, giải thích, so sánh và đưa ra những nhận định, chỉ ra những điểm mạnh, điểm yếu và những biện pháp khắc phục; lên kế hoạch hành động để cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 9: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5: Hằng năm, trường có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài nếu có.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường đã có kế hoạch thực hiện việc đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau khi ra trường cụ thể: Cuối khóa đưa người học đi thực tập tại các doanh nghiệp và được bố trí vào các dây chuyền sản xuất thông qua đó đánh giá chất lượng đào tạo về khả năng thích ứng của họ với thực tiễn sản xuất đồng thời đi khảo sát nhiều doanh nghiệp trong khu vực về HSSV của trường sau khi tốt nghiệp ra có đáp ứng được các công việc và yêu cầu của doanh nghiệp không để điều chỉnh nội dung chương trình đào tạo cho phù hợp. Qua khảo sát về cơ bản HSSV của trường sau khi tốt nghiệp ra đáp ứng được phần lớn các yêu cầu của nhà tuyển dụng. Trên cơ sở đó mà trường có

kế hoạch điều chỉnh chương trình đào tạo cho phù hợp với yêu cầu các doanh nghiệp [9.5.01], [9.5.02], [9.5.03]; [9.5.04].

Bên cạnh các ngành truyền thống trường đã mở thêm được một số ngành đào tạo mới nhằm đáp ứng nhu cầu của người học và các doanh nghiệp như: Năm 2014 trường được phép đào tạo 2 ngành mới là Công nghệ thông tin và Công nghệ Kỹ thuật môi trường.

Trường cũng đã từng bước xây dựng các phiếu hỏi phỏng vấn sinh viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của trường, xây dựng các phiếu góp ý của các doanh nghiệp sử dụng lao động [9.5.05]; [9.5.06].

Từ các giải pháp trên trường đã xây dựng các kế hoạch, chiến lược điều chỉnh hoạt động đào tạo cho phù hợp với nhu cầu xã hội. Các hoạt động đào tạo của trường được triển khai với mục tiêu nhằm đáp ứng các yêu cầu nguồn nhân lực của ngành và các thành phần kinh tế [9.5.07].

Việc khảo sát lấy ý kiến phản hồi về chất lượng đào tạo từ phía doanh nghiệp sử dụng lao động chưa được tiến hành thường xuyên và có hệ thống.

Từ năm học tiếp theo nhà trường triển khai lấy ý kiến của HSSV và các nhà sử dụng lao động về chất lượng đào tạo của trường để có kế hoạch điều chỉnh hoạt động đào tạo cho phù hợp với yêu cầu của doanh nghiệp và xã hội [9.5.08], [9.5.09], [9.5.10].

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 9: 1 điểm

Tiêu chuẩn 6: Trường có tỷ lệ 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Việc khảo sát năng lực công tác của HSSV tốt nghiệp chưa được triển khai rộng rãi vì HSSV của trường đến từ nhiều miền của đất nước và sau khi tốt nghiệp họ tự đi liên hệ công tác nên việc điều tra khả năng làm việc phù hợp với chuyên môn đào tạo khó khăn, tuy nhiên hằng nămtrường luôn nhận được sự quan tâm, đánh giá rất cao của các doanh nghiệp, luôn nhận được các hợp đồng đào tạo về tuyển dụng và bố trí việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp [9.6.01].

Việc khảo sát đánh giá mới chỉ thực hiện bằng hình thức thông qua các diễn đàn hội nghị giao lưu với các doanh nghiệp trường đã nắm bắt được số HSSV của trường sau khi tốt nghiệp ra trường đều được bố trí đúng với chuyên môn được đào tạo.

Sự phối kết hợp giữa nhà trường với xã hội đã tạo nên sức mạnh cho nhà trường trong lĩnh vực GD&ĐT thông qua hội thảo giao lưu để nắm bắt và thống kê được dữ liệu về hoạt động đào tạo và số lượng học sinh - sinh viên tốt nghiệp ra trường để có cơ sở đổi mới nội dung, chương trình đào tạo phù hợp với yêu cầu người học và xã hội yêu cầu.

Nhà trường chưa triển khai được việc khảo sát tình hình việc làm và thu nhập của HSSV khi ra trường một cách đầy đủ và hệ thống.

Hằng năm xây dựng kế hoạch khảo sát điều tra định kì về tình hình HSSV sau khi tốt nghiệp ra trường để nắm được năng lực chuyên môn của người học và thu nhập của họ sau khi ra trường.

Thành lập hội cựu sinh viên, xây dựng kế hoạch điều tra, khảo sát nắm bắt tình hình HSSV của trường sau khi đã tốt nghiệp ra trường.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 9: 0 điểm

PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

Chất lượng đào tạo là một trong những vấn đề quan trọng quyết định đến sự tồn tại và phát triển của nhà trường. Trong xu thế toàn cầu hóa và yêu cầu cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cao đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, việc nâng cao chất lượng đào tạo là yêu cầu bức thiết.

Kế hoạch nâng cao chất lượng giáo dục của trường đến năm 2020 và những năm tiếp theo với mục tiêu xây dựng Trường CĐCNNĐ thành trường đào tạo trình độ cao, đa ngành, đa lĩnh vực; một trung tâm NCKH và chuyển giao công nghệ hàng đầu của khu vực Nam đồng bằng sông Hồng, với một số lĩnh vực đạt trình độ tiên tiến trong khu vực; một địa chỉ tin cậy, hấp dẫn đối với người học.

1. Mục tiêu chung:

Xây dựng Trường CĐCNNĐ trở thành Trường chất lượng cao năm 2020, trường tiếp cận trình độ các nước khu vực ASEAN và các nước phát triển thuộc nhóm G20. Chuyên sâu trong lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu và tư vấn khoa học các chuyên ngành kỹ thuật và kinh tế công nghiệp. Xây dựng đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý đáp ứng các yêu cầu trong giai đoạn tiếp theo. Xây dựng và đổi mới các chương trình đào tạo phù hợp và đạt trình độ giáo dục trong khu vực và tiếp cận xu thế phát triển giáo dục tiên tiến trên thế giới; có năng lực cạnh tranh và thích ứng hội nhập quốc tế trong lĩnh vực đào tạo nhân lực và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực kỹ thuật và kinh tế công nghiệp.

2. Các mục tiêu chủ yếu:

- Trường được Chính phủ công nhận là trường chất lượng cao trong hệ thống GDNN.

- Phát triển quy mô đào tạo một cách hợp lý phù hợp với yêu cầu đòi hỏi nguồn nhân lực của xã hôi. Duy trì chỉ tiêu tuyển sinh hằng năm từ 2.000 - 2.500 SV. Xây dựng, phát triển nội dung chương trình đào tạo tiên tiến đáp ứng với nhu cầu phát triển của nền kinh tế xã hội.

- Thực hiện triệt để phương pháp giảng dạy tích cực với phương châm "dạy cách học, phát huy tính chủ động của người học". Từng bước hiện đại hóa trang thiết bị giảng dạy, chương trình đào tạo tiên tiến; Ứng dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật, áp dụng các công cụ dạy học hiện đại trong quá trình dạy và học. Sinh viên tốt nghiệp ra trường đảm bảo đúng theo chuẩn đầu ra được cam kết với người học và các tổ chức xã hội.

- Đẩy mạnh NCKH, gắn kết NCKH với đào tạo và phục vụ xã hội. Phấn đấu hằng năm có 05 đề tài NCKH từ cơ sở đến cấp bộ, các bài báo về lĩnh vực đào tạo được đăng trên các tạp chí trong và ngoài nước. Tạo điều kiện cho HSSV được tham gia NCKH .

- Tăng cường công tác hợp tác quốc tế để hỗ trợ hoạt động đào tạo, chuyển giao khoa học - công nghệ, khai thác tối đa các lợi ích từ hợp tác quốc tế để phục vụ cho

quá trình phát triển của nhà trường. Chủ động mở rộng hợp tác với các trường, các tổ chức trong và ngoài nước; đa dạng hóa loại hình và đa phương hóa đối tác, với tinh thần hỗ trợ công tác đào tạo và NCKH. Tiếp tục duy trì, phát triển các mối quan hệ hợp tác đã có nhằm tranh thủ sự hỗ trợ tối đa của các tổ chức, cơ quan nước ngoài để phát triển sự nghiệp đào tạo và NCKH của trường.

- Xây dựng đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý đủ về số lượng, có phẩm chất đạo đức và lương tâm nghề nghiệp, có trình độ chuyên môn cao, phong cách giảng dạy và quản lý tiên tiến. Đến năm 2020, đội ngũ giảng viên có trình độ thạc sỹ đạt 80%, 5% tiến sỹ, giáo viên kỹ năng nghề quốc gia bậc 3 đạt 100%

- Chú trọng việc bổ sung thêm kho sách, tài liệu tham khảo cho thư viện. Đầu tư xây dựng hệ thống thư viện điện tử và ứng dụng CNTT vào công tác quản lý điều hành hoạt động thư viện. Tiếp tục triển khai các dự án đầu tư xây dựng để đảm bảo cơ sở vật chất, tăng cường trang thiết bị hiện đại phục vụ đào tạo.

- Phát huy tính tích cực, năng động trong phạm vi trách nhiệm được giao về tự chủ tài chính, phấn đấu tăng dần tỷ lệ thu sự nghiệp để đáp ứng được với xu hướng phát triển của Đảng, chính phủ trong giai đoạn hiện nay và sau năm 2020.

PHẦN IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Trường CĐCNNĐ với truyền thống 63 năm làm nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho các doanh nghiệp trong Bộ Công Thương và cả nước. Chất lượng đào tạo của HSSV nhà trường đã được các doanh nghiệp trong và ngoài nước đánh giá cao về năng lực thực hành.

Tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN trường CĐCNNĐ là quá trình trường tự xem lại vị trí của mình và phương hướng phấn đấu trong tương lai. Trường đã đánh giá từng lĩnh vực cụ thể để biết được thực trạng và đưa ra được các giải pháp.

Báo cáo Tự đánh giá của trường đã được toàn thể cán bộ, giảng viên, viên chức và người học đóng góp xây dựng với tinh thần trách nhiệm và làm chủ cao.

Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định đề xuất Tổng cục giáo dục nghề nghiệp Bộ Lao động Thương binh và Xã hội cho trường tham gia dự án giáo dục nghề nghiệp vốn chương trình mục tiêu quốc gia năm 2019 hỗ trợ kinh phí kiểm định chất lượng cơ sở GDNN và kiểm định chương trình đào tạo ngành, nghề trọng điểm quốc gia, khu vực đã được phê duyệt

Nhà nước đầu tư kinh phí để trang bị thêm máy móc, trang thiết bị cơ sở vật chất phục vụ cho đào tạo, để đáp ứng các tiêu chí trường chất lượng cao với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

Nhà nước cần đưa ra các chính sách phân luồng phù hợp để thu hút học sinh tốt nghiệp phổ thông vào các trường đào tạo nghề học tập. Đặc biệt là công tác hướng nghiệp cho những học sinh có học lực trung bình sau khi tốt nghiệp Trung học cơ sở.

Nam Định, ngày 24 tháng 12 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Duy Phấn

PHỤ LỤC

1. Quyết định thành lập Hội đồng kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp (hoặc Quyết định kiện toàn Hội đồng kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp)

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP NAM ĐỊNH

Số: 595a/QĐ-CĐCNNĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nam Định, ngày 02 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thành lập Hội đồng tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định năm 2019

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP NAM ĐỊNH

Căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn của Hiệu trưởng được quy định tại Điều lệ trường Cao đẳng ban hành kèm theo Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Thông tư 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Quản lý khoa học và Đảm bảo chất lượng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định năm 2019 gồm các ông, bà có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp năm 2019 theo hướng dẫn và tiêu chuẩn đánh giá tại Thông tư số 15/TT-BLĐTBXH, ngày 08 tháng 06 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng các đơn vị và các thành viên có tên trong danh sách kèm theo **Điều 1** chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu phòng QLKH&ĐBCL;
- Lưu VT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG PHỤ TRÁCH

(Đã ký)

TS. Nguyễn Duy Phấn

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

(Kèm theo Quyết định số 595a ngày 02 tháng 8 năm 2019, của Hiệu trưởng trường Cao đẳng công nghiệp Nam Định)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1.	Ông Nguyễn Duy Phấn	Phó Hiệu trưởng phụ trách Trường	Chủ tịch HĐ
2.	Ông Hoàng Văn Chính	Trưởng phòng QLKH&ĐBCL	Thư ký HĐ
3.	Ông Bùi Tiến Dũng	Trưởng phòng Tổ chức hành chính	Ủy viên
4.	Ông Doãn Minh Toàn	Trưởng phòng Đào tạo	Ủy viên
5.	Bà Nguyễn Thị Thúy Nga	Trưởng phòng Tài chính Kế toán	Ủy viên
6.	Bà Nguyễn Thị Hồng Minh	P. Trưởng phòng Công tác HSSV	Ủy viên
7.	Ông Nguyễn Quang Vinh	Trưởng phòng Xây dựng cơ bản	Ủy viên
8.	Ông Lê Sơn Hải	Trưởng phòng Quản trị vật tư	Ủy viên
9.	Ông Phạm Hồng Phong	Trưởng khoa Điện - Điện tử	Ủy viên
10.	Bà Nguyễn Thị Vây	Trưởng khoa Khoa học cơ bản	Ủy viên
11.	Bà Nguyễn Thị Hồng Châm	Trưởng khoa Công nghệ May TT	Ủy viên
12.	Ông Chu Hữu Đạt	Trưởng khoa Cơ khí và Động lực	Ủy viên
13.	Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Trưởng khoa Kinh tế	Ủy viên
14.	Bà Trần Thị Thúy	Trưởng khoa Công nghệ thông tin	Ủy viên
15.	Ông Vũ Văn Minh	Giám đốc Trung tâm TT- TV	Ủy viên
16.	Ông Đoàn Tiến Dũng	Giám đốc Công ty CP may Nam Hà	Ủy viên
17.	Ông Nguyễn Văn Trung	GĐ Công ty TNHH may T&C NĐ	Ủy viên

2. Kế hoạch tự đánh giá của cơ sở GDNN

BỘ CÔNG THƯƠNG **TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 587a/KH-CĐCNNĐ	*Nam Định, ngày 31 tháng 7 năm 2019*

KẾ HOẠCH
TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP NAM ĐỊNH NĂM 2019

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Đánh giá, xác định mức độ thực hiện mục tiêu, chương trình, nội dung đào tạo, cơ sở vật chất, trang thiết bị thực hành, dịch vụ cho người học của nhà trường và các điều kiện học tập của học sinh, giảng dạy của giáo viên so với bộ tiêu chí tại Thông tư số 15/2017/TT-BLDTBXH ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

Phát hiện các điểm không còn phù hợp cần chỉnh sửa, bổ sung báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định năm 2018 qua đó giúp trường hoạch định Chiến lược phát triển các nguồn lực trong từng giai đoạn và làm cơ sở báo cáo hàng năm với Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Sở lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Nam Định.

Là điều kiện cần thiết cho việc kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp bắt buộc của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội để tiến tới đánh giá ngoài cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong thời gian tới.

Giúp nhà trường tự rà soát, xem xét đánh giá thực trạng của mình, lập và triển khai các kế hoạch hành động cải tiến nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp phù hợp với sứ mạng, chính sách và mục tiêu của nhà trường

2. Yêu cầu.

- Đảm bảo tính khách quan, trung thực và minh bạch trong quá trình tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp.
- Hợp tác, trao đổi, thảo luận công khai với tất cả các thành viên trong trường.
- Đảm bảo đúng thời gian, nội dung theo kế hoạch.

II. NỘI DUNG

1. Cơ sở thực hiện.

- Sử dụng dữ liệu báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định năm 2018.
- Các minh chứng, dữ liệu sử dụng trong báo cáo đến hết 30/10/2019

2. Phương pháp thực hiện.

- Cập nhật dữ liệu theo báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định năm 2018

- Phòng QLKH&ĐBCL chủ trì xây dựng kế hoạch, tổng hợp, xử lý, phân tích dữ liệu, tổng hợp báo cáo trình hội đồng

- Các đơn vị trong trường cung cấp dữ liệu theo mẫu biểu về phòng Quản lý Khoa học và Đảm bảo chất lượng.

3. Tiến độ thực hiện.

Thời gian	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện
Từ 29/7/2019 đến 02/8/2019	- Lập kế hoạch tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định năm 2019	- Hiệu trưởng - Phòng QLKH&ĐBCL
Từ 5/8/2019 đến 9/8/2019	Gửi kế hoạch đến các đơn vị phối hợp thực hiện	- Phòng QLKH&ĐBCL
Từ 12/8/2019 đến 31/10/2019	- Triển khai thực hiện kế hoạch + Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên + Chuẩn bị đề cương báo cáo tự đánh giá - Thu thập thông tin minh chứng cập nhật, bổ sung đến 31 tháng 10 năm 2019 - Mã hóa các thông tin minh chứng bổ sung - Mô tả thông tin minh chứng thu thập mới - Phân tích, lý giải các kết quả đạt được - Đánh giá xác định mức độ đạt được theo từng chỉ số, tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp so với năm 2018; phân tích, chỉ rõ các điểm mạnh, tồn tại và nguyên nhân; đề xuất kế hoạch hành động nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của đơn vị.	- Phòng QLKH&ĐBCL - Các đơn vị phòng, khoa, trung tâm phối hợp cung cấp số liệu, minh chứng theo yêu cầu của phòng QLKH&ĐBCL
Từ 01/11/2019 đến 8/11/2019	- Thu thập thông tin bổ sung (nếu cần) - Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo - Dự thảo báo cáo tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp năm 2019	- Phòng QLKH&ĐBCL - Các đơn vị
Từ 11/11/2019 đến 15/11/2019	Gửi dự thảo báo cáo tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp năm 2019 cho các thành viên hội đồng đọc đóng góp ý kiến	- Phòng QLKH&ĐBCL
Từ 18/11/2019 đến 22/11/2019	- Tiếp nhận ý kiến đóng góp của các thành viên hội đồng - Chỉnh sửa và hoàn thiện báo cáo theo ý kiến nhận xét, đánh giá của hội đồng	- Phòng QLKH&ĐBCL

Thời gian	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện
Từ 25/11/2019 đến 30/11/2019	Họp hội đồng thông qua báo cáo tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp năm 2019	- Hội đồng tự đánh giá - Phòng QLKH&ĐBCL
Từ 02/12/2019 đến 6/12/2019	- Tổng hợp, chỉnh sửa, bổ sung dự thảo báo cáo tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp năm 2019 theo ý kiến đóng góp của các thành viên hội đồng *(nếu có)*	- Phòng QLKH&ĐBCL
Từ 9/12/2019 đến 13/12/2019	- Hoàn thiện báo cáo chính thức - Đăng tải trên website nhà trường - Lưu trữ báo cáo tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp năm 2019 - Sau 10 ngày nộp báo cáo tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp về Cục Kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp - Tổng cục giáo dục nghề nghiệp; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Nam Định.	- Phòng QLKH&ĐBCL - Các đơn vị liên quan trong trường

4. Phân công thực hiện

TT	Nội dung thực hiện	Người thực hiện	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng bổ sung viết báo cáo theo tiêu chí, tiêu chuẩn	Ghi chú
1	Phần I và Phần II báo cáo	Đ/c Chính	Từ 12/8/2019 đến 31/10/2019	
2	Tiêu chí 1, 2	Đ/c Tiến		
3	Tiêu chí 3, 5	Đ/c Huế		
4	Tiêu chí 6, 7	Đ/c Đăng		
5	Tiêu chí 8, 9	Đ/c Nguyệt		
6	Tiêu chí 4 và tổng hợp báo cáo	Đ/c Vinh		

5. Công cụ tự đánh giá

Sử dụng bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp tại Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH, ngày 08 tháng 06 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

6. Tổ chức thực hiện

6.1. Phòng QLKH&ĐBCL

- Lập kế hoạch và triển khai công tác tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp năm 2019 đến các đơn vị trong trường.

- Triển khai kế hoạch đến từng thành viên trong đơn vị thực hiện công việc được giao.

- Lưu trữ các thông tin, minh chứng và các phiếu đánh giá tiêu chí do các đơn vị phòng, khoa, trung tâm cung cấp.

- Phân tích, xử lý thông tin minh chứng bổ sung cho tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

- Tổng hợp hoàn thiện báo cáo tự đánh giá.

- Nộp bản báo cáo tự đánh giá lên Cục Kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp, Tổng cục giáo dục nghề nghiệp, Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Nam Định.

6.2. Các đơn vị phòng, khoa, trung tâm

- Có trách nhiệm cung cấp thông tin, số liệu, minh chứng theo yêu cầu của phòng QLKH&ĐBCL đúng thời gian theo kế hoạch./.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG PHỤ TRÁCH

(Đã ký)

TS. Nguyễn Duy Phấn

3. Bảng mã minh chứng

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
1.	1	1.1	1.1.01		Quyết định của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc Thành lập Trường CĐCNNĐ trên cơ sở Trường Trung học Công nghiệp II; Số 1339/QĐ-BGD&ĐT-TCCB, ngày 30/3/2005; Bộ GD& ĐT
2.			1.1.02		Mục tiêu phát triển của Trường CĐCNNĐ đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020
3.			1.1.03		Văn bản về sứ mạng của trường CĐCNNĐ
4.			1.1.04		Báo cáo của Ban chấp hành Đảng bộ Trường CĐCNNĐ tại Đại hội Đảng bộ lần thứ XVI nhiệm kỳ 2010-2015; Tháng 6/2010; Đảng ủy trường CĐCNNĐ
5.			1.1.05		Kỷ yếu nhân dịp kỷ niệm 60 năm ngày thành lập trường; Tháng 11/2016; Trường CĐCNNĐ
6.			1.1.06		Website của trường: www.cnd.edu.vn; Trường CĐCNNĐ
7.			1.1.07		BC tổng kết năm học 2016-2017 và Phương hướng nhiệm vụ năm học 2017-2018; Tháng 8/2017; Trường CĐCNNĐ BC tổng kết năm học 2017-2018 và Phương hướng nhiệm vụ năm học 2018-2019; Tháng 8/2018; Trường CĐCNNĐ BC tổng kết năm học 2018-2019 và Phương hướng nhiệm vụ năm học 2019-2020; Tháng 8/2019; Trường CĐCNNĐ
8.			1.1.08		Quyết định của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường CĐCNNĐ; Số 9712/QĐ-BCT, ngày 19/12/2013; Bộ Công Thương Quyết định ban hành Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của Trường CĐCNNĐ; Số 1914/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 28/12/2012; Trường CĐCNNĐ
9.			1.1.09		Quy định đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên; Số 151/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 07/11/2014; Trường CĐCNNĐ
10.		1.2	1.2.01		Chương trình đào tạo khóa 58; Số 491/QĐ-CĐCNNĐ; ngày 27/06/2017; Trường CĐCNNĐ Chương trình đào tạo khóa 59; Số 828/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 9/10/2018; Trường CĐCNNĐ Chương trình đào tạo khóa 60; Số 757/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 25/9/2019; Trường CĐCNNĐ
11.			1.2.02		Kế hoạch phát triển chương trình đào tạo trung cấp, cao đẳng ; Tháng 4/2017; Trường CĐCNNĐ Kế hoạch phát triển chương trình đào tạo các ngành; Số 759a/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 20/9/2018; Trường CĐCNNĐ

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
12.			1.2.03		Biên bản thẩm định tiêu chuẩn kỹ năng nghề năm 2010, 2011 (ý kiến phản hồi của các nhà tuyển dụng về chương trình đào tạo, chương trình chi tiết của Trường); 29/12/2010; 12/12/2011
13.		1.3	1.3.01		Nghị định quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ tổ chức bộ máy biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập; Số 43/2006/NĐ-CP, ngày 20/04/2006; Chính phủ
14.			1.3.02		Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2017; QĐ số 44/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 06/2/2017; Trường CĐCNNĐ
15.			1.3.03		Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2018; QĐ số 99/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 09/2/2018; Trường CĐCNNĐ
16.			1.3.04		Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2019; QĐ số 68/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 22/1/2018; Trường CĐCNNĐ
17.		1.4	1.4.01	1.3.02	Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2017; QĐ số 44/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 06/2/2017; Trường CĐCNNĐ
18.			1.4.02	1.3.03	Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2018; QĐ số 99/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 09/2/2018; Trường CĐCNNĐ
19.			1.4.03	1.3.04	Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2019; QĐ số 68/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 22/1/2018; Trường CĐCNNĐ
20.			1.4.04		Quyết định thành lập Trung tâm Hợp tác đào tạo và Quan hệ doanh nghiệp; Số 764/QĐ-ĐCNNĐ, ngày 17/8/2017; Trường CĐCNNĐ
21.			1.4.05		Quyết định ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm Hợp tác đào tạo và Quan hệ doanh nghiệp; Số 763/QĐ-ĐCNNĐ, ngày 17/8/2017; Trường CĐCNNĐ
22.			1.4.06		Quyết định sáp nhập khoa Khoa học cơ bản và khoa Chính trị-Luật; Số 1196/QQD-CĐCNNĐ, ngày 18/12/2019; Trường CĐCNNĐ
23.	1	1.5	1.5.01		Điều lệ trường cao đẳng; Số 14/2009/TT-BGD&ĐT, ngày 28/5/2009; Bộ GD& ĐT
24.			1.5.02		Website của trường ghi rõ cơ cấu tổ chức của trường; Số 90/QĐ-ĐCNNĐ, ngày 08/03/2011; Trường CĐCNNĐ
25.			1.5.03		Quyết định của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường CĐCNNĐ; Số 9712/QĐ-BCT, ngày 19/12/2013; Bộ Công Thương
26.			1.5.04		Quyết định ban hành Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của Trường CĐCNNĐ; Số 1914/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 28/12/2012; Trường CĐCNNĐ
27.	1	1.6	1.6.01	1.5.02	Website của trường ghi rõ cơ cấu tổ chức của trường; Số 90/QĐ-ĐCNNĐ, ngày 08/03/2011; Trường CĐCNNĐ
28.			1.6.02	1.5.03	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường CĐCNNĐ; Số 9712/QĐ-BCT, ngày 19/12/2013; Bộ Công Thương

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
29.			1.6.03		Quyết định thành lập tổ môn Công nghệ kỹ thuật Cơ khí và bổ nhiệm tổ trưởng tổ Công nghệ kỹ thuật Cơ khí; Số 412/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 01/06/2017; Trường CĐCNNĐ
30.			1.6.04		Quyết định thành lập tổ môn Công nghệ Hàn - Chế tạo vỏ tàu thuỷ và bổ nhiệm tổ trưởng tổ Công nghệ Hàn - Chế tạo vỏ tàu thuỷ; Số 413/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 01/06/2017; Trường CĐCNNĐ
31.			1.6.05		Quyết định thành lập tổ môn Công nghệ Ô tô - Nguội sửa chữa và bổ nhiệm tổ trưởng tổ Công nghệ Ô tô - Nguội sửa chữa; Số 414/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 01/06/2017; Trường CĐCNNĐ
32.			1.6.06		Danh sách thành viên của các phòng, khoa, bộ môn; ngày 30/11/2019; Trường CĐCNNĐ
33.			1.6.07	1.4.04	Quyết định thành lập Trung tâm Hợp tác đào tạo và Quan hệ doanh nghiệp; Số 764/QĐ-ĐCNNĐ, ngày 17/8/2017; Trường CĐCNNĐ
34.			1.6.08	1.5.04	Quyết định ban hành Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của Trường CĐCNNĐ; Số 1914/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 28/12/2012; Trường CĐCNNĐ
35.		1.7	1.7.01		Quyết định ban hành chuẩn đầu ra các ngành đào tạo bậc Cao đẳng và trung chấp chuyên nghiệp; Số 841/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 30/08/2016; Trường CĐCNNĐ
36.			1.7.02		Quyết định thành lập lớp hướng dẫn lập ngân hàng câu hỏi, ra đề thi, tổ chức thi và chấm thi theo phương pháp trắc nghiệm khách quan; Số 804QĐ-CĐCNNĐ, ngày 10/10/2007; Trường CĐCNNĐ
37.			1.7.03		Quyết định ban hành về quy định khảo sát HSSV về hoạt động giảng dạy của giảng viên; Số 507/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 06/06/2013; Trường CĐCNNĐ
38.			1.7.04		Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 ÷ 2015, số 1270/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 29/12/17; Trường CĐCNNĐ
39.			1.7.05		Kế hoạch công tác thanh tra, kiểm tra năm học 2016 - 2017; Số 1086/KH-CĐCNNĐ, ngày 15/9/2016; Trường CĐCNNĐ Kế hoạch thanh tra năm học 2017-2018; Số 1987/KH-CĐCNNĐ-QLKH&ĐBCL, ngày 10/08/2017; Trường CĐCNNĐ Kế hoạch thanh tra năm học 2018-2019; Số 678/KH-CĐCNNĐ-QLKH&ĐBCL, ngày 27/08/2018; Trường CĐCNNĐ
40.		1.8	1.8.01		Quyết định quy định chức năng nhiệm vụ của phòng QLKH&ĐBCL; Số 858/QĐ- CĐCNNĐ, ngày 01/09/2016; Trường CĐCNNĐ

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
41.			1.8.02		Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chu kỳ 2015-2020; Số 86/QĐ- CĐCNNĐ, ngày 26/02/2015; Hiệu trưởng Trường CĐCNNĐ Quyết định thành lập hội đồng tự kiểm định chất lượng GDNN trường CĐCNNĐ năm 2017; Số 781/QĐ-CĐCNNĐ; ngày 22/8/2017; Trường CĐCNNĐ Quyết định thành lập HĐ tự kiểm định chất lượng GDNN; số 595a/QĐ-CĐCNNĐ; ngày 2/8/2019; Trường CĐCNNĐ
42.	1	1.9	1.9.01		Nghị quyết của Đảng ủy về hoạt động của trường; Ngày 18/06/2010; Đảng bộ trường CĐCNNĐ
43.			1.9.02		Báo cáo kết quả kiểm tra về tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết TW 4 (khóa XI); Số 2115/BC-ĐU, ngày 28/03/2014; Đảng bộ trường CĐCNNĐ Báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết TW 4 (khóa XI) về xây dựng Đảng năm 2014; Số 2147/BC-ĐU, ngày 28/11/2014; Đảng bộ trường CĐCNNĐ Báo cáo tổng kết công tác năm 2014 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2015; Số 2154/BC-ĐU, ngày 22/12/2014; Đảng bộ trường CĐCNNĐ Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 36-CT/TW về Đại hội Đảng bộ các cấp tiến tới ĐH đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng; Số 2130/KH-ĐU, ngày 23/09/2014; Đảng bộ trường CĐCNNĐ
44.			1.9.03		Báo cáo số lượng quần chúng được kết nạp Đảng hằng năm; Đảng bộ trường CĐCNNĐ Báo cáo phân tích chất lượng Đảng viên năm 2016 & danh sách Đảng viên xuất sắc năm 2016; Đảng bộ trường CĐCNNĐ Báo cáo phân tích chất lượng Đảng viên năm 2017 & danh sách Đảng viên xuất sắc năm 2017. Báo cáo phân tích chất lượng các chi bộ trực thuộc Đảng bộ cơ sở năm 2017; Đảng bộ trường CĐCNNĐ Báo cáo phân tích chất lượng Đảng viên năm 2018 & danh sách Đảng viên xuất sắc năm 2018. Báo cáo phân tích chất lượng các chi bộ trực thuộc Đảng bộ cơ sở năm 2018; Đảng bộ trường CĐCNNĐ
45.		1.10	1.10.01		Nghị quyết Đại hội Công đoàn lần thứ 15 nhiệm kỳ 2012-2017; Ngày 29/06/2014; Công đoàn trường CĐCNNĐ Nghị quyết Đại hội Công đoàn lần thứ 16 nhiệm kỳ 2017-2022; Ngày 24/11/2017; Công đoàn trường CĐCNNĐ Nghị quyết Đại hội đại biểu đoàn TNCS HCM nhiệm kỳ 2014-2017; Ngày 31/06/2014; Đoàn thanh niên trường CĐCNNĐ

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
46.			1.10.02		Báo cáo tổng kết hoạt động của từng đoàn thể trong trường hằng năm; Công đoàn trường CĐCNNĐ Báo cáo thành tích tập thể đề nghị tặng cờ của Công đoàn viên chức Việt Nam năm 2011; Ngày 31/12/2011; Công đoàn trường CĐCNNĐ Báo cáo thành tích tập thể đề nghị tặng cờ thi đua của Công đoàn Công Thương Việt Nam năm 2014; Ngày 31/12/2014; Công đoàn trường CĐCNNĐ Báo cáo tổng kết công tác Đoàn và phong trào thanh niên nhiệm kỳ 2014-2017 & phương hướng hoạt động nhiệm kỳ 2017-2020; Đoàn thanh niên trường CĐCNNĐ
47.			1.10.03		Khen thưởng của cấp trên về hoạt động của các tổ chức đoàn thể trong trường Bằng khen của BCH TW tặng đoàn trường CĐCNNĐ; Số 673/QĐ-TWĐTN; BCHTW Đoàn
48.	1	1.11	1.11.01		- Quyết định thành lập Ban Thanh tra giáo dục; Số 169/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 05/04/2010; Trường CĐCNNĐ - Quyết định sáp nhập phòng thanh tra giáo dục và phòng quản lý khoa học và đảm bảo chất lượng; Số 867/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 01/09/2016; Trường CĐCNNĐ
49.			1.11.02		Kế hoạch thanh tra từng tháng, học kỳ, năm học; Trường CĐCNNĐ Kế hoạch thanh tra năm học 2017-2018; Số 1987/KH-CĐCNNĐ-QLKH&ĐBCL, ngày 10/08/2017; Trường CĐCNNĐ Kế hoạch thanh tra năm học 2018-2019; Số 678/KH-CĐCNNĐ-QLKH&ĐBCL, ngày 27/08/2018; Trường CĐCNNĐ
50.			1.11.03		- Báo cáo dự giờ giảng viên phục vụ công tác kiểm tra chất lượng năm học 2014-2015; Số 05/CĐCNNĐ-QLKH&ĐBCL, ngày 23/06/2015; Trường CĐCNNĐ
51.			1.11.04		- Biên bản kiểm tra, báo cáo kết quả thanh, kiểm tra hằng tháng.
52.		1.12	1.12.01		Quyết định nâng bậc lương 6 tháng đầu năm 2017; Số 511/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 30/6/2017; Trường CĐCNNĐ Quyết định nâng bậc lương 6 tháng cuối năm 2017; Số 1233/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 20/12/2017; Trường CĐCNNĐ Quyết định nâng bậc lương 6 tháng đầu năm 2019; Số 395/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 24/6/2019; Trường CĐCNNĐ Quyết định nâng bậc lương 6 tháng cuối năm 2019; Số 1011/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 16/12/2019; Trường CĐCNNĐ

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
53.			1.12.02		Quyết định nâng phụ cấp thâm niên với nhà giáo 6 tháng đầu năm 2017; Số 512/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 30/6/2017; Trường CĐCNNĐ Quyết định nâng phụ cấp thâm niên với nhà giáo 6 tháng cuối năm 2017; Số 1234/QĐ-CĐCNNĐ ngày 20/12/2017; Trường CĐCNNĐ Quyết định nâng phụ cấp thâm niên với nhà giáo 6 tháng đầu năm 2019; Số 393/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 24/6/2019; Trường CĐCNNĐ Quyết định nâng phụ cấp thâm niên với nhà giáo 6 tháng cuối năm 2019; Số 1012/QĐ-CĐCNNĐ ngày 16/12/2019; Trường CĐCNNĐ
54.			1.12.03		Quyết định hỗ trợ và bồi hoàn kinh phí đào tạo với CCVC; Số 264/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 21/4/2015; Trường CĐCNNĐ
55.			1.12.04		Quyết định ban hành quy chế nâng bậc lương trước thời hạn với CCVC; Số 263/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 21/4/2015; Trường CĐCNNĐ
56.			1.12.05		Quyết định ban hành quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của trường CĐCNNĐ; Số 37/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 20/01/2016; Trường CĐCNNĐ
57.	2	2.1	2.1.01		- Giấy chứng nhận đăng ký HDDN; Số 65/2010GCN-ĐKHĐDN, ngày 15/11/2010; Tổng cục dạy nghề - Thông báo Đăng ký chỉ tiêu; Số 116/TB-BGDĐT, ngày 09/3/2015; Bộ Giáo dục & Đào tạo - Thông báo Đăng ký chỉ tiêu; Số 65/TB-BGDĐT, ngày 22/2/2016; Bộ Giáo dục & Đào tạo - Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung HĐGDNN; Số 09b/2017GCNĐBS-TCDN, ngày 8/8/2017; Tổng cục GDNN
58.			2.1.02		- QĐ chuẩn đầu ra các ngành đào tạo bậc CĐ,TCCN; Số 841/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 30/82016; Trường CĐCNNĐ
59.			2.1.03		- Công bố công khai trên Website: www.cnd.edu.vn; Trường CĐCNNĐ
60.		2.2	2.2.01		- Thông tư Quy định quy chế TS và xác định chỉ tiêu TS CĐ, TC; Số 05/2017/TT-BGDĐ, ngày 2/3/2017; Bộ Giáo dục & Đào tạo - Quy chế tuyển sinh; QĐ số 244/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 17/4/2019; Trường CĐCNNĐ - Thông báo tuyển sinh các năm trên Website: www.cnd.edu.vn; Trường CĐCNNĐ
61.		2.3	2.3.01		- Công văn xin chỉ tiêu tuyển sinh 2017, 2018, 2019

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
62.			2.3.02		- Kế hoạch tuyển sinh; Số 176/KH-CĐCNNĐ, ngày 20/3/2017; Trường CĐCNNĐ - Kế hoạch tuyển sinh; Số 317/KH-CĐCNNĐ, ngày 22/5/2018; Trường CĐCNNĐ - Kế hoạch tuyển sinh; Số 228a/KH-CĐCNNĐ, ngày 16/4/2019; Trường CĐCNNĐ
63.			2.3.03		- Thông báo tuyển sinh của trường 2017; Trường CĐCNNĐ - Thông báo tuyển sinh của trường 2018; Trường CĐCNNĐ - Thông báo tuyển sinh của trường 2019; Trường CĐCNNĐ
64.			2.3.04		- Quyết định thành lập hội đồng tuyển sinh 2017; QĐ số 196/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 24/3/2017; Trường CĐCNNĐ - Quyết định thành lập hội đồng tuyển sinh; Số 318/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 22/5/2018; Trường CĐCNNĐ - Quyết định thành lập hội đồng tuyển sinh; Số 238/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 16/4/2016; Trường CĐCNNĐ
65.			2.3.05		- Quyết định trúng tuyển; QĐ số 727/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 4/8/2017; Trường CĐCNNĐ - Quyết định trúng tuyển; QĐ số 728/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 4/8/2017; Trường CĐCNNĐ - Quyết định trúng tuyển; QĐ số 729/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 4/8/2017; Trường CĐCNNĐ - Quyết định trúng tuyển; QĐ số 590a/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 23/7/2018; Trường CĐCNNĐ - Quyết định trúng tuyển; QĐ số 631/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 9/8/2018; Trường CĐCNNĐ - Quyết định trúng tuyển; QĐ số 907/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 26/11/2018; Trường CĐCNNĐ - Quyết định trúng tuyển; QĐ số 591a/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 1/8/2019; Trường CĐCNNĐ - Quyết định trúng tuyển; QĐ số 592a/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 2/8/2019; Trường CĐCNNĐ - Quyết định trúng tuyển; QĐ số 598a/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 5/8/2019; Trường CĐCNNĐ - Quyết định trúng tuyển; QĐ số 833/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 24/10/2019; Trường CĐCNNĐ - Quyết định trúng tuyển; QĐ số 859/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 24/10/2019; Trường CĐCNNĐ
66.			2.3.06		- Quyết định thành lập lớp; QĐ số 826/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 1/9/2017; Trường CĐCNNĐ - Quyết định thành lập lớp; QĐ số 630/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 9/8/2018; Trường CĐCNNĐ - Quyết định thành lập lớp; QĐ số 666/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 21/8/2018; Trường CĐCNNĐ - Quyết định thành lập lớp; QĐ số 651/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 21/8/2019; Trường CĐCNNĐ - Quyết định thành lập lớp; QĐ số 652/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 21/8/2019; Trường CĐCNNĐ - Quyết định thành lập lớp; QĐ số 653/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 21/8/2019; Trường CĐCNNĐ - Quyết định thành lập lớp; QĐ số 835/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 25/10/2019; Trường CĐCNNĐ

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
67.		2.4	2.4.01		- Quyết định cử giảng viên giảng dạy lớp bồi dưỡng kỹ năng nghề sửa chữa thiết bị may; Số 139/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 06/3/2017; Trường CĐCNNĐ, - Quyết định cử giảng viên ôn thi và dự thi lớp đánh giá kỹ năng nghề quốc gia, nghề May công nghiệp; Số 976/QĐ-CĐCNNĐ ngày 16/11/2018; Trường CĐCNNĐ, - Quyết định cử giảng viên tham dự đánh giá kỹ năng nghề quốc gia, nghề Công nghệ Ô tô; Số 336/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 23/5/2019; Trường CĐCNNĐ, - Quyết định cử giảng viên tham dự đánh giá kỹ năng nghề quốc gia, nghề Điện công nghiệp; Số 335/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 23/5/2019; Trường CĐCNNĐ, - Quyết định cử giảng viên tham dự đánh giá kỹ năng nghề quốc gia, nghề Điện tử công nghiệp; Số 334/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 23/5/2019; Trường CĐCNNĐ, - Quyết định cử giảng viên tham dự đánh giá kỹ năng nghề quốc gia, nghề Cắt gọt kim loại trên máy CNC; Số 333/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 23/5/2019; Trường CĐCNNĐ, - Quyết định cử giảng viên tham dự đánh giá kỹ năng nghề quốc gia, nghề Điện công nghiệp; Số 335/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 23/5/2019; Trường CĐCNNĐ, - Quyết định cử giảng viên tham dự đánh giá kỹ năng nghề quốc gia, nghề May công nghiệp; Số 326/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 20/5/2019; Trường CĐCNNĐ,
68.			2.4.02		- Quy định đánh giá hoạt động giảng dạy của GV; Số 1151/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 07/11/2014; Trường CĐCNNĐ
69.			2.4.03		- Quy định khảo sát HSSV; Số 5071/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 6/6/2013; Trường CĐCNNĐ
70.		2.5	2.5.01		- Tiến độ giảng dạy năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; Tháng 8 hằng năm; Trường CĐCNNĐ
71.			2.5.02		- Kế hoạch giảng dạy năm 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; Tháng 8 hằng năm; Trường CĐCNNĐ
72.			2.5.03		- Quy chế số 345/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 16/4/2013; Trường CĐCNNĐ - Quy chế thông tư số 22/2014/TT-BGDĐT, ngày 9/7/2014; Bộ Giáo dục & Đào tạo - Quy chế thi kiểm tra công nhận tốt nghiệp; Số 14/2007/QĐ-BLĐTBXH, ngày 24/5/2007; Bộ Giáo dục & Đào tạo - Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH, ngày 13/03/2017; Bộ LĐTB-XH - Quy chế đào tạo trình độ Cao đẳng, Trung cấp theo niên chế của Trường CĐCN Nam Định; Số 105/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 26/02/2018; Trường CĐCNNĐ

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
73.		2.6	2.6.01	2.5.01	- Tiến độ giảng dạy năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; Tháng 8 hằng năm; Trường CĐCNNĐ
74.			2.6.02	2.5.02	- Kế hoạch giảng dạy năm 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; Tháng 8 hằng năm; Trường CĐCNNĐ
75.			2.6.03		- Thời khóa biểu năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; Tháng 8 hằng năm; Trường CĐCNNĐ
76.		2.7	2.7.01		- Chương trình đào tạo khóa 58; QĐ số 491/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 27/6/2017; Trường CĐCNNĐ - QĐ số 481/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 27/6/2017; Trường CĐCNNĐ
77.			2.7.02		- Chương trình đào tạo khóa 59; QĐ số 828/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 9/10/2018; Trường CĐCNNĐ - QĐ số 830/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 9/10/2018; Trường CĐCNNĐ
78.			2.7.03		- Chương trình đào tạo khóa 60; Số 757/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 25/9/2019; Trường CĐCNNĐ
79.			2.7.04	2.5.02	- Kế hoạch giảng dạy năm 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; Tháng 8 hằng năm; Trường CĐCNNĐ
80.			2.7.05		- Nhận xét của các doanh nghiệp của Giám Đốc công ty TNHH An Phát Nam Định năm 2015 - Nhận xét của các doanh nghiệp của Giám Đốc công ty cổ phần Việt Chào Hà Nội năm 2016 - Nhận xét của các doanh nghiệp của Giám Đốc công ty TNHH Thu Lâm Nam Định năm 2017
81.			2.7.06		- QĐ điều động học sinh thực tập tại DN; QĐ số 12/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 3/3/2016; Trường CĐCNNĐ - QĐ điều động học sinh thực tập tại DN; QĐ số 50/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 19/4/2017; Trường CĐCNNĐ
82.		2.8	2.8.01	2.7.04	- Nhận xét của các doanh nghiệp của Giám Đốc công ty TNHH An Phát Nam Định năm 2015 - Nhận xét của các doanh nghiệp của Giám Đốc công ty cổ phần Việt Chào Hà Nội năm 2016 - Nhận xét của các doanh nghiệp của Giám Đốc công ty TNHH Thu Lâm Nam Định năm 2017
83.			2.8.02	2.4.02	- Quy định đánh giá hoạt động giảng dạy của GV; Số 1151/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 07/11/2014; Trường CĐCNNĐ
84.			2.8.03	2.4.03	- Quy định khảo sát HSSV; Số 5071/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 6/6/2013; Trường CĐCNNĐ
85.		2.9	2.9.01		- Bảng ghi điểm học phần các lớp; Trường CĐCNNĐ
86.			2.9.02		- Sổ lên lớp các lớp của BGD&ĐT, Tổng cục dạy nghề
87.			2.9.03		- Phần mềm quản lý đào tạo; Hợp đồng mua bán số 95/HĐMB/NV-CĐCNNĐ, ngày 10/6/2014; Trường CĐCNNĐ
88.			2.9.04		- Thời khóa biểu năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020 - Công bố công khai trên Website

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
89.		2.10	2.10.01	2.5.02	- Kế hoạch giảng dạy năm 2017-2018, 2018-2019, 2016-2017; Tháng 8 hằng năm; Trường CĐCNNĐ
90.			2.10.02	2.4.02	- Quy định đánh giá hoạt động giảng dạy của GV; Số 1151/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 07/11/2014; Trường CĐCNNĐ
91.			2.10.03	2.4.03	- Quy định khảo sát HSSV; Số 5071/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 6/6/2013; Trường CĐCNNĐ
92.			2.10.04		Kế hoạch thanh tra năm học 2017-2018; Số 1987/KH-CĐCNNĐ-QLKH&ĐBCL, ngày 10/08/2017; Trường CĐCNNĐ Kế hoạch thanh tra năm học 2018-2019; Số 678/KH-CĐCNNĐ-QLKH&ĐBCL, ngày 27/08/2018; Trường CĐCNNĐ
93.		2.11	2.11.01		- Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học căn cứ vào kế hoạch công tác kiểm tra hoạt động dạy học
94.			2.11.02	2.4.02	- Quy định đánh giá hoạt động giảng dạy của GV; Số 1151/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 07/11/2014; Trường CĐCNNĐ
95.			2.11.03	2.10.01	Kế hoạch thanh tra năm học 2017-2018; Số 1987/KH-CĐCNNĐ-QLKH&ĐBCL, ngày 10/08/2017; Trường CĐCNNĐ Kế hoạch thanh tra năm học 2018-2019; Số 678/KH-CĐCNNĐ-QLKH&ĐBCL, ngày 27/08/2018; Trường CĐCNNĐ
96.			2.11.04	2.4.03	- Quy định khảo sát HSSV; Số 5071/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 6/6/2013; Trường CĐCNNĐ
97.			2.11.05	2.9.01	- Bảng ghi điểm học phần các lớp; Trường CĐCNNĐ
98.			2.11.06	2.9.03	- Phần mềm quản lý đào tạo; Hợp đồng mua bán số 95/HĐMB/NV-CĐCNNĐ, ngày 10/6/2014; Trường CĐCNNĐ
99.		2.12	2.12.01		- Quyết định thành lập hội đồng thi tốt nghiệp; Số 459a/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 16/6/2017; Trường CĐCNNĐ - Quyết định thành lập hội đồng thi tốt nghiệp; Số 208/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 02/04/2018; Trường CĐCNNĐ - Quyết định thành lập hội đồng thi tốt nghiệp; Số 1055/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 04/12/2018; Trường CĐCNNĐ - Quyết định thành lập hội đồng thi tốt nghiệp; Số 925/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 7/11/2019; Trường CĐCNNĐ
100.			2.12.02		- Quyết định đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp; Số 527/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 7/7/2017; Trường CĐCNNĐ - Quyết định đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp; Số 563/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 10/7/2018; Trường CĐCNNĐ - Quyết định đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp; Số 384/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 18/6/2019; Trường CĐCNNĐ - Quyết định đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp; Số 836/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 15/10/2019; Trường CĐCNNĐ
101.			2.12.03		- Quyết định Hội đồng xét tốt nghiệp; Số 441/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 23/5/2016; Trường CĐCNNĐ - Quyết định Hội đồng xét tốt nghiệp; Số 383/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 12/6/2018; Trường CĐCNNĐ

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
102.			2.12.04		- Quyết định công nhận tốt nghiệp; Số 501/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 29/6/2017; Trường CĐCNNĐ - Quyết định công nhận tốt nghiệp; Số 680/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 18/7/2017; Trường CĐCNNĐ - Quyết định công nhận tốt nghiệp; Số 681/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 18/7/2017; Trường CĐCNNĐ - Quyết định công nhận tốt nghiệp; Số 529/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 25/6/2018; Trường CĐCNNĐ - Quyết định công nhận tốt nghiệp; Số 585/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 18/7/2018; Trường CĐCNNĐ - Quyết định công nhận tốt nghiệp; Số 586/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 18/7/2018; Trường CĐCNNĐ - Quyết định công nhận tốt nghiệp; Số 163/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 14/3/2019; Trường CĐCNNĐ - Quyết định công nhận tốt nghiệp; Số 519/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 1/7/2019; Trường CĐCNNĐ
103.			2.12.05	2.9.01	- Bảng ghi điểm học phần các lớp; Trường CĐCNNĐ
104.			2.12.06	2.9.02	- Sổ lên lớp các lớp của BGD&ĐT, Tổng cục dạy nghề
105.			2.12.07	2.9.03	- Phần mềm quản lý đào tạo; Hợp đồng mua bán số 95/HĐMB/NV-CĐCNNĐ, ngày 10/6/2014; Trường CĐCNNĐ
106.			2.12.08		- Sổ cấp pháp bằng tốt nghiệp các bậc đào tạo của BGD&ĐT, Tổng cục dạy nghề
107.			2.12.09		- Văn bản quy định các điều kiện cấp phát bằng và thời gian cấp phát bằng, chứng chỉ - QĐ số 5599/QĐ-BGD ĐT, ngày 01/12/2010; Bộ Giáo dục & Đào tạo - Thông tư số 19/2015/TT-BGD-ĐT, ngày 08/9/2015 kèm theo Quy chế QLVBCC; Bộ GD&ĐT
108.			2.12.10	2.5.03	- Quy chế số 345/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 16/4/2013; Trường CĐCNNĐ - Quy chế thông tư số 22/2014/TT-BGDĐT, ngày 9/7/2014; Bộ Giáo dục & Đào tạo - Quy chế thi kiểm tra công nhận tốt nghiệp; Số 14/2007/QĐ-BLĐTBXH, ngày 24/5/2007; Bộ Giáo dục & Đào tạo - Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH, ngày 13/03/2017; Bộ LĐTB-XH - Quy chế đào tạo trình độ Cao đẳng, Trung cấp theo niên chế của Trường CĐCN Nam Định; Số 105/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 26/02/2018; Trường CĐCNNĐ
109.		2.13	2.13.01	2.12.01	- Quyết định đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp; Số 527/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 7/7/2017; Trường CĐCNNĐ - Quyết định đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp; Số 563/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 10/7/2018; Trường CĐCNNĐ - Quyết định đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp; Số 384/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 18/6/2019; Trường CĐCNNĐ - Quyết định đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp; Số 836/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 15/10/2019; Trường CĐCNNĐ

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
110.			2.13.02	2.12.02	- Quyết định đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp; Số 527/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 7/7/2017; Trường CĐCNNĐ - Quyết định đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp; Số 563/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 10/7/2018; Trường CĐCNNĐ - Quyết định đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp; Số 384/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 18/6/2019; Trường CĐCNNĐ - Quyết định đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp; Số 836/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 15/10/2019; Trường CĐCNNĐ
111.			2.13.03	2.12.03	- Quyết định Hội đồng xét tốt nghiệp; Số 441/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 23/5/2016; Trường CĐCNNĐ - Quyết định Hội đồng xét tốt nghiệp; Số 383/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 12/6/2018; Trường CĐCNNĐ
112.			2.13.04	2.12.04	- Quyết định công nhận tốt nghiệp; Số 501/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 29/6/2017; Trường CĐCNNĐ - Quyết định công nhận tốt nghiệp; Số 680/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 18/7/2017; Trường CĐCNNĐ - Quyết định công nhận tốt nghiệp; Số 681/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 18/7/2017; Trường CĐCNNĐ - Quyết định công nhận tốt nghiệp; Số 529/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 25/6/2018; Trường CĐCNNĐ - Quyết định công nhận tốt nghiệp; Số 585/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 18/7/2018; Trường CĐCNNĐ - Quyết định công nhận tốt nghiệp; Số 586/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 18/7/2018; Trường CĐCNNĐ - Quyết định công nhận tốt nghiệp; Số 163/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 14/3/2019; Trường CĐCNNĐ - Quyết định công nhận tốt nghiệp; Số 519/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 1/7/2019; Trường CĐCNNĐ
113.			2.13.05		- Hợp đồng đào tạo giữa Trường và các Doanh nghiệp về việc đào tạo, tuyển dụng lao động và bố trí việc làm - Biên bản ghi nhớ phối hợp tuyển sinh, đào tạo, thực tập bố trí việc làm với Công ty ống thép Hòa Phát; Ngày 28/5/2014; Trường CĐCNNĐ - Hợp đồng liên kết đào tạo Công ty may Nam Hà; Số 01/HĐ-LKĐT, ngày 21/12/2016; Trường CĐCNNĐ - Thỏa thuận hợp tác với Công ty Cổ phần may 9; Ngày 13/3/2017; Trường CĐCNNĐ
114.			2.13.06		Phiếu hỏi, phỏng vấn sinh viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo; Ngày 12/6/2015; Trường CĐCNNĐ
115.			2.13.07		Phiếu góp ý của doanh nghiệp sử dụng người lao động đối với sinh viên trong Trường CĐCNNĐ
116.		2.14	2.14.01	2.5.03	- Quy chế số 345/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 16/4/2013; Trường CĐCNNĐ - Quy chế thông tư số 22/2014/TT-BGDĐT, ngày 9/7/2014; Bộ Giáo dục & Đào tạo - Quy chế thi kiểm tra công nhận tốt nghiệp; Số 14/2007/QĐ-BLĐTBXH, ngày 24/5/2007; Bộ Giáo dục & Đào tạo - Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH, ngày 13/03/2017; Bộ LĐTB-XH - Quy chế đào tạo trình độ Cao đẳng, Trung cấp theo niên chế của Trường CĐCN Nam Định; Số 105/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 26/02/2018; Trường CĐCNNĐ

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
117.			2.14.02	2.12.01	- Quyết định đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp; Số 527/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 7/7/2017; Trường CĐCNNĐ - Quyết định đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp; Số 563/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 10/7/2018; Trường CĐCNNĐ - Quyết định đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp; Số 384/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 18/6/2019; Trường CĐCNNĐ - Quyết định đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp; Số 836/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 15/10/2019; Trường CĐCNNĐ
118.			2.14.03	2.12.02	- Quyết định đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp; Số 527/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 7/7/2017; Trường CĐCNNĐ - Quyết định đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp; Số 563/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 10/7/2018; Trường CĐCNNĐ - Quyết định đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp; Số 384/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 18/6/2019; Trường CĐCNNĐ - Quyết định đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp; Số 836/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 15/10/2019; Trường CĐCNNĐ
119.			2.14.04	2.12.03	- Quyết định Hội đồng xét tốt nghiệp; Số 441/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 23/5/2016; Trường CĐCNNĐ - Quyết định Hội đồng xét tốt nghiệp; Số 383/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 12/6/2018; Trường CĐCNNĐ
120.			2.14.05	2.12.04	- Quyết định công nhận tốt nghiệp; Số 501/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 29/6/2017; Trường CĐCNNĐ - Quyết định công nhận tốt nghiệp; Số 680/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 18/7/2017; Trường CĐCNNĐ - Quyết định công nhận tốt nghiệp; Số 681/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 18/7/2017; Trường CĐCNNĐ - Quyết định công nhận tốt nghiệp; Số 529/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 25/6/2018; Trường CĐCNNĐ - Quyết định công nhận tốt nghiệp; Số 585/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 18/7/2018; Trường CĐCNNĐ - Quyết định công nhận tốt nghiệp; Số 586/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 18/7/2018; Trường CĐCNNĐ - Quyết định công nhận tốt nghiệp; Số 163/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 14/3/2019; Trường CĐCNNĐ - Quyết định công nhận tốt nghiệp; Số 519/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 1/7/2019; Trường CĐCNNĐ
121.			2.14.06	2.9.01	Bảng ghi điểm học phần các lớp; Trường CĐCNNĐ
122.			2.14.07	2.9.02	Sổ lên lớp các lớp của BGD&ĐT, Tổng cục dạy nghề
123.			2.14.08	2.12.05	Sổ cấp pháp bằng tốt nghiệp các bậc đào tạo của BGD&ĐT, Tổng cục dạy nghề
124.			2.14.09	2.12.06	- Văn bản quy định các điều kiện cấp phát bằng và thời gian cấp phát bằng, chứng chỉ - QĐ số 5599/QĐ-BGD ĐT, ngày 01/12/2010; Bộ Giáo dục & Đào tạo - Thông tư số 19/2015/TT-BGD-ĐT, ngày 08/9/2015 kèm theo Quy chế QLVBCC; Bộ GD&ĐT
125.			2.14.10		Sổ cấp chứng chỉ sơ cấp nghề; Tổng cục dạy nghề Sổ cấp pháp bằng tốt nghiệp các bậc đào tạo

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
126.		2.15	2.15.01	2.5.03	- Quy chế số 345/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 16/4/2013; Trường CĐCNNĐ - Quy chế thông tư số 22/2014/TT-BGDĐT, ngày 9/7/2014; Bộ Giáo dục & Đào tạo - Quy chế thi kiểm tra công nhận tốt nghiệp; Số 14/2007/QĐ-BLĐTBXH, ngày 24/5/2007; Bộ Giáo dục & Đào tạo - Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH, ngày 13/03/2017; Bộ LĐTB-XH - Quy chế đào tạo trình độ Cao đẳng, Trung cấp theo niên chế của Trường CĐCN Nam Định; Số 105/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 26/02/2018; Trường CĐCNNĐ
127.			2.15.02	2.12.06	Quy định về ghi sổ cấp văn bằng chứng chỉ năm 2017, 2018, 2019 Văn bản quy định các điều kiện cấp phát bằng và thời gian cấp phát bằng, chứng chỉ QĐ số 5599/QĐ-BGD ĐT, ngày 01/12/2010; Bộ Giáo dục & Đào tạo Thông tư số 19/2015/TT-BGD ĐT, ngày 08/9/2015 kèm theo Quy chế QLVBCC; Bộ GD&ĐT
128.			2.15.03		- Thông tư số 21/2014/TT-BLĐTBXH, ngày 26/8/2014; Bộ LĐTBXH - QĐ số 17/VBHN-BGD ĐT, ngày 15/5/2014; Bộ GD&ĐT - Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH, ngày 13/03/2017; Bộ LĐTB-XH
129.			2.15.04		Quyết định bổ sung, sửa đổi quy chế đào tạo; Số 85/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 20/2/2017; Trường CĐCNNĐ
130.		2.16	2.16.01		Quyết định ban hành chương trình khung giáo dục đại học khối các ngành; Số 64/2007/QĐ-BGD-ĐT, ngày 01/11/2007; Bộ GD&ĐT
131.			2.16.02	2.2.01	- Thông tư Quy định quy chế TS và xác định chỉ tiêu TS CĐ, TC; Số 05/2017/TT-BGDĐ, ngày 2/3/2017; Bộ Giáo dục & Đào tạo - Quy chế tuyển sinh; QĐ số 244/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 17/4/2019; Trường CĐCNNĐ - Thông báo tuyển sinh các năm trên Website: www.cnd.edu.vn; Trường CĐCNNĐ
132.			2.16.03	2.3.03	- Thông báo tuyển sinh của trường 2017; Trường CĐCNNĐ - Thông báo tuyển sinh của trường 2018; Trường CĐCNNĐ - Thông báo tuyển sinh của trường 2019; Trường CĐCNNĐ

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
133.			2.16.04	2.3.04	- Quyết định thành lập hội đồng tuyển sinh 2017; QĐ số 196/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 24/3/2017; Trường CĐCNNĐ - Quyết định thành lập hội đồng tuyển sinh 2018; Số 318/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 22/5/2018; Trường CĐCNNĐ - Quyết định thành lập hội đồng tuyển sinh 2019; Số 238/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 16/4/2016; Trường CĐCNNĐ
134.			2.16.05	2.3.05	- QĐ số 8437/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 30/8/2016; Trường CĐCNNĐ - QĐTT CĐ liên thông; Số 1296/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 3/11/2016; Trường CĐCNNĐ - Quyết định trúng tuyển; QĐ số 808/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 22/8/2016; Trường CĐCNNĐ - Quyết định trúng tuyển; QĐ số 809/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 22/8/2016; Trường CĐCNNĐ - Quyết định trúng tuyển; QĐ số 810/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 22/8/2016; Trường CĐCNNĐ - Quyết định trúng tuyển; QĐ số 727/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 4/8/2017; Trường CĐCNNĐ - Quyết định trúng tuyển; QĐ số 728/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 4/8/2017; Trường CĐCNNĐ - Quyết định trúng tuyển; QĐ số 729/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 4/8/2017; Trường CĐCNNĐ - Quyết định trúng tuyển; QĐ số 590a/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 23/7/2018; Trường CĐCNNĐ - Quyết định trúng tuyển; QĐ số 631/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 9/8/2018; Trường CĐCNNĐ - Quyết định trúng tuyển; QĐ số 907/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 26/11/2018; Trường CĐCNNĐ
135.			2.16.06	2.3.06	- Quyết định thành lập lớp; QĐ số 1128/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 27/9/2016; Trường CĐCNNĐ - Quyết định thành lập lớp; QĐ số 826/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 1/9/2017; Trường CĐCNNĐ - Quyết định thành lập lớp; QĐ số 630/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 9/8/2018; Trường CĐCNNĐ - Quyết định thành lập lớp; QĐ số 666/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 21/8/2018; Trường CĐCNNĐ
136.			2.16.07	2.5.03	- Quy chế số 345/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 16/4/2013; Trường CĐCNNĐ - Quy chế thông tư số 22/2014/TT-BGDĐT, ngày 9/7/2014; Bộ Giáo dục & Đào tạo - Quy chế thi kiểm tra công nhận tốt nghiệp; Số 14/2007/QĐ-BLĐTBXH, ngày 24/5/2007; Bộ Giáo dục & Đào tạo - Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH, ngày 13/03/2017; Bộ LĐTB-XH - Quy chế đào tạo trình độ Cao đẳng, Trung cấp theo niên chế của Trường CĐCN Nam Định; Số 105/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 26/02/2018; Trường CĐCNNĐ

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
137.		2.17	2.17.01	2.3.05	- QĐ số 8437/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 30/8/2016; Trường CĐCNNĐ - QĐTT CĐ liên thông; Số 1296/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 3/11/2016; Trường CĐCNNĐ - Quyết định trúng tuyển; QĐ số 808/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 22/8/2016; Trường CĐCNNĐ - Quyết định trúng tuyển; QĐ số 809/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 22/8/2016; Trường CĐCNNĐ - Quyết định trúng tuyển; QĐ số 810/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 22/8/2016; Trường CĐCNNĐ - Quyết định trúng tuyển; QĐ số 727/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 4/8/2017; Trường CĐCNNĐ - Quyết định trúng tuyển; QĐ số 728/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 4/8/2017; Trường CĐCNNĐ - Quyết định trúng tuyển; QĐ số 729/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 4/8/2017; Trường CĐCNNĐ - Quyết định trúng tuyển; QĐ số 590a/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 23/7/2018; Trường CĐCNNĐ - Quyết định trúng tuyển; QĐ số 631/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 9/8/2018; Trường CĐCNNĐ - Quyết định trúng tuyển; QĐ số 907/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 26/11/2018; Trường CĐCNNĐ
138.			2.17.02	2.7.01	- Chương trình đào tạo khóa 58; QĐ số 491/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 27/6/2017; Trường CĐCNNĐ - QĐ số 481/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 27/6/2017; Trường CĐCNNĐ
139.			2.17.03	2.7.02	- Chương trình đào tạo khóa 59; QĐ số 828/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 9/10/2018; Trường CĐCNNĐ - QĐ số 830/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 9/10/2018; Trường CĐCNNĐ
140.			2.17.04	2.7.03	- Chương trình đào tạo khóa 60; Số 757/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 25/9/2019; Trường CĐCNNĐ
141.			2.17.05	2.5.01	- Tiến độ giảng dạy năm học 2016-2017, 2017-2018, 2018-2019; Tháng 8 hằng năm; Trường CĐCNNĐ
142.			2.17.06	2.5.02	- Kế hoạch giảng dạy năm 2016-2017, 2017-2018, 2018-2019; Tháng 8 hằng năm; Trường CĐCNNĐ
143.			2.17.07	2.5.03	- Quy chế số 345/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 16/4/2013; Trường CĐCNNĐ - Quy chế thông tư số 22/2014/TT-BGDĐT, ngày 9/7/2014; Bộ Giáo dục & Đào tạo - Quy chế thi kiểm tra công nhận tốt nghiệp; Số 14/2007/QĐ-BLĐTBXH, ngày 24/5/2007; Bộ Giáo dục & Đào tạo - Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH, ngày 13/03/2017; Bộ LĐTB-XH - Quy chế đào tạo trình độ Cao đẳng, Trung cấp theo niên chế của Trường CĐCN Nam Định; Số 105/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 26/02/2018; Trường CĐCNNĐ

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
144.			2.17.08	2.12.04	- Quyết định công nhận tốt nghiệp; Số 717/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 14/7/2016; Trường CĐCNNĐ - Quyết định công nhận tốt nghiệp; Số 772/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 5/8/2016; Trường CĐCNNĐ - Quyết định công nhận tốt nghiệp; Số 762/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 1/8/2016; Trường CĐCNNĐ - Quyết định công nhận tốt nghiệp; Số 763/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 1/8/2016; Trường CĐCNNĐ - Quyết định công nhận tốt nghiệp; Số 501/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 29/6/2017; Trường CĐCNNĐ - Quyết định công nhận tốt nghiệp; Số 680/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 18/7/2017; Trường CĐCNNĐ - Quyết định công nhận tốt nghiệp; Số 681/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 18/7/2017; Trường CĐCNNĐ - Quyết định công nhận tốt nghiệp; Số 529/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 25/6/2018; Trường CĐCNNĐ - Quyết định công nhận tốt nghiệp; Số 585/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 18/7/2018; Trường CĐCNNĐ - Quyết định công nhận tốt nghiệp; Số 586/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 18/7/2018; Trường CĐCNNĐ
145.			2.17.09	2.12.05	Sổ cấp pháp bằng tốt nghiệp các bậc đào tạo của BGD&ĐT, Tổng cục dạy nghề
146.			2.17.10	2.9.02	Sổ lên lớp các lớp của BGD&ĐT, Tổng cục dạy nghề
147.			2.17.11		Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo (diện tích, phòng học, xưởng) 2016, 2017, 2018
148.	3	3.1	3.1.01		Luật cán bộ, công chức; Số 20/2008/L-CTN, ngày 28/11/2008; Chủ Tịch Nước Luật viên chức; Sô 58/2010/QH12, ngày 15/11/2010; Chủ tịch Quốc hội Nghị định Tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Số 29/2012/NĐ-CP, ngày 12/04/2012; Chính phủ Thông tư hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng lao động làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức; Số 15/2012/TT-BNV, ngày 25/12/2012; Bộ Nội vụ Thông tư sửa đổi Thông tư 15/2012/TT-BNV hướng dẫn tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức; Số 04/2015/TT-BNV, ngày 31/08/2015; Bộ Nội vụ Quy định và Điều lệ trường cao đẳng; Số 46/2016/TT-BLĐTBXH, ngày 28/12/2016; Bộ LĐTBXH Quy định về tiêu chuẩn và quy trình công tác cán bộ Bộ Công Thương; Số 5086/QĐ-BCT, ngày 28/12/2016; Bộ Công Thương Công văn triển khai rà soát QHCB giai đoạn 2016-2021 và xây dựng mới QHCB giai đoạn 2020-2025; Số 102/CV/BCS, ngày 29/08/2016; Ban cán sự Bộ Công Thương Nghị định đánh giá và phân loại cán bộ, CCVC; Số 56/NĐ-CP, ngày 09/06/2015; Chính phủ Nghị định Sửa đổi, bổ sung một số điều của "Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về đánh giá và phân loại cán bộ, CCVC"; Số 88/2017/NĐ-CP, ngày 27/07/2017; Chính phủ

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
149.			3.1.02		Quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập; Số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV, ngày 28/11/2014; Bộ GD&ĐT - Bộ Nội Vụ
150.			3.1.03		Kế hoạch rà soát quy hoạch cán bộ giai đoạn 2017 - 2021 xây dựng quy hoạch cán bộ giai đoạn 2020 – 2025; Số 140/KH-CĐCNNĐ, ngày 06/3/2017; Trường CĐCNNĐ Kế hoạch rà soát bổ xung cán bộ nguồn giai đoạn 2017 - 2021 xây dựng quy hoạch cán bộ giai đoạn 2020 – 2025; Số 140/KH-CĐCNNĐ, ngày 06/3/2017; Trường CĐCNNĐ
151.			3.1.04		Kế hoạch triển khai đánh giá phân loại CCVC, kê khai tài sản năm 2016; Số 1395/KH-CĐCNNĐ, ngày 01/12/2016; Trường CĐCNNĐ Kế hoạch triển khai đánh giá phân loại CCVC, kê khai tài sản năm 2017; Số 1052/KH-CĐCNNĐ, ngày 01/12/2017; Trường CĐCNNĐ Kế hoạch triển khai đánh giá phân loại CCVC, kê khai tài sản năm 2018; Số 1031/KH-CĐCNNĐ, ngày 28/11/2018; Trường CĐCNNĐ
152.		3.2	3.2.01		Danh sách Nhân viên được tuyển dụng hằng năm 2011-2017; Phòng Tổ chức Hành chính
153.			3.2.02		Kết quả thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, CCVC năm 2016 và ước thực hiện năm 2017 và dự kiến kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ, CCVC năm 2017; Số 295/BC-CĐCNNĐ, ngày 27/04/2016; Trường CĐCNNĐ Kết quả triển khai công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ, CCVC năm 2015. Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ, CCVC năm 2016; Số 574/BC-CĐCNNĐ, ngày 02/7/2015; Trường CĐCNNĐ Báo cáo tổng kết năm học 2016-2017 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2017-2018
154.			3.2.03		Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2016; Số 209/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 01/4/2016; Trường CĐCNNĐ Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2017; Số 44/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 06/02/2017; Trường CĐCNNĐ Quy định hỗ trợ và bồi hoàn kinh phí đào tạo đối với CCVC; Số 264/QĐ; Trường CĐCNNĐ
155.			3.2.04		Báo cáo kết quả rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ 2015-2020, quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ 2020-2025; Ngày 19/05/2017; Đảng ủy Trường CĐCNNĐ

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
156.			3.2.05		Tờ trình bổ nhiệm; Số 241/TTr-CĐCNNĐ, ngày 04/4/2017; Trường CĐCNNĐ Công văn triển khai rà soát QHCB giai đoạn 2016-2021 và xây dựng mới QHCB giai đoạn 2020-2025; Số 102/CV/BCS, ngày 29/08/2016; Ban cán sự Bộ Công Thương Quy định về tiêu chuẩn và quy trình công tác cán bộ Bộ Công Thương; Số 5086/QĐ-BCT, ngày 28/12/2016; Bộ Công Thương
157.			3.2.06		Báo cáo tổng hợp kết quả đánh giá, phân loại công chức năm 2016; Ngày 06/01/2017; Trường CĐCNNĐ Báo cáo tổng hợp kết quả đánh giá, phân loại viên chức chức năm 2016; Ngày 06/01/2017; Trường CĐCNNĐ Kết quả đánh giá xếp loại CCVC năm 2017; Ngày 31/12/2017; Trường CĐCNNĐ Báo cáo tổng hợp kết quả đánh giá, phân loại công chức năm 2016; Ngày 06/01/2017; Trường CĐCNNĐ Báo cáo tổng hợp kết quả đánh giá, phân loại viên chức chức năm 2018; Ngày 06/01/2017; Trường CĐCNNĐ Kết quả đánh giá xếp loại CCVC năm 2018; Ngày 28/11/2018; Trường CĐCNNĐ
158.		3.3	3.3.01		Luật giáo dục; Số 38/2005/QH11, ngày 14/06/2005; Chủ tịch Quốc Hội
159.					Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục; Số 44/2009/QH12, ngày 25/11/2009; Chủ tịch Quốc Hội
160.			3.3.02		Luật GDNN; Số 38/2005/QH11, ngày 17/11/2014; Chủ tịch Quốc Hội
161.			3.3.03		Quy định và Điều lệ trường cao đẳng; Số 46/2016/TT-BLĐTBXH, ngày 28/12/2016; Bộ LĐTBXH
162.			3.3.04		Quy hoạch mạng lưới các trường đại học, cao đẳng giai đoạn 2006-2020; Số 37/2013/QĐ-TTg; Chính phủ
163.			3.3.05		Thống kê cán bộ, viên chức đang đi bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ; Phòng Tổ chức Hành chính
164.			3.3.06		Danh sách Đội ngũ cán bộ, giảng viên, viên chức; Ngày 30/9/2017; Trường CĐCNNĐ
165.			3.3.07		Quyết định cử Giảng viên tham gia khóa bồi dưỡng nâng cao năng lực giáo viên tiếng Anh; Số 810/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 12/08/2014; Trường CĐCNNĐ Quyết định cử Giảng viên tham gia lớp bồi dưỡng kỹ năng nghề sửa chữa thiết bị may Số
166.		3.4	3.4.01		Thông tư quy định điều lệ trường Cao đẳng; Số 46/2016/TT-BLĐTB&XH, ngày 28/12/2016; Bộ LĐTB&XH
167.			3.4.02		Quyết định ban hành cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của trường (sơ đồ kèm theo); Số 1914/QĐ-CĐCNNĐ; Trường CĐCNNĐ

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
168.			3.4.03		Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường; Số 9712/QĐ-BCT; Bộ Công Thương
169.			3.4.04		Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2016; Số 209/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 01/4/2016; Trường CĐCNNĐ
170.			3.4.05		Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2017; Số 44/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 06/02/2017; Trường CĐCNNĐ
171.			3.4.06		Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2018; Số 99/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 09/02/2018; Trường CĐCNNĐ
172.			3.4.07		Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên; Số 245/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 14/4/2015; Trường CĐCNNĐ
173.			3.4.08		Quy định chế độ làm việc của nhà giáo; Thông tư 07/2017/TT-BLĐTBXH, ngày 10/3/2017; Bộ LĐTBXH
174.			3.4.09		Quy định chế độ làm việc đối với Nhà giáo; Số 695/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 25/7/2017; Trường CĐCNNĐ
175.			3.4.10		Kết quả đánh giá xếp loại CCVC năm 2016; Ngày 28/12/2016; Trường CĐCNNĐ
176.			3.4.11	3.02.06	Kết quả đánh giá xếp loại CCVC năm 2017; Ngày 28/12/2017; Trường CĐCNNĐ
177.			3.4.12		Tổng hợp khối lượng công việc và tổng hợp kết quả bình xét lao động hàng tháng
178.		3.5	3.5.01		Danh sách giảng viên, giáo viên của trường tính đến 1/7/2018
179.			3.5.02		Danh sách giảng viên có trình độ tiến sĩ, thạc sĩ tính đến 1/7/2018 Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2017; Số 44/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 06/02/2017; Trường CĐCNNĐ
180.			3.5.03		Báo cáo số lượng, chất lượng công chức viên chức năm 2016
181.			3.5.04		Báo cáo số lượng, chất lượng công chức viên chức năm 2017
182.			3.5.05		Báo cáo số lượng, chất lượng công chức viên chức năm 2018
183.			3.5.06		Báo cáo tổng kết năm học 2016-2017 & phương hướng nhiệm vụ năm học 2017-2018; Số 889/BC-CĐCNNĐ, ngày 25/9/2017; Trường CĐCNNĐ
184.			3.5.07		Báo cáo tổng kết năm học 2016-2017 & phương hướng nhiệm vụ năm học 2017-2018; Số 889/BC-CĐCNNĐ, ngày 25/9/2017; Trường CĐCNNĐ
185.			3.5.08		Báo cáo tổng kết năm học 2017-2018 & phương hướng nhiệm vụ năm học 2018-2019; Số 889/BC-CĐCNNĐ, ngày 25/9/2017; Trường CĐCNNĐ
186.		3.6	3.6.01		Tiến độ giảng dạy năm học 2015-2016, 2016-2017, 2017-2018

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
187.			3.6.02		Tổng hợp kế hoạch giảng dạy năm học 2015-2016, 2016-2017, 2017-2018
188.			3.6.03		Thời khóa biểu các lớp năm học 2015-2016, 2016-2017, 2017-2018
189.		3.7	3.7.01		Quy định hỗ trợ và bồi hoàn kinh phí đào tạo đối với CCVC; Số 264/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 21/04/2015; Trường CĐCNNĐ Quy định "Chế độ thanh toán đối với giảng viên giảng dạy tại các cơ sở đào tạo liên kết ngoài trường" ; Số 965/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 29/10/2015; Trường CĐCNNĐ
190.			3.7.02		Danh sách các nhà giáo được cử đi bồi dưỡng, thăm quan chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy từ 2015- 2017, Phòng Tổ chức Hành chính
191.			3.7.03		Quyết định công nhận trúng tuyển ĐH hệ vừa làm vừa học - chương trình VB2; Số 101/QĐ-ĐHNN, ngày 24/4/2014; Trường Đại học ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội
192.			3.7.04		Danh sách các trường Đại học nước ngoài có giảng viên đang học tập; Phòng Tổ chức Hành chính, Phòng Tổ chức Hành chính
193.			3.7.05		Danh sách 12 giảng viên đang học tập ở nước ngoài; Phòng Tổ chức Hành chính Quyết định cử viên chức đi đào tạo tiến sĩ tại nước ngoài; Số 798/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 04/08/2014; Trường CĐCNNĐ Quyết định cử viên chức đi đào tạo thạc sĩ tại nước ngoài; Số 799/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 04/08/2014; Trường CĐCNNĐ Quyết định cử viên chức đi đào tạo tiến sĩ tại nước ngoài; Số 1060/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 08/10/2014; Trường CĐCNNĐ Quyết định cử viên chức đi đào tạo tiến sĩ tại nước ngoài; Số 1061/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 08/10/2014; Trường CĐCNNĐ Quyết định cử viên chức đi đào tạo tiến sĩ tại nước ngoài; Số 829/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 29/09/2015; Trường CĐCNNĐ Quyết định cử viên chức đi đào tạo tiến sĩ tại nước ngoài; Số 828/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 29/09/2015; Trường CĐCNNĐ Quyết định cử viên chức đi đào tạo tiến sĩ tại nước ngoài; Số 739/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 26/08/2015; Trường CĐCNNĐ Quyết định cử viên chức đi đào tạo tiến sĩ tại nước ngoài; Số 907/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 19/10/2015; Trường CĐCNNĐ Quyết định cử viên chức đi đào tạo tiến sĩ tại nước ngoài; Số 1186/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 11/10/2016; Trường CĐCNNĐ Quyết định cử viên chức đi đào tạo tiến sĩ tại nước ngoài; Số 1185/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 11/10/2016; Trường CĐCNNĐ Quyết định cử viên chức đi đào tạo tiến sĩ tại nước ngoài; Số 1187/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 11/10/2016; Trường CĐCNNĐ

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
194.			3.7.06		Quy định hoạt động khoa học công nghệ Trường CĐCNNĐ; Số 228/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 13/3/2014; Trường CĐCNNĐ Quyết định thành lập nhóm nghiên cứu đề tài KHCN cấp bộ năm 2015; Số 39A/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 29/01/2015; Trường CĐCNNĐ Quyết định giao thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở năm 2015; Số 390/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 05/6/2015; Trường CĐCNNĐ Quyết định thành lập nhóm nghiên cứu đề tài KHCN cấp bộ năm 2016; Số 43A/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 21/01/2016; Trường CĐCNNĐ Quyết định giao thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở năm 2016; Số 268/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 19/4/2016; Trường CĐCNNĐ Quyết định thành lập nhóm nghiên cứu đề tài KHCN cấp bộ năm 2017; Số 81A/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 17/02/2017; Trường CĐCNNĐ Quyết định giao thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở năm 2017; Số 269/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 13/4/2017; Trường CĐCNNĐ Quyết định giao thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở năm 2017; Số 270/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 13/4/2017; Trường CĐCNNĐ
195.			3.7.07		Danh sách giảng viên, giáo viên đạt danh hiệu các cấp (2015 - 2017); Thường trực thi đua Trường CĐCNNĐ
196.			3.7.08		Quy định chế độ làm việc đối với Nhà giáo trường CĐCNNĐ; Số 695/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 25/7/2017; Trường CĐCNNĐ
197.		3.8	3.8.01		Báo cáo hướng dẫn xây dựng kế hoạch nhiệm vụ năm 2016 (Biểu số 3-Đào tạo bồi dưỡng); Số 435/BC-CĐCNNĐ-ĐT, ngày 22/6/2015; Trường CĐCNNĐ
198.			3.8.02		Quy định hỗ trợ và bồi hoàn kinh phí đào tạo đối với CCVC; Số 264/QĐ-QĐ-CĐCNNĐ, ngày 21/4/2015; Trường CĐCNNĐ
199.			3.8.03		Báo cáo triển khai công tác ĐTBD năm 2016 và kế hoạch đào tạo bồi dưỡng CB, CC, VC năm 2017; Số 574/BC-CĐCNNĐ; ngày 02/7/2016; Trường CĐCNNĐ
200.			3.8.04		Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ, CCVC năm 2017; Số 119/KH-CĐCNNĐ, ngày 04/3/2017; Trường CĐCNNĐ
201.			3.8.05		Báo cáo xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ, CCVC giai đoạn 2016-2020; Số 265/BC-CĐCNNĐ-TCHC, ngày 29/6/2016; Trường CĐCNNĐ

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
202.			3.8.06		Kế hoạch nhiệm vụ năm học 2017-2018 (Biểu 3,4); Số 515/KH-CĐCNNĐ-ĐT, ngày 30/6/2017; Trường CĐCNNĐ
203.			3.8.07		Báo cáo về kết quả thực hiện đào tạo bồi dưỡng CCVC năm 2015, ước thực hiện 2016 và dự kiến kế hoạch đào tạo bồi dưỡng năm 2017; Số 766/BC-CĐCNNĐ, ngày 03/8/2016; Trường CĐCNNĐ
204.			3.8.08		Báo cáo về đăng ký nhu cầu đào tạo bồi dưỡng năm 2018 và giai đoạn 2018-2020; Số 967/BC-CĐCNNĐ, ngày 17/10/2017; Trường CĐCNNĐ
205.			3.8.09		Danh sách viên chức đăng ký bồi dưỡng nâng cao trình độ đào tạo năm 2017
206.			3.8.10		Quyết định cử cán bộ tham dự lớp tập huấn năm 2016, 2017, 2018; Trường CĐCNNĐ
207.			3.8.11	3.3.05	Thống kê số cán bộ, viên chức đang theo học nghiên cứu sinh, cao học và lý luận chính trị từ năm 2015-2017
208.			3.8.12		Danh sách nhà giáo được cử đi bồi dưỡng tham quan chuyên môn nghiệp vụ đổi mới phương pháp giảng dạy
209.		3.9	3.9.01		Công văn v/v gửi giáo viên sửa chữa thiết bị may đi thực tế tại doanh nghiệp; Số 434,435,436/CĐCNNĐ, ngày 09/6/2017; Trường CĐCNNĐ
210.			3.9.02		Quyết định cử giảng viên quản lý học sinh thực tập tốt nghiệp; Số 283,284,286/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 25/4/2015; Trường CĐCNNĐ
211.			3.9.03		Quyết định cử giảng viên đi bồi dưỡng nâng cao tay nghề tại các doanh nghiệp trên địa bàn TP Nam Định; Số 433/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 09/6/2017; Trường CĐCNNĐ
212.			3.9.04		Giấy xác nhận thời gian bồi dưỡng thực tập tại CTCP May Sông Hồng; Ngày 12/9/2017; CTCP May Sông Hồng
213.			3.9.05		Giấy xác nhận thời gian bồi dưỡng thực tập tại CTCP May Nam Định; Ngày 28/8/2017; CTCP May Nam Định
214.			3.9.06		Giấy xác nhận thời gian bồi dưỡng thực tập tại CTCP May Nam Hà; Ngày 28/8/2017; CTCP May Nam Hà
215.			3.9.07		Giấy xác nhận thời gian bồi dưỡng thực tập tại CTCP May 9; Ngày 30/6/2017; CTCP May 9
216.		3.10	3.10.01	3.8.03	Báo cáo triển khai công tác ĐTBD năm 2016 và kế hoạch đào tạo bồi dưỡng CB, CC, VC năm 2017; Số 574/BC-CĐCNNĐ, ngày 02/7/2015; Trường CĐCNNĐ
217.			3.10.02	3.8.05	Báo cáo xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ, CCVC giai đoạn 2016-2020; Số 265/BC-CĐCNNĐ-TCHC, ngày 29/6/2016; Trường CĐCNNĐ

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
218.			3.10.03	3.8.07	Báo cáo về kết quả thực hiện đào tạo bồi dưỡng CCVC năm 2015, ước thực hiện 2016 và dự kiến kế hoạch đào tạo bồi dưỡng năm 2017; Số 766/BC-CĐCNNĐ, ngày 03/8/2016; Trường CĐCNNĐ
219.		3.11	3.11.01	3.5.03	Báo cáo số lượng, chất lượng công chức viên chức năm 2016
220.			3.11.02	3.5.04	Báo cáo số lượng, chất lượng công chức viên chức năm 2017
221.			3.11.03	3.5.05	Báo cáo số lượng, chất lượng công chức viên chức năm 2018
222.			3.11.04		Quyết định bổ nhiệm lại ông Dương Tử Bình giữ chức Hiệu trưởng; Số 2699/QĐ-BCT, ngày 31/3/2014; Bộ Công Thương
223.			3.11.05		Quyết định kéo dài thời gian giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng; Số 1574/QĐ-BCT, ngày 04/5/2017; Bộ Công Thương
224.			3.11.06		Quyết định kéo dài thời gian giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng; Số 1575/QĐ-BCT, ngày 04/5/2017; Bộ Công Thương
225.			3.11.07		Quyết định bổ nhiệm lại ông Vũ Trọng Nghị giữ chức Phó Hiệu trưởng; Số 453/QĐ-BCT, ngày 21/01/2013; Bộ Công Thương
226.			3.11.08		Danh hiệu Chiến sĩ thi đua của Bộ Công Thương tặng ông Dương Tử Bình; Ngày 29/9/2015; Bộ Công Thương
227.			3.11.09		Huân chương Lao động Hạng Ba của Nhà nước tặng ông Dương Tử Bình; Ngày 09/11/2016; Chủ tịch nước
228.			3.11.10		Bằng khen của Bộ Công Thương cho trường đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua "Dạy tốt, học tốt" năm học 2015-2016; Ngày 12/10/2016; Bộ Công Thương
229.			3.11.11		Huân chương Lao động Hạng Nhất của Nhà nước tặng trường CĐCNNĐ; Ngày 02/11/2016; Chủ tịch nước
230.			3.11.12		Quyết định khen thưởng thành tích trong phong trào thi đua năm 2015; Số 324/QĐ-UBND; UBND tỉnh Nam Định
231.			3.11.13		Giấy khen Đảng bộ trường năm 2015; Ngày 08/01/2016; Đảng bộ khối các cơ quan tỉnh Nam Định
232.			3.11.14		Giấy khen Đảng bộ trường năm 2016; Ngày 28/12/2016; Đảng bộ khối các cơ quan tỉnh Nam Định
233.			3.11.15		Quyết định công nhận và khen thưởng danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở; Số 613/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 17/7/2015; Trường CĐCNNĐ
234.			3.11.16		Quyết định công nhận và khen thưởng danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở; Số 721/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 20/7/2016; Trường CĐCNNĐ

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
235.		3.12	3.12.01		Luật cán bộ, công chức; Số 20/2008/L-CTN, ngày 28/11/2008; Chủ Tịch Nước Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Số 24/2010/NĐ-CP, ngày 15/3/2010; Chính phủ Quy định chế độ bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm, cán bộ, công chức lãnh đạo trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp và các doanh nghiệp nhà nước; Số 27/2003/QĐ-TTg, ngày 19/02/2003; Chính phủ Quy định về tiêu chuẩn và quy trình công tác cán bộ Bộ Công Thương; Số 5086/QĐ-BCT, ngày 28/12/2016; Bộ Công Thương
236.			3.12.02		Quyết định sáp nhập Trung tâm Thực hành và DVSX, ngành cơ khí và Khoa Cơ khí và Động lực; Số 291/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 24/04/2017; Trường CĐCNNĐ Quyết định thôi giữ chức tổ trưởng tổ bộ môn Cắt gọt; Số 296/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 24/04/2017; Trường CĐCNNĐ Quyết định thôi giữ chức tổ trưởng tổ bộ môn Công nghệ Hàn; Số 297/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 24/04/2017; Trường CĐCNNĐ Quyết định bổ nhiệm lại cán bộ; Số 291a/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 24/4/2017; Trường CĐCNNĐ Quyết định Điều động và bổ nhiệm cán bộ; Số 765/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 17/08/2017; Trường CĐCNNĐ Quyết định thôi giữ chức tổ trưởng tổ bộ môn Công nghệ cơ khí; Số 410/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 01/06/2017; Trường CĐCNNĐ Quyết định bổ nhiệm tổ trưởng tổ bộ môn Công nghệ cơ khí; Số 412/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 01/06/2017; Trường CĐCNNĐ Quyết định bổ nhiệm tổ trưởng tổ bộ môn Công nghệ Hàn - Chế tạo vỏ tàu thủy; Số 413/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 01/06/2017; Trường CĐCNNĐ Quyết định bổ nhiệm tổ trưởng tổ bộ môn Công nghệ Ô tô - Nguội sửa chữa; Số 414/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 01/06/2017; Trường CĐCNNĐ
237.		3.13	3.13.01		Quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập; Số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV, ngày 28/11/2014; Bộ GD&ĐT - Bội Nội vụ
238.			3.13.02		Kế hoạch tuyên truyền các phong trào thi đua yêu nước, các điển hình tiên tiến, nhân tốt mới năm 2017 trong ngành công thương; Số 2651/KH-BCT, ngày 31/3/2017; Bộ Công Thương Danh sách Đại biểu đi dự đại hội Thi đua Yêu nước ngành công thương lần thứ II; Trường CĐCNNĐ

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
239.			3.13.03		Hướng dẫn thực hiện Nghị định 41/2012/NĐ-CP, ngày 08/05/2012 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập; Số 14/2012/TT-BNV, ngày 18/12/2012; Bộ Nội Vụ Đề án vị trí Việc làm; Trường CĐCNNĐ
240.			3.13.04		Danh sách cán bộ quản lý đạt danh hiệu các cấp (2015 -2017), Thường trực thi đua Trường CĐCNNĐ
241.			3.13.05		Danh sách cán bộ quản lý có học vị tiến sĩ, thạc sĩ tính đến 30/9/2018,
242.			3.13.06		Danh sách các cán bộ quản lý được cử đi tập huấn, nâng cao năng lực quản lý chuyên môn trong nước (2015-2017); Phòng Tổ chức Hành chính Danh sách các cán bộ quản lý được cử đi tập huấn, nâng cao năng lực quản lý chuyên môn ngoài nước (2015-2017); Phòng Tổ chức Hành chính Quyết định cử viên chức đi công tác tại Quý Châu- Trung Quốc; Số 748/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 26/7/2016; Trường CĐCNNĐ Quyết định cử viên chức đi công tác tại Quý Châu- Trung Quốc; Số 749/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 26/7/2016; Trường CĐCNNĐ Quyết định cử viên chức đi công tác tại Hàn Quốc; Số 1087/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 16/9/2016; Trường CĐCNNĐ Quyết định cử viên chức đi công tác tại Quảng Châu - Trung Quốc; Số 700/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 26/7/2017; Trường CĐCNNĐ Quyết định cử viên chức đi công tác tại Quảng Châu - Trung Quốc; Số 699/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 26/7/2017; Trường CĐCNNĐ
243.			3.13.07	3.02.06	Biên bản họp hội nghị cán bộ chủ chốt về việc đánh giá phân loại cán bộ CCVC năm 2015; Số 1252A/BB-CĐCNNĐ-TCHC, ngày 28/12/2015; Trường CĐCNNĐ Kết quả đánh giá xếp loại công chức năm 2016; Ngày 31/12/2016; Trường CĐCNNĐ Kết quả đánh giá xếp loại công chức năm 2017; Ngày 12/01/2017; Trường CĐCNNĐ
244.		3.14	3.14.01		Danh sách cán bộ quản lý tính đến 30/9/2018; Phòng tổ chức Hành chính

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
245.			3.14.02	3.13.06	Danh sách đăng ký tham gia lớp bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý cơ sở GDNN; Phòng Tổ chức Hành chính Quyết định cử cán bộ tham dự lớp bồi dưỡng quản lý cơ sở GDNN; Số 925/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 06/10/2017; Trường CĐCNNĐ Quyết định cử cán bộ tham dự lớp bồi dưỡng quản lý cơ sở GDNN; Số 924/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 06/10/2017; Trường CĐCNNĐ Quyết định cử cán bộ tham dự lớp bồi dưỡng quản lý cơ sở GDNN; Số 923/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 06/10/2017; Trường CĐCNNĐ Quyết định cử cán bộ tham dự lớp tập huấn kỹ năng quản lý, lãnh đạo và công tác tự chủ trong đơn vị sự nghiệp công lập; Số 888/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 25/09/2017; Trường CĐCNNĐ Quyết định cử viên chức đi công tác tại Quý Châu- Trung Quốc; Số 748/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 26/7/2016; Trường CĐCNNĐ Quyết định cử viên chức đi công tác tại Quý Châu- Trung Quốc; Số 749/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 26/7/2016; Trường CĐCNNĐ Quyết định cử viên chức đi công tác tại Hàn Quốc; Số 1087/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 16/9/2016; Trường CĐCNNĐ Quyết định cử viên chức đi công tác tại Quảng Châu - Trung Quốc; Số 700/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 26/7/2017; Trường CĐCNNĐ Quyết định cử viên chức đi công tác tại Quảng Châu - Trung Quốc; Số 699/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 26/7/2017; Trường CĐCNNĐ
246.		3.15	3.15.01		Danh sách chuyên viên, nhân viên phục vụ tính đến 30/9/2018; Phòng Tổ chức Hành chính
247.			3.15.02		Danh sách nhân viên được tuyển dụng hằng năm từ 2011-2014; Phòng Tổ chức Hành chính
248.			3.15.03		Kế hoạch huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ năm 2017; Số 187/KH-CĐCĐCNNĐ, ngày 22/3/2017; Trường CĐCNNĐ Quyết định thành lập huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ năm 2017; Số 188/KH-CĐCĐCNNĐ, ngày 22/3/2017; Trường CĐCNNĐ Thông kê đội ngũ nhân viên, kỹ thuật viên đi bồi dưỡng nâng cao trình độ Quyết định cử viên chức tham dự khóa học về nghiệp vụ đấu thầu; Số 26/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 12/01/2017; Trường CĐCNNĐ

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
249.			3.15.04		Danh sách viên chức đạt các danh hiệu (2015 -2017), Thường trực thi đua Trường CĐCNNĐ
250.	4	4.1	4.1.01	2.16.01	Quyết định ban hành chương trình khung giáo dục đại học khối các ngành 64/2007/QĐ-BGD ĐT ngày 01/11/2007
251.			4.1.02	2.7.01	- Chương trình đào tạo khóa 58; QĐ số 491/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 27/6/2017; Trường CĐCNNĐ - QĐ số 481/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 27/6/2017; Trường CĐCNNĐ
252.			4.1.03	2.7.02	- Chương trình đào tạo khóa 59; QĐ số 828/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 9/10/2018; Trường CĐCNNĐ - QĐ số 830/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 9/10/2018; Trường CĐCNNĐ
253.			4.1.04	2.7.03	- Chương trình đào tạo khóa 60; Số 757/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 25/9/2019; Trường CĐCNNĐ
254.		4.2	4.2.01		Kế hoạch phát triển chương trình đào tạo các ngành; Số 313/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 24/4/3/2017; Trường CĐCNNĐ Kế hoạch phát triển chương trình đào tạo các ngành; Số 759a/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 20/9/2018; Trường CĐCNNĐ Kế hoạch xây dựng và chỉnh lý chương trình đào tạo; Số 660/KH-CĐCNNĐ, ngày 22/8/2019; Trường CĐCNNĐ Quyết định thành lập hội đồng nghiệm thu chương trình + Biên bản nghiệm thu chương trình đào tạo
255.			4.2.02	2.13.01	- Hợp đồng đào tạo giữa Trường và các Doanh nghiệp về việc đào tạo, tuyển dụng lao động và bố trí việc làm - Biên bản ghi nhớ phối hợp tuyển sinh, đào tạo, thực tập bố trí việc làm với Công ty ống thép Hòa Phát; Ngày 28/5/2014; Trường CĐCNNĐ - Hợp đồng liên kết đào tạo Công ty may Nam Hà; Số 01/HĐ-LKĐT, ngày 21/12/2016; Trường CĐCNNĐ - Thỏa thuận hợp tác với Công ty Cổ phần may 9; Ngày 13/3/2017; Trường CĐCNNĐ
256.		4.3	4.3.01	2.7.01	- Chương trình đào tạo khóa 58; QĐ số 491/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 27/6/2017; Trường CĐCNNĐ - QĐ số 481/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 27/6/2017; Trường CĐCNNĐ
257.			4.3.02	2.7.02	- Chương trình đào tạo khóa 59; QĐ số 828/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 9/10/2018; Trường CĐCNNĐ - QĐ số 830/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 9/10/2018; Trường CĐCNNĐ
258.			4.3.03	2.7.03	- Chương trình đào tạo khóa 60; Số 757/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 25/9/2019; Trường CĐCNNĐ
259.			4.3.04	4.2.01	Kế hoạch phát triển chương trình đào tạo các ngành; Số 313/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 24/4/3/2017; Trường CĐCNNĐ Kế hoạch phát triển chương trình đào tạo các ngành; Số 759a/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 20/9/2018; Trường CĐCNNĐ Kế hoạch xây dựng và chỉnh lý chương trình đào tạo; Số 660/KH-CĐCNNĐ, ngày 22/8/2019; Trường CĐCNNĐ Quyết định thành lập hội đồng nghiệm thu chương trình + Biên bản nghiệm thu chương trình đào tạo

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
260.			4.3.05	2.7.04	Nhận xét của các doanh nghiệp của Giám Đốc công ty TNHH An Phát Nam Định năm 2015 Nhận xét của các doanh nghiệp của Giám Đốc công ty cổ phần Việt Chào Hà Nội năm 2016 Nhận xét của các doanh nghiệp của Giám Đốc công ty TNHH Thu Lâm Nam Định năm 2017
261.			4.3.06		Xác nhận văn bằng chứng chỉ của các nhà tuyển dụng về sinh viên tốt nghiệp ra trường
262.		4.4	4.4.01	4.2.01	Kế hoạch phát triển chương trình đào tạo các ngành; Số 313/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 24/4/3/2017; Trường CĐCNNĐ Kế hoạch phát triển chương trình đào tạo các ngành; Số 759a/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 20/9/2018; Trường CĐCNNĐ Kế hoạch xây dựng và chỉnh lý chương trình đào tạo; Số 660/KH-CĐCNNĐ, ngày 22/8/2019; Trường CĐCNNĐ Quyết định thành lập hội đồng nghiệm thu chương trình + Biên bản nghiệm thu chương trình đào tạo
263.			4.4.02	2.7.01	- Chương trình đào tạo khóa 58; QĐ số 491/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 27/6/2017; Trường CĐCNNĐ - QĐ số 481/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 27/6/2017; Trường CĐCNNĐ
264.			4.4.03	2.7.02	- Chương trình đào tạo khóa 59; QĐ số 828/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 9/10/2018; Trường CĐCNNĐ - QĐ số 830/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 9/10/2018; Trường CĐCNNĐ
265.			4.4.04	2.7.03	- Chương trình đào tạo khóa 60; Số 757/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 25/9/2019; Trường CĐCNNĐ
266.			4.4.05	2.13.01	- Hợp đồng đào tạo giữa Trường và các Doanh nghiệp về việc đào tạo, tuyển dụng lao động và bố trí việc làm - Biên bản ghi nhớ phối hợp tuyển sinh, đào tạo, thực tập bố trí việc làm với Công ty ống thép Hòa Phát; Ngày 28/5/2014; Trường CĐCNNĐ - Hợp đồng liên kết đào tạo Công ty may Nam Hà; Số 01/HĐ-LKĐT, ngày 21/12/2016; Trường CĐCNNĐ - Thỏa thuận hợp tác với Công ty Cổ phần may 9; Ngày 13/3/2017; Trường CĐCNNĐ
267.		4.5	4.5.01		Phiếu hỏi, phỏng vấn sinh viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo; Ngày 12 tháng 6 năm 2015; Trường CĐCNNĐ
268.			4.5.02		Phiếu góp ý của doanh nghiệp sử dụng người lao động đối với sinh viên trong Trường CĐCNNĐ
269.			4.5.03	2.7.01	- Chương trình đào tạo khóa 58; QĐ số 491/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 27/6/2017; Trường CĐCNNĐ - QĐ số 481/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 27/6/2017; Trường CĐCNNĐ
270.			4.5.04	2.7.02	- Chương trình đào tạo khóa 59; QĐ số 828/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 9/10/2018; Trường CĐCNNĐ - QĐ số 830/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 9/10/2018; Trường CĐCNNĐ

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
271.			4.5.05	2.7.03	- Chương trình đào tạo khóa 60; Số 757/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 25/9/2019; Trường CĐCNNĐ
272.			4.5.06	2.13.01	- Hợp đồng đào tạo giữa Trường và các Doanh nghiệp về việc đào tạo, tuyển dụng lao động và bố trí việc làm - Biên bản ghi nhớ phối hợp tuyển sinh, đào tạo, thực tập bố trí việc làm với Công ty ống thép Hòa Phát; Ngày 28/5/2014; Trường CĐCNNĐ - Hợp đồng liên kết đào tạo Công ty may Nam Hà; Số 01/HĐ-LKĐT, ngày 21/12/2016; Trường CĐCNNĐ - Thỏa thuận hợp tác với Công ty Cổ phần may 9; Ngày 13/3/2017; Trường CĐCNNĐ
273.		4.6	4.6.01	2.7.01	- Chương trình đào tạo khóa 58; QĐ số 491/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 27/6/2017; Trường CĐCNNĐ - QĐ số 481/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 27/6/2017; Trường CĐCNNĐ
274.			4.6.02	2.7.02	- Chương trình đào tạo khóa 59; QĐ số 828/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 9/10/2018; Trường CĐCNNĐ - QĐ số 830/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 9/10/2018; Trường CĐCNNĐ
275.			4.6.03	2.7.03	- Chương trình đào tạo khóa 60; Số 757/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 25/9/2019; Trường CĐCNNĐ
276.			4.6.04		Chương trình đào tạo liên thông
277.			4.6.05		Kế hoạch chuyển đổi chương trình đào tạo theo hướng GDNN năm 2017
278.		4.7	4.7.01		Kế hoạch xây dựng và chỉnh lý chương trình đào tạo; Số 320a/KH-CĐCNNĐ, ngày 11/5/2016; Trường CĐCNNĐ
279.			4.7.02		Kế hoạch phát triển chương trình đào tạo các ngành; số 313/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 24/4/3/2017; Trường CĐCNNĐ
280.			4.7.03	4.6.02	Kế hoạch chuyển đổi chương trình đào tạo theo hướng GDNN năm 2017
281.			4.7.04	4.2.01	Kế hoạch phát triển chương trình đào tạo các ngành; Số 313/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 24/4/3/2017; Trường CĐCNNĐ Kế hoạch phát triển chương trình đào tạo các ngành; Số 759a/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 20/9/2018; Trường CĐCNNĐ Kế hoạch xây dựng và chỉnh lý chương trình đào tạo; Số 660/KH-CĐCNNĐ, ngày 22/8/2019; Trường CĐCNNĐ Quyết định thành lập hội đồng nghiệm thu chương trình + Biên bản nghiệm thu chương trình đào tạo
282.		4.8	4.8.01		Biên bản thẩm định tiêu chuẩn kỹ năng nghề
283.			4.8.02	2.7.01	- Chương trình đào tạo khóa 58; QĐ số 491/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 27/6/2017; Trường CĐCNNĐ - QĐ số 481/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 27/6/2017; Trường CĐCNNĐ

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
284.			4.8.03	2.7.02	- Chương trình đào tạo khóa 59; QĐ số 828/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 9/10/2018; Trường CĐCNNĐ - QĐ số 830/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 9/10/2018; Trường CĐCNNĐ
285.			4.8.04	2.7.03	- Chương trình đào tạo khóa 60; Số 757/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 25/9/2019; Trường CĐCNNĐ
286.			4.8.05	4.7.01	Kế hoạch xây dựng và chỉnh lý chương trình đào tạo; Số 320a/KH-CĐCNNĐ, ngày 11/5/2016; Trường CĐCNNĐ
287.			4.8.06	4.7.02	Kế hoạch phát triển chương trình đào tạo các ngành; số 313/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 24/4/3/2017; Trường CĐCNNĐ
288.			4.8.07	4.6.02	Kế hoạch chuyển đổi chương trình đào tạo theo hướng GDNN năm 2017
289.		4.9	4.9.01		Chương trình đào tạo liên thông khóa 57
290.			4.9.02		Chương trình đào tạo liên thông khóa 58
291.			4.9.03	4.6.01	Chương trình đào tạo liên thông
292.			4.9.04	2.5.03	- Quy chế số 345/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 16/4/2013; Trường CĐCNNĐ - Quy chế thông tư số 22/2014/TT-BGDĐT, ngày 9/7/2014; Bộ Giáo dục & Đào tạo - Quy chế thi kiểm tra công nhận tốt nghiệp; Số 14/2007/QĐ-BLĐTBXH, ngày 24/5/2007; Bộ Giáo dục & Đào tạo - Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH, ngày 13/03/2017; Bộ LĐTB-XH - Quy chế đào tạo trình độ Cao đẳng, Trung cấp theo niên chế của Trường CĐCN Nam Định; Số 105/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 26/02/2018; Trường CĐCNNĐ
293.		4.10	4.10.01		Kế hoạch nghiệm thu cấp trường; Số 110/KH-CĐCNNĐ, ngày 9/3/2015; Trường CĐCNNĐ Quyết định thành lập hội đồng nghiệm thu Giáo trình; Số 409/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 9/3/2015; Trường CĐCNNĐ Quyết định thành lập hội đồng nghiệm thu giáo trình; Số 910/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 20/10/2015; Trường CĐCNNĐ
294.			4.10.02		Biên bản nghiệm thu giáo trình đào tạo
295.		4.11	4.11.01	4.10.01.	Kế hoạch nghiệm thu cấp trường; Số 110/KH-CĐCNNĐ, ngày 9/3/2015; Trường CĐCNNĐ Quyết định thành lập hội đồng nghiệm thu Giáo trình; Số 409/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 9/3/2015; Trường CĐCNNĐ Quyết định thành lập hội đồng nghiệm thu giáo trình; Số 910/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 20/10/2015; Trường CĐCNNĐ
296.			4.11.02	4.10.02	Biên bản nghiệm thu giáo trình đào tạo

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
297.		4.12	.4.12.01	4.10.01	Kế hoạch nghiệm thu cấp trường; Số 110/KH-CĐCNNĐ, ngày 9/3/2015; Trường CĐCNNĐ Quyết định thành lập hội đồng nghiệm thu Giáo trình; Số 409/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 9/3/2015; Trường CĐCNNĐ Quyết định thành lập hội đồng nghiệm thu giáo trình; Số 910/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 20/10/2015; Trường CĐCNNĐ
298.			4.12.02	4.10.02	Biên bản nghiệm thu giáo trình đào tạo
299.		4.13	4.13.01	4.10.01	Kế hoạch nghiệm thu cấp trường; Số 110/KH-CĐCNNĐ, ngày 9/3/2015; Trường CĐCNNĐ Quyết định thành lập hội đồng nghiệm thu Giáo trình; Số 409/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 9/3/2015; Trường CĐCNNĐ Quyết định thành lập hội đồng nghiệm thu giáo trình; Số 910/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 20/10/2015; Trường CĐCNNĐ
300.			4.13.02	4.10.02	Biên bản nghiệm thu giáo trình đào tạo
301.			4.13.03	2.7.04	Nhận xét của các doanh nghiệp của Giám Đốc công ty TNHH An phát Nam Định năm 2015 Nhận xét của các doanh nghiệp của Giám Đốc công ty cổ phần Việt Chào Hà Nội năm 2016 Nhận xét của các doanh nghiệp của Giám Đốc công ty TNHH Thu Lâm Nam Định năm 2017
302.			4.13.04	2.4.02	- Quy định đánh giá hoạt động giảng dạy của GV; Số 1151/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 07/11/2014; Trường CĐCNNĐ
303.			4.13.05	2.4.03	- Quy định khảo sát HSSV; Số 5071/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 6/6/2013; Trường CĐCNNĐ
304.		4.14	4.14.01		Phiếu đánh giá kết quả thực tập qua trải nghiệm thực tế
305.			4.14.02		Phiếu hỏi, phỏng vấn sinh viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo; Ngày 12/6/2015; Trường CĐCNNĐ
306.			4.14.03		Phiếu góp ý của doanh nghiệp sử dụng người lao động đối với sinh viên trong trường CĐCNNĐ
307.			4.14.04	4.10.01	Kế hoạch nghiệm thu cấp trường; Số 110/KH-CĐCNNĐ, ngày 9/3/2015; Trường CĐCNNĐ Quyết định thành lập hội đồng nghiệm thu Giáo trình; Số 409/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 9/3/2015; Trường CĐCNNĐ Quyết định thành lập hội đồng nghiệm thu giáo trình; Số 910/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 20/10/2015; Trường CĐCNNĐ
308.			4.14.05	4.10.02	Biên bản nghiệm thu giáo trình đào tạo
309.		4.15	4.15.01	4.7.01	Kê hoạch xây dựng và chỉnh lý chương trình đào tạo; Số 320a/KH-CĐCNNĐ, ngày 11/5/2016; Trường CĐCNNĐ
310.			4.15.02	4.7.02	Kế hoạch phát triển chương trình đào tạo các ngành; số 313/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 24/4/3/2017; Trường CĐCNNĐ
311.			4.15.03	4.6.02	Kế hoạch chuyển đổi chương trình đào tạo theo hướng GDNN năm 2017

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
312.			4.15.04	4.2.01	Kế hoạch phát triển chương trình đào tạo các ngành; Số 313/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 24/4/3/2017; Trường CĐCNNĐ Kế hoạch phát triển chương trình đào tạo các ngành; Số 759a/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 20/9/2018; Trường CĐCNNĐ Kế hoạch xây dựng và chỉnh lý chương trình đào tạo; Số 660/KH-CĐCNNĐ, ngày 22/8/2019; Trường CĐCNNĐ Quyết định thành lập hội đồng nghiệm thu chương trình + Biên bản nghiệm thu chương trình đào tạo
313.	5	5.1	5.01.01		Quyết định của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc thành lập trường CĐCNNĐ
314.			5.01.02		Các quyết định giao đất số 2466/2005; 1097; 702 của UBND tỉnh Nam Định
315.			5.01.03		Các quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển trường CĐCNNĐ số 2165; 5913; Bộ Công thương
316.		5.2	5.02.01	5.01.03	Các quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển trường CĐCNNĐ số 2165; 5913; Bộ Công thương
317.			5.02.02	5.01.02	Các quyết định giao đất số 2466/2005; 1097; 702 của UBND tỉnh Nam Định
318.			5.02.03		Các bản đồ quy hoạch tổng thể 3 giai đoạn TL1-/500, bản đồ tổ chức không gian kiến trúc, cảnh quan và bản đồ quy hoạch san nền (giao thông)
319.			5.02.04		Quyết định của Sở tài nguyên môi trường về việc phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết của trường CĐCNNĐ
320.		5.3	5.03.01	5.02.03	Các bản đồ quy hoạch tổng thể 3 giai đoạn TL1-/500, bản đồ tổ chức không gian kiến trúc, cảnh quan và bản đồ quy hoạch san nền (giao thông)
321.		5.4	5.04.01		Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng hệ thống đường giao thông và Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình và đưa vào sử dụng của hệ thống đường giao thông
322.			5.04.02		Hệ thống cấp điện (Trạm biến áp 400KVA)
323.			5.04.03		Bản vẽ hoàn công hạng mục phòng cháy chữa cháy
324.			5.04.04		Hồ sơ Hệ thống cung cấp nước sạch
325.			5.04.05		Mặt bằng tổng thể thiết kế hệ thống thoát nước mưa
326.		5.5	5.05.01		Bản vẽ mặt bằng Nhà học lý thuyết
327.			5.05.02		Ảnh phòng học lý thuyết được trang bị thiết bị hỗ trợ giảng dạy.

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
328.			5.05.03		Mặt bằng Nhà xưởng Cơ khí và Xưởng May
329.			5.05.04		Hình ảnh sân vận động ngoài trời
330.			5.05.05		Bản vẽ Nhà giáo dục thể chất
331.			5.05.06		Mặt bằng khu nhà Hiệu bộ
332.			5.05.07		Mặt bằng KTX A1, A2
333.		5.6	5.06.01		Quy chế quản lý và sử dụng tài sản.
334.		5.7	5.07.01		Nội quy sử dụng tại các xưởng thực hành và Phòng học lý thuyết
335.			5.07.02		Tiêu chí sử dụng, vận hành tại các xưởng thực hành (5S).
336.		5.8	5.08.01		Thông tin tuyển sinh năm 2016 và 2017
337.			5.08.02		Tài liệu kiểm kê tính đến thời điểm hết ngày 31/12/2016
338.		5.9	5.09.01		Hợp đồng vệ sinh môi trường của 03 gói vệ sinh.
339.		5.10	5.10.01	5.06.01	Quy chế quản lý và sử dụng tài sản.
340.		5.12	5.12.01		Quy trình mua sắm, cấp phát vật tư (ISO)
341.			5.12.02		Kế hoạch kiểm kê năm 2016
342.			5.12.03		Biên bản kiểm kê
343.		5.13	5.13.01		Diện tích mặt bằng thư viện
344.			5.13.02		Kế hoạch bổ sung tài liệu được duyệt
345.			5.13.03		Báo cáo kết quả kiểm kê sách thư viện đến 0 giờ ngày 01/01/2017
346.			5.13.04		Mẫu sổ sách các loại
347.		5.14	5.14.01		Phần mềm thư viện điện tử http:// lic.cnd.edu.vn
348.			5.14.02		Nội quy thư viện

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
349.		5.15	5.15.01		Quyết định thành lập Trung tâm Thông tin Thư viện.
350.			5.15.02	5.14.01	Phần mềm thư viện điện tử http:// lic.cnd.edu.vn
351.	6	6.1	6.1.01		Báo cáo hội nghị cán bộ công chức năm 2017, 2018, 2019. Nghị quyết hội nghị cán bộ công chức cơ quan về việc thực hiện nhiệm vụ năm 2017, 2018, 2019.
352.			6.1.02		Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2017, 2018, 2019.
353.			6.1.03		Quyết định về việc ban hành quy định hoạt động NCKH trường CĐCN Nam Định.
354.		6.2	6.2.01		Giấy khen của Tổng cục GDNN và Giám đốc Sở LĐ TB - XH cho giảng viên khoa Điện – Điện tử về việc chế tạo thiết bị dạy học tự làm.
355.		6.3	6.3.01		Danh sách bài báo đăng trên các tạp chí KHCN của giảng viên.
356.			6.3.02		Quyết định về biên soạn, hiệu chỉnh giáo trình nội bộ của Trường CĐCNNĐ. Quyết định thành lập hội đồng xét duyệt biên soạn giáo trình nội bộ năm của Trường CĐCNNĐ. Kế hoạch biên soạn bài giảng nội bộ của Trường CĐCNNĐ. Quyết định thành lập hội nghiệm thu giáo trình nội bộ, Kế hoạch nghiệm thu giáo trình nội bộ của Trường CĐCNNĐ. Quyết định ban hành bài giảng nội bộ của Trường CĐCNNĐ.
357.		6.4	6.4.01		Văn bản về sứ mạng của trường; Trường CĐCNNĐ
358.			6.4.02		Hệ thống văn bản quy định và hướng dẫn của các cấp quản lý về NCKH.
359.			6.4.03		Quyết định ban hành quy định hoạt động KHCN, Quyết định ban hành quy định nhiệm vụ NCKH cấp cư sở của Trường CĐCNNĐ
360.			6.4.04	6.1.01	Báo cáo hội nghị cán bộ công chức năm 2017, 2018, 2019. Nghị quyết hội nghị cán bộ công chức cơ quan về việc thực hiện nhiệm vụ năm 2017, 2018, 2019.
361.			6.4.05		Danh sách số lượng giảng viên của trường năm 2017, 2018, 2019.
362.			6.4.06		Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 03 năm 2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội ban hành quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng. Thông tư số 23/2018/TT-BLĐTBXH ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội ban hành quy định về hồ sơ, sổ sách trong đào tạo trình độ Trung cấp, Cao đẳng.

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
363.		6.5	6.5.01		Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước của Bộ Công Thương.
364.			6.5.02	6.1.02	Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2017, 2018, 2019.
365.			6.5.03		Các văn bản ghi nhớ các trường quốc tế đến thăm trường.
366.			6.5.04		Quyết định cử giảng viên đi học tập tại nước ngoài; Bằng tốt nghiệp sau đại học của các giảng viên tại nước ngoài.
367.	7	7.1	7.1.01		Quyết định ban hành áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2015
368.			7.1.02	6.1.02	Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2017, 2018, 2019.
369.			7.1.03		Danh sách, văn bằng của cán bộ phòng Tài chính - Kế toán.
370.			7.1.04		Báo cáo công khai tài chính các năm 2017, 2018, 2019.
371.			7.1.05		Các kết luận của thanh tra kiểm toán.
372.		7.2	7.2.01		Hệ thống Nghị định, thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính về công tác quản lý tài chính.
373.			7.2.02	6.1.02	Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2017, 2018, 2019.
374.			7.2.03	7.1.05	Các kết luận của thanh tra kiểm toán.
375.			7.2.04		Quyết định mức thu học phí các năm 2017, 2018, 2019.
376.		7.3	7.3.01	6.1.02	Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2017, 2018, 2019.
377.			7.3.02	7.1.03	Báo cáo công khai tài chính các năm 2017, 2018, 2019.
378.			7.3.03	7.1.05	Các kết luận của thanh tra kiểm toán.
379.		7.4	7.4.01	6.1.02	Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2017, 2018, 2019.
380.			7.4.02	7.2.04	Quyết định mức thu học phí các năm 2017, 2018, 2019.
381.			7.4.03	7.1.01	Quyết định ban hành áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2015
382.		7.5	7.5.01	7.1.01	Quyết định ban hành áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2015

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
383.			7.5.02	6.1.02	Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2017, 2018, 2019.
384.			7.5.03	6.1.01	Báo cáo hội nghị cán bộ công chức năm 2017, 2018, 2019.
385.			7.5.04	7.1.01	Báo cáo công khai tài chính các năm 2017, 2018, 2019.
386.			7.5.05		Quyết định thành lập ban thanh tra nhân dân.
387.		7.6	7.6.01		Báo cáo tổng kết hoạt động năm học 2016 – 2017 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2017 – 2018. Báo cáo tổng kết hoạt động năm học 2017 – 2018 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2018 – 2019. Báo cáo tổng kết hoạt động năm học 2018 – 2019 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2019 – 2020.
388.	8	8.1	8.1.01		Quy chế thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp trong dạy nghề hệ chính quy; Số 14/2007/QĐ-BLĐTBXH, ngày 24/5/2007; Bộ LĐTBXH
389.			8.1.02		Quy chế công tác học sinh, sinh viên trong trường trung cấp, trường cao đẳng; Số 17/2017/TT-BLĐTBXH, ngày 30/6/2017; Bộ LĐTBXH
390.			8.1.03		Quy định đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV hệ chính quy trường CĐCNNĐ; Số 438/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 12/6/2017; Trường CĐCNNĐ
391.			8.1.04		Kế hoạch "Tuần sinh hoạt Công dân- Học sinh,sinh viên" khóa 58; Số 744/KH-CĐCNNĐ, ngày 11/8/2017; Trường CĐCNNĐ
392.		8.2	8.2.01		Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015, Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015, Thông tư số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30/3/2016, Thông tư số12/2016/TTLT-BLĐTBXH-BGDĐT-BTC ngày 16/6/2016
393.			8.2.02		Các Quyết định về việc thực hiện chế độ chính sách cho HSSV của nhà trường
394.		8.3	8.3.01		Quyết định v/v công nhận sinh viên bậc cao đẳng được hưởng học bổng khuyến khích học tập; Số 965/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 17/10/2017; Trường CĐCNNĐ
395.			8.3.02		Quyết định v/v công nhận học sinh bậc trung cấp chuyên nghiệp được hưởng học bổng khuyến khích học tập; Số 966/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 17/10/2017; Trường CĐCNNĐ
396.		8.4	8.4.01	8.1.04	Kế hoạch "Tuần sinh hoạt Công dân- HSSV" khóa 58; Số 744/KH-CĐCNNĐ, ngày 11/8/2017; Trường CĐCNNĐ

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
397.			8.4.02		Thông báo sinh hoạt hàng tháng; số 899//TB - CĐCNNĐ, ngày 27/9/2017
398.		8.5	8.5.01	8.1.04	Kế hoạch "Tuần sinh hoạt Công dân - HSSV" khóa 58; Số 744/KH-CĐCNNĐ, ngày 11/8/2017; Trường CĐCNNĐ
399.			8.5.02		Nội quy KTX; ngày 17/8/2015
400.		8.6	8.6.01		Kế hoạch khám sức khỏe đầu khóa; số 1077/KH-CĐCNNĐ, ngày 30/11/2017
401.			8.6.02		- Thông báo phun thuốc muỗi; số 291/TB- CĐCNNĐ, ngày 20/4/2017 - Thông báo v/v thực hiện bảo hiểm y tế học sinh, sinh viên năm 2020 số 983/TB-CĐCNNĐ ngày 3/12/2019
402.		8.7	8.7.01		- Kế hoạch văn nghệ chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11; số 24/KH-ĐTN, ngày 04/11/2015 - Kế hoạch tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao chào mừng kỷ niệm 37 năm ngày nhà giáo Việt Nam 20/11 số 26/KH-CĐCĐCNND ngày 08/11/2019 - Kế hoạch kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11 và tổ chức lế khai giảng năm học 2019-2020 số 943/KH-CĐCNNĐ ngày 12/11/2019
403.			8.7.02		Kế hoạch tham gia ngày hội văn hóa thể thao tỉnh Nam Định; số 51/KH-ĐTN, ngày 20/4/2015
404.			8.7.03		Kế hoạch tổ chức giải cầu lông bóng bàn NĐBBB 2015; số 243/ KH-CĐCNNĐ, ngày 13/4/2015
405.			8.7.04		Quyết định thành lập đội thanh niên xung kích; số 02/QĐ-ĐTN, ngày 21/11/2014
406.			8.7.05		Quy chế phối hợp an toàn trường học, ngày 24/3/2006
407.			8.7.06		Quyết định thành lập trung đội tự vệ; số 236/QĐ- CĐCNNĐ, ngày 03/4/2017
408.		8.8	8.8.01		Quyết định số 764/QĐ-CĐCNNĐ ngày 17/8/2017 thành lập Trung tâm Hợp tác đào tạo và Quan hệ doanh nghiệp
409.			8.8.02		Kế hoạch số 729/KH-CĐCNNĐ ngày 23/8/2017
410.	9	9.1	9.1.01		Quyết định Giao kế hoạch trợ giúp đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017; Số 5010/QĐ-BCT ngày 23/12/2016; Bộ Công Thương
411.			9.1.02		Công văn về việc mở lớp đào tạo cán bộ quản lý về quản trị doanh nghiệp; Số 46/CĐCNNĐ ngày 07/2/2017; Trường CĐCNNĐ

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
412.			9.1.03		Kế hoạch hội nghị tư vấn việc làm cho ĐVTN trường năm 2014; Sô 50/KH-ĐTN, ngày 03/3/2014
413.			9.1.04	2.7.04	Nhận xét của các doanh nghiệp của Giám Đốc công ty TNHH An phát Nam Định năm 2015 Nhận xét của các doanh nghiệp của Giám Đốc công ty cổ phần Việt Chào Hà Nội năm 2016 Nhận xét của các doanh nghiệp của Giám Đốc công ty TNHH Thu Lâm Nam Định năm 2017
414.			9.1.05		Giấy chứng nhận đánh giá xếp loại quá trình sinh viên thực tập tại Canon năm 2015.
415.		9.2	9.2.01	3.5.03	Báo cáo số lượng, chất lượng công chức viên chức năm 2017
416.			9.2.02	3.5.04	Báo cáo số lượng, chất lượng công chức viên chức năm 2018
417.			9.2.03	3.5.05	Báo cáo số lượng, chất lượng công chức viên chức năm 2019
418.			9.2.04	3.2.06	Báo cáo tổng hợp kết quả đánh giá, phân loại viên chức năm 2017; Ngày 06/01/2017; Trường CĐCNNĐ Kết quả đánh giá xếp loại CCVC năm 2017; Ngày 31/12/2017; Trường CĐCNNĐ
419.			9.2.05		Thông báo về việc tiếp nhận học viên học nghề ngắn hạn; QĐ số 9145/QĐ-LĐTBXH ngày 06/9/2016; Sở LĐTB&XH tỉnh Nam Định
420.			9.2.06		Quyết định thành lập lớp bồi dưỡng kỹ năng nghề cho giảng viên - Nghề sửa chữa thiết bị may; Số 137/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 06/03/2017; Trường CĐCNNĐ
421.			9.2.07	2.4.01	- Quyết định cử giảng viên giảng dạy lớp bồi dưỡng kỹ năng nghề sửa chữa thiết bị may; Số 139/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 06/3/2017; Trường CĐCNNĐ - Quyết định cử giảng viên ôn thi và dự thi lớp đánh giá kỹ năng nghề quốc gia, nghề May công nghiệp; Số 976/QĐ-CĐCNNĐ ngày 16/11/2018; Trường CĐCNNĐ - Quyết định cử giảng viên tham dự đánh giá kỹ năng nghề quốc gia, nghề Công nghệ Ô tô; Số 336/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 23/5/2019; Trường CĐCNNĐ - Quyết định cử giảng viên tham dự đánh giá kỹ năng nghề quốc gia, nghề Điện công nghiệp; Số 335/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 23/5/2019; Trường CĐCNNĐ - Quyết định cử giảng viên tham dự đánh giá kỹ năng nghề quốc gia, nghề Điện tử công nghiệp; Số 334/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 23/5/2019; Trường CĐCNNĐ

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					- Quyết định cử giảng viên tham dự đánh giá kỹ năng nghề quốc gia, nghề Cắt gọt kim loại trên máy CNC; Số 333/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 23/5/2019; Trường CĐCNNĐ - Quyết định cử giảng viên tham dự đánh giá kỹ năng nghề quốc gia, nghề Điện công nghiệp; Số 335/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 23/5/2019; Trường CĐCNNĐ - Quyết định cử giảng viên tham dự đánh giá kỹ năng nghề quốc gia, nghề May công nghiệp; Số 326/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 20/5/2019; Trường CĐCNNĐ
422.			9.2.08	3.15.01	Danh sách chuyên viên, nhân viên phục vụ tính đến 30/11/2019; Phòng Tổ chức Hành chính
423.			9.2.09	3.15.02	Danh sách nhân viên được tuyển dụng hằng năm từ 2011-2014; Phòng Tổ chức Hành chính
424.			9.2.10	3.15.03	- Kế hoạch huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ năm 2017; Số 187/KH-CĐCĐCNNĐ, ngày 22/3/2017; Trường CĐCNNĐ - Quyết định thành lập Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ số 279 QĐ/PCCC-CĐCNNĐ ngày 6/5/2019, Trường CĐCNNĐ; - Quyết định thành lập Ban chỉ đạo công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ số 278QĐ/PCCC-CĐCNNĐ ngày 6/5/2019,Trường CĐCNNĐ; - Quyết định thành lập huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ năm 2017; Số 188/KH-CĐCĐCNNĐ, ngày 22/3/2017; Trường CĐCNNĐ - Thông kê đội ngũ nhân viên, kỹ thuật viên đi bồi dưỡng nâng cao trình độ - Quyết định cử viên chức tham dự khóa học về nghiệp vụ đấu thầu; Số 26/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 12/01/2017; Trường CĐCNNĐ
425.			9.2.11	3.15.04	Danh sách viên chức đạt các danh hiệu (2015 -2017), Thường trực thi đua Trường CĐCNNĐ
426.		9.3	9.3.01	2.10.01	- Kế hoạch lấy ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên trong học kỳ I năm học 2014-2015 số 1077/KH-CĐCNNĐ ngày 13/10/2014 của Hiệu trưởng trường CĐCNNĐ. - Các Thông báo về việc thanh tra thực hiện các quy định trong giảng dạy trong học kỳ I (2019-2020)
427.			9.3.02		- Báo cáo kết quả thực hiện việc lấy ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên trong năm học 2014-2015 - Tổng hợp kết quả thực hiện lấy ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên trong học kỳ I (2019-2020)

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
428.		9.4	9.4.01		Quyết định thành lập hội đồng Tự đánh giá chu kỳ 2015-2020; Số 86/QĐ-CĐCNNĐ ngày 26/02/2015; Trường CĐCNNĐ Quyết định thành lập hội đồng Tự đánh giá năm 2017; Số 781/QĐ-CĐCNNĐ ngày 22/8/2017; Trường CĐCNNĐ
429.			9.4.02		Quyết định thành lập Ban Thư ký và các nhóm công tác chuyên trách; Số 87/QĐ-CĐCNNĐ ngày 26/02/2015; Trường CĐCNNĐ Quyết định thành lập Ban Thư ký và các nhóm công tác chuyên trách; Số 782/QĐ-CĐCNNĐ ngày 22/8/2017; Trường CĐCNNĐ
430.			9.4.03		Kế hoạch Tự đánh giá; Số 88/KH-CĐCNNĐ, ngày 26/02/2015; Trường CĐCNNĐ Kế hoạch Tự đánh giá; Số 783/KH-CĐCNNĐ, ngày 22/8/2017; Trường CĐCNNĐ Kế hoạch Tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp; Số 394/KH-CĐCNNĐ, ngày 15/6/2018; Trường CĐCNNĐ Kế hoạch xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến hệ thống Đảm bảo chất lượng trường CĐCNNĐ giai đoạn 2018-2020: Số 751/KH-CĐCNNĐ, ngày 17/9/2018; Trưởng CĐCNNĐ Kế hoạch Tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp trường CĐCNNĐ năm 2019 số 587a/KH-CĐCNNĐ ngày 31/7/2019
431.			9.4.04		Báo cáo tự đánh giá trường CĐCNNĐ (2015) Báo cáo tự đánh giá trường CĐCNNĐ (2017) Báo cáo tự đánh giá trường CĐCNNĐ (2018) Báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo năm 2018; Số 1057/BC-CĐCNNĐ; ngày 04/12/2018
432.		9.5	9.5.01		Các công văn, thông báo của các nhà tuyển dụng lao động; Số 177/DMCHN-TH, ngày 30/10/2014; CTCP dung dịch khoan và hóa phẩm dầu khí
433.			9.5.02	2.4.02	Quyết định ban hành về quy định đánh giá giờ giảng dạy của giảng viên; Số 1151/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 07/11/2014; Trường CĐCNNĐ
434.			9.5.03	2.10.01	Quyết định ban hành về quy định khảo sát HSSV về hoạt động giảng dạy của giảng viên; Số 507/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 06/06/2013; Trường CĐCNNĐ

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
435.			9.5.04	2.13.01	- Hợp đồng liên kết đào tạo Công ty may Nam Hà; Số 01/HĐ-LKĐT, ngày 21/12/2016; Trường CĐCNNĐ - Thỏa thuận hợp tác với Công ty Cổ phần may 9; Ngày 13/3/2017; Trường CĐCNNĐ - Biên bản ghi nhớ về việc hợp tác giữa trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định và Công ty TNHH Enter.B Nam Định ngày tháng năm 2019 - Biên bản ghi nhớ về việc hợp tác giữa trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định và Công ty Cổ phần may Sông Hồng ngày 22 tháng 10 năm 2019 - Biên bản ghi nhớ về việc hợp tác giữa trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định và Công ty Cổ phần may Nam Hà ngày tháng năm 2019
436.			9.5.05	2.13.02	Phiếu hỏi, phỏng vấn sinh viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo; Ngày 12/6/2015; Trường CĐCNNĐ
437.			9.5.03	2.13.03	- Phiếu góp ý của DN sử dụng người lao động đối với sinh viên trường CĐCNNĐ các năm 2017, 2019 - Chứng nhận hoàn thành thực tập tại Công ty Honda - Danh sách cấp giấy chứng nhận thực tập tại Công ty Honda, Phú Yên ngày 06/7/2019
438.			9.5.07		Quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu chương trình đào tạo 2017, 2018, 2019 Trường CĐCNNĐ Biên bản nghiệm thu chương trình đào tạo 2017, 2018, 2019 Trường CĐCNNĐ
439.			9.5.08	4.7.01	Kế hoạch xây dựng và chỉnh lý chương trình đào tạo; Số 320a/KH-CĐCNNĐ, ngày 11/5/2016; Trường CĐCNNĐ
440.			9.5.09	4.7.02	Kế hoạch phát triển chương trình đào tạo các ngành; Số 313/QĐ-CĐCNNĐ, ngày 24/4/3/2017; Trường CĐCNNĐ
441.			9.5.10	4.6.02	Kế hoạch chuyển đổi chương trình đào tạo theo hướng GDNN năm 2017
442.		9.6	9.6.01	2.13.01	- Hợp đồng liên kết đào tạo Công ty may Nam Hà; Số 01/HĐ-LKĐT, ngày 21/12/2016; Trường CĐCNNĐ - Thỏa thuận hợp tác với Công ty Cổ phần may 9; Ngày 13/3/2017; Trường CĐCNNĐ - Biên bản ghi nhớ về việc hợp tác giữa trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định và Công ty TNHH Enter.B Nam Định ngày tháng năm 2019 - Biên bản ghi nhớ về việc hợp tác giữa trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định và Công ty Cổ phần may Sông Hồng ngày 22 tháng 10 năm 2019 - Biên bản ghi nhớ về việc hợp tác giữa trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định và Công ty Cổ phần may Nam Hà ngày tháng năm 2019